

HỒI KÝ

Quỳnh Dao

Chuyện đời tôi



NHA XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

CHUYỆN ĐỜI TÔI

---* ❖ *---

Hồi Kí

Tác giả: Quỳnh Dao

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

-----★-----

Ebook: nguyenthanh-cuibap

Nguồn text: Waka

ĐÔI LỜI CÙNG BẠN ĐỌC

Ngày 9 tháng 4 năm 1988, tôi bay từ Đài Loan đến Bắc Kinh, mở đầu chuyến thăm cố quốc đầu tiên của tôi, sau 39 năm trời xa cách.

Qua chuyến đi này, tôi đã viết một cuốn sách lấy tên là “Tình quê hương không bao giờ dứt”, tưởng đã nói đủ cảm xúc và những gì đã trải qua trong cuộc hành trình này, nên tôi không nhắc lại.

Thời gian ở Bắc Kinh, có nhiều bạn bè và độc giả đến thăm tôi, mang theo các tác phẩm Quỳnh Dao và các bài viết về Quỳnh Dao do các nhà xuất bản ở đây ấn hành. Tôi vờ lấy đọc mới biết rằng những gì hơn nửa đời người tôi đã làm, đã trải, đều được sách vở báo chí ở đây nhắc đến, trong đó có nhiều vụ việc mà ngay chính bản thân tôi cũng không biết nữa. Tôi cứ đọc và càng đọc càng thấy mình xao xuyến, xúc động. Thì ra, ở đất liền, tôi có biết bao người bạn tốt, hằng quan tâm, theo dõi bước đi của mình. Tôi nghĩ, sau khi trở lại Đài Loan, thế nào tôi cũng viết một cuốn sách nói thật về cuộc đời mình để gửi sớm đến bạn đọc. Nguyên vọng này luôn đeo bám tôi, sau khi tôi đã về nhà, nhưng viết thế nào cho đúng là tôi trong đời thật, quả hết sức khó! Người trong gương là tôi mà không phải tôi; dưới con mắt người đời là tôi mà cũng không phải tôi, sau này số phận rong ruổi thế nào, tôi nào biết được, còn trước mắt, với tôi, vẫn là cuộc thăm dò, tìm kiếm, thử nghiệm vô tận... Thôi thì, điều có thể nói ra được là tất cả những gì đã đi qua đời mình vậy!

Đời tôi đã đi qua như thế nào? Thật lạ lùng, dẫu bụi thời gian che phủ, trước mắt tôi lúc nào cũng hiện ra rõ mồn một biết bao giông tố bão bùng, biết bao cuộc tan hợp đẫm đầy nước mắt, tình yêu và lòng căm giận, khổ đau và cái chết rập rình suốt những năm tháng dài lưu lạc. Đã là con người, ai cũng có niềm vui và nỗi buồn, tôi cũng vậy, nhưng lại ở mức độ hết sức đậm đặc. Có thể nói quá khứ đời tôi là dòng hợp lưu của mồ hôi và nước mắt, cuồng vọng và nỗi đau, đoàn tụ và ly biệt, cô đơn và giẫy dụa, mâu thuẫn và day dứt, lỗi lầm và ân hận... Cứ vậy, tôi nhớ lại và sắp xếp mọi chuyện và ngỡ rằng đều là chuyện trong mơ, không phải của chính bản thân mình. Dù sao công việc cũng đã xong, tôi xin gửi

đến bạn đọc - những người bạn lúc nào cũng dành cho tôi sự quan tâm và lòng yêu mến chân tình.

PHẦN MỘT

I

CHÀO ĐỜI

Chuyện đời tôi bắt đầu trước khi tôi chào đời. Tôi xin kể về ba mẹ tôi trước.

Ba tôi tên là Trần Chí Bình, quê nội ở Hành Dương, tỉnh Hồ Nam, trưởng thành ở Bắc Kinh.

Mẹ tôi là Viễn Hành Như, quê nội ở Vũ Tiến, tỉnh Giang Tô, cũng trưởng thành ở Bắc Kinh.

Bắc Kinh, có thể coi đây là quê hương thứ hai của ba mẹ tôi, hai người lớn lên, gặp nhau ở đây, yêu nhau ở đây, rồi cưới nhau cũng ở đây. Chuyện của hai người từ lúc gặp nhau cho đến khi nên vợ nên chồng, mang đầy chất lãng mạn và thần kỳ. Hồi ấy, mẹ tôi học ở trường nữ trung học Lương Cát, ba tôi dạy tại trường này, lúc đầu chỉ là quan hệ thầy trò. Nghe đâu cuộc hạnh ngộ giữa hai người phải qua đấu tranh dằn vặt dữ lắm, vì mẹ tôi vốn là tiểu thư đài các của một gia đình quyền quý, gia giáo. Còn ba tôi chỉ là chàng trai độc thân ở Bắc Kinh, cuộc sống có phần phóng khoáng và không rõ gốc gác của ba tôi, ông ngoại rất dẫn đo chuyện hôn nhân của mẹ tôi. Ở tít tận Hồ Nam, ông nội biết chuyện, lập tức viết một thư rõ dài cho ông ngoại để cầu hôn cho con trai. Nghe đâu, ông ngoại vừa đọc xong thư này liền đắc ý, thốt lên:

- Hổ phụ sinh hổ tử! Văn chương bố hay thế này thì nhất định con không kém được.

Thế là ba mẹ tôi cưới nhau. Năm ấy, ba tôi hai mươi bảy tuổi, mẹ tôi vừa tròn hai mươi.

Hồi còn trẻ, tính cách mẹ tôi mạnh mẽ, hiếu thắng, sức học cũng khá. Lấy chồng xong, bà không chịu bỏ học, nên vào trường nghệ thuật chuyên nghiệp Bắc Kinh, bắt đầu học vẽ.

Thực ra, các môn cầm, kỳ, thi, họa thuộc giáo trình bắt buộc của gia đình

được mẹ học liên tục ngay từ bé. Mẹ tôi rất đam mê hội họa và thơ phú.

Bao nhiêu việc xảy ra trước và sau khi tôi ra đời, tôi chỉ có thể bắt đầu bằng hai chữ “nghe nói” mà thôi.

Nghe nói, khi ba mẹ cưới nhau, có kèm theo điều kiện: Cưới thì cứ cưới, không được bỏ học! Cho nên mẹ tôi chưa muốn làm mẹ, bà còn tiếp tục đi học. Nhưng nguyện vọng của mẹ không đạt được, lấy chồng chẳng bao lâu thì có thai! (Đó không phải là tôi). Nghe nói, lúc đó mẹ buồn lắm, một mực muốn phá thai. Nhưng hồi đó, những hành vi và tư tưởng như vậy là vô đạo đức, rất hoang đường, không thể chấp nhận được. Mẹ mang cái thai đầu tiên và phải nghỉ học, đầy sầu muộn.

Có một hôm, không biết vì lẽ gì, ba mẹ cãi nhau đến mức “kinh thiên động địa”. Trong cơn giận dữ, mẹ đòi bỏ nhà ra đi. Thế là bà ùng ùng chạy vô buồng ngủ xách rương quần áo lao ra. Thật rủi ro, ngay đêm hôm ấy mẹ bị sẩy thai, cái thai đã có hình hài bé trai, năm tháng tuổi! Ba tôi buồn thương nuôi tiếc vô cùng. Ba khóc thâu đêm suốt sáng trước di ảnh của bà nội tôi.

Sau khi anh tôi mất, mẹ lại tiếp tục đi học, nhưng chẳng được bao lâu, thế sự lại thay đổi. Ba mẹ đành rời Bắc Kinh, nơi đã sống nhiều năm tháng để về Thành Đô thuộc Tứ Xuyên. Đó cũng là lúc tôi và đứa em trai song sinh ra đời.

Về hai chị em tôi cũng có lắm chuyện đáng nói. Người ta kể rằng: Khi mẹ tôi biết mình có thai lần nữa thì rất hoảng.

Bà chưa chuẩn bị để làm mẹ, lại đang chuẩn bị học tiếp! Một lần bà đòi đi bệnh viện nạo thai, bác sĩ đành an ủi:

- Đừng vội, đừng vội, thai của chị hơi lớn, có vẻ không bình thường, để tôi chụp X quang xem sao!

Cái mà X quang chụp được, thì ra là song thai, nằm khoanh trong bụng mẹ, một cái nằm xuôi, một cái nằm ngược, trông rõ mồn một. Bác sĩ không kèm nổi vui mừng:

- Bà sẽ sanh đôi đấy!

Nghe nói, khi nhìn phim chụp, thiên chức người mẹ bỗng bừng dậy mãnh liệt trong lòng mẹ, bà yêu quý vô ngần hai bào thai này. Trở về nhà, bà hối hả báo tin vui cho mọi người và bắt đầu chuẩn bị mọi thứ, từ áo quần, chăn đắp, gối trẻ con, nhất nhất đều mỗi thứ một cặp. Bà nói với dì và cậu của tôi:

- Chị sẽ sanh một lúc hai đứa con gái giống hệt hai nàng công chúa tuyệt xinh đẹp, chị sẽ làm cho chúng giống nhau từ kiểu tết đuôi sam, kết bướm, mặc váy

lụa... rồi đưa chúng nó dạo khắp các vườn hoa...

Mẹ tôi mơ màng bao chuyện đẹp. Hồi đó mẹ tôi còn rất trẻ mà! Nhưng, cái tin mẹ tôi sanh đôi đã làm xôn xao cả dòng họ Viễn. Hồi đó, ông ngoại, bà ngoại đều ở Bắc Kinh. Có mấy cậu và mấy dì đã lần lượt dời đi Tứ Xuyên. Ba mẹ tôi cùng cậu năm, dì ba của tôi thuê chung một căn nhà ở hẻm Bao Bó, phố Thử Miệt của Thành Đô. Trước khi tôi chào đời, mẹ và các dì đều giúp mẹ chuẩn bị đồ đạc chờ đón chúng tôi - cái gì cũng màu hồng phớt, toàn đồ con gái. Mẹ tôi quả quyết bảo:

- Chị thích hai đứa con gái, không thích hai đứa con trai đâu, con gái dễ sửa soạn! Nhất định: chị phải đẻ một cặp con gái!

Mẹ tôi mạnh mẽ và tự tin như vậy đó, không ai dám nói khác ý bà, mặc dù khả năng sanh con trai cũng lớn lắm. Còn ba tôi thì ngược lại, hình như ba muốn sanh con trai. Thứ nhất, ba còn giữ tập tục cũ, thứ hai nữa cũng tại ba còn day dứt nỗi đau mất đi đứa con trai đầu lòng. Nhưng trước mong muốn mãnh liệt của mẹ, ba không dám nói gì, vì sợ nói ra mẹ lại nổi cơn tam bành như lần trước, chạy vào buồng ngủ bê rương bê hòm.

Thế rồi, tám giờ tối ngày 19 tháng tư năm một ngàn chín trăm ba mươi tám, mẹ bắt đầu trở dạ, tại bệnh viện Nhân Tế ở Thành Đô.

Lẽ ra còn nửa tháng nữa mới sanh, nhưng bào thai trong bụng mẹ quậy dữ dội, cứ đòi ra sớm.

Quá một giờ sáng ngày hai mươi tháng tư, tôi chào đời trước. Nằm trên giường sanh, mẹ tôi rặn muốn đứt cả hơi, tôi mới lọt lòng. Câu đầu tiên của mẹ là:

- Con trai hay con gái?

- Con gái! - Bác sĩ bảo.

Mẹ tôi mừng quá! Thế là có hai đứa con gái sanh đôi rồi.

Bà yên tâm thiu thiu ngủ, quên khuấy trong bụng vẫn còn một đứa nữa. Bác sĩ lại tiếp tục cố vũ giục giã, mãi hai giờ đồng hồ mẹ mới sanh nốt đứa thứ hai.

Khi bác sĩ reo lên:

- Con trai!

Bà thất kinh, suýt nữa ngất xỉu. Em trai da đen, tôi da trắng. Em trai đầu to, tôi đầu nhỏ, em trai chân mày rậm mắt to, tôi mũi nhỏ, miệng nhỏ. Không những hai đứa tôi không giống hệt nhau mà còn chẳng có cái gì giống nhau cả, đã vậy lại một trai một gái! Vì là sanh chưa đủ ngày, nên lọt lòng ra, tôi và em trai đều xanh xao gầy guộc, tôi chỉ có một kí lô tám, em trai nặng hơn chút đỉnh, cũng chỉ được

hai kí lô ba. Càng nhìn hai đứa tôi, mẹ tôi càng thất vọng. Bác sĩ đành động viên, an ủi:

- Đừng buồn, chúng nó gầy bé vậy chứ không sao, nhất là cháu trai, đại khái là nuôi được, còn cháu gái ấy, thì...

Ý bác sĩ nói là, con gái trên đời này đâu có thiếu, không có cũng chẳng sao! Thế là tình mẫu tử nơi mẹ bỗng dâng lên mãnh liệt. Mẹ làm sao có thể bỏ rơi đứa con gái yêu quý? Gì thì gì, mẹ sẽ nuôi cho nó lớn! Nghĩ vậy, mẹ quên hết mọi thất vọng, chỉ còn nghĩ cách làm sao nuôi lớn hai đứa con không may vì sanh non mà xanh gầy.

Còn ba tôi, khi biết mình có cả con trai và con gái thì sung sướng hết chỗ nói! Sau này vợ tôi kể, lúc nào ba tôi cũng nhắc đi nhắc lại:

- Trước kia tôi mất đứa con trai, bây giờ chẳng phải nó đã về lại là gì?

Câu nói ấy kể cũng hơi huyền hoặc, làm như em trai của tôi bây giờ chính là người anh bất hạnh của tôi năm nào đầu thai trở lại vậy. Song, nếu như thế gian này có chuyện cải tử hoàn sinh, thì biết chừng đâu người em trai song sinh của tôi lại cũng chính là người anh kia cũng nên, đố ai biết được?

Thế đấy, chuyện chào đời của hai chị em tôi ít nhiều cũng mang màu sắc thần kỳ.

Ba tôi bận rộn lo đặt tên cho chúng tôi. Vì đẻ sinh đôi nên ba quyết đặt tên chúng tôi bằng chữ ghép. Lại nữa, ba mẹ quen nhau ở trường nữ trung học Lương Cát nên đặt tên cho con gái là “Song Cát”, con trai là “Song Ngọc”. Hai tên này khi đọc lên đều hơi tréo miệng, nên đặt thêm cho nhũ danh, tôi là Phượng Hoàng, em trai là Kỳ Lân.

Thế là, ngay tức khắc, trong nhà tôi có đủ cả Phượng Lân. Có điều hai sinh vật bé bỏng này chẳng biết một chút gì về sự có mặt của mình giữa cõi nhân gian rắc rối và giữa cái thời đại đầy rẫy khó khăn. Trước niềm vui vô bờ bến vì một lúc có được hai đứa con, ba mẹ tôi tạm quên nỗi nhọc nhằn trong cuộc sống và bóng tối của chiến tranh bao phủ, chỉ toàn tâm toàn ý lo nuôi nấng chúng tôi. Cũng do sanh non tháng, nên chúng tôi vừa lọt lòng mẹ, được nuôi theo một chế độ đặc biệt. Nhất là tôi, không những không biết bú sữa, lại còn phải nuôi trong lồng kính hai mươi ngày. Trong suốt hai mươi ngày đó, mẹ lo tìm chọn vú nuôi, cho dù thương hai đứa con đến mấy đi nữa cũng không thể cùng một lúc cho bú được cả hai. Sau hai mươi ngày, mẹ đưa hai đứa ra viện, đưa cả vú nuôi của tôi về nhà. Vú nuôi họ Khu, được chọn trong số hơn một trăm người đến xin việc.

Hôm tôi và Kỳ Lân đầy tháng, ba tôi bắt bông kem hình búp bê trên bánh bông lan gửi đến bạn bè. Có một bác lấy chồng đã lâu mà chưa có con, ăn một hơi sáu chiếc bánh như vậy, để hưởng phúc bình của mẹ. Ba tôi hả hê mãn nguyện, cao hứng viết một bài thơ được cả nhà thích thú nhớ mãi tới giờ.

*“Một nam một nữ cùng sinh hạ,
Rượu mừng chưa nhắm đã say lòng
Mai này, hai đứa xây gia thất
Được chúc cha rồi, thêm chúc ông!”*

TRƯỚC BỐN TUỔI

T

ừ lúc chào đời cho đến khi lên bốn, tôi vẫn ở Thành Đô.

Ở tuổi con nít tôi chẳng nhớ được gì. Mọi chuyện đều nghe kể lại. Lúc nhỏ, tôi là đứa bé trầm lặng, hay ỷ lại, thích nghe người lớn kể chuyện. Theo ba mẹ kể lại, lúc nhỏ tôi rất ngoan nhưng hay xấu hổ, sợ gặp người lạ, hễ trong nhà có khách, thì tôi trốn biệt. Thử phân tích, tôi thấy thời thơ ấu mình rất tự ti.

Nói về tính tự ti, tôi cảm thấy ba tiếng ấy cứ đeo bám đời tôi cho mãi đến giờ, khiến tôi có cảm giác cứ nhúng tay làm việc gì, tôi luôn bị sai lầm.

Tuổi niên thiếu của tôi không được đẹp như mẹ hy vọng, tôi kém xa nàng chúa tuyết một trời một vực. Mắt tôi không được to, mũi không được thẳng, chỉ có cái miệng là may ra còn coi được. Có lẽ đó là cái may của tôi để mẹ khoe với mọi người:

- Máy người thấy không? Miệng con Phượng Hoàng nhỏ đến mức nhét cái núm vú cũng không vào!

Mẹ nói vậy kể cũng hơi khoa trương một chút, vì tôi không biết nút núm vú mà chỉ bú bằng ống hút, gần hai tháng trời.

Tôi sanh ra vốn không được đẹp, tôi cảm thấy mình có điều không phải với mẹ, vì không trở thành niềm kiêu hãnh của mẹ. Còn một điều làm tôi rất buồn phiền là phía trên gò má phải của tôi có một cái bớt rất lớn. Hồi nhỏ, mỗi lần đi hoặc mẹ ẵm tôi thường nói:

- Eo ôi, trên mặt có cái bớt to quá, lớn lên ế chồng mất thôi.

Sau này, lúc tôi lên sáu, tôi theo ba mẹ trốn lính Nhật. Có lần, cả nhà đi xe hơi chạy than qua đoạn đèo núi hiểm trở, có biệt danh là “cua bảy mươi hai”, về hướng Quý Châu. Đang chạy, ai dè qua cua, xe thắng gấp, khiến cánh cửa bật tung, hất tôi xuống đường. Ba mẹ hết hồn, tưởng tôi không chết thì cũng bị thương nặng. Xe dừng lại, mọi người nhào tới, ngạc nhiên thấy tôi đang ngồi

khóc dưới vách núi, khắp người chỉ trầy sướt chút đỉnh, chỉ sống mũi là bị một vết thương lớn. Đang đi lánh nạn, lại ở nơi hoang dã làm gì có bệnh viện, tìm đâu ra thuốc. Mẹ tôi đành lấy bột kem đánh răng rắc lên vết thương để tiêu độc. Từ đó, trên mũi tôi bị thêm một cái sẹo. Người thân trong nhà lại càng thương cảm tôi hơn:

- Eo ơi, eo ơi, trên mặt có bớt, trên mũi có sẹo, mai mốt lớn lên có ma nào thèm, ể chòng mắt thôi!

Lúc nhỏ, điều tôi lo nhất là bị ể chòng. Tôi bi quan vô cùng (về sau, cái sẹo trên mũi cứ mờ dần theo thời gian rồi mất tiêu không thấy nữa, nỗi âu lo còn lại là cái bớt trên mặt, nên đến lúc hai mươi tuổi, tôi học được cách hóa trang làm mờ nó đi. Mãi đến giờ, mỗi khi có ai chụp hình, thì tôi có thói quen giấu nó đi bằng cách quay nửa mặt bên trái về phía ống kính.

Câu chuyện hơi lạc đề, tôi trở lại trước lúc lên bốn tuổi.

Tuy không phải là một cô bé kiêu diễm, nhưng tôi vẫn là cục cưng của mẹ tôi. Bỏ qua tập tục lúc bấy giờ là trọng nam khinh nữ, tuy đã thuê vú nuôi, nhưng để công bằng mẹ tôi đã đặt thành nếp, cứ mỗi tháng tôi và Kỳ Lân thay phiên nhau bú sữa mẹ một đợt. Mẹ và vú nuôi đổi nhau nuôi hai đứa tôi. Mẹ tôi suy nghĩ cặn kẽ là vậy, ai dè nuôi được sáu tháng, tôi đã biết nhận dạng, lại đang phiên bú sữa của vú nuôi, tôi không chịu đổi sữa nữa, do vậy, vú nuôi cho tôi bú đến lớn, Kỳ Lân thì bú sữa mẹ cho đến khi mẹ dứt sữa.

Trước lúc lên bốn tuổi, điều duy nhất tôi còn nhớ là vú nuôi. Và vú nuôi cũng thương tôi như con đẻ của mình. Mỗi lần tôi và Kỳ Lân đánh lộn, vú nuôi cứ quát lên:

- Kỳ Lân sai rồi, Kỳ Lân đánh Phượng Hoàng trước!

Cứ thế, Kỳ Lân bị mẹ đánh đòn. Tôi được tiếng là con bé “ngoan” cũng chính từ miệng vú nuôi nói ra với mọi người.

Tôi và Kỳ Lân được hai tuổi, thì mẹ lại có mang. Lúc này mẹ tôi đã hiểu và cũng đã thích nghi với thiên chức làm mẹ, nên bà yên tâm chờ đón một đứa bé nữa chào đời. Tôi và Kỳ Lân đều đã biết nói, biết gọi mẹ mẹ, ba ba. Khi được hai tuổi rưỡi, mẹ tôi bị cảm phải nằm liệt giường. Tôi thường lân la bên giường mẹ, những lúc đó mẹ lấy cuốn giáo khoa thư của ba, chỉ tay lên hai chữ “quốc văn” dạy tôi nhận mặt chữ, sau này nghe mẹ nói lại, tôi đã nhận được hai chữ quốc văn từ hồi đó. Kể cũng hơi quá, nhưng chính mẹ tôi nói vậy thì tôi cũng nghe vậy.

Mùa thu năm 1940, em trai thứ ba của tôi là Xảo Tam ra đời. Tên Xảo Tam

cũng là do ba đặt. Tên Tam, vì em là đứa con thứ ba trong nhà, lại sanh đúng ngày mười ba tháng tám dương lịch. Âm lịch là mồng mười tháng bảy, cũng vừa đúng là sau ba ngày nếu so với dương lịch. Dì và cậu của tôi cho rằng cái tên đó nghe có vẻ con gái quá. Ở tí tặn Hồ Nam, ông nội tôi biết được gia đình có thêm một cháu trai nữa thì mừng vô kể. Năm ấy cuộc chiến tranh chống Nhật đã bước sang năm thứ tư, cả nước ai ai cũng ngóng chờ ngày thắng lợi. Ông nội gửi thư đặt tên cho em trai thứ ba là “Đào Thắng” cái tên này nghe oai phong như tên một quân nhân. Từ đó, em tôi có đến hai tên: Đào Thắng và Xảo Tam.

Bé Tam cân được ba kí lô tám, tròn trịa, bụ bẫm, mặt mày khôi ngô, tuấn tú, ai ai cũng thích. Phải nói, tôi và Kỳ Lân kém xa em. Vì Xảo Tam vừa lọt lòng nên ba mẹ chăm sóc hết sức kỹ lưỡng. Tôi và Kỳ Lân trở thành người giúp việc vặt cho vú nuôi. Lúc này, chúng tôi đã biết tự mở cửa đi chơi, ra sân ngắm hoa quì, ra ngõ mua bánh ăn. Thường là ăn xong, không biết trả tiền, chỉ còn cách quẹt quẹt miệng rồi chạy vô nhà. Nghe mẹ năm của tôi sau này nói lại:

- Thắng bán bánh kia cũng là con nít, mới tám chín tuổi, không dám đòi tiền, nó đành theo các cháu đến ngồi trên bậc cửa chờ, chờ mãi, chờ mãi, chờ đến khi có người lớn đi vào, mới năn nỉ nói: - Hai chị em sanh đôi nó ăn bánh của con!

Cho đến bây giờ, mỗi lần nhớ Thành Đô, tôi nhớ đến mùi bánh nướng bán trước cửa nhà, nhớ cuộc chia tay đầm đày nước mắt của mẹ với vú nuôi. Hai người cứ ôm ghì lấy nhau, không thể nào rút ra được.

Lúc chia tay vú nuôi, tôi vừa đúng bốn tuổi.

Chiến tranh chống Nhật đang vào thời kỳ ác liệt, khói lửa bao trùm. Nhưng Tứ Xuyên còn được trời che chở, coi như hậu phương lớn, nên người các tỉnh nườm nượp kéo về, mỗi ngày thêm đông đúc. Ở đây cả nhà tôi đến Thành Đô từ trước, sống tạm ổn định, lý ra, ở luôn tại đây cũng được. Nếu gia đình tôi đừng bỏ Thành Đô ra đi thì làm sao có cảnh sinh ly tử biệt, vui buồn lẫn lộn. Sau này chúng tôi xa Thành Đô năm 1942, về quê hương Hồ Nam đoàn tụ với ông nội, và chính thức cuộc đoàn tụ này mới cuốn hút cả nhà tôi vào những tháng ngày khói lửa chiến tranh bao trùm trời đất.

Nguyên là, khi tôi và Kỳ Lân vừa lên bốn thì em trai út cũng lên hai, đời sống ở Thành Đô mỗi ngày một đắt đỏ, vật giá leo thang. Ba lúc đó làm giáo viên chủ nhiệm Đại học Quang Hoa, vừa dạy ở Đại học Quang Hoa vừa dạy học ở Đại học Hoa Tây, tuy được mấy suất lương liền vẫn không đủ duy trì cuộc sống một gia đình, năm miệng ăn. Đúng vào dịp ấy, ông nội nhớ cháu nội yêu quý chưa được

gặp mặt. Ông cứ viết thư ba lần bảy lượt cho ba mẹ, thôi thúc ba mẹ sớm sắp xếp về thăm quê hương Hồ Nam để ông cháu gặp nhau, có lấy một ngày sum họp. Ba mẹ phân tích, suy ngẫm, nào chiến tranh kháng Nhật quyết không thể lan tới Hồ Nam, nào vật giá ở Thành Đô mắc mỏ, và quan trọng nhất là lời khẩn cầu của ông nội, chuyển cả nhà về Hồ Nam!

Tôi không thể chia tay vú nuôi. Tôi nhớ là vú nuôi ẵm tôi, khóc vật vã. Nghe nói tôi cũng khóc dứt hơi, quấn chặt lấy mẹ hỏi:

- Tại sao chúng ta không để vú đi cùng? Tại sao phải chia tay vú? Con không muốn xa vú đâu. Chúng ta đưa vú cùng đi!

Đương nhiên là chúng tôi không thể nào đưa vú nuôi cùng đi được. Thế rồi khóc, khóc và khóc... khóc liền mấy ngày trời, rồi cuộc rời cũng đến lúc chia tay vú nuôi. Ấy là lần đầu tiên trong đời, tôi hiểu được thế nào là “biệt ly”, và đó cũng là ký ức sớm nhất in đậm vào tuổi thơ của tôi. Mẹ nói, những ngày liền sau đó, cứ nửa đêm là tôi tỉnh dậy khóc, mần mò tìm vú nuôi.

ÔNG NỘI VÀ “LAN CHI ĐƯỜNG”

Trong ấn tượng của tôi, ông nội là một cụ già rất oai nghiêm, đầy khí phách.

Ông nội tên Trần Mặc Tây, có năm anh em, đều ở Lan Chi Đường là nhà thờ họ thuộc Trấn Tra Giang, huyện Hành Dương.

Ông nội rất có tiếng tăm ở quê nhà, ông từng theo Tôn Trung Sơn, du học Nhật Bản, tham gia Bắc phạt, dấu chân in khắp đông, tây, nam, bắc. Thời trai trẻ, ông nội sống rất phong lưu. Ông có vợ lớn ở quê, lại cưới thêm bà nội ở Nam Kinh. Nghe nói, bà nội tôi không biết gì về chuyện ông nội tôi đã lập gia đình, cho đến khi ông đưa bà về thăm xứ sở, bà mới phát hiện ra chuyện ấy, hóa ra mình không phải là vợ cả. Bà nội tôi nổi cơn lôi đình, kiên quyết không chịu về với ông nội, bèn đưa ba tôi và người bác ruột của tôi lên Bắc Kinh ở. Cũng nhờ đức tính cương quyết của bà nội mà ba tôi mới trưởng thành ở Bắc Kinh, mới gặp mẹ tôi, sanh ra bầy nhóc chúng tôi.

Khi cả nhà chuyển đến Hồ Nam thì bà nội tôi và bà vợ cả của ông tôi đều qua đời. Ông nội lại ở với một bà dì để kết bạn tuổi già. Vì thế, bên cạnh Lan Chi Đường, lại xây một ngôi nhà nhỏ để ông ở với dì. Người nhà họ Trần ở Lan Chi Đường đều gọi ngôi nhà này là Tân Thất.

Chúng tôi vừa về đến quê hương, cả Lan Chi Đường xôn xao hẳn lên. Mọi người đổ xô lại thăm ba tôi, người nhà lần đầu tiên về thăm quê, xem nàng dâu mới nói rất tiếng Bắc Kinh, tò mò xem cặp song sinh chúng tôi và bé Xảo Tam. (Tưởng cũng cần nói thêm, nghe nói bé Tam luôn gặp điều may, được ông nội hết sức chiều chuộng. Tuy túi áo ông nội luôn có tấm hình của nó, mỗi khi rảnh rỗi ông lại lấy ra ngắm, ngắm một hồi lại mỉm cười. Gặp lúc không vui ông cũng lấy ảnh của nó ra ngắm, rồi đặc ý nói: - Có đứa cháu nội thế này thì còn buồn nỗi gì!)

Thực sự cả nhà chúng tôi đã trở thành khách quý của Lan Chi Đường. Suốt ngày ông nội dắt chúng tôi đi báỉ kiến khắp nơi, từ các chú, các bác, các cô, các thím. Ông bắt chúng tôi nhất loạt phải lạỵ. Tôi, Kỳ Lân và em bé Tam như ba cái máỵ, cứ lạỵ loạn xạ. Tôi cũng không biết trong dòng họ mình sao mà lắm người bề trên đến thế! Mãi về sau tôi mới rõ, ông nội tuy là trưởng tộc họ Trần, nhưng bà vợ chánh không có con trai, chỉ sanh toàn con gái. Ba tôi là đứa con trai đượ sinh hạ khi ông nội bốn mươi tuổi, cho nên những người đồng hàng với chúng tôi ở Lan Chi Đường đều lớn hơn chúng tôi.

Quan niệm thừa ấu thơ của tôi về Lan Chi Đường rất ngộ nghĩnh, sao mà lắm trại, lắm vườn, lắm sân làm vậy, có lần tôi và các em trai chơi trò trốn tìm, và lục lọi mọi chốn, ba mẹ tìm không ra chúng tôi. Ông tôi nuông chiều ba đứa cháu nội hết chỗ chê. Hồi nhỏ, Kỳ Lân có cái đầu to, tôi và em trai út hay cười trêu nó:

Đầu to, đầu to

Trời mưa không lo

Che dù đội nón...

Ông nội khen khuôn mặt chữ điền và vành tai to của Kỳ Lân, bảo rằng tương lai của nó có phước. Bé Tam thì rất tinh khôn, miệng có duyên lạỵ hay nói chuyện. Chúng tôi mới về quê, cùng ở chung với ông nội trong Tân Thất, ông nội thường mua bánh kẹo cho chúng tôi ăn, nhưng lạỵ sợ chúng tôi ăn nhiều quá nên đặt hộp bánh trên giá cao, để chúng tôi không chòm tới. Một hôm, ông nội bước vào phát hiện bé Tam xuống nhà bếp lấy trộm đường cát, nó ăn thế nào để đường dính đầy mặt như vừa mọc râu bạc. Chưa đủ, nó còn trèo lên cái ghế cao, đưa tay khèo hộp bánh. Thấy vậy, sợ nó giựt mình té, ông nội không dám la, chỉ đằng hắng một tiếng. Nghe nói, bé Tam ngoái đầu lạỵ thấy ông, chẳng đỏ mặt tía tai tý nào mà còn nói tía lia:

- Ông ơi, con trèo lấy bánh cho ông ăn nhen!

Nghe vậy, ông nội ửng bụng lắm, càng thương bé Tam hơn. Còn tôi, tôi là cháu nội gái duy nhất của ông (bác tôi cũng chỉ sinh đượ hai trai, không có con gái), tính tình trầm lặng, lạỵ thường hay theo ông đi thăm bạn bè, ở đâu cũng không quậỵ phá. Do vậy, tuy là con gái, nhưng ông vẫn coi tôi là hạt ngọc trên lòng bàn tay. Chỉ cái bớt trên mặt tôi, ông nội bảo chẳng nhằm nhò gì, chẳng ảnh hưởng gì đến dung nhan cháu gái cưng của ông.

Đượ đoàn tụ với ông nội, cuộc sống hàng ngày của chúng tôi rất thoải mái. Ông có người giúp việc tên là Hoàng Tài Dư, một mực trung thành với ông. Lúc

rảnh rỗi, Hoàng Tài Dư hay dẫn chúng tôi dạo chơi trên núi sau nhà, nếu nhớ không nhầm thì tôi thích nhất trò nhặt quả thông trong rừng. Hồi đó tôi cũng chẳng có đồ chơi, ngoài mấy quả thông, lá tre, cỏ đuôi chó...

Ở đây chẳng bao lâu, ba theo ông nội đi dạy học ở trường Trung học Nam Hoa, cả mẹ tôi cũng dạy môn quốc văn ở trường này. Thế là, cả nhà năm người với ông nội đều phải dời đến ở trong khu gia đình của trường, nằm trong thung lũng núi Hành Sơn. Phong cảnh ở đây tuyệt đẹp.

Ở Hồ Nam là chặng thời gian tuổi thơ của tôi được sống những ngày hạnh phúc nhất. Trong sân vườn Lan Chi Đường, tôi được ấm áp trong tình thương của người lớn. Trên ngọn núi sau nhà, tôi nhặt được trái thông và tìm ra các loại tổ chim. Trong vườn trường Trung học Nam Hoa, tôi biết thả diều và nhận mặt chữ ô vuông... Nhưng, vui chơi với cảnh đẹp thiên nhiên chưa được bao nhiêu, thì khói lửa chiến tranh đã dần dần tràn đến Hồ Nam. Không khí trong trường mỗi ngày một căng thẳng, nụ cười vắng bóng trên khuôn mặt người lớn, thay vào đó là bao nỗi lo âu. Ông nội và ba mẹ lại thường ngồi lại bàn tính đủ chuyện, gương mặt ai nấy đầy vẻ ưu tư.

Ấy là năm 1944, chiến tranh Trung Nhật bao trùm cả Trung Quốc. Khi tôi mới bắt đầu hiểu sơ sơ về nhân tình thế thái, thì cũng là lúc tuổi thơ của tôi lại bị ngọn lửa của chiến tranh cuốn đi. Mọi niềm vui thú và hạnh phúc chỉ qua đêm tan tành ra mây khói.

Sau này, những gì xảy ra ở thời niên thiếu, tôi đều ghi lại trong cuốn sách “Những ngày lưu lạc”.

CỜ ĐUÔI NHEO

Tớ nhớ của trẻ con kể cũng kỳ, chúng có thể quên hết những chuyện rất quan trọng, nhưng lại nhớ như in những chuyện vặt vãnh, bé tí ti như hạt mè, hạt đậu. Trong ký ức tôi, ấn tượng đầu tiên có liên quan đến chiến tranh là một lá cờ đuôi nheo.

Cờ đuôi nheo là của người đồng nghiệp với ba tặng cho tôi.

Một hôm, nhà trường mở hội thể thao, những lá cờ đuôi nheo nhiều màu sắc bay phất phới trên sân bãi đầy nắng. Tôi thích mê thích mê, quán quít lấy mẹ, cố vòi cho được một lá cờ đuôi nheo. Mẹ tôi không cho, ba tôi càng cố lên vì sợ tôi quậy phá. Một bạn đồng nghiệp của ba (không còn nhớ họ tên gì, chỉ biết là một bác tốt bụng) lấy xuống một lá cờ đuôi nheo đi tới nói với tôi:

- Con múa một bài, bác sẽ cho con một lá cờ.

Lúc nhỏ, tính tôi rụt rè và hay mắc cỡ, bảo tôi múa thật khó, chẳng khác nào bảo tôi bay lên trời. Nhưng lá cờ đuôi nheo mịn màng bóng loáng kia đã làm hoa mắt tôi, khiến tôi không còn biết mắc cỡ là gì nữa, liền múa đại điệu “em bé mê nhòai” để được nhận lá cờ đuôi nheo.

Cầm lá cờ trong tay, tôi sướng không sao tả xiết, khắp người rạo rức, như được nó vuốt ve, mơn trớn. Những ngày chiến tranh lan tới, trường học đóng cửa, cả nhà hết lán hàng đông lại trốn hàng tây, nhưng dù đi đâu, tôi cũng mang lá cờ đuôi nheo bên mình. Một tối nọ, đang ngủ ngon lành, tôi chợt tỉnh giấc vì tiếng pháo nổ. Tôi chồm dậy khỏi giường, thấy ba mẹ và ông nội đều đã dón ra cửa sổ, lo lắng nhìn về thành phố Hành Dương đang cháy đỏ rực.

Ngày hôm sau, cả nhà tôi bán loạn cả lên. Mẹ vừa vội vã thu xếp rương hòm, vừa chuyển đồ lên gác kho chứa nông cụ, vì ngại lính Nhật thấy sẽ cướp hết. Tôi lại nghĩ tới lá cờ đuôi nheo, và lo nó bị lính Nhật cướp mất. Nghĩ vậy, tôi cẩn thận đưa lá cờ cho mẹ, nhờ mẹ bỏ vào hòm và khóa kỹ lại. Cho đến khi ông Hoàng Tài

Dư đem mấy cái hòm đồ lên gác chứa nông cụ, tôi mới thật an tâm, cho đây là nơi an toàn nhất thế giới này. Mẹ cũng bảo, lính Nhật không vào kho chứa nông cụ đâu vì trong đó chỉ chứa đầy trấu.

Đêm ấy tôi đang ngủ ngon lành bỗng bị mẹ gọi giật dậy.

Tôi trở mắt nhìn, thấy ba đang hối hả mặc quần áo cho Kỳ Lâm và bé Tam, và liền sau đó, tiếng súng nổ mỗi lúc một dồn dập ở bên ngoài. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy khắp làng lửa cháy ngùn ngụt, inh ỏi tiếng người, tiếng súng, tiếng gà kêu, chó sủa hỗn loạn. Ba mẹ và ông nội kéo ba chị em lại, vừa nói vừa thở dốc.

- Suyt! Không được ồn, phải trốn ngay vào trong núi!

Tôi không hiểu tại sao lại vào trốn trong núi nhưng cũng đã biết là tiếp tục ở đây không ổn nữa rồi. Thế là cả nhà lần trong đêm tối chạy trốn, ba mẹ dìu ông nội, ẵm bé trai út, lôi hai chị em sanh đôi chúng tôi chạy theo, hướng về phía núi.

Trên đường đầy gai và cỏ tạp, chúng tôi bị gai đâm đau lắm nhưng không đứa nào dám khóc. Lăn mò vào được hốc núi, chúng tôi nấp vào giữa những tảng đá lớn, ôm chặt lấy nhau, nhìn ra những ngọn lửa bốc cao, đổ rực cả bầu trời.

Trời sáng dần, tiếng súng cũng xa dần. Khi bình minh lên, bốn bề yên tĩnh hẳn. Sau đó, nghe tiếng bác Hoàng Tài Dư gọi. Từ chỗ nấp, chúng tôi chạy ra, thấy chúng tôi vô sự, bác vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ. Liền đó, bác mếu máo cho biết: suốt đêm lính Nhật vào làng, không cướp đồ đạc của bà con nhưng lại châm lửa thiêu rụi tất cả, trong đó có nhà chúng tôi, giờ này cả làng chỉ còn là bình địa. Lính Nhật đã đốt cháy nhà ở, nhà kho, đốt cháy toàn bộ ruộng hòm, đồ đạc, đốt cháy cả lá cờ đuôi nheo của tôi.

Thế là tôi bị mất lá cờ đuôi nheo thân thiết mất cả niềm vui của tuổi thơ. Trong ký ức của tôi, đây chính là sự bắt đầu một chuỗi dài những nỗi khổ đau.

TRONG KHE NÚI

Lính Nhật tràn vào làng, đi đến đâu, chúng giết người, phóng lửa đốt sạch mọi thứ tới đó. Xóm làng xơ xác, tiêu điều. Nghe nói, lính Nhật căm nhất là tầng lớp trí thức, hễ bắt được ai biết chữ là chúng giết ngay. Cả nhà chúng tôi, từ ông nội, ba mẹ đều đang dạy học, lại là những phần tử tích cực chống Nhật. Bình thường, trong lớp học, lúc nào ông nội, ba mẹ tôi cũng đều giảng giải cho học sinh về tinh thần dân tộc, giờ đây, đương nhiên họ sẽ là mục tiêu tìm diệt trước tiên của giặc Nhật.

Thực ra, lúc bấy giờ gót giày quân Nhật đã giày xéo khắp nơi, bao mạng người, bất kể già, trẻ, tật nguyên, bất kể người đó là sĩ nông công thương, đều bị chúng giết sạch.

Cả nhà tôi phải trốn mãi trong núi là vì lẽ đó. Tôi nhớ mãi khe núi như nhớ một kỷ niệm mang theo suốt đời.

Khe núi này trước là nguồn suối, bây giờ nước đã cạn.

Chúng tôi lấy giấy đầu trải xuống lòng khe, ngồi đầu trần như vậy suốt ba ngày liền. Do lối ra cửa khe thông với một con đường nhỏ dưới núi, nên để khỏi bị lính Nhật phát hiện, Hoàng Tài Dư đã đem nhánh thông bít lại. Trong khi chúng tôi ngồi thu lu trong cái khe núi chật chội đầy bùn đất này, thì Hoàng Tài Dư ngày ngày bắt chấp nguy hiểm luôn đe dọa đến tính mạng, lên vô làng bên kiếm đồ ăn tiếp tế cho gia đình tôi và thông báo tin tức ở bên ngoài. Những mẩu tin ấy càng ngày càng tệ hại vì tôi thấy ba mẹ luôn nhíu mày nghĩ ngợi.

Tôi không nhớ hai ngày đầu chịu đựng như thế nào, chỉ nhớ Kỳ Lân khóc suốt, la đói bụng. Để dỗ dành nó, mẹ lấy xôi chìa khóa, kẹo tóc, cái lược con, ống đựng son, cái gương nhỏ... bày ra cho nó chơi. Nó dồn tất cả vào một cái túi, xốc kêu lớn cổn nhưng nó vẫn cứ khóc. Em trai út mới bốn tuổi, là cái tuổi không làm sao giảng giải cho nó nghe được. Nó yêu động vật vô cùng, lúc thì ngẩng đầu lên

cây tùng xem có tổ chim không, lúc thì nhìn xuống đất tìm bắt châu chấu trong bụi cỏ. Cái hay nhất của nó là thích ngủ, không vừa ý thì khóc, khóc chút xíu rồi ngủ.

Trong ba đứa, tôi là đứa bé lặng nhất, tôi ngồi đó mà đầu óc cứ nghĩ tới lá cờ đuôi nheo.

Ngày thứ nhất, cả nhà tôi chỉ ăn hai bát cơm trắng do bác Hoàng Tài Dư đưa tới, ngày thứ hai cũng vẫn ăn như vậy. Ngày thứ ba, người giúp việc không về, chúng tôi đói cồn cào, Kỳ Lân và em trai út bắt đầu khóc. Tôi nghe ba nói nhỏ với ông nội, sợ có điều không lành đối với bác Hoàng Tài Dư. Thời gian trôi qua, mặt trời từ bên kia chuyển dịch về phía bên này khe núi, đói và khát dày vò, trầm lặng đến như tôi cũng không chịu nổi, Kỳ Lân xấu đói, em trai út kêu khát, tôi cũng bắt đầu thút thít. Cùng lúc, ba chị em tôi làm rối cả lên, ba thì la, ông nội chỉ lắc đầu, mẹ tôi tay trái đỡ em trai út, tay phải đỡ tôi, đỡ dành. Đang lúc đó, có tiếng súng đánh gọn vọng vào khe núi, liền đó một bóng người vọt qua bên ngoài đám thông.

Cả nhà sợ quá, nín cả khóc. Khe núi im phăng phắc. Nhìn qua kẽ hở của những nhánh thông, tôi thấy một bác nông dân bình thường, đùi rớm máu đang khấp khểnh chạy thoát toán lính Nhật vừa rượt đuổi vừa la hét điên cuồng. Lại một loạt súng nổ, bác nông dân kia ngã xuống. Tôi bàng hoàng, lần đầu tiên tôi hiểu cái chết bất thành linh ập đến là như thế nào, và cũng lần đầu tiên trông thấy máu người vọt ra sau khi bị giết hại.

Mặt mẹ tôi trắng bệch, mẹ ôm chặt lấy Kỳ Lân, lấy tay bịt miệng nó, sợ nó khóc bật thành tiếng, còn em trai út thì rúc đầu vào áo mẹ, sợ phát run lên. Thời gian nặng nề qua lâu như cả thế kỷ, sau đó, từng tên lính Nhật đi qua ngay chỗ mấy nhánh thông che kín miệng khe núi, nhưng không tên nào phát hiện ra chúng tôi.

Trông chừng đám lính Nhật đã đi xa, mẹ thở dài, mặt còn tái nhợt, Kỳ Lân giãy ra khỏi tay mẹ, ngồi bệt xuống đất thở dốc, không la đói nữa, em trai út thì ngẩng đầu lên, hai con mắt đen tròn sáng quắc của nó đảo lia đảo lịa, miệng áp úng khóc không ra tiếng:

- Súng, súng, súng dài... dài... dài lắm!

Mẹ tôi duỗi tay ra định ôm em, nó vẫn áp a áp úng:

- Súng, súng, có súng, có súng!

Bất giác, mặt mẹ tôi như ngậy đại, chúng tôi luống cuống ngẩng mặt lên, mới

phát hiện, trên cao, dưới thấp, một trung đội lính Nhật đứng ngoài lối ra khe núi, đang cúi xuống nhìn chúng tôi, từng khẩu súng dài ngoẵng chĩa về phía chúng tôi. Tôi và mấy đứa em dồn lại một cục, dựa sát vào lòng mẹ. Trong nháy mắt, chúng tôi trong khe núi, bọn Nhật ngoài khe núi nhìn chăm chăm, không bên nào lên tiếng. Sau đó, một tên sĩ quan Nhật đeo kiếng, nhảy vào trong khe núi, cầm súng chĩa vào ông nội, nói bằng tiếng Trung Quốc:

- Đứng dậy cho tao kiểm tra!

Ông nội đứng dậy một cách bất đắc dĩ, tên sĩ quan kia rút hết tiền, danh thiếp, bút máy, huy hiệu nhà trường v.v... trong túi áo của ông ra, để một đồng, nó chỉ lấy tiền, rồi hách dịch lườm ông nội:

- Dạy học hả?

Ông nội không đáp, tên sĩ quan kia cũng không hỏi nữa. Nó quay sang kiểm tra ba tôi, lấy hết tiền trên túi áo của ba. Lúc đó mẹ tôi nhanh trí cúi xuống giấu cái ví tiền vào bụi cỏ, rồi đứng dậy, chủ động vỗ vỗ vào người, cốt để tên Nhật hiểu rằng bộ đồ kiểu Thượng Hải thế này, chẳng còn chỗ nào để giấu tiền cả.

Tên sĩ quan nọ cầm cái huy hiệu nhà trường và danh thiếp lên xem, do dự nhìn ba và nhìn ông nội. Không khí trong khe núi như đông đặc lại, môi mẹ tôi càng lúc càng tái nhợt, bỗng dưng Kỳ Lân lách mình ra khỏi đám người, rón bướt tới trước mặt tên sĩ quan Nhật, ngẩng đầu lên, nói rõ từng tiếng một:

- Ông đừng kiểm tra tôi, có gì trên người tôi cho ông hết đó.

Rồi nó rút trong túi ra nào khâu chìa khóa, ống đựng son, lược, gương, kẹp tóc, lại còn có cả mấy viên đá cuội, đưa hết cho tên sĩ quan Nhật. Lúc đầu, tên sĩ quan Nhật hồi hộp theo dõi, liền đó, hấn toác miệng cười hô hố, đám lính Nhật vây quanh cũng cười ầm lên. Trong tiếng cười đang rộ lên đó, tên sĩ quan bước ra khỏi khe núi, xua xua tay về phía đám lính của hắn, ý bảo bỏ đi. Thật hứ hồn cho ông nội và ba của tôi. Lúc bọn Nhật đang kéo đi, thì một thằng bự con, cao to, dáng vẻ thô lỗ, kịch cỡm bỗng lùi lũi quay lại, hét lên mấy tiếng Nhật, rồi nhanh như cắt, nó nhảy vào khe núi, đi xồng xộc lại chỗ mẹ tôi. Chúng tôi ngây người, mẹ tôi hốt hoảng la lên:

- Tôi không có tiền.

Tên lính Nhật banh áo trước ngực ra, mắt long lên sòng sọc nhìn mẹ. Một lát hắn vung cái dùi cui lên, rồi nắm chặt lấy tay mẹ tôi, lôi đi, nói lơ lơ tiếng Trung Quốc:

- Đi theo tao!

Vừa nói, hắn vừa kéo thực mạng mẹ tôi ra ngoài khe núi.

Ba tôi liền xông lại, ôm chặt lấy mẹ, hét lớn vào mặt tên lính Nhật:

- Buông tay ra! Đồ súc vật! Buông tay ra!

Sự việc xảy ra nhanh quá, tôi thấy tên lính Nhật giơ dùi cui nện mạnh vào hông ba tôi, khiến ông lão đảo ngã xuống, lăn dài xuống dốc. Ông nội không chịu được, cũng xông lên, tên lính Nhật cũng dùng dùi cui đánh ông ngã quỵ. Hắn tiếp tục lôi xềnh xệch mẹ tôi ra ngoài khe núi. Mẹ đưa tay bấu chặt những bụi cỏ hai bên đường, khóc kêu thảm thiết. Thấy ba và ông nội bị đánh, mẹ lại bị lôi đi, cảm giác sợ hãi, phẫn uất, bất bình cùng lúc dồn lên người tôi, tôi dùng hai tay giữ chặt áo của mẹ, khóc lớn. Đồng thời, Kỳ Lân và em trai út cũng nhào lại, ôm chặt lấy chân mẹ, khóc la xao động cả đất trời:

- Đừng đi mẹ ơi! Đừng đi mẹ ơi!

Chúng tôi khóc, mẹ cũng khóc. Tên lính Nhật dùng tiếng Trung Quốc chửi lại, tiếng khóc thét, tiếng kêu la, tiếng chửi tục vang lên inh ỏi. Nhưng rồi mẹ tôi cứ tuột dần ra khỏi tay chúng tôi, tôi và hai em càng sợ hãi, càng khóc la thảm thiết hơn. Đúng lúc ấy, viên sĩ quan Nhật đeo kiếng kia hình như cũng động lòng trắc ẩn, y dùng tiếng Nhật hô lên một tiếng gì đó, khiến tên lính lập tức buông tay, hậm hực nhảy ra khỏi khe núi, chuồn thẳng. Chúng tôi kinh hoàng chạy ùa vào lòng mẹ, mẹ đưa hai tay ôm chầm lấy chúng tôi, khóc nức nở.

Mãi hồi lâu mới phát hiện là số quan lính Nhật kia vẫn chưa đi, còn đứng nhìn chúng tôi chăm chú. Đợi chúng tôi dứt khóc, viên sĩ quan kia lại vào khe núi, kéo em trai út đến bên hắn.

Chúng tôi tưởng hắn muốn bắt em, đều xông lên giữ chặt lấy em, nào ngờ, hắn lấy khăn mùi xoa lau nước mắt cho em, rồi quay sang hỏi mẹ tôi:

- Cháu mấy tuổi?

Mẹ tôi run run đáp:

- Dạ, bốn tuổi!

Viên sĩ quan sầm mặt lại, mắt đăm chiêu nhìn xa xăm, một lát, hắn nói khẽ:

- Con trai tôi cũng lớn bằng nó!

Nói xong, viên sĩ quan quay lưng ra khỏi khe núi, khoát tay cả đám cùng đi, không ngoái đầu trở lại. Chúng tôi chưa kịp hoàn hồn, không thể ngờ là vừa mới trải qua một tai họa khủng khiếp. Lúc đó, tôi không thể hiểu được, thì ra lính Nhật cũng có vợ, có con, khi chúng tàn sát bao người vô tội thì cũng có những tên chưa mất hết tính người. Viên sĩ quan Nhật đeo kiếng kia phải chăng là một kẻ

như vậy!

Đang lúc đó, ba và ông nội cũng bò từ dưới dốc lên, cả nhà mừng mừng tủi tủi vì suýt nữa thì cả nhà đã qua bên kia thế giới. Ba mẹ nắm tay nhìn nhau, chưa hết kinh hoàng. Ba chị em tôi ôm ghì lấy ba vừa từ cõi chết trở về. Ông nội nện đầu gậy xuống đất thành thịch nói đĩnh đạc:

- Đất Hồ Nam này không ở được nữa rồi. Ba đã già rồi, không nên làm vướng chân con cháu. Các con còn trẻ, không sao, hãy thu xếp đi sớm khỏi đây thôi! Các con lùi về hậu phương, tìm cách đến Tứ Xuyên! Đi đi! Nhất định phải đi đi!

Ba mẹ và ông nội im lặng nhìn nhau. Thế là đã rõ, đại nạn đã bày ra trước mắt, chia ly là chuyện quá rõ ràng. Chỉ có điều không ai biết sẽ phải ứng phó với sự thật phũ phàng này như thế nào!

TRONG CHÒI CỬI

Những việc xảy ra ở hai nơi từ khe núi đến chòi củi, cách nhau mấy ngày hay một tuần lễ, tôi hoàn toàn không nhớ rõ. Trí nhớ của trẻ con thường là chấp vá từng mặt chứ không theo một mạch rõ ràng. Tôi chỉ còn nhớ những ngày ấy, lính Nhật suốt ngày ruồng bố, cướp bóc, giết người, đốt phá khắp làng quê.

Gia đình tôi hết chạy đàng đông lại sang đàng tây để tránh tai mắt của lính Nhật, vì chúng có thể thả nông dân nhưng sẽ giết sạch những trí thức như ba mẹ tôi.

Mới ra khỏi khe núi chưa được mấy ngày, gia đình tôi gặp lại gia đình người chú. Chú là em của ba, còn trẻ, thím rất đẹp, lanh lợi, hoạt bát. Chú thím mới có đứa con trai một tuổi còn ẵm trong chăn, mũ mẫm, da dẻ hồng hào, mặt mày thanh tú, đáng yêu. Em là cục cưng của chú thím. Những ngày cùng đi, chú thím chăm chút cho em từng li từng tí. Hôm ấy, chúng tôi ở nhà của một lão nông trước đây từng làm cho ông nội tôi. Bác có ruộng đất, có nông trại, có tấm lòng đôn hậu, chất phác, lương thiện... Địa hình ở đây rất tốt, nhà nằm sâu trong rừng trúc, người ngoài rất khó phát hiện. Hơn nữa, sau lưng nhà bác có cả khu rừng bít bùng chưa khai phá. Nếu quân Nhật phát hiện thì chạy trốn vô rừng sâu, đó chúng tìm thấy.

Đến nhà bác, chúng tôi mới biết đây là nơi lánh nạn của nhiều trí thức ở gần đó và bà con trong làng. Bác rất nhiệt tình, lại giàu lòng thương người nên không từ chối ai cả. Trong nhà toàn người là người. Đây là điều ba má không lường trước, và bất ngờ hơn là chỗ lánh nạn này đã bị giặc Nhật phát hiện.

Bác nói:

- Suốt ngày hôm qua, có ba tốp quỷ đến. Tôi đã sớm cắt người gác ở ngoài rừng nên bọn quỷ chưa đến gần, tôi đã cấp báo cho mọi người trốn vào núi, bọn quỷ chẳng bắt được người nào!

Bọn quý là “*danh biểu*” mà người Hồ Nam giành cho bọn lính Nhật.

Vợ bác là một bà già đảm đang, trung hậu. Hai vợ chồng bác tiếp ông nội và chúng tôi ân cần niềm nở, bày vẽ chi li cho chúng tôi cách tránh né, cách đi vào núi, cách tìm hang đá và bộng cây v.v... Chúng tôi biết rõ hai bác đã cứu được vô số người, và những người đi lánh nạn khác cũng đã sớm quen thuộc cách tìm đường vào núi.

Hôm ấy đã quá trưa, chúng tôi đi bộ rất lâu mới đến được nhà bác, vừa đói, vừa mệt. Nói chuyện với chúng tôi xong, bác dọn một mâm cơm đầy thức ăn, đơn đả mời chúng tôi. Chúng tôi đói đến chóng mặt, ngồi xuống là ra tay liền, nào ngờ, mới cầm đũa thì đã nghe bên ngoài từng tốp người qua lại, la lối ầm ĩ, nháo nhào. Chúng tôi chưa rõ đầu đuôi, bác gái đã lao vô, xua tay hối thúc:

- Lẹ, lẹ! Vào núi! Bọn quý đến! Lẹ lên, lẹ lên!

Ba mẹ bỏ đũa, vội vội vàng vàng ẵm chúng tôi. Kỳ Lân thì tựa sát vào bàn ăn không chịu xuống, em trai út thì nhét trứng gà rán đầy miệng. Chú thím tôi cũng chạy lên bế xốc em bé trai tí xíu đang ngủ say định lao ra. Đang khi lộn xộn, ông chủ nhà lại chạy vội vào, nói líu cả lưỡi:

- Không kịp rồi, không kịp lánh vào núi rồi! Bọn quý đến nhanh quá! Tìm chỗ trốn ngay.

Nói nghe dễ quá, nhà bác nhìn đâu cũng trống tuênh toàng, nhà tôi lớn bé trẻ già cả thấy chín người, trốn vào chỗ nào cho đủ? Đang do dự thì bác gái lại hốt ha hốt hải lao vào:

- Bọn quý tới rồi! Lần này chúng nó hung hăng quá, coi chừng chúng đánh hơi biết nhà mình giấu người! Ai nấy đều đã vào núi cả, chỉ còn nhà họ Trần...

Không để lỡ thời gian, bà quyết định đưa chúng tôi vòng ra phía sau nông trại, nhét tất cả vào trong chòi củi. Bà dặn dò:

- Nhớ đừng để có tiếng động!

Nói xong, bà đóng cửa chòi lại, vội vã bước đi.

Chúng tôi dồn ép nhau trong gian chòi nhỏ, ai nấy nhìn nhau, không dám thở mạnh. Tôi nhớ rõ lúc đó trong tay Kỳ Lân còn cầm chặt đôi đũa, miệng lầu bầ lầu bầu:

- Con đói, con muốn ăn cơm!

Mẹ đưa tay bụm miệng Kỳ Lân. Ba định gài cửa thì mới biết chẳng có cửa nẻo gì ra hồn. Hơn nữa, phần trên cửa có một kẽ hở, nhìn từ trong ra có thể thấy rõ cả khoảng trống của trang trại, và nếu từ ngoài trông vào, thì cũng không khó

gì mà không thấy người ở bên trong. Chỗ ẩn thân của chúng tôi đúng là trống lốc! Ba khoát tay ra hiệu mọi người đứng xa cánh cửa, nhưng trời đất! dồn ép cả hai gia đình trong căn nhà tối tăm này, gió thổi cũng không lọt, còn chỗ nào để mà lùi nữa.

Chúng tôi đứng tựa sát vào đồng củi, trẻ con đều rúc vào lòng mẹ. Chúng tôi đã bắt đầu nghe rõ tiếng lính Nhật trong vườn. Sau tiếng hô lớn và đánh, đám lính lập tức phân tán ra khắp nơi xục xạo, tìm kiếm. Tiếng ghế bàn, tiếng rương tủ đổ nhào, tiếng lính Nhật gầm thét và tiếng ông già gào la chen lẫn tiếng gà bay, chó chạy, người kêu, ngựa hí vang dậy đất trời.

Bọn Nhật đã sục sạo gần tới chòi củi... Chúng tôi nghe rõ mồn một tiếng gót giày gỗ lộp cộp trên sân phơi lúa, và cả tiếng kêu cứu của bà chủ nhà:

- Chẳng còn gì nữa mà lũng sục. Gà bị giết hết rồi, chó cũng bị giết hết vì các ông, còn muốn gì nữa...

Bên ngoài rất chộn rộn, nhưng trong chòi củi thì im lặng đến ngột ngạt. Mẹ giữ chặt lấy Kỳ Lân, vì trong chúng tôi, Kỳ Lân là đứa bé hay quậy nhất. Nhưng thật bất ngờ, đứa em trai tí hon, con chú thím tôi được quán trong chăn, bỗng đứng khóc thét lên.

Tiếng khóc của bé làm mọi người hết hồn. Thím tôi không biết làm sao, liền mở nút áo cho em bú, để bịt tiếng khóc lại, nào ngờ, bé không chịu bú, lại càng khóc dữ dội hơn. Hoảng quá thím lấy tay bụm miệng bé, nhưng khổ nỗi làm sao bụm được tiếng khóc. Mặt bé đỏ như, tiếng khóc càng to. Ông nội lắc đầu thở dài:

- Số trời đã định, cái gì đã đến thì nó phải đến.

Mặt chú tôi tái nhợt, chú nhìn nhanh khắp người nhà một lượt, cái nhìn ấy bao hàm nhiều ý nghĩa (mãi rất nhiều năm sau này, tôi mới hiểu hết ý nghĩa sâu sắc của cái nhìn ấy). Rồi, nhanh như cắt, chú giằng bé ra khỏi vòng tay mẹ, đưa tay thít chặt cổ bé, bé không thở được, mặt biến sắc. Thím tôi vồ tới giành lại bé, khóc thảm thiết:

- Anh định làm gì? Anh giết chết con sao?

- Phải. Anh phải giết nó! - Chú nghẹn ngào. Có thể chết mình nó, không thể chết hết cả nhà được!

- Anh điên rồi! Anh điên rồi! Anh điên rồi! - Thím thều thào, nước mắt ràn rụa nhào lại giằng lấy bé. - Muốn giết nó, anh giết tôi trước đi!

- Em phải rõ chuyện hệ trọng! - Chú nghiêm giọng - Anh không thể để con

mình làm thiệt mạng của cả hai gia đình! Nhất là làm liên lụy đến cả nhà anh...

- Anh muốn giết nó thì giết tôi trước! Hãy giết tôi trước đi! - Thím phát điên lên, đầu tóc rối bời, nước mắt đầm đìa, cổ họng khàn đặc, liều mạng xông vào cướp lấy con, trong lúc chú cứ giằng co giữ em bé cho được. Em bé còn thở, nên tiếng khóc của nó càng to hơn.

Ba nói như nghẹn lại: - Đủ rồi! Nếu quân Nhật cố tìm chúng ta thì ăm ĩ lên thế này, chúng đã phát hiện ra rồi, chú có giết cháu cũng chẳng có tác dụng gì!

Đột nhiên, em bé nít bật, chòi củi lạng thình như tờ. Rồi tiếng giày ủng nện lộp cộp ngay trước chòi củi. - Mở cửa! Tiếng lính Nhật vang lên. Liền theo đó là tiếng la lớn của bà chủ nhà:

- Trời đất quý thần ơi! Nhà xí cũng phải kiểm tra à!

Dứt lời, bà dùng tay đẩy mạnh cửa, nói như thách:

- Kiểm tra đi! Cửa nẻo không cài then thế này mà nào dám trốn? (đến giờ thì tôi đã hiểu ra, bà đóng kịch hết như một diễn viên thực thụ).

Cửa đã hé ra một khe lớn, tim chúng tôi đập thình thịch, nhưng lạ thay, bọn lính Nhật nói một tràng gì đó, rồi quay đầu bỏ đi. Chúng tôi cũng không thể tin là toán lính Nhật kia bỏ đi thật. Lẽ nào tiếng khóc la của chúng tôi huyền ảo là vậy mà bọn chúng không nghe thấy? Quả là điều không thể tin được.

Ba, ông nội rồi chú thím, đều trở mắt nhìn nhau như không tin với cả chính mình! Sau đó lại vang lên tiếng gà bay, chó sủa, rất may nhờ có lệnh của viên sĩ quan, những tên lính Nhật kia đành bỏ cuộc, lếch thếch cuốn đi.

Mãi hồi lâu, khi bên ngoài hoàn toàn yên lặng, bà chủ nhà lại đẩy cửa bước vào. Bà hồi hộp nói:

- Trời đất ơi! Các anh các chị làm cái giống gì vậy chứ! Trẻ con thì khóc, người lớn thì cãi lộn, tôi thả hết cả một lồng gà to đùng, đuổi cho chúng bay lung tung để át tiếng ồn ào của mấy người đó!

Chúng tôi lại nhìn nhau trân trân rồi nhìn bà, thâm cảm ơn bà. Một tai nạn nữa đã vượt qua, thật hứ vớ! Tôi còn nhỏ quá không hiểu hết ý nghĩa từ cõi chết trở về là như thế nào. Nhưng khi chú tôi biết chắc hiểm nguy đã qua, liền ôm chặt lấy thím tôi, hôn thím như điên như dại, bất chấp mọi người xung quanh rồi nước mắt giàn giụa, chú ôm hôn em bé, đưa em suýt nữa bị chết oan uổng. Lại cũng lần đầu tiên tôi hiểu tình yêu thương đồng loại thật phức tạp và quý báu biết chừng nào! Nếu bảo tôi là một đứa bé lỡ đời quá sớm, thì có lẽ là do chính mắt tôi đã từng trải quá nhiều từ khi còn thơ dại!

NGƯỜI TRUNG QUỐC

Không hiểu sao, chỉ vài ngày sau thì chúng tôi lại chia tay gia đình chú thím. Ba tôi biết chỗ nhà lão nông kia không thể là nơi trốn tránh được, vì cả huyện Hành Dương này hầu như không còn mảnh đất nào yên bình. Tôi chỉ nhớ rõ, ba mẹ và ông nội thường bàn bạc thâu đêm suốt sáng cốt tìm cách vượt qua vùng phong tỏa gắt gao của quân Nhật. Rồi cân nhắc, tính toán xem ông nội có nên đi cùng với chúng tôi không, vì ông đã gần tám mươi tuổi, làm sao chịu đựng nổi sự vất vả dọc đường? Nhưng nếu để ông ở lại vùng chiếm đóng thì không ai yên tâm chút nào.

Suy đi tính lại, cuối cùng ông nội ở lại, chúng tôi ra đi. Trước hết chúng tôi đưa ông nội về quê ở Tra Giang. Chúng tôi phải thay hình đổi dạng bằng cách mặc áo quần của gia đình bác nông dân cho để giống như người nhà quê. Nhưng dù ba mẹ có mặc áo cụt vải xô đi nữa thì cái dáng vắn gia nho nhã cộng thêm đôi kiếng cận thị, với cái giọng Bắc Kinh chính cống và phong độ thị thành, khó có thể che mắt được ai. Dầu gì đi nữa, chúng tôi cũng phải rời nhà bác nông dân già, vượt qua vòng nguy hiểm đang bị quân Nhật chiếm đóng để về quê hương.

Ngày hôm ấy thật là một ngày rủi ro!

Ngày hôm ấy là một ngày đầy sóng gió.

Ngày hôm ấy cũng là một ngày ăn sâu vào kí ức của tôi!

Chúng tôi lên đường chưa đầy hai tiếng đồng hồ thì gặp toán lính Nhật đầu tiên.

- Đứng yên! Kiểm tra! Quân Nhật hét.

Chúng tôi đứng khựng lại, có lẽ đây là mấy tiếng Trung Quốc lính Nhật bắt buộc phải học khi đến Trung Quốc. Mấy lần gặp lính Nhật sau đó, chúng tôi đều nghe câu này.

Tên sĩ quan Nhật dẫn đầu toán lính sỏi bước đến chỗ chúng tôi, đảo mắt

nhìn chúng tôi một lượt từ trên xuống rồi từ dưới lên. Ba mẹ đều im lặng để khỏi lộ tông tích. Tên sĩ quan chỉ vào ông nội, ra lệnh cho một tên lính lục soát. Mắt ông như muốn phóng ra từng tia lửa, nhưng ông đành đứng yên mặc tình cho tên lính Nhật sờ mó khắp người. Coi kiểu cách, tên lính Nhật chủ yếu muốn soát xem có vũ khí hay không. Đương nhiên là không có vũ khí, nó vét hết tiền của ông, sau đó lục soát đến ba tôi.

Toán lính Nhật này không làm khó dễ gì, chỉ vét sạch số tiền ông nội và ba mang theo bên người, rồi khoát tay ra hiệu cho chúng tôi đi.

Chúng tôi lặng lẽ bước, ông nội và ba, mẹ đều trầm mặc, lặng thinh làm ba chị em tôi cũng cảm như hén, chẳng dám quấy rầy. Với tâm hồn ấu thơ, chúng tôi cho rằng quân Nhật là một lũ cướp bóc làm người ta hoảng sợ, chứ tôi không thể nào hiểu một cách sâu sắc như ba mẹ tôi, rằng đó là điều tủi nhục, căm hờn của một dân tộc bị dày xéo. (Mãi sau này khi lớn lên, nhớ lại từng chút một sự việc thời đó, tôi mới thấm thía sâu sắc hơn).

Đúng trưa, chúng tôi gặp toán lính Nhật thứ hai.

- Đứng yên! Kiểm tra!

Cũng câu ấy, cũng bọn lính Nhật, cũng lục soát theo trình tự: ông nội rồi đến ba. Chỉ khác là không tìm thấy tiền bạc trên người ông và ba nữa. Nhưng tên lính Nhật tìm thấy trên người ông một tờ giấy viết mười hàng chữ Trung Quốc, hẳn ta nhìn nhìn ngó ngó, một hồi, lại nhìn sang ông, sau đó, tuồng như không có gì đáng nghi ngờ, hẳn bèn vứt mẩu giấy đi. Hẳn xì xà xì xồ một lô một lốc, rồi kéo cả lũ đi thẳng. Ba thở dài nhẹ nhõm:

- Ba ơi, cái đó đích thực là bài thơ của ba rồi.

- Không! Ông nội đáp gọn lỏn, rồi cẩn thận vuốt thẳng tờ giấy cất vào túi. (Sau này, tôi mới biết, đó là bài thơ ông nội làm nói về nỗi lòng của một người thương nước thương dân và nguyên rửa vạch trần tội ác quân Nhật. Nếu không may nó rơi và tay một tên Nhật biết tiếng Trung Quốc, thì mạng sống của ông chắc chắn chẳng còn).

Xế chiều, chúng tôi lại gặp toán lính Nhật thứ ba.

- Đứng lại! Kiểm tra!

Ba tôi không nhịn được nữa, ba lật hết túi áo, túi quần trong người, rồi giật dữ quát lớn:

- Các ông muốn kiểm tra mấy bận? Mọi thứ đã bị người mấy toán trước lấy sạch bách rồi, bây giờ còn gì mà kiểm với tra!

Hình như tên Nhật này cũng không biết tiếng Trung Quốc, nhưng qua điệu bộ của ba, hẳn hiểu không phải chúng tôi mới bị lính Nhật kiểm tra lần đầu, và nhìn qua dáng bộ bơ phờ, mệt mỏi của người già, con nít, trên mình lại chẳng có gì đáng giá để cướp, thế là chúng thả chúng tôi đi.

Chỉ trong một ngày chạm trán ba toán lính Nhật, rõ ràng khắp làng quê đâu đâu cũng có lính Nhật. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn còn may, vì ba toán lính này chỉ chú ý tiền chứ không chú ý đến người, nên không xảy ra chuyện cướp người đáng sợ như ở nơi khe núi, và cũng không nhận ra người thật sau lớp vỏ nguy trang. Đúng là trong cái bất hạnh vẫn tìm ra điều may mắn. Chiều đến, vừa đói, vừa mệt, vừa khát, lại thêm lúc nào cũng có thể nghe những tiếng “Đứng yên, kiểm tra!”, làm tinh thần căng thẳng, sức lực rã rời. Em trai út bắt đầu khóc, ba chỉ có mỗi việc lẳng lặng cõng em đi. Khi mặt trời lặn, gió đêm từng cơn ùa vào mặt, lúc đó chúng tôi mới phát hiện mình đang đi vào cõi hoang vắng, không người, chỉ có núi đồi trùng điệp, bốn bề hết sức yên tĩnh.

Sau ba lần bị bọn Nhật lục soát căng thẳng thần kinh, giờ đến cái yên lặng khác thường cũng khiến mọi người nơm nớp lo sợ, nhất là giữa cảnh núi rừng mông lung, bóng đêm mờ mịt.

Chúng tôi đi một đoạn đường núi nữa, vẫn chẳng gặp người nào, không một ngôi nhà, không một túp lều, ba nghi đã bị lạc đường. Mọi người bàng hoàng, do dự không biết nên tiến hay lui, lại còn trước mặt không biết có giặc Nhật chiếm đóng hay không? Đang loay hoay nghĩ ngợi, chúng tôi bỗng thấy một bác nông dân từ phía trước đi lại, chẳng khác nào như gặp một thiên thần giáng thế. Thoạt nhìn, bác là một người thật thà, chất phác miệt Hồ Nam. Bác dẫn bước tới, tay cầm một đòn gạch bằng tre, vai vác hai cái sọt chõng lên nhau, thông thường loại sọt này dùng để đựng khoai lang hoặc gà vịt.

- Ba, để cho ông ấy kiểm tra đi, ba để cho ông kiểm tra đi ba!

- Không được! Ông nội nói danh thếp: - Tao thà chết chứ không để người ấy kiểm tra đâu! Ông tôi nhìn người “nông dân” kia, nói: - Ông cứ bắn chết tôi đi, đừng đụng đến con tôi, và các cháu tôi!

- Ông đúng là một ông già cứng đầu. Để coi!

Người “nông dân” kia tiếp tục nói:

- Tôi chỉ cần kiểm tra ông, đâu cần cái mạng của ông, ông coi chuyện kiểm tra còn nặng hơn mạng sống phải không?

- Đúng vậy, ông có thể giết chết tôi, chứ không đụng được vào người tôi! -

Ông nội lại càng cố chấp hơn:

- Ông cứ bắn đi!

Người “nông dân” kia lại giơ súng lên, nghiêm sắc mặt. Xem chừng tính mạng của ông nội đã đến lúc ngàn cân treo sợi tóc, em bé trai tôi òa lên khóc. Tức thì, ba quỳ xuống trước mặt ông, nuốt nước mắt, năn nỉ:

- Ba, để cho ông ta kiểm tra mà, xin ba hãy để cho ông ta kiểm tra!

- Kiểm tra là chết, ông nội hạ giọng: - Chi bằng giữ lòng tự tôn tự kính, hãy để ông ấy bắn ba đi, các con hãy để ông ấy kiểm tra rồi các con về hậu phương!

- Ba ơi, mẹ quì xuống trước mặt ông nội nghẹn ngào: - Nếu chết thì cả nhà cùng chết ba ơi!

Em trai út của tôi được ông nội cưng nhất, biết “kẻ” này muốn giết chết ông, liền chạy tới ôm chặt lấy chân ông, gào lên thảm thiết:

- Ông nội đừng chết! Ông nội đừng chết!

Tôi và Kỳ Lân cũng không chịu được, chạy ập tới cùng ba mẹ ôm chầm lấy ông, khóc kêu “Ông ơi” “ông ơi”. Tiếng khóc của ba chị em tôi thật xao động tim gan, ông nội run run đưa tay đỡ chúng tôi, rồi đứng thẳng, gào lên đống dục:

- Không kiểm tra! Không kiểm tra! Không kiểm tra!

Trước cảnh ấy, người “nông dân” kia cũng đứng như ngậy như dại, nhìn chúng tôi chằm chằm hồi lâu, chẳng nói chẳng rằng. Rồi ông ta bỗng nói thật to, như hét:

- Đừng khóc nữa! Hãy đi nhanh lên!

- Đi? Ba tôi ngớ người, đứng dậy, nhìn người “nông dân” kia. - Ông không kiểm tra chúng tôi sao?

Người “nông dân” kia nhìn thẳng vào ba tôi, khế lắc đầu, nói khàn khàn:

- Kiểm tra rồi, các ông đi đi thôi!

- Tất cả chứ? - Ba không tin hỏi lại.

- Tất cả. - Người “nông dân” kia đáp, bỗng thở dài. Ông ta cúi đầu, lấy cây đòn gánh trên tay viết xuống mặt đất dính bùn ba chữ “Người Trung Quốc”, rồi chỉ vào bản thân mình và chỉ cả chúng tôi. Tiếp đó, ông lại viết ba chữ “Người Nhật Bản”, chỉ về hướng tây bắc, nói nhỏ một câu:

- Hãy đi về hướng đông thôi!

Nói xong, ông vội vàng lấy bàn chân xóa vết tích mấy chữ viết trên mặt đất, vác hai cái sọt lên vai, đi thẳng về phía trước, không ngoái đầu lại.

Mãi hồi lâu, chúng tôi vẫn còn đứng nguyên tại đó, bao lâu sau, ba mẹ vẫn

chưa kịp hoàn hồn. Cuối cùng chúng tôi tiếp tục đi, đi về phía đông. Đêm ấy, chúng tôi nghỉ lại trong một khu rừng nhỏ, không gặp bọn Nhật nữa. Ngày hôm sau, chúng tôi tìm thấy đường đi, trở về quê cũ, đưa ông nội an toàn trở về Lan Chi Đường.

Sau đó rất lâu, tôi còn nhớ rõ ba chữ “Người Trung Quốc” viết trên bùn. Tôi cứ suy ngẫm, đắn đo hoài về người “nông dân” kia là người tốt hay kẻ xấu? Là một tên Hán gian? Hay là một người Trung Quốc có nhân cách. Tại sao sau cùng ông ấy lại tha cho chúng tôi? Và còn chỉ cho chúng tôi hướng đi chính xác?

Thế là tôi càng rõ, cho dù là một người “xấu” đi nữa, cũng còn một chút lương tri, cho dù là Hán gian đi nữa, cũng không phải đã hoàn toàn quên được mình là người Trung Quốc.

Quan niệm về quốc gia, dân tộc của chúng tôi được xây dựng dưới hòng súng ấy. Cho nên tôi thường nói, sự giáo dục tuổi niên thiếu ở những người khác là từ nhà trường, còn sự giáo dục ở tuổi niên thiếu của tôi là từ trong chiến tranh.

Ba và ông nội phẫn khởi ra mặt. Có gì vui hơn gặp đồng bào mình giữa đường vắng rừng hoang và đâu đâu cũng có lính Nhật? Ông nội ngăn bác lại, hồ hởi hỏi:

- Ở đằng đó, có bọn quý không bác?

Bác nông dân trừng mắt nhìn ông nội như không hiểu ông hỏi gì. Người Hồ Nam lâu nay vẫn gọi người Nhật là quý. Ba sợ bác kia hiểu nhầm nên hỏi lại:

- Bác ơi, đằng trước kia là đâu? Chúng tôi đang chạy tránh bọn quý, đằng trước mặt có người Nhật không ạ?

Ánh mắt bác nông dân chuyển từ ông nội sang phía ba, mặt mày tỉnh bơ như không (thật khác phong cách người Hồ Nam: hồn hậu, ưa kết bạn, dù gặp người lạ cũng cười nói tử tế). Thấy tình hình có vẻ không ổn, ba kéo ông nội, nói:

- Ta đi thôi ba; đừng hỏi bác ấy nữa!

Bác nông dân lập tức hạ đôi sọt xuống, ngăn ba lại, dùng tiếng quốc ngữ chuẩn, nói thật nghiêm:

- Không được đi! Đứng yên kiểm tra!

Ba, mẹ đều đứng như trời trồng, mặt ông nội biến sắc, ba chị em chúng tôi chưa kịp hiểu ra chuyện gì cũng đứng ngây ra nhìn chòng chọc người nông dân kia vì đã rất nhạy cảm với bốn chữ “Đứng yên kiểm tra”. Trong chốc lát, chúng tôi nhận ra ngay bác nông dân kia cũng cải trang như chúng tôi, bác không phải là nông dân bình thường mà là một trí thức, một trí thức đang làm việc cho Nhật.

Đúng thế, bác ta là người Trung Quốc, một người Trung Quốc đáng căm, đáng sợ hơn là người Nhật, người Nhật ra trận là vì Thiên Hoàng của họ, còn người Trung Quốc này lại đi đánh người Trung Quốc cho người Nhật. Đây là một tên Hán gian!

Người “nông dân” kia đưa tay chỉ chỉ ông nội;

- Ông đứng yên, tôi kiểm tra ông trước!

Lần nào cũng kiểm tra ông nội trước! Ông nội trừng mắt nhìn người “nông dân” kia, rồi ngẩng cao mái đầu bạc phơ, cất giọng đanh thép, quyết liệt:

- Không được! Tôi không cho ông kiểm tra! Người Nhật kiểm tra tôi, tôi đành phải chịu, còn ông, ông là người Trung Quốc! Không đời nào! Tôi không để cho ông kiểm tra đâu!

Người “nông dân” kia đánh mặt lại, mở tung đôi sọt đang chõng lên nhau, trong đó chẳng có gà vịt, chẳng có khoai lang hoặc bất cứ thứ gì ngoài một mớ rơm, trên mớ rơm lộn xộn kia là một khẩu súng lục!

- Rất tốt. Người “nông dân” kia cầm súng lục lên huơ huơ trước mặt ông nội: - Nghe giọng lưỡi của ông, tôi biết ông là người thế nào, nông dân à? Ông mà là nông dân à? Không cho tôi kiểm tra? Ông giấu gì trên người nào? Hả?

Nét mặt ông tôi càng giận dữ, ba mẹ tôi trao đổi nhau bằng ánh mắt, không khí căng thẳng nặng nề, tôi nghĩ tới tờ giấy có viết đầy chữ, nhìn ông nội và ba mẹ, tôi biết, ông nội và ba mẹ đều lo lắng cho tờ giấy kia, một người Trung Quốc, hẳn biết đọc chữ Trung Quốc!

- Ông không được chạm vào người tôi. Ông nội nói nghiêm khắc: - Hôm nay chúng tôi đã bị ba toán lính Nhật khám xét! Tôi không để cho người Trung Quốc khám nữa!

Người “nông dân” kia nổi khùng lên, quát:

- Không kiểm tra, cũng được, tôi bắn ông chết ngay lập tức!

Người kia huơ huơ khẩu súng lục. Ông nội ưỡn ngực, dõng dạc lên tiếng:

- Ông có bắn chết tôi, tôi cũng không cho ông kiểm tra!

Người “nông dân” giương súng, ba tôi lập tức xông tới, đứng trước mặt ông nội tôi, nói khẩn khoản:

NỬA ĐÊM VƯỢT QUA TUYẾN LỬA

Guối cùng cái đêm ấy đã đến.

Ba mẹ và ông nội lưu luyến tạm biệt nhau. Bọn trẻ chúng tôi hôn ông nội. Ngoài cửa, màn đêm dày đặc, bầu trời chỉ điểm mấy vì sao và treo lơ lửng mảnh trăng lưỡi liềm lạnh lẽo. Làng xóm đã chìm trong giấc ngủ, không một tiếng gà kêu, chó sủa, yên tĩnh đến rợn người.

Ngoài sân, hai người gánh thuê đang đợi, mỗi người gánh hai cái thúng lớn, một thúng đựng toàn áo quần của cả nhà (đồ của bà con nông dân cho để cải trang), còn ba thúng kia chuẩn bị để gánh tôi và hai đứa em trai, từ Hồ Nam đến tận Tứ Xuyên. Chuyến hành trình bất tận này không biết phải đi mất bao lâu. Tuổi thơ ấu chúng tôi nào biết nỗi khổ của chuyến đi này. Gánh trẻ con đi theo là thói quen dân dã.

Từ nhỏ, tôi đã ngồi đủ các loại phương tiện giao thông: nào kiệu, xe thuyền, nào xe đẩy tay.... Còn ngồi trong thúng có người gánh thì mới đi lần đầu. Sự lạ lùng này làm tôi vui đi nỗi buồn từ già ông nội, nhưng khi nhìn thấy ba mẹ và ông nội tôi mắt ngấn lệ, tay cầm tay nghẹn ngào, tôi mới thấy nao lòng dạ, và đó là lần đầu tiên hiểu ra ý nghĩa của những chữ sinh ly tử biệt.

Chúng tôi xuất phát. Xếp bằng tròn ngồi vào thúng, tôi một đầu, Kỳ Lân một đầu, do một người gánh, còn gánh kia, bé Tam một đầu, một đầu là đồ đoàn hành lý. Chúng tôi đi suốt đêm, phải xuyên qua tuyến lửa quân Nhật, nếu không may bị chúng phát hiện, từ người gánh thuê đến trẻ con đều khó bề trốn thoát. Chị em tôi đã được ba mẹ căn dặn không biết bao nhiêu lần, nào tuyệt đối không được nói chuyện, không được ho, không được có bất cứ tiếng động nào trên đường đi... Thực ra chị em tôi đã phát khiếp lên qua mấy bận gặp phải quân Nhật và biết rõ quân Nhật có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Lưỡi lê không còn là đồ chơi, sự sống và cái chết chỉ cách nhau gang tấc, dù ba mẹ không căn dặn, chúng tôi

cũng không dám hó hé. Mọi người lần mò trong đêm tối, không đuốc, không đèn lồng, cũng không có loại đèn báo mà bà con nông dân hay dùng. Ba mẹ, người gánh thuê và cả chúng tôi đều mặc toàn một màu đen.

Không dám đi đường lớn, chúng tôi toàn xuyên đường tắt, và hai người gánh thuê tỏ ra rất thạo đường, biết rõ cả những nơi quân Nhật đồn trú, có lẽ không phải lần đầu họ đưa người lánh nạn qua đây. Ba mẹ tôi thuê họ gánh chúng tôi đi thẳng tới Quảng Tây. Nghe nói, tới Quảng Tây sẽ có xe lửa chở người lánh nạn thẳng tới Quế Lâm. Lộ trình của chúng tôi là đáp xe lửa vượt Quảng Tây, xuyên Quế Châu để tới Tứ Xuyên (một sự tính toán hoàn toàn tự nguyện, song chúng tôi nào hay biết, con đường ấy phải đi đàng đẵng một năm trời. Cuối cùng rồi cũng đến được Trùng Khánh đúng vào lúc nhà nhà pháo nổ, người người hân hoan, phố xá ngập trong biển cờ, mừng kháng chiến thắng lợi!)

Trong màn đêm bao phủ, đoàn người chúng tôi lặng lẽ dò từng bước đi. Đã lâu lắm, chúng tôi không được đi đường lộ, chỉ đi xuyên ruộng, lúa cao tới đầu, tiếng lúa chạm loạt xoạt, thỉnh thoảng dẫm lên những đồng gỗ vụn nghe lạo xạo làm ai nấy giật thót cả người. Kể từ khi rời Hành Dương, tựa hồ chúng tôi đều gặp may, còn cửa ải vượt tuyến lửa đêm nay liệu có thoát vòng nguy hiểm được chăng? Tôi nghĩ, cả ba mẹ tôi cũng chẳng nắm chắc được gì đâu, nhưng có điều là ba mẹ tôi có sẵn quyết tâm và dũng khí.

Những chuyến đi đêm như vậy cũng chỉ có mấy hôm, ban ngày chúng tôi ở trong nhà những bác nông dân tốt bụng, ban đêm lại tiếp tục lên đường. Ngồi trong thúng, chật chội, chân tay chúng tôi như tê cứng lại, nhiều lúc bọn trẻ chúng tôi đòi leo ra đi bộ một chút cho đã. Mừng nhất là đoạn đường này không gặp lính Nhật, nhưng nơi nào chúng tôi đến đều thấy ở đó bị lính Nhật đốt phá sạch bách. Khó quên nhất đối với tôi là hình ảnh bé Quyên.

Nhật được bé Quyên thế nào tôi không nhớ rõ. Hình như chúng tôi lần theo tiếng khóc trong ruộng lúa để tìm thì phải. Tuổi Quyên và tuổi tôi sần sần nhau hoặc Quyên lớn hơn tôi chút ít. Khi ba mẹ tôi ẵm bé dậy trong ruộng lúa, quần áo nó rách nát, mình đầy thương tích. Qua mấy câu hỏi ngắn gọn, chúng tôi biết ba mẹ bé đều bị lính Nhật man rợ sát hại cùng với đám dân lành vô tội, chỉ mình bé may sao thoát khỏi bàn tay quỷ dữ. Mình mẩy bê bết bùn đất, bé vừa khóc vừa kể lại chuyện đã qua khiến tôi vô cùng xúc động. Tôi xin mẹ:

- Mẹ ơi, chúng ta đưa bạn ấy đi cùng mẹ nhé!

Bé Quyên nhìn mẹ tôi với đôi mắt khẩn cầu, mãi đến bây giờ, tôi không sao

quên được đôi mắt đen nhánh, và chứa chan hy vọng ấy. Mẹ tôi thở dài, không nói một câu, chỉ ôm bé vào lòng, lau sạch mặt mày cho bé rồi kiểm đồ cho bạn ấy ăn. Tôi mừng quýnh sốt sáng nhường chiếc thúng cho bạn ngồi rồi đi bên cạnh, thủ thủ nhỏ to để an ủi bạn ấy. Tôi coi bạn là một thành viên trong gia đình và nghĩ rằng bạn sẽ mãi mãi ở bên cạnh chúng tôi. Bạn ấy đâu còn gia đình, trong chiến tranh, những đứa trẻ được nhặt về như vậy là chuyện thường tình.

Chỉ qua một đêm, tôi và bé Quyên đã trở thành đôi bạn tốt, thành chị em thân thiện. Chúng tôi vào nhà một bác nông dân. Mẹ tôi tắm rửa cho bé, lấy áo quần của tôi mặc cho bé, lau rửa và bôi thuốc vào các vết thương trên người bé. Tôi và bạn ấy cùng ngủ chung một giường, tôi ôm lấy Quyên, tựa đầu, tựa vai truyền hơi ấm cho nhau, lịm đi trong giấc ngủ ngon lành.

Đêm hôm ấy, trong giấc ngủ, tôi mơ màng nghe thấy ba mẹ tôi bàn chuyện suốt đêm, dường như cố tìm đường đi nước bước xuyên qua tuyến lửa của quân Nhật để thoát vòng nguy hiểm. Rồi hai người chuyển sang nói chuyện bé Quyên. Bàn bạc thật lâu, nào là nhân tính, hiện thực, kinh tế, tự mình đã khó bảo toàn... Tôi nghe không hiểu, sau đó ngủ thiếp đi.

Đang lúc ngái ngủ, mẹ tôi lay dậy và sụt nhỏ như ra hiệu cho tôi đừng đánh thức bé Quyên. Tôi mắt nhắm mắt mở mặc áo quần, rồi ra khỏi nhà bác nông dân. Trời không trăng sao, tối đen như mực. Cho đến lúc ngồi vào thúng, tôi mới tỉnh người. Tôi vụt đứng dậy, la hoảng:

- Mẹ ơi, ba mẹ quên bé Quyên rồi!

Mẹ tôi ấn tôi ngồi xuống, nói nhỏ nhẹ:

- Phượng Hoàng con, chúng ta không có cách nào đưa Quyên theo được, đường còn dài lắm. Chủ nhà biết cậu của Quyên, mẹ đã gửi lại ít tiền nhờ họ đưa Quyên về nhà người thân, đó là việc duy nhất ba mẹ có thể làm được đó con ạ.

- Nhưng mà, mẹ... bé Quyên tưởng mình sẽ đưa bạn ấy đi cùng! Mẹ cũng đồng ý rồi cơ mà! - Tôi cuống cuống nói lớn.

- Con ơi. - Mẹ tôi thở dài, nét mặt đầy đau khổ. - Con phải hiểu một chút mới được!

Tôi không dám nói gì hơn, ngồi yên trong thúng, tiếp tục đi về phía trước. Thúng lúc lắc, bồng bề lạng tanh. Chúng tôi lội qua con sông nhỏ, băng qua ruộng lúa... Gió đêm lạnh buốt. Tôi nằm khoanh trong thúng, khóc thút thít. Tình cảm trẻ con đến là lạ, khi xa ông nội tôi có khóc đâu, vậy mà xa bé Quyên tôi lại khóc. Tôi khóc lâu lắm, vì tôi nghĩ rằng, khi bé Quyên thức dậy, không thấy chúng tôi,

bạn ấy sẽ đau đớn và tuyệt vọng biết đường nào. (Việc có vậy mà mãi nhiều năm sau tôi mới nghiệm ra cái điều bất đắc dĩ vì sao ba mẹ tôi để bé Quyên ở lại. Trong chiến tranh, sự sống và cái chết, đoàn tụ và chia ly vốn có mấy ai tự định đoạt được).

Hừng sáng, chúng tôi vượt qua tuyến lửa.

Đúng trưa, chúng tôi nhìn thấy quân Quốc dân đảng, nhìn thấy Quốc Kỳ, ba mẹ tôi sung sướng quá, tôi tưởng đầu trước mặt đã là con đường rộng thênh thang. Nào ngờ, phía trước còn lắm chông gai, sóng gió.

Dù sao chẳng nữa, chúng tôi cũng đã kết thúc được một chuyến đi đêm, trở lại sinh hoạt bình thường, ngày đi tối nghỉ. Cuộc hành trình dài ngày vẫn tiếp tục. Suốt dọc đường đi, cũng như mãi đến bây giờ, tôi không làm sao quên được Quyên, người bạn gái bé bỏng ấy.

ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG TẶNG

Dại đội trưởng Tặng là nhân vật tôi nhớ suốt đời mình. Trong lần chạy nạn đó, số phận đã xui khiến chúng tôi gặp con người ấy, nếu không lịch sử cả nhà tôi phải viết lại tất cả.

Đại đội trưởng Tặng là con người như thế nào?

Sau khi xuyên qua vòng phong tỏa của quân Nhật, một con đường lớn đã trải ra trước mặt ánh sáng chói chang, từng tốp từng tốp quân Trung Quốc di chuyển xuống phía nam. Chúng tôi không phải trốn chui trốn nhủi quân Nhật nữa, không còn lo bị bắt bớ, giết hại, có trời biết chúng tôi sung sướng dường nào. Những ngày ấy, chúng tôi vẫn được gánh đi dọc tuyến đường sắt Tương Quế hướng về Quảng Tây. Đi chưa được mấy ngày thì sự tình hoàn toàn không giản đơn như chúng tôi tưởng tượng.

Trước hết, dọc tuyến đường, dân lính nạn thừa thớt, ai cần đi, họ đã đi từ lâu rồi, chỉ còn lại những người không muốn xa rời mảnh ruộng miếng vườn. (Người Hồ Nam rất coi trọng ruộng đồng, không muốn rời quê hương xứ sở). Bọn trẻ chúng tôi thì ngồi trong thúng, người nhà thì ăn mặc chẳng giống ai cả. Thứ đến, chúng tôi đang đuổi theo cuộc đại rút lui trên tuyến đường Tương Quế, các ngã đường có quân Quốc dân Đảng đồn trú đang rút khỏi Hồ Nam, suốt tuyến đường, nào kỵ binh, hậu cần, nào bộ binh, và có cả thương binh, từng tốp từng tốp không biết cơ man nào là người là ngựa. Quân Quốc dân Đảng hành quân rất nhanh, cả nhà tôi chậm chạp bước đi lẫn trong đội hình, không khỏi làm cản trở bước chân của họ. Cả nhà diu nhau, đẩy nhau, kéo nhau cùng đi, dần dà rồi tụt sau hàng quân, tốp này đi qua, tốp sau dồn lên đẩy bật chúng tôi tụt lại phía sau.

Mẹ tôi từ nhỏ đến lớn chưa đi như vậy bao giờ, chẳng mấy chốc hai bàn chân đều phồng dộp, hai ngày sau, những chỗ phồng bị dập bể, rướm máu phải đau

đón lê từng bước một. Hai người gánh thúng, không muốn gánh tiếp bắt đầu cầu nhau và xin thoái thác, cha tôi đành năn nỉ họ, tặng thêm tiền công cho họ. Còn bọn trẻ chúng tôi phải “chịu trận” suốt ngày dưới nắng thiêu và gió bụi cũng dần dần đuối sức. Cứ thế, chúng tôi đi càng lúc càng chậm chạp.

Trong cuộc hành trình gian khổ này, máy bay ném bom của quân Nhật xuất hiện, tiếng gầm rít từ xa đến gần, rồi như xé không khí bay vút qua đầu chúng tôi.

Tuy rút lui, nhưng quân Quốc dân Đảng kỷ luật rất nghiêm minh, trên lưng đều ngụy trang bằng rơm rạ, máy bay oanh tạc lượn lại, họ lặn xuống đất, giống như một đám rạ. Máy bay Nhật rất ít ném bom, (phần lớn chúng đi ném bom các thành phố và thị trấn), họa hoàn mới bắn vài loạt, đó là điều đáng sợ và dễ gặp rủi ro.

Nguy cơ ngày một tăng. Vài hôm sau, chúng tôi nhận được tin quân Nhật đang truy kích dọc theo đường sắt Tương - Quế, quân Quốc dân Đảng được lệnh bảo toàn thực lực, ra sức rút về Quảng Tây, tránh đụng độ. Thế là tốc độ hành quân càng nhanh, không cách nào khác. Lính Quốc dân Đảng từng xông pha trận mạc, ném đủ mùi gian khổ nên rất bức bối, cáu gắt, khi bị chúng tôi làm cản trở cuộc hành quân, những lời cộc cằn không ngớt văng ra:

- Tránh ra, tránh ra, nhân dân đừng cản trở đường quân đội.
- Các người không hiểu hay sao? Quân đội từng đánh bao nhiêu trận cho nhân dân, vậy mà các người còn ở đây làm nát hết việc!

Chúng tôi bị xô tới trước rồi đẩy ra sau, thật khốn khổ hết chỗ nói.

Một buổi trưa, máy bay địch lại âm âm bay tới, lính tráng đều nằm xuống, đồ đoàn và ngựa được đưa vào chỗ ẩn nấp. Cả nhà tôi không có chỗ trú ẩn đành phải nép mình bên gốc đại thụ dưới lưng núi, đưa mắt nhìn theo từng chiếc máy bay định bay vút qua đầu.

Quanh gốc cây, đâu chỉ có người nhà tôi, mà còn có mấy sĩ quan mang theo khí giới nữa. Trong đó có một sĩ quan tay dắt ngựa nhìn chằm chằm vào chúng tôi. Thực tình, tôi chẳng chú ý vị sĩ quan kia bằng chú ngựa nâu cao lớn, đẹp dáng, mũi luôn phun hơi phì phì.

Ba tôi nhìn máy bay địch vụt qua, nhìn đoàn quân dày đặc mặt đường, rồi nhìn chúng tôi, thở dài, nói: Không biết phải đổi một giá đắt đến bao nhiêu. Trông dáng bộ ba mặc áo nông dân ăn nói bộc bạch, vị sĩ quan kia buộc ngựa vào gốc cây sải bước đến chỗ chúng tôi, nhìn ba tôi, hỏi:

- Các người không phải nông dân bình thường chứ?

Đối với một sĩ quan Trung Quốc, ba không che giấu thân phận làm gì, trả lời rất điềm nhiên:

- Tôi là một giáo viên.

- Thầy giáo dạy học? Mắt vị sĩ quan sáng lên, lại nhìn sang phía mẹ tôi: - Bà kia là vợ của ông?

- Vâng, cô ấy cũng là một giáo viên - Ba tôi đáp.

-Ồ! - Nét mặt vị sĩ quan đầy vẻ trân trọng, ông ta nhìn ba mẹ rồi nhìn chúng tôi, hỏi ngắn gọn nhưng rành rọt: - Các người muốn đi đâu bây giờ?

- Tứ Xuyên!

- Tứ Xuyên à? Vị sĩ quan như nghe điều gì lạ lùng lắm, liền nói lớn: - Ông có biết đến đó bao nhiêu xa không?

- Tôi biết. - Ba tôi đáp lại thản nhiên nhưng kiên quyết. - Rồi quê hương, tôi biết con đường này dài lắm, nhưng tôi phải đi, tôi không thể ở lại nơi này để quân Nhật làm ô nhục.

Vị sĩ quan nọ nhìn chằm chằm ba tôi. Lúc này tôi mới để ý tới ông ta, khuôn mặt chữ điền, tai lớn, mắt to, chân mày rậm, thân hình cao lớn, lưng dài vai rộng... diện mạo ông ta cũng như con ngựa kia, hiên ngang, lịch lãm, một quân nhân điển hình, từng xông pha trận mạc. Nhìn ba tôi hồi lâu, ông ta mới hỏi:

- Ông định gánh con đi Tứ Xuyên như thế này à?

- Có xe lửa chở người lánh nạn thì đi xe lửa, không có xe thì đi bộ thôi!

Viên sĩ quan lắc đầu rõ lâu.

- Các người không đi nổi đâu.

- Không đi nổi cũng đi bằng được!

Viên sĩ quan lại cau mày ngờ vực. Ông ta chăm chú quan sát chúng tôi, dường như suy ngẫm điều gì đó liên quan đến chúng tôi rồi đột nhiên nói:

- Người có học thức như mấy người kỳ lạ thật, tôi không được học, bình sinh tôi rất phục người có học! Thôi thế này nhé, để tôi mách cho các người một con đường. Để các người đi lộn xộn trong hàng quân thể này là không ổn, tôi chú ý đến mấy người lâu rồi, chúng tôi đang rút lui, tinh thần quân đội sa sút, tính khí cộc cằn, sớm muộn gì rồi các người cũng bị đụng chạm. Cách duy nhất bây giờ là các người nên tìm đến bộ đội Quảng Tây, để họ giúp đỡ mấy người đến Quảng Tây vậy, tuyến đường của bộ đội Quảng Tây cùng hướng với mấy người, có quân đội bảo vệ, các người sẽ không bị hà hiếp, cũng không bị tụt hậu, như vậy mới đi đến nơi được!

- Bội đội Quảng Tây? - Nãy giờ yên lặng, mẹ tôi vụt nói xen vào: - Bội đội nhiều như thế, làm sao biết cánh nào là bội đội Quảng Tây, thưa ông?

- Tôi là bội đội Quảng Tây. Viên sĩ quan nọ đẩy đẩy cái mũ, nói lớn: - nếu mấy người đồng ý, tôi sẽ đưa mấy người đi Quảng Tây!

Lúc đó, ba mẹ tôi đều đứng ngậy người, trao đổi với nhau bằng ánh mắt. Trong thời ly loạn, lòng người khó dò, ba mẹ tôi đứng trước một quyết định, vị sĩ quan này là một người tốt hay người xấu? Trong chốc lát, ba tôi quyết định ngay. Ba đưa tay ra, tự nhiên và thành thật:

- Tôi họ Trần, Trần Chí Bình. Chúng tôi thành tâm tiếp nhận sự giúp đỡ của ngài. Rất cảm kích trước lòng tốt của ngài.

Vị sĩ quan kia chìa tay thô tháp bắt chặt tay ba tôi, lắc mạnh, nói với vẻ đầy hứng khởi:

- Tôi họ Tăng, tên Bưu, đại đội trưởng đại đội hậu cần trung đoàn 27!

Đó là đại đội trưởng Tăng. Từ đây, chúng tôi là dân được ông ấy bảo vệ. Đi theo bộ đội của ông ta, ăn quân lương của ông ta, uống nước trong bình tông của ông ta... Đại đội trưởng Tăng làm thay đổi vận mạng cả nhà chúng tôi!

CƯỜI NGỰA

Những ngày đi với đại đội trưởng Tăng là những chuỗi kỷ niệm mãi mãi không bao giờ quên.

Đại đội trưởng Tăng thấy chân mẹ tôi lở loét; bước chân ba cũng đã quàng xiên, ông ta liền ra lệnh cho một trung đội trưởng dưới quyền nhường con ngựa của chú ấy cho mẹ tôi. Trung đội trưởng họ Vương, ngoan ngoãn phục tùng. Chú ấy dắt ngựa đến, nhìn thấy con ngựa vừa cao vừa to, hể nó lắc đầu là hơi ở lỗ mũi phun phì phì, móng chân đã bị hư, mẹ tôi lắc đầu nguây nguẩy, nói:

- Tôi đi bộ! Tôi đi bộ thôi mà!

- Không được! - Đại trưởng Tăng nhíu mày, nói như ra lệnh, coi mẹ tôi hết như một quân nhân dưới quyền. - Không cưỡi ngựa không được! Lên ngựa!

Mẹ tôi không dám chống lệnh, đành dẫn lòng, ngoan ngoãn trèo lên lưng ngựa. Mẹ mới chạm đến yên ngựa, con ngựa kia nhìn ra chủ, hí lớn, làm mẹ tôi sợ quá quay đầu bỏ chạy. Bộ đội thấy vậy không nhin được cười, đại trưởng Tăng không cười, nghiêm khắc nhìn mẹ tôi, thế là bà lại ngoan ngoãn bước tới bên cạnh ngựa, được trung đội trưởng Vương đỡ một tay, khó khăn lắm mới trèo được lên yên ngựa. Nhưng mới vừa ngồi thẳng lưng, con ngựa kia lại hí lên một hồi dài, bồm dựng ngược, chân trước đứng thẳng, mẹ sợ quá hét lớn, ôm chặt cổ ngựa, không chịu buông tay. Lúc đó, đại trưởng Tăng cũng không nhin cười được. Ông ta lắc đầu bảo trung đội trưởng Vương đỡ mẹ tôi xuống khỏi lưng ngựa, rồi tự ông ta dắt con ngựa của mình lại, nói gọn tron:

- Đổi ngựa!

Thì ra ngựa của ông rất thuần, mẹ tôi ngồi lên, nó không hề trở chứng. Nhưng bà vẫn phòng ngựa, mặt trắng bệch, thế rồi đại đội trưởng phải cử một binh sĩ đến dắt ngựa và “phụ trách bảo vệ an toàn cho bà Trần!”. Còn ông thì cưỡi con ngựa của trung đội trưởng Vương. Về sau, chúng tôi mới biết, đại đội

trưởng Tăng rất yêu quý con ngựa của mình, không bao giờ nhường cho ai.

Cứ như vậy, chúng tôi theo đại đội trưởng Tăng. Hai người gánh đồ vẫn tiếp tục gánh chúng tôi và hành lý. Mỗi lần lên lộ, chúng tôi mới phát hiện ra sự cách biệt rất xa giữa tốc độ hành quân và bước đi chậm chạp của mình, quân đội có thể đi một mạch mấy tiếng đồng hồ không nghỉ, kể cả hành quân đêm. Nửa đêm, bất chợt có thể lên đường. Cứ thế đi được hai hôm, hai người gánh đồ bắt đầu than thở, họ nói với ba tôi là không làm nữa. Ba tôi chỉ biết năn nỉ, hy vọng họ nhẫn nại, gánh tiếp chúng tôi đi, nhưng hai người bắt đầu từ chối quyết liệt. Họ bảo:

- Chúng tôi không đi nữa, chúng tôi phải về nhà! Món tiền này khó nhá lắm, chúng tôi không làm!

Ba tôi nói ngon nói ngọt gì họ cũng không nghe. Đang lúc giằng co, đại đội trưởng Tăng vội bước tới, nói như hét lớn:

- Không làm hả? Ai cho phép mấy người không làm. Đã thỏa thuận đi đến Quảng Tây, chưa đến Quảng Tây, mấy người muốn đổi ý hả?

Hai người gánh đồ thấy đại đội trưởng Tăng dữ dằn quá phát sợ, không dám nói thêm gì, một trong hai người còn làu bầu kêu khổ, đại đội trưởng Tăng đưa tay đánh bốp một tiếng lên khẩu súng lục đeo bên hông, nhướn mày hỏi:

- Người nào không muốn làm?

Hai người gánh đồ chẳng dám hó hé nữa lời. Ngày hôm đó, chúng tôi vẫn đi tiếp. Chiều tối, dừng lại ăn cơm. Quân đội thì có anh nuôi, chuyên lo cơm nước, bất cứ lúc nào cũng có thể đặt lò làm cơm. Lúc ăn, một người gánh đồ đã để lộ u vai của mình, ba tôi nhìn mới biết trên vai người ấy bị bong đi một mảng da lớn và đang rỉ máu. Ba tôi hốt hoảng. Đại đội trưởng Tăng đứng bên cũng nhìn thấy. Khi bộ đội sắp sửa hành quân, đại đội trưởng Tăng dắt lại một con ngựa, nói với ba tôi:

- Ông Trần, ông cho mấy cháu cưỡi ngựa, để bớt nặng cho mấy người kia!

Ba tôi tuân lệnh, không phải vì mình mà là vì mấy người gánh đồ. Thế rồi ba tôi cũng lên lưng ngựa, tôi ngẩng đầu nhìn ba, không mấy gì tin tưởng ở cái tư thế cưỡi ngựa của ông. Ông ngồi vắt vẻo, trông chẳng oai vệ tí nào. Đại đội trưởng Tăng ẵm tôi ngồi vào lòng ba, rồi hỏi:

- Được chưa? Ông Trần, ông có biết cưỡi ngựa không đó?

- Yên trí - Ba vui vẻ nói: - Tôi đâu có như bà xã nhà tôi....

Nói chưa dứt lời, con ngựa nguẩy đầu, hích mông, tôi chỉ còn kịp nghe ba

tôi kêu “ôi a” và ôm tôi lăn từ trên lưng ngựa xuống, tôi ré lên, văng ra mặt đất. Sợ quá tôi khóc rống lên, mẹ tôi hét hoảng ôm chặt tôi, xem tôi bị thương ở chỗ nào. Cũng may, tôi không bị thương, chỉ trầy sơ sơ, ba tôi cũng không việc gì, ba nói như chữa then với đại đội trưởng Tăng:

- Coi bộ con ngựa này nó không có cảm tình với tôi!

Đại đội trưởng Tăng cười ha hả:

- Ông Trần, học hành thì ông giỏi, cưỡi ngựa thì ông chẳng ra gì!

Nói xong, ông quay mình, lên ngựa, nói với tôi: - Cháu ngồi lên đây với chú!

Tôi lắc đầu lia lịa, quấn chặt vào lòng mẹ. Đại đội trưởng Tăng an ủi:

- Chú không như ba con, chú không để con bị ngã đầu mà lo!

Nói xong ông xuống ngựa, chẳng nói chẳng rằng ôm chặt lấy tôi, rồi nhảy lên lưng ngựa, tôi không còn biết mình lên như thế nào thì đã ngồi lọt thỏm vào lòng ông ta. Ông vòng tay đỡ tôi và hỏi: - Thế nào? Chắc chắn chứ?

Tôi chẳng nói chẳng rằng. Ở tuổi ấu thơ, ấn tượng của tôi về ông Tăng khá đậm nét. Đó là một nhân vật đáng kính trọng nhưng cũng đáng sợ, ông ta oai vệ, dũng cảm, thô kệch, táo bạo.. Không hỏi tôi gì nữa, ông kéo dây cương, hô lớn:

- Chuẩn bị - xuất phát!

Cả đoàn người ngựa tiến về phía trước. Tôi ngồi vậy, gió núi thổi mát rượi, lưng ngựa nhún từng nhịp một, hai chân duỗi thẳng, so với ngồi bó chân trong thúng thoải mái hơn nhiều. Tại sao Kỳ Lân và bé Tam đều muốn cưỡi ngựa mà ông ta lại chọn tôi, tôi không hiểu hết ý, và cũng gần như quên mất chuyện ngã ngựa vừa rồi. Tôi ngoảnh đầu nhìn đại đội trưởng Tăng, liền bắt gặp ánh mắt ông, thì ra ông đang cười với tôi!

- Chú có hai đứa con. Ông nói nhỏ nhẹ. - Chú không có con gái! Chú thích con gái lắm!

Tôi cười, nhưng chẳng nói gì. Tánh tôi lúc nhỏ là vậy, trầm lặng và hay mặc cỡ.

Từ hôm đó trở đi, tôi không ngồi thúng nữa, thật tội nghiệp cho bé Tam và Kỳ Lân! Ai mà biết được chính sự sắp đặt đó đã tạo ra bao nhiêu biến cố giữa tôi và hai em trai tôi.



ĐẠI PHONG ẢO

Đúng tôi bắt đầu vượt qua Đại Phong ảo!

Đại Phong ảo là tên một ngọn núi. Tên gọi đó đã để lại trong ký ức tôi một ấn tượng vô cùng sâu sắc.

Hồi đó, chúng tôi đã có mặt ở ranh giới Hồ Nam để sửa soạn tiến quân về hướng Quảng Tây. Có mấy con đường lớn có thể đi thoải mái, nhưng lộ trình xa, và quân Nhật có khả năng thọc vào đánh phá từng chặng, rất nguy hiểm. Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng bản đồ, đại đội trưởng Tăng chọn phương án vượt qua Đại Phong ảo để đến Quảng Tây.

Quân đội tuy có người dẫn đường nhưng họ không có kinh nghiệm vượt qua ngọn núi này. Người địa phương cho biết đây là ngọn núi kỳ quái, hoang vu, đầy rắn độc và thú dữ, nói cho cùng, là một ngọn núi chưa từng ai vượt qua.

Nhưng đại đội trưởng Tăng đã quyết định rồi thì không thay đổi nữa. Ông tập trung hết ngựa lại, dẫn đầu đội ngựa đi trước mở đường, bộ binh và khí giới theo sau. Mẹ tôi cũng nhường lại con ngựa đang cưỡi cho một binh sĩ giỏi ngựa đi lên mở đường. Còn tôi, tôi vẫn ngồi trên lưng ngựa cùng đại đội trưởng Tăng, con ngựa đi đầu tiên, tôi thấy kiêu hãnh và phấn khởi hẳn lên, vì không như các em tôi vẫn ngồi khoanh trong thúng. Chẳng những ngồi đằng hoàng, hai chân duỗi thẳng, mà còn là người đi đầu để mở đường nữa chứ!

Nhưng vừa mới lên núi, niềm kiêu hãnh và sự phấn chấn của tôi trong chốc lát đã tan thành mây khói. Núi mọc đầy cỏ dại cao hơn đầu người. Đại đội trưởng Tăng và các kỵ sĩ đều mặc quần dài, chân đi ủng, còn tôi mặc quần cụt, hai chân phơi trần, bị cỏ cửa rớm máu không biết bao nhiêu chỗ, đại đội trưởng Tăng lại lo dẫn đường, không hề để tâm đến cái chuyện vật vãnh như vậy. Tôi đau đến ứa nước mắt nhưng vẫn cắn răng chịu đựng, không hé nửa lời, người cưỡi trên lưng ngựa không được rơi nước mắt.

Xuất phát từ tờ mờ đất, tuy nghe nói đường lên núi chỉ có bảy dặm, mà sao đi mấy giờ liền vẫn chưa leo đến đỉnh. Trời nóng như đổ lửa, mồ hôi đổ nhễ nhại, quân phục các chú bộ đội ướt đẫm. Trên núi đầy đá dăm và gai góc, không có nguồn nước. Nước trong bình tông mọi người đem theo bên mình đều đã uống cạn. Đường núi càng lúc càng gập ghềnh, hiểm trở, có một binh sĩ đã bị ngã vì say nắng... làm xao động cả hàng quân. Lúc bấy giờ, đại đội trưởng Tăng mới hạ lệnh dừng chân nghỉ tạm.

Ông ôm tôi xuống ngựa, mới ngạc nhiên phát hiện những vết thương cào xước hai giò của tôi. Ông lo lắng hỏi:

- Bị cứa rách thế này sao cháu không nói năng gì cả?

Ông không thể hiểu được rằng, trong con mắt tôi lúc đó, ông chẳng khác nào một vị thần. Tôi làm sao lại có thể rên rỉ bên cạnh “thần” được? Ông gọi y sĩ đến bôi thuốc, rồi lấy bình tông nước đưa tôi uống. Bình tông nước của ông còn đầy ắp, thì ra dọc đường các binh sĩ đều nốc cạn nước chỉ mình ông chưa uống ngụm nào. Tôi uống hai hớp, nghĩ rằng lúc này nước quý hơn tất cả, nên không dám uống nhiều, rồi trả bình tông lại cho ông. Đại đội trưởng Tăng vẫn không uống, lại đưa bình tông cho ba, mẹ và hai em trai tôi, mỗi người cũng chỉ uống có vài hớp. Ông lại đưa bình tông cho người lính bị say nắng, đến khi bình tông được trả lại thì chẳng còn giọt nước nào!

Đại đội trưởng Tăng, người sĩ quan lạ lùng đó đã để lại trong tôi ấn tượng thật sâu sắc. Sau này những người đàn ông được tôi sùng bái, chính là những mẫu người như đại đội trưởng Tăng. Mãi nhiều năm về sau tôi viết “Sau giấc mộng”, trong đó có chương “Lưu vong khúc” chính là viết về ông - người đại đội trưởng tuyệt vời này.

Xin trở lại cuộc hành trình đầy gian khổ.

Càng lên cao, núi càng dốc đứng, lại bị những tảng đá lớn chắn ngang phải vừa bò, vừa trèo, ngựa leo càng vất vả. Binh sĩ không ai kêu khổ nhưng đã thấm mệt. Đại đội trưởng Tăng đã xuống ngựa, dắt bộ, trên lưng ngựa chỉ còn lại mình tôi và một ít hành lý. Lúc đó, có một công binh vai mang bình khí, bước đi chệnh choạng như sắp ngã, đại đội trưởng Tăng lạng lẽ đến bên người lính nọ, đỡ lấy bình khí, ngoái cổ nhìn lại con ngựa của mình, rồi không hiểu sao ông mang luôn số bình khí đó trên vai.

Xế chiều, chúng tôi đi đến đỉnh núi.

Đứng ở chỗ cao nhất của ngọn núi nhìn xuống, ai nấy đều lặng người giây lát

và liền theo đó rộ lên tiếng reo hò vui sướng.

Thì ra, dưới chân núi đã là Quảng Tây. Chỉ có ai từng nhìn thấy “sơn thủy” Quảng Tây mới hiểu hết ý nghĩa của câu “Quế lâm sơn thủy nhất thiên hạ”. Ngọn núi Đại Phong ảo với đất liền thực sự là hai thế giới riêng biệt.

Dưới núi, bình minh bao la trải dài những tảng đá hình thù quái dị, dựng thẳng đứng, tảng thì sắc nhọn, tảng thì tròn như quả trứng, lô nhô, ẩn hiện trong thảm cỏ xanh rờn, vừa kỳ dị vừa đẹp mắt. Nhưng binh sĩ reo hò không phải vì phong cảnh “nhất thiên hạ”, mà là nước! Đã bao ngày không gặp nước! Mọi người đang khát cháy họng. Thì ra, giữa những tảng đá lớn kia là dòng suối ngoằn ngoèo lượn quanh chân núi, tiếng nước róc rách, rì rào như mời gọi mọi người.

Lúc này, cả quân ngũ như lên cơn điên!

Quên hết kỷ luật quân đội, quên hết nhọc nhằn, vất vả, cả đoàn quân vừa hò reo, vừa lao xuống chân núi. Lần đầu tiên đại đội trưởng Tăng không ràng buộc binh lính dưới quyền của mình, ông để mặc cho họ lăn ào xuống núi, lao vào dòng nước.

Chẳng hiểu sao, tôi cũng lao xuống dòng nước. Ba, mẹ Kỳ Lân, em bé trai, cả nhà đều ở dưới nước. Chúng tôi tạt nước, té nước, la ré ầm ĩ. Từ khi xa nhà, đây là lần đầu cả nhà cười thỏa thích. Nước sông vừa trong, vừa mát, thật dễ chịu, ai nấy đều trầm mình ướm như chuột lột.

Đêm ấy, chúng tôi dựng trại bên dòng suối. Đêm ấy, trời đầy trăng sao, non nước hữu tình. Đêm ấy, tất cả đều rất đẹp, nhưng rồi sau đêm ấy thì sao?

EM TRAI MẬT TÍCH

Ngày hôm sau, lại bắt đầu hành quân.

Lính của đại đội trưởng Tăng không phải là lính chiến đấu, mà là lính hậu cần, trang bị nặng nề, sức người không lại, người ngựa mệt nhoài qua những con đường gập ghềnh, khúc khuỷu. Mục tiêu hôm ấy là thành Đông An, thuộc biên giới Quảng Tây, nhưng mới đến Bạch Nha - một thị trấn nhỏ cách Đông An còn xa thì ai nấy đều mệt rã rời, phải lê bước một, trời lại tối sầm, mọi người phải mò mẫm mà đi. Thế là, đại đội trưởng Tăng hạ lệnh đóng quân bên ngoài thị trấn.

Để khỏi phiền dân và cũng tránh cho binh sĩ không bị kỷ luật bởi sự cảm dỗ vật chất, đại đội trưởng Tăng không cho lính vào nội thành Bạch Nha. Nhớ lại, có một đêm chúng tôi đóng quân trong một thị trấn nhỏ, nửa đêm bị hai phát súng đánh thức, ai nấy tưởng là quân Nhật đuổi theo sát hại. Về sau mới biết đó là hai phát súng do đại đội trưởng Tăng bắn một binh sĩ dưới quyền vì người đó đã bẻ của dân một cây mía, ông phát hiện và bắn ngay tại chỗ. Vì sự việc đó, ba tôi bất mãn sâu sắc, ông kháng nghị với đại đội trưởng Tăng, sao lại coi mạng người rẻ rúng hơn cây mía! Xử phạt như vậy có quá nặng không? Đại đội trưởng Tăng vẫn điềm nhiên nói, nếu không giữ nghiêm kỷ luật, thì binh lính đi đến đâu phá phách đến đó như những đàn châu chấu, sẽ mang lại đại họa cho nhân dân. Thử hỏi bọn Nhật dày xéo nhân dân còn chưa đủ sao, mà lại dung dưỡng cho bộ đội của chúng ta phá phách của dân nữa? Chặt cây mía là việc nhỏ, nhưng đây là kỷ luật, một qui định không được phép vi phạm!

Đại đội trưởng Tăng quả là một con người lạ lùng, hết sức lạ lùng.

Trở lại đêm đóng quân ở Bạch Nha. Chỉ một loáng các anh nuôi đã nấu xong một nồi cháo vừa nóng vừa thơm, lại mời chúng tôi ăn. Mẹ tôi múc cháo rồi đi gọi các em tới, nhưng không thấy chúng ở đâu. Mẹ liền gọi to tên từng đứa, nhưng không có đứa nào đáp lại:

- Kỳ Lân ơi, Bé ơi! Kỳ Lân ơi, Bé ơi! Mẹ càng gào, càng hoảng hốt, cuống cuống. - Kỳ Lân ơi, Bé ơi! Các con ở đâu? Hai người gánh đồ, người gánh đồ, hai người gánh đồ đâu cả rồi? Các con tôi nữa? Các con ở đâu?...

Ba tôi hoảng loạn, vừa réo gọi, vừa hốt hải chạy tìm khắp nơi nhưng hai em vẫn biệt tăm, đồ lè và người gánh đồ cũng mất dạng.

Cả đoàn quân đều nháo nhác, nghe động, đại đội trưởng Tăng cũng lao tới. Vì đội ngũ hành quân dài quá, hai người gánh đồ thường đi lẫn vào hàng, khi đi trước, lúc tụt sau, đâu phải lúc nào cũng ở trong tầm quan sát của ba mẹ tôi, hơn nữa ba mẹ tôi đã rất tín nhiệm họ, lại có quân đội bảo vệ, không sợ họ làm điều càn quấy. Nhưng bây giờ tất cả, tất cả, từ người gánh, hành lý, đôi thùng là chỗ ngồi của hai em trai tôi đều không thấy nữa!

Ba mẹ tôi như phát điên, đến từng người lính hỏi:

- Có thấy người gánh đồ không? Có thấy các con tôi không?

Đại đội trưởng Tăng lập tức cử hai binh sĩ và toàn đội trinh sát đi lùng sục khắp các ngã đường, nhưng đều về báo là sau khi nhỏ trại thì không thấy họ đâu nữa.

Mấy em tôi lạc mất rồi! Ba mẹ tôi như điên như dại.

- Đừng có hoảng thế! Hãy bình tĩnh! - Đại đội trưởng Tăng trấn tĩnh: - Mục tiêu của chúng ta là Đông An nhưng nửa chừng bị dừng lại ở đây, nhất định mấy người ấy đi nhanh đến Đông An trước, biết đâu họ đang tìm chúng ta ở Đông An! Đừng hốt hoảng, ngày mai chúng ta đi Đông An sớm một chút, bảo đảm sẽ tìm được!

Đại đội trưởng Tăng quả là có sức mạnh lạ thường để trấn an lòng người. Càng nghe, ba mẹ tôi càng thấy có lý, tuy vậy, đứng ngồi không yên, không làm sao chợp mắt được, chỉ mong sao trời mau sáng.

Đêm ấy dài vô tận, ba mẹ và tôi suốt đêm không ngủ, mẹ tôi khóc mãi, cứ trách mình sao không trông chừng hai con, còn ba thì không ngớt an ủi mẹ, hai mí mắt cũng đỏ hoe. Tôi nghiêng răng, nín lặng, chỉ giục trời mau sáng! Các em tôi nhất định đang ở trong thành Đông An, nhất định ở Đông An.

Trông mãi rồi trời cũng sáng, bội đội nhỏ trại lên đường. Lại đến Đông An.

Vừa vào Đông An, ba, mẹ và đại đội trưởng Tăng đều đứng lặng.

Thì ra, Đông An là một thành phố lớn, rất đông dân. Nhưng theo chủ trương của trên, thì Đông An được chuẩn bị rút bỏ, cho nên nhân dân trong thành phố được Chính phủ sắp đặt cho rút trước toàn bộ. Bây giờ chúng tôi vào

thành Đông An không có dân cư, nhà nhà đều đóng cửa. Trong thành toàn là quân đội của chính phủ, các sư đoàn, tiểu đoàn, đại đội đều có. Thành phố trở thành một trại lính lớn. Đã như vậy, biết tìm đâu ra người gánh đồ? Và hai đứa con nít giữa thành phố rộng lớn này.

Đại đội trưởng Tăng cho mấy binh sĩ đi khắp thành Đông An để tìm, nhưng không ai, không một ai tìm thấy người gánh đồ và hai cháu bé.

Ba mẹ đau đớn đến tuyệt vọng. Bình tĩnh vững vàng như đại đội trưởng Tăng cũng đã bắt đầu lo lắng, dao động. Hay là bọn họ còn ở Bạch Nha chăng. Từ núi Đại Phong ảo đến Bạch Nha đều đi đường nhỏ, nếu như người gánh đồ đi đường lớn, hoặc là nghỉ chân giữa đường, thì có thể họ đến Bạch Nha chậm hơn đội hình hành quân. Cũng có thể từ Bạch Nha đến Đông An còn có một con đường nào khác, và do vậy có khả năng họ còn nằm ở dọc đường. Đại đội trưởng Tăng vừa giải thích và an ủi chúng tôi xong lập tức cử hai tốp ngựa phân làm hai cánh hướng về Bạch Nha để tìm.

Tốp kỵ binh thứ nhất quay về báo: Không tìm ra tông tích.

Chúng tôi dồn tất cả hy vọng vào tốp thứ hai. Thời gian chờ đợi hết sức nặng nề. Tốp kỵ binh thứ hai do trung đội trưởng Vương chỉ huy đã quay về báo cáo:

- Chúng tôi không tìm thấy các cháu nhà họ Trần, nhưng lại gặp một toán lính Nhật. Chúng nó bắn chúng tôi, chúng tôi cũng bắn trả rồi quay nhanh về đây báo cáo.

Nghe nói, để bảo tồn thực lực kháng chiến, chính phủ không đánh lẻ tẻ, quân đội phải tuân lệnh rút về các nơi. Đông An không phải là chiến trường, nên các cánh quân đang đồn trú tại đây đều gấp rút lên đường hướng về mục tiêu của mình. Cánh quân hậu cần do đại đội trưởng Tăng phụ trách phải bám theo họ.

Khi nhìn các cánh quân đã rút đi gần hết, đại đội trưởng Tăng không thể do dự được nữa. Ông ra lệnh cho bộ đội của mình lên đường, cúi xuống ôm vội tôi lên ngựa, rồi gọi lớn ba mẹ tôi:

- Ông Trần ơi, tuổi còn trẻ, sợ gì không có con? Mạng người là quý, đi nhanh thôi! Ông vừa nói vừa thúc ngựa đi. Có lẽ ông nghĩ rằng, chỉ cần mang tôi đi, thì ba mẹ tôi đành phải đi theo!

Những ngày ấy, tôi cùng ngồi trên ngựa với đại đội trưởng Tăng, và cũng chính vì cùng đi ngựa theo ông nên tôi không bị mất tích như hai em trai. Chỗ ngồi trên lưng ngựa ông Tăng thì tôi quen quá rồi, không hiểu sao, lần này tôi

thấy rụng rời cả người khi nhìn thấy bộ tịch đáng thương của ba mẹ tôi, hai người đứng ngây bên đường đi như hai khúc gỗ, không động đậy. Lòng tôi đau như xé, tôi không sao ngồi vững trên lưng ngựa được. Tôi hét lên:

- Mẹ ơi!

Tôi giãy giụa nhảy xuống ngựa, trong lúc đại đội trưởng Tăng chưa kịp kéo tôi lại, thì tôi đã tuột khỏi lưng ngựa, quay đầu lại chỉ còn nghe tiếng hí dài của con tuấn mã đang mang đại đội trưởng Tăng vọt nhanh lên trước như một mũi tên bay. Tôi may mắn không bị ngựa dẫm chết, thật là lạ!

Tôi lồm cồm bò dậy, lê mình đến bên mẹ.

Mẹ tôi đưa hai tay ôm chặt tôi vào lòng, ba tôi đứng như trời trồng một bên. Ba người cứ đứng vậy như kẻ mất hồn nhìn từng tốp, từng tốp quân chạy vọt qua trước mặt.

Mọi việc xảy ra quá nhanh, đại đội trưởng Tăng đã mất hút, bộ đội đã đi hết, chỉ có đất bụi mịt mù cuộn bay theo gió.

Thành Đông An bề thế là vậy, trong bỗng chốc trở nên trống rỗng. Trong thành chỉ còn lại ba chúng tôi. Bốn bề im lìm như chết. Cửa các nhà mở tung, rương hòm quần áo đồ đạc vứt bừa bãi trên đường phố. Mỗi lần có gió, gió tung lên trời lá cây, giấy vụn và cát bụi mịt mù. Nhưng chúng tôi chẳng còn bụng dạ nào để tâm đến cảnh đó, chúng tôi chỉ nghĩ về hai đứa em trai giờ này không biết lưu lạc phương nào!

13-ĐÂM ĐẦU XUỐNG SÔNG

Tôi không nhớ chúng tôi đã đứng như vậy ở Đông An mất bao lâu, để sau đó lại bắt đầu bước chân lưu lạc. Ba mẹ tôi dắt tay tôi mỗi người mỗi bên như cái xác không hồn ra khỏi thành phố.

Lúc tuột khỏi lưng ngựa, tôi đánh rơi đôi giày, nhưng còn bụng dạ đâu mà nhớ tới giày với dép. Ra khỏi thành, bước trên đường đầy xỉ than và đá cuội, đôi bàn chân trần của tôi bị xói đau đến buốt lưng, nhưng tôi đành cắn răng chịu đựng, không hề kêu than. Nhìn ba mẹ tôi thấy xót xa quá, tuy còn nhỏ dại, nhưng tôi đã hiểu thế nào là nỗi quạnh hiu, đau xót và tuyệt vọng của con người.

Ngoài thành có một con sông gọi là sông Đông An, chiếc cầu bắc qua đó cũng gọi là cầu Đông An.

Lên đến giữa cầu, mẹ tôi đột ngột dừng lại, tựa mình bên lan can nhìn chăm chăm xuống dòng nước đang chảy xiết. Chưa kịp hiểu mẹ muốn gì, tôi đã thấy ba tôi nhanh như cắt lao tới, ôm chặt lấy mẹ tôi, nghẹn ngào:

- Dừng! Dừng em!

- Còn đường nào nữa đâu mà dừng mình ơi? - Mẹ tôi khóc tức tưởi - Hai đứa con đã mất rồi? Toàn bộ hành lý, áo quần mất cả rồi? Phượng Hoàng đến đôi giày cũng không có. Đại đội trưởng Tăng cũng đi rồi, quân Nhật sắp tràn tới nơi rồi. Con mất rồi, lòng tôi thực sự đã chết, giặc Nhật đuổi kịp đảng nào chúng ta cũng chết, nhưng lại là cái chết như chớp trong tay giặc Nhật, chỉ bằng chết đảng hoàng chính trong vòng tay của chúng ta!

Ba tôi nhìn trời thở dài.

- Được, thì chết! Ba người cùng chết chung vậy!

Mẹ tôi quỳ xuống, nói với tôi: - Phượng Hoàng ơi, con có muốn chết chung với ba mẹ không con?

Lúc đó, tôi mới có sáu tuổi, chưa hiểu hết ý nghĩa thật sự của cái chết, tôi đi theo ba mẹ, ba mẹ muốn chết, lý nào tôi lại làm khác. Tôi chỉ cảm thấy xốn xang, nước mắt ràn rụa, tôi nhớ Kỳ Lân, nhớ em trai, tôi biết chúng nó đã mất, cả nhà không thể nào gặp lại.

Tôi trả lời mẹ: - Con muốn!

Nói xong, tôi khóc.

Mẹ tôi cũng khóc.

Ba tôi cũng khóc.

Chúng tôi vừa khóc, vừa đi xuống cầu, đến chỗ lùm cỏ bên bờ, tôi thấy ba

tôi chăm chú nhìn mẹ tôi, rồi ôm nhau hôn thắm thiết, sau đó hai người chọn một chỗ dốc bên bờ cùng lao xuống sông.

Nước sông có lẽ không sâu lắm, vì tôi thấy ba cứ dìm đầu mẹ xuống nước, tôi không hiểu sao ba tôi lại làm như thế. Mẹ tôi không cự quậy nữa, ba tôi cũng không cự quậy nữa, nước sông không nhấn chìm ba mẹ được, nhưng ba mẹ cũng đã nằm yên rồi.

Tôi bắt đầu sốt ruột, tôi không biết ba tôi đã chết chưa, tôi đã nói là muốn chết, mà chết là phải thôi, nhưng tôi không biết cách chết như thế nào. Ba mẹ nói muốn chết thế là ôm nhau lao xuống sông, thì ra, muốn chết là phải xuống sông.

Do đó, tôi lần từng bước đi xuống sông. Nước chảy rất siết, người tôi cứ lắc lư, lão đảo nhưng tôi cũng không biết tại sao lại còn giữ được thăng bằng. Nước sông dần dần ngập giò, ngập lưng quần, và khi nước lút quá bụng, tôi không sao đứng được nữa, liền ngồi xuống. Vừa mới ngồi, nước sông liền ngập đến cổ, tôi hết hoảng, kinh sợ vô cùng, bản năng buộc tôi khóc, vừa khóc vừa kêu:

- Mẹ ơi! Ba ơi! Mẹ ơi! Ba ơi!...

Trong nước mắt mơ màng, tôi như mừng tượng thấy mẹ tôi đang động dậy, rồi lại cảm thấy tay mẹ tôi mò lấy chân tôi dưới đáy nước.

Thì ra, mẹ tôi chưa chết, chỉ mới bị nước nhấn chìm, thoi thóp, rồi như bị tiếng khóc thét xé lòng của tôi làm cho tỉnh lại. Bản năng người mẹ bảo vệ con, tay mẹ sờ mó dưới đáy nước, may mắn vớ được chân tôi. Tức khắc, mẹ tôi tỉnh dậy, tỉnh dậy thực sự.

Tôi thấy mẹ tôi giãy giụa, và chồm dậy khỏi mặt nước, vội kéo ba tôi. Ba tôi cũng không chết, nên lồm cồm dậy rồi nhìn mẹ tôi trần trối. Mẹ khóc òa lên, nói nghẹn ngào:

- Không thể chết được! Chúng mình chết thì Phụng Hoàng làm sao?

Câu nói làm tôi càng khóc dữ. Rồi ba người ôm chầm lấy nhau, khóc nức nở, hết khóc, ba mẹ quyết định không chết nữa.

Ba người lóp ngóp bò lên bờ, đứng vào thời khắc ngày hôm ấy, nắng lên rất đẹp. Chúng tôi bị ướt sũng nước, nước chảy ròng ròng từ đầu đến áo quần. Bây giờ ngoài quần áo ướt ra, ba người chẳng có một thứ gì trên tay. Từ khi xa quê hương đến giờ, đây là lần đầu tiên chúng tôi chỉ có hai bàn tay trắng. Đúng là chúng tôi rửa trắng tay từ trong nước. Dưới nắng chói chang, chúng tôi bước vội về phía trước. Vì tôi không có giày, ba tôi thương lắm, thường cõng tôi lên lưng. Tình cảm nồng nàn như lúc đó thật hiếm có đối với tôi, nhất là khi hai đứa em

traí thân yêu không còn nữa!

Ba mẹ tôi lặng lẽ bước đi, dáng vẻ trầm lặng nhưng lại thanh thản bởi ba mẹ tôi thật sự chẳng còn chút gánh nặng nào, chẳng còn biết ngại ngùng, sợ hãi là gì. Bất chấp tất cả (sự thực thì, rất nhiều năm sau này, ba mẹ tôi hay nhắc lại cái lần chết đi sống lại đó, coi đó là gợn sóng bất chợt trong biển đời bao la, hình như sự sống và cái chết, cái được và cái mất đều do trời định sẵn tất cả).

Chúng tôi sống lại như vậy đó.

NGƯỜI THÔN TRƯỞNG GIÀ

N

hà năm người giờ chỉ còn ba. Cổ họng tôi như nghẹn lại, không dám khóc, chỉ sợ hễ khóc là ba mẹ tôi lại chết.

Cuộc hành trình đầy kinh hoàng, có lúc tưởng chừng như ngàn cân treo sợi tóc, dù sao cũng qua đi, như qua trong cảnh đồng sanh đồng tử của cả gia đình trọn vẹn. Bây giờ, mất hai đứa em trai, cái gì cũng khác. Kỳ Lân thì ưa quấy, em nhỏ thì tinh nghịch, không có chúng nó đi cùng, suốt dọc đường đâm buồn tẻ, buồn tẻ đến phát khóc lên được.

Chúng tôi nuốt nước mắt, thờ thần bước đi, lạ một điều là chẳng gặp một ai trên đường, cả tốp lính Nhật mà trung đội trưởng Vương tao ngộ kia cũng chẳng thấy đuổi theo.

Ngoại thành Đông An phong cảnh tuyệt vời, có chim hót líu lo, có cỏ hoa đưa hương ngan ngát, đúng là cuộc sống yên bình của một vùng quê. Nào có ai ngờ đằng sau vẻ yên bình ấy ẩn chứa bao cơn mưa đập gió vùi, mẹ con ly biệt! Chúng tôi bước đi trong nỗi niềm càng thương nhớ khôn cùng các em tôi, lại càng cảm hờn sâu sắc lũ giặc Nhật.

Thường ngày trước đây tôi hay cãi vã và đánh lộn với các em để giành quyền nam nữ bình đẳng (người Hồ Nam rất trọng nam khinh nữ). Bây giờ, tôi toàn nghĩ tốt về các em. Tôi thề rằng nếu gặp lại được các em trên đời này, tôi sẽ mãi mãi nhường nhịn, thương yêu, chở che chúng nó... Nhưng trong thời buổi loạn ly này, một khi đã xa nhau thì biết đến bao giờ mới gặp lại? Không biết chúng nó còn sống hay đã chết, lưu lạc nơi nào?

Suốt ngày hôm ấy, chúng tôi đi, đi mãi. Mẹ tôi có lúc đột ngột dừng chân lại, khe khẽ gọi tên các con, thế là tôi và ba tôi cũng dừng lại, ba người chụm lại ôm nhau khóc. Khóc xong, lại lê bước về phía trước. Trong đời tôi, chưa có ngày nào tê lương ảm đạm như hôm ấy. Ngoại thành mà hoang vắng quá, không một mái nhà còn sót lại, quốc quân đã rút hết, giặc Nhật chưa xuất hiện, cả thế giới này hầu như chỉ còn lại có ba người!

Chúng tôi đi qua một cây cầu gỗ nhỏ, một quả núi hoang sơ, thì hoàng hôn ập đến. Hình như nghe thoảng trong gió, có tiếng gà kêu, chó sủa, có lẽ chúng tôi đang đi vào thế giới của loài người. Rảo bước đi tới, chúng tôi nhận ra một ngôi làng khá lớn.

Làng này nhà liền nhà như một thị trấn nhỏ, (rất tiếc là tôi quên tên cái làng ấy). Ở cổng chính đi vào làng, có mấy thanh niên vạm vỡ đang đứng gác. Đi suốt ngày đường xa, vừa mệt vừa đói, lại thêm dọc đường không gặp một bóng người, giờ đây, nhìn thấy đồng bào mình, lòng chúng tôi nao nao sung sướng, muốn ôm chầm lấy từng người một. Chúng tôi đánh bạo đi vào, ai ngờ, mới bước gần tới cổng, những thanh niên đứng gác kia bỗng rút súng lục giơ lên, hô lớn:

- Đứng yên, kiểm tra!

Chúng tôi kinh ngạc đứng sững lại. Ba tôi đau khổ nhìn trời than vắn thở dài, đáp một thôi một hồi:

- Dạ! Dạ! Dạ! Suốt đường đi chúng tôi đã nghe giặc Nhật nói hai tiếng ấy, bây giờ lại còn bị người Trung Quốc cũng nói hai tiếng ấy. Chỉ vì không cam tâm làm người dân trong vùng giặc chiếm nên mới ra đi để chịu cảnh cha mẹ chia lìa con cái. Kiểm tra ư! Chúng tôi có còn gì nữa đâu để mà kiểm tra!

Ba tôi nói lên mấy câu đầy xót xa, xúc động. Vừa nói xong, một cụ già tóc bạc phơ, dáng hiền lành, từ sau đám thanh niên bước ra, nói với ba tôi thật thân thiết:

- Xin lỗi, chúng tôi tập hợp thanh niên trai tráng trong làng lại, chuẩn bị liều một phen với giặc Nhật. Kiểm tra người qua đường là để đề phòng bọn Hán gian cải trang vào dò la tin tức. Lão nghe mấy câu của anh, biết anh không phải là người lính nạn bình thường. Tôi là thôn trưởng ở đây, nếu anh không từ chối, mời vào trong dùng cơm, chúng tôi còn nhiều phòng trống có thể đón cả nhà anh nghỉ qua đêm!

Thái độ chân thành và lịch thiệp của thôn trưởng, khiến ba tôi tin cậy và có cảm tình ngay với ông. Đêm hôm ấy, chúng tôi đến nhà vị thôn trưởng già được ông mổ gà, giết vịt chiêu đãi chúng tôi một bữa thịnh soạn. Trong bữa ăn, ông hỏi lai lịch chúng tôi và tình cảnh chạy loạn, ba tôi nghẹn ngào kể lại đầu đuôi cảnh ngộ đã gặp trên đường. Người thôn trưởng già nghe rơi cả nước mắt. Sau cùng, ông đột ngột nói với ba tôi:

- Ông Trần, ông muốn đi hậu phương cố nhiên là tốt thôi, nhưng ông có suy nghĩ gì đối với người dân sống trong vùng tạm chiếm không?

Ba không hiểu hết ý. Người thôn trưởng già xúc động nói tiếp:

- Ông Trần, ông xem đó. Chiến tranh Trung - Nhật đánh nhau đã bảy năm, còn đánh bao lâu nữa, ai mà biết được. Quân Nhật đã đánh vào Đông An thì việc chúng đánh đến làng chúng tôi là điều khó tránh, sớm muộn gì làng này cũng bị chiếm như những thành phố, thị trấn khác ở Hồ Nam. Tôi đã tính toán kỹ rồi...

Đến lúc này, ông đã thu hút được sự chú ý của ba tôi, ông nói thẳng thắn:

- Tôi đã bàn bạc với các làng kế cận, cùng nhau tổ chức thanh thiếu niên thành đội du kích để đánh quân Nhật đến cùng. Người già yếu và phụ nữ sơ tán vào trong núi sâu, chúng tôi đã bố trí đầu đó xong xuôi cả rồi. Hễ giặc Nhật đến, thì cả làng vào núi để khỏi bị giặc Nhật tàn sát. Núi sâu hiểm trở, lại có đội du kích bảo vệ, nhất định dân làng không thể rơi vào tay giặc Nhật được. Nhưng ông Trần này, điều làm tôi băn khoăn nhất là trẻ con trong làng cần phải được giáo dục, nếu như kháng chiến còn kéo dài, tám năm, mười năm, thì ai là người dạy cho con cháu chúng ta? Ai là người sẽ dạy văn hóa và lịch sử Trung Quốc cho chúng? Ông Trần, ông là một nhà giáo dục lẽ nào ông không nghĩ tới vấn đề này?

Ba nhìn người thôn trưởng già, với lòng xúc động và cảm phục. Ông chồm tới vỗ vai ba tôi, giọng nói của ông tha thiết, nhiệt tình.

- Ông Trần, ông ở lại đây với chúng tôi. Chúng tôi cần ông! Ông nghĩ xem, đi Tứ Xuyên đường dài dằng dặc, lại hết sức nguy hiểm, chi bằng ông ở lại đây dạy bọn trẻ, là lớp người của ngày mai, đừng để chúng nó làm vong quốc nô!

Người thôn trưởng già nói rất có lý, nhưng ba cũng có lý của ba.

- Để thoát khỏi vùng tạm chiếm, tôi phải trả cái giá quá đắt, lẽ nào lại bỏ dở nửa đường thì còn ra gì! Không được đâu! Tôi phải đi thôi!

- Ở lại mà! Thôn trưởng già xúc động nói: - Ở lại có ý nghĩa hơn là đi!

- Không được đâu. Tôi thấy đi có ý nghĩa hơn là ở lại!

Đêm ấy, tôi đi ngủ rất sớm, vì đã thấm mệt. Nhưng tôi vẫn mơ màng nghe thấy thôn trưởng già và ba tôi còn tranh luận đến tận đêm khuya...

Sáng ra, khi thôn trưởng già buồn bã tiễn chân chúng tôi ra khỏi làng, tôi mới biết ba tôi vẫn không thay đổi mục tiêu của mình. Ba và thôn trưởng già lưu luyến chia tay nhau, ông tặng chúng tôi một ít quà, còn vợ ông thì cho tôi một đôi giày, nguyên là giày bó chân của bà. Vì đi không vừa nên sau đó, tôi đành vứt đôi giày đó. Tôi còn nhớ như in mái tóc bạc phơ và đức tính chân thành khảng khái của ông. Sau này lớn lên, tôi thường nghĩ, ở một làng nhỏ bé như vậy lại có một cụ già yêu nước và sáng suốt đến vậy, đó mới chính là sức mạnh vĩ đại và bất hủ của dân tộc Trung Hoa!

Tôi ghi lại đoạn văn này về người thôn trưởng già, bởi lẽ ông ta có ảnh hưởng cực kỳ to lớn đến số phận sau này của chúng tôi. Biết đâu, lúc nào đó, cũng chính ông đã góp phần quyết định tương lai của chúng tôi đấy!

Sau khi chia tay người thôn trưởng già, chúng tôi tiếp tục hành trình, qua

đều lội suối, đúng trưa, chúng tôi đến một làng khác, người ở khá đông đúc. Vừa đến rìa làng, chúng tôi đã thấy một nam thanh niên trạc ngoài ba mươi tuổi, trông dáng vẻ như đang đứng chờ ai đó. Vừa chạm mặt, anh ta bước tới, chào ba tôi rất lễ phép:

- Xin hỏi, ông có phải là ông Trần không?

Ba tôi ngạc nhiên đến mức giật nảy người. Ở cái làng nhỏ xa lạ nơi đất Quảng Tây này, sao lại có người nhận ra mình mà còn chờ sẵn? Anh thanh niên nọ vui vẻ, cười nói rất tự nhiên:

- Ba tôi chính là ông thôn trưởng ở cái làng mà thầy đã nghỉ lại đêm qua, ba tôi cử người đi suốt đêm đem thư cho tôi, dặn tôi ra ngoài đầu làng đón tiếp thầy. Làm sao cũng mời thầy ở lại bằng được vì con em của chúng ta!

Thì ra con trai của ông thôn trưởng mở cửa hàng tạp hóa ở cái làng này, tuy ông bố thả chúng tôi đi, nhưng lại viết thư nhờ người đem cho con trai để bằng mọi cách giữ chúng tôi ở lại. Ba mẹ tôi cảm động vô cùng, cảm động đến mức không nói được lời nào. Thế là chúng tôi theo chú thanh niên vào nhà.

Ở gia đình chú, chúng tôi được khoản đãi như khách quý, chú cũng có một đứa con gái ngang tuổi với tôi, nên rất mến tôi, sắm sửa cho tôi áo quần, giày dép mới. Người thanh niên nói luôn miệng với ba tôi:

- Ba tôi nói, không giữ được thầy là điều bất hạnh cho cả làng chúng tôi!

Ba mẹ nhìn nhau hồi lâu, không nói câu nào. Đột nhiên ba đập mạnh tay xuống bàn, nói như dao chém thớt: - Được rồi các anh đã thuyết phục được tôi! Chúng tôi đồng ý ở lại! Không đi nữa!

Thế là chúng tôi lưu lại cái làng mà đến giờ tôi không còn nhớ tên nó là gì.

Sự việc này cũng buộc chúng tôi phải viết lại trang sử gia đình. Giả dụ chúng tôi ở lại luôn, không biết rồi sự việc sẽ đi đến đâu? Giả dụ như dứt khoát ra đi, thì sự việc sẽ như thế nào. Rốt cuộc, chúng tôi ở lại, nhưng chẳng được lâu, chỉ vèn vện ba ngày! Tại sao chỉ ở vèn vện có ba ngày? Tôi cũng không hiểu rõ. Chỉ biết rằng, sau ba ngày đó, ba tôi lại nóng lòng, lại nung nấu quyết tâm tiếp tục cuộc hành trình, không muốn ở lại nữa, không muốn bỏ cuộc giữa đường. Dẫu rằng con trai ông thôn trưởng già ra sức giữ lại, nhưng đến tinh mơ ngày thứ tư, chúng tôi rời làng nọ, tiếp tục lên đường.

Ba ngày lưu lại phải chăng là định mệnh đã an bài? Nào ai biết được?

XE LỬA CHỜ DÂN LÁNH NẠN

Tôi không rõ bây giờ có ai còn nhớ tới cảnh xe lửa chờ dân bị nạn trong thời kháng chiến. Và qua cảnh đó rút ra được những kinh nghiệm gì.

Sau khi chúng tôi rời khỏi làng nọ, leo qua một ngọn núi không tên, thì trông thấy xe lửa chờ dân bị nạn chạy về hướng Quế Lâm. Thoạt nghe tiếng còi hú liên hồi, rồi lần đầu thấy cơ man là người, trong toa xe, trên trần xe, dưới gầm xe, người chồng lên người, chen chúc nhau... chúng tôi sung sướng reo lên. Có xe lửa, chúng tôi không phải đi bộ nữa! Có xe lửa, chúng tôi an toàn rồi! Có xe lửa, chúng tôi sẽ đi xe một lèo về tận Tứ Xuyên! Thế là chúng tôi trèo lên trần xe, chen vào trong đoàn người.

Trong ký ức tôi, xe lửa của dân lánh nạn này được phân chia làm ba đẳng cấp: thượng đẳng, trung đẳng, và hạ đẳng. Thượng đẳng là ngồi trên trần xe, ngồi ở đó, dầu có gió thổi, mưa sa, nắng gắt, bạn đều được hưởng trọn. Ban ngày, nắng chiếu như đổ lửa, ban đêm sương giá và gió lùa tê cóng. Gặp phải ngày trời mưa thì không tả sao cho hết ý. Trung đẳng là ngồi trong toa, được bảo vệ chắc chắn, không bị phiền toái bởi cảnh gió lùa, nắng thiêu, mưa xối, hẳn là thoải mái. Nào ngờ, người trong toa bị lèn như cá mả, trai gái, già trẻ, lớn bé đều dồn một đống, người nọ tựa người kia, đứng mà ngủ, có điều chẳng sợ ngã. Các cháu bé thì tiểu tiện tại chỗ, mùi mồ hôi, mùi phân và nước tiểu, mùi hôi hám của thức ăn thừa xông lên ngạt mũi, nghe đã muốn phát bệnh. Lại thêm trong xe còn có tiếng rên rĩ bất kỳ tận của thương binh và người ốm, nghe đến não ruột. Hạ đẳng là nơi không thể tưởng tượng nổi, đến bây giờ nhớ lại, tôi còn lạnh xương sống. Dưới gầm xe, bên trên những bánh xe có hai thanh sắt dài, người dân lánh nạn gác ván lên rồi nằm lên đó mặt mũi như dính vào đáy toa xe. Bên người là những bánh xe quay tít chạm vào đường rày kêu ken két. Sơ ý chút là lăn xuống đường rày, bánh xe sẽ nghiền ra trăm mảnh.

Đấy, xe lửa của người dân lánh nạn là thế.

Tôi và ba mẹ coi như gặp vận may. Chúng tôi tìm được một chỗ trên tầng thượng đẳng. Tôi tưởng trong ba đẳng cấp ấy, thì thượng đẳng là hên hơn cả. Nhưng, người chọn ngồi ở nóc xe ít hơn chọn ngồi trong toa xe nhiều. Bởi lẽ, ngồi trên nóc xe chẳng an toàn chút nào, chỉ cần một nhánh cây nhô ra, là đủ gạt anh rơi xuống đất, dây điện có thể chạm vào anh bất cứ lúc nào, nhờ ngủ gật cũng có thể ngã lăn khỏi xe. Mỗi động tác đều nhất nhất phải cẩn thận, không di động đi đâu được.

Ngồi ở thượng đẳng tưởng đã chấm dứt đoạn đường đi bộ đầy khổ ải, nào ngờ, lên xe rồi mới thấy mình mừng quá sớm. Chưa nói chuyện ngồi ở trên xe chịu bao điều hạn chế và khủng khiếp, chỉ riêng chuyện thở hít khói than phun lên từng luồng cũng đủ làm cho người ta chết ngạt. Xe chạy chưa được bao lâu, mặt mày đã đen thui đen thui. Rồi từng chặng từng chặng lại nghe tiếng kêu khóc thảm thiết vì một tai nạn bất chợt ập đến. Trong thời chiến tranh ly loạn, mạng sống của con người sao mà mong manh, rẻ rúng làm vậy.

Chẳng mấy chốc chúng tôi lại phát hiện thêm một điều mới, chiếc xe chở dân chạy nạn không phải đậu theo ga, mà đậu rất tùy tiện, thích đi thì đi, thích dừng thì dừng, dừng bao lâu cũng được. Do xe thiếu nhiên liệu, nên lúc dừng có thể dừng mấy tiếng đồng hồ liền, có khi cất bỏ cả mấy toa không chừng, cả ban ngày, ban đêm, cả hừng sáng, hoàng hôn... ngày lại qua ngày.

Chúng tôi ngồi vậy nhớ đến các em, nghĩ về ngày mai, nghĩ tới thành phố Quế Lâm mà chúng tôi ao ước được chóng đến. Mẹ tôi thường thở ra, tôi đưa tay ôm chặt lấy mẹ, ba lại đưa tay ôm vòng chặt mẹ con tôi. Ba mẹ và tôi đều hiểu rằng chúng tôi không thể nào xa nhau được. Chỉ trong mấy ngày đấp xe lửa của dân lánh nạn, hễ xuống xe là ba người cùng xuống, lên xe là ba người cùng trèo lên, sợ nhất là xe chạy bất thành linh, chúng tôi lại chia lìa nhau.

Chiếc xe lửa của dân lánh nạn khốn khổ ấy càng chạy càng chậm, càng dừng càng lâu, lâu đến nỗi chúng tôi ngỡ đi bộ cũng đã đến Quế Lâm từ lúc nào rồi. Tốc độ xe chạy chậm hơn đi bộ thật, nhưng vết thương trên chân mẹ chưa lành, còn chân tôi thì đau nhức, ngồi xe dù sao vẫn hơn đi bộ, nên chúng tôi vẫn bám riết chiếc xe ấy đến cùng.

Cứ như vậy, chúng tôi lại gặp một chuyện hết sức bất ngờ!

Sáng tinh mơ hôm ấy, xe dừng. Như thường lệ, đã dừng là có thể không chạy nữa. Sau khi dừng hơn một tiếng đồng hồ, tôi xuống xe đi đi lại lại, vì hai

chân tê dại. Ba mẹ dìu tôi xuống xe, sợ xe nói chạy là chạy, nên chúng tôi chỉ đi men theo toa xe, tới tới lui lui cạnh đường rày cho thư giãn gân cốt. Đúng lúc ấy, bỗng có tiếng ai gọi lớn:

- Ông Trần! Ông Trần! Ông Trần ơi!

Chúng tôi nhìn lên nóc toa nơi phát ra tiếng gọi, thấy một người lính đang vẫy tay, vẫy mãi về phía ba tôi, kêu lớn. Chúng tôi chạy đến, đó là một thương binh nhẹ, trông quen quen. Người lính nói như hét vào tai chúng tôi:

- Ông Trần! Tôi là lính của đại đội trưởng Tăng đây! Ông đi tìm đại đội trưởng của chúng tôi nhanh lên, hai đứa con trai cưng nhà ông, đại đội trưởng chúng tôi tìm được rồi!

Thật không tin vào lỗ tai, không tin vào thính giác của mình nữa rồi! Ba mẹ tôi ngơ ngác, đứng ngây như phỗng. Rồi đột ngột chạy thục mạng, chạy như điên về phía người lính, mừng mừng, tủi tủi, hỏi líu cả lưỡi:

- Có thật không anh, anh có tận mắt thấy không? Chúng nó có mạnh khỏe không? Đại đội trưởng Tăng của anh bây giờ đang ở đâu?

- Đại đội trưởng Tăng ở Quế Lâm! Hôm nay ông ấy mới đi Quế Lâm! Ông bà nhanh đến Quế Lâm tìm ngay ông ấy. Các cháu tìm được rồi! Tìm được rồi! Chúng nó khỏe lắm! Chính mắt tôi trông thấy rồi! - Anh lính nọ cũng sung sướng không kém gì chúng tôi. - Đi Quế Lâm nhanh lên! Nhanh lên!

Quế Lâm! Ôi! Quế Lâm! Ba mẹ thoáng nhìn nhau, rồi nhìn xe lửa chở người lính nạn đang đứng yên tại chỗ. Rồi chẳng hẹn, cả ba mẹ đều chấp hai tay, hướng về phía anh lính:

- Cảm ơn! Cảm ơn! Rất cảm ơn anh!

Tiếp đó, ba mẹ quyết định mỗi người một bên, dắt tay tôi, rảo bước nhanh theo đường sắt, đi một mạch về Quế Lâm.

16-TÌM ĐƯỢC EM RỒI

Quế Lâm! Quế Lâm! Quế Lâm!

Tôi nghĩ, ba mẹ và tôi chưa bao giờ chạy thực mạng như lần ấy, chạy đến nỗi thở không ra hơi mới chịu dừng lại vài phút rồi lại tiếp tục chạy nữa. Cứ thế, chúng tôi chạy liên mấy tiếng đồng hồ.

Chạy từ sáng sớm đến mãi trưa, chúng tôi đến được thành phố Quế Lâm trong khi chiếc xe lửa chở người lánh nạn vẫn chưa đến.

Đến được Quế Lâm, có trời mới biết chúng tôi sốt ruột, sung sướng, lo âu đến dường nào! Vừa vào cổng thành, chúng tôi đứng thừ người!

Cũng giống như thành Đông An ngày ấy, khắp Quế Lâm đều có quân đội đồn trú, lính đóng bên đường, lính trong nhà dân, không tìm ra một ai là dân, chỉ thấy khắp thành phố toàn là lính. Quế Lâm lớn hơn Đông An nhiều. Trong một thành phố lớn thế này, có tới hàng ngàn hàng vạn lính, làm sao tìm ra đại đội trưởng Tăng bây giờ? Ba tôi sốt ruột quá, gặp vị sĩ quan nào cũng hỏi:

- Xin hỏi thăm, ông có biết ông Tăng Bưu, đại đội trưởng đại đội hậu cần trung đoàn 27 đóng quân ở đâu không?

- Không rõ!

Không biết! Không biết! Không biết! Không ai biết cả!

Ba càng hỏi càng quỳnh, nguồn tin này rõ ràng là có chỗ ngờ ngợ, có thật là đại đội trưởng Tăng có mặt ở thành phố Quế Lâm không? Ba tôi đi sục khắp phố, gặp ai cũng hỏi:

- Ông có biết đại đội trưởng Tăng không?

- Ông có biết đại đội trưởng đại đội hậu cần trung đoàn 27 không?

Một sĩ quan chặn ba tôi lại:

- Nhân dân tại sao hỏi dò quân đội? - Ông ta hoài nghi gặng hỏi ba tôi:

- Ông là ai?

Ba tôi hốt hoảng định giải thích, may sao, đang lúc đó có tiếng gọi lớn, chất giọng quen thuộc:

- Ông Trần ơi! Ông Trần ơi! Ông Trần ơi!

Chúng tôi ngẩng đầu nhìn, người đang bước vội về phía chúng tôi không ai khác, đúng là đại đội trưởng Tăng Bưu! Ba tôi mừng quỳnh thốt lên:

- Đại đội trưởng Tăng!

Hai người lao tới ôm chầm lấy nhau, nước mắt ba tôi ràn rụa. Đại đội trưởng Tăng nói dồn:

- Hay lắm! Hay lắm! Thế này thì hay lắm! Tôi đang chuẩn bị chiều nay đem gửi hai đứa con anh chị về quê tôi, giao cho bà xã tôi trông nom. Nếu như anh chị đến chậm một ngày, thì anh chị không gặp hai cháu bé rồi!

- Chúng nó mạnh giỏi không? - Mẹ tôi sụt sùi, hỏi.

- Làm sao mà anh tìm được chúng nó? Chúng nó không bị thương chứ? - Ba hỏi rồi rít.

- Hai thằng nhóc vừa khỏe vừa chắc! - Đại đội trưởng Tăng cười: - Tìm bằng cách nào à? Chuyện thì dài lắm! Chúng tôi cứ tưởng hai người gánh đồ tụt lại sau, nào ngờ họ ra thành Đông An sớm hơn, rồi đi về phía trước. Khi hai người gánh đồ nọ đã đoán chắc là lạc đơn vị, họ liền gỡ trò quái ác, bàn nhau bỏ hai cháu bé lại, bên một con đường nhỏ! Cũng may mắn là, khi ra khỏi thành Đông An, tôi lại chọn đi con đường nhỏ này, trung đội trưởng Vương nghe có tiếng trẻ con khóc, tỏa ra đi tìm, thì thấy hai cháu bé đang bò trên miệng một cái giếng hoang khóc lóc thảm thiết! Chúng trách ba mẹ không cần chúng nó nữa!

Mẹ tôi muốn cười nhưng lại khóc, còn ba thì nước mắt đầm đìa. Đại đội trưởng Tăng đưa chúng tôi đến chỗ đóng quân vừa đi vừa kể:

- Tôi đã cử hai người về Đông An tìm anh chị, nhưng không gặp. Tôi nghĩ bụng, chiến tranh rồi sẽ có ngày kết thúc, đến ngày đó, chúng tôi sẽ đăng tin lên các báo ở Tứ Xuyên, Hồ Nam tìm anh chị, giao con lại cho hai anh chị, nếu như không tìm được, thì hai đứa nhỏ đó coi như con của tôi vậy!

Thật không lời nào tả hết sự cảm kích của chúng tôi đối với đại đội trưởng Tăng. Khi ấy, tuy còn nhỏ tuổi, nhưng tôi đã sớm nhận ra lòng biết ơn và sự xúc động mãnh liệt, sâu sắc của ba mẹ tôi đối với người đại đội trưởng tuyệt vời này.

Thế là, chúng tôi gặp lại hai đứa em trai đã thất lạc bao ngày, trong ngôi nhà mái bằng nho nhỏ ấy!

Em trai nhỏ vừa nhìn thấy mẹ, liền bổ nhào tới ôm chặt lấy mẹ tôi, dúi đầu vào lòng mẹ, khóc tức tưởi. Kỳ Lân cầm một súng lục bằng nhựa (chắc là của đại đội trưởng Tăng tặng cho nó) meo máu khóc, khi gặp chúng tôi. Nó vừa khóc, vừa giương súng, nhắm chúng tôi:

- Bằng bằng bằng! Bắn ba mẹ, ba mẹ hư lắm, tại sao ba mẹ không cần chúng con?

Ba tôi chạy lại, ôm chặt nó vào lòng, rồi như nó, cũng khóc. Tôi chạy lại, ôm em cùng khóc theo.

Cả nhà chúng tôi ôm chầm lấy nhau, khóc cạn khô nước mắt, chính trong

giây phút ấy, tôi mới hiểu hết ý nghĩa thế nào là cười ra nước mắt, là buồn vui lẫn lộn!

Chúng tôi khóc một hồi lâu, rồi ba mẹ kéo ba chị em tôi đến quì trước mặt đại đội trưởng Tăng. Đây cũng lại là lần đầu tôi thấy ba mẹ tôi thành tâm thành ý quì xuống trước mặt vị ân nhân của mình.

Chúng tôi và các em xa nhau vừa đúng bảy ngày. Trong chiến tranh ly loạn, chia lìa bảy ngày rồi gặp lại quả là chuyện lạ lùng, chẳng khác nào thần thoại, một câu chuyện khó tin! Sau đó, nói chuyện với đại đội trưởng Tăng, chúng tôi mới biết ngày hôm ấy ông mới tới Quế Lâm, nếu như chúng tôi đến Quế Lâm sớm hơn một ngày thì không gặp, còn như đến chậm một ngày thì các em đã bị đưa đến một nơi xa tít tắp rồi!

Ai đã sắp đặt cho tôi và ba mẹ gặp người thôn trưởng già nhân hậu và rồi, ai đã sắp xếp cho chúng tôi chỉ ở lại cái làng không biết tên là gì ấy chỉ có ba hôm? Tại sao lại ba hôm mà không là bốn hôm? Ai đã bảo tôi, phải khóc thảm thiết làm ba mẹ từ lòng sông của tử thần bò dậy trở về với cuộc sống? Ai đã bày chúng tôi đáp chiếc xe lửa chở đầy những người đi lánh nạn? Và gặp rất đúng lúc người lính dưới quyền của đại đội trưởng Tăng? Chuyện đời, sai một ly đi một dặm! Từ đó, tuy là kẻ vô thần nhưng tôi lại tin vào hai chữ “số mệnh”! Câu chuyện của tôi và các em tôi xảy ra, tôi chỉ nói được một điều là số mệnh thật diệu kỳ.

Cũng vì vậy mà tôi thường nói, chuyện đời người do bao nhiêu cái ngẫu nhiên tạo thành, bạn có tin như vậy không?

XIN TẠM BIỆT, ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG TĂNG!

Sau khi gặp lại các em tại thành phố Quế Lâm, chúng tôi lưu lại chẳng bao lâu. Ngọn lửa chiến tranh đã bao phủ khắp miền đất nước, quân đội đóng đầy thành phố Quế Lâm, còn quân Nhật thì bao vây tứ phía, sớm muộn gì, Quế Lâm cũng thành bãi chiến trường đẫm máu.

Mấy hôm ấy, ba mẹ và đại đội trưởng Tăng nói với nhau bao nhiêu là chuyện, còn tôi, hai em đều quì lạy trước mặt đại đội trưởng Tăng, chính thức nhận ông làm cha đỡ đầu. Lẽ ra, gặp đại đội trưởng Tăng, chúng tôi được cùng đi như trước và được đại đội trưởng chở che. Nào ngờ đại đội trưởng Tăng đã nhận mệnh lệnh “tử thủ Quế Lâm”. Hai chữ tử thủ cũng có nghĩa là cùng sống chết với Quế Lâm. Đại đội trưởng Tăng vừa bố trí đội ngũ của mình, vừa sắp đặt đường đi nước bước cho cả nhà chúng tôi. Ông nói với chúng tôi đầy vẻ tự tin và hy vọng:

- Anh chị về hậu phương trước, chúng tôi đuổi xong giặc Nhật, thắng lợi rồi chúng ta sẽ đoàn tụ! Lúc đó chúng ta sẽ cùng nhau uống vài ly rượu và nhắc lại những kỷ niệm đã qua!

Tôi không biết ba mẹ tôi nghĩ gì lúc đó, còn tôi thì lúc nào cũng quần quít bên cạnh đại đội trưởng Tăng, nhớ lại những ngày cùng ông cưỡi ngựa vượt qua Đại Phong ảo, nhớ lại lúc uống nước trong bi đông của ông, nhớ lại kỳ công ông đã tìm ra hai đứa em trai tôi! Nhưng cuối cùng, rồi cũng đến lúc chúng tôi phải từ biệt đại đội trưởng Tăng!

Chúng tôi đáp xe lửa chở dân lánh nạn rời thành phố Quế Lâm. Nói thêm một điều lý thú. Khi đại đội trưởng Tăng tìm được hai em thì cũng đồng thời tìm lại được cả hành lý bị hai người gánh đồ vứt lại. Hành lý lại trở về với chúng tôi. Đại đội trưởng Tăng đã cử binh sĩ của mình ra xe lửa chở người lánh nạn dành cho chúng tôi một chỗ không đến nỗi nhỏ lắm. Tờ mờ sáng, chúng tôi lên xe lửa,

ló đầu ra cửa sổ, đột ngột lại thấy ông đứng trên sân ga. Chúng tôi vẫy tay chào từ biệt ông mà không cảm được nước mắt.

Xe lăn bánh, đại đội trưởng Tăng vẫn đứng yên tại chỗ, uy nghi trong bộ quân phục sĩ quan. Ông vẫy tay về phía chúng tôi, chúng tôi cũng vẫy tay liên hồi đáp lại, xe càng chạy càng nhanh, mỗi lúc một xa, bóng của đại đội trưởng Tăng cũng nhỏ dần, rồi mất hút.

Đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp đại đội trưởng Tăng. Trong cuộc đời lưu lạc sau này, chúng tôi luôn luôn hỏi thăm tin tức Quế Lâm, được biết Quế Lâm rớt cuộc thất thủ. Nhưng chúng tôi luôn tin rằng, sẽ có một ngày kia, đại đội trưởng Tăng chờ chúng tôi cùng nâng cốc chúc mừng ngày mới. (Sau này thắng lợi, chúng tôi đi tìm tông tích đại đội trưởng Tăng khắp nơi, tiếc là không gặp, đó là điều luôn luôn làm cho cả nhà tôi nhức nhối).

Chia tay đại đội trưởng Tăng, chúng tôi đáp xe chở dân lánh nạn đi Quý Châu trước, rồi mới về Tứ Xuyên. Theo lời dặn của đại đội trưởng Tăng trước đó, phải đi một con đường nhỏ vào núi rồi từ Quế Lâm rẽ về phía Tây.

Trong ký ức tôi, đoạn đường này khá mơ hồ. Xe lửa chở dân lánh nạn chỉ đi một đoạn rồi không biết sao chúng tôi phải đi bộ. Không có người gánh đồ, lũ nhóc chúng tôi đều đi bộ, riêng tôi, mới sáu tuổi đầu đã phải vác một bao đồ trên vai, bước thấp bước cao, mỗi ngày cuộc bộ ba mươi dặm.

Chỉ còn nhớ là trên con đường ấy, hang cùng ngõ hẻm nào cũng có dân lánh nạn, người dắt con dẫn cái, người đỡ già nương trẻ, rõ là một cuộc lưu vong “vĩ đại”. Cho đến giờ, mỗi lần nhắm mắt lại, tôi thấy hiện lên mồn một cảnh đám dân lánh nạn buồn bã xa quê, nặng nề lê bước trên đường núi gập ghềnh... Chúng tôi đi vất vả vô cùng, em trai khóc rồi lại khóc, nhưng dẫu sao cũng là cả nhà đoàn tụ! Tiếng khóc của đứa em cũng trở nên đáng yêu, tôi nghĩ, trong đoàn người ly hương đó, có lẽ duy nhất nhà tôi là có được cái niềm vui hồi sinh thật sự. Nhưng, những phút giây êm đềm này phỏng được bao lâu? Trong thời chiến loạn ly, biết lấy gì đảm bảo, để có được cảnh “sáng đi, chiều gặp”, ly biệt rồi lại trùng phùng!

ĐÁNH BÒ CẠP

Mọi thức ăn vật dụng dọc đường của chúng tôi đều nằm gọn trong cái túi lúc nào cũng kè kè bên người. Lúc chia tay, đại đội trưởng Tăng đã đưa chúng tôi một ít tiền. Dựa vào chút tiền đó chúng tôi sống qua ngày. Nhưng khi lưu lạc đến làng Dung của Quý Châu, thì một xu cũng chẳng còn dính túi.

Làng Dung (không biết tại sao lại viết như vậy, tôi không nhớ rõ) khá bèo thế, đã đầy dân lánh nạn. Chúng tôi thuê được một ngôi nhà nhỏ để trú tạm. Ba tôi phát hiện ra một cửa hàng gần đó, thế là mẹ tôi lục đống áo quần, lấy đồ nữ trang còn lại, được giấu trong áo lót, đem ra bán dần. Nhưng rồi cũng chỉ đủ ăn quấy quá qua ngày. Thiếu thốn, kham khổ làm cho mẹ tôi đổ bệnh.

Hồi đó, vùng Quý Châu - Quảng Tây đang có dịch sốt rét, bệnh đang lây lan khắp nơi. Thông thường bệnh sốt rét hay lên cơn cách nhật, nhưng ở Quý Châu, thì ngày nào cũng lên cơn, càng lúc càng dữ. Hồi đó, người đi lánh nạn bị chết vì sốt rét không phải ít. Người địa phương gọi bệnh này là “đánh bò cạp”, ai nghe mấy tiếng này đều thất kinh vì bệnh này có thể ủ vài năm hoặc vài chục năm, mà thuốc ký ninh, loại thuốc đặc trị bệnh này ở đây lại vô cùng quý hiếm. Đúng là lúc nhà dột lại đổ thêm mưa rào, mẹ tôi nhiễm sốt rét ác tính, ngã quỵ không gượng dậy được.

Nhà không tiền, không thuốc, không thức ăn trong lúc trước mắt tối tăm, tương lai mờ mịt. Những ngày tạm trú trong ngôi nhà nhỏ này thật thê lương ảm đạm quá đỗi. Mẹ tôi nằm trên chiếc ván, cả ngày chỉ rên với rên, thật xót gan, xót ruột. Ba tôi ngày ngày phải đem mớ đồ, mà chủ cửa hàng không chịu mua đi bán dạo khắp nơi, những hy vọng đổi được vài viên thuốc. Ngồi bên giường trông chừng mẹ, nghe từng tiếng rên của mẹ, tôi càng lo lắng, càng hoảng sợ. Từ khi xa quê, tôi đã sớm hiểu thế nào là tử biệt, nên mỗi lần ba đi vắng, giao tôi canh chừng mẹ, tôi sợ vô cùng, tôi sợ bóng tối và tử thần vây chặt cả ngôi nhà.

Một hôm, tôi canh chừng mẹ như thường lệ, thấy không khí trong nhà trở nên ngột ngạt, đầu tôi bắt đầu choáng váng, tim đập dồn dập, mồ hôi toát ra thấm ướt cá lưng áo. Mẹ trôn trối nhìn tôi, thều thào nói qua nước mắt:

- Con ơi! Nếu mẹ chết, các con làm sao?

Tôi đứng không vững nữa, òa khóc thảm thiết, tiếng khóc đó đã làm mẹ tôi đang yếu phải bật dậy, đỡ lấy tôi, vò đầu an ủi tôi:

- Đừng sợ! Đừng sợ con! Mẹ nói chơi đó mà!

Nhưng tôi cứ khóc mãi. Tôi run rẩy, rồi té xỉu. Khi tỉnh dậy, bác sĩ đã ở trong nhà, tôi thì nằm bên cạnh mẹ, trán chườm khăn ướt, người nóng như lửa... Tôi đã bị lây bệnh sốt rét.

Thế là hai mẹ con cùng đổ quỵ trong căn nhà nhỏ ấy. Mùi vị “đánh bò cạp” hời đó còn in sâu trong óc tôi cho đến bây giờ. Khi sốt rét thì sốt toát mồ hôi, còn rét thì rét tận xương tận tủy, cả người run cầm cập, đầu đau như búa bổ. Sáu tuổi đầu, tôi không sao chịu nổi, chỉ biết khóc, khóc như thế không bao giờ dứt. (Sau này, thứ bệnh đó còn dày vò tôi mấy năm nữa, khi dứt khi phát, mãi sau giải phóng trở về Thượng Hải, mới hoàn toàn dứt hẳn).

Nhà năm miệng ăn, bệnh đổ hai người. Tiền trả công bác sĩ đã cạn, tiền thuê nhà trọ cũng thiếu chòng chát, lại thêm sợ mẹ con tôi chết trong nhà, chủ nhà không ngớt giục chúng tôi dời đi. Đến nông nỗi này, đúng là sơn cùng thủy tận rồi, nhà năm người, người nọ nhìn người kia, bưng mặt khóc. Hời đó, cả nhà tôi, ngoài bộ quần áo mặc trên người, chẳng còn gì để bán.

Xem chừng cả nhà phải kết liễu cuộc đời tại cái làng nhỏ bé, miệt núi non hiểm trở này. Mẹ tôi thường nói với ba về cái chết. Tôi bồi hồi nhớ lại cảnh đêm đầu xuống sông Đông An, sao hời đó không chết đi cho rảnh nhỉ? Thế rồi, một chuyện lạ lùng nữa lại đến.

Hôm ấy, như thường lệ, ba tôi lo bươn chải bên ngoài tìm kế sinh nhai. Tôi và mẹ thì nằm chờ chết trong gian phòng tối tăm ngột ngạt. Bỗng cửa mở toang, ba tôi cùng một thanh niên lạ mặt bước vào, phấn khởi nói với mẹ tôi:

- Mình xem! Có biết tôi gặp ai đây không?

Cùng lúc, người thanh niên phục xuống trước giường, xúc động nói:

- Bà giáo Trần, sao lại đến nông nỗi này?

Nguyên người này là học trò của ba tôi, họ Túc (tên là gì tôi không nhớ rõ). Ông Túc là trợ giáo Đại học Quảng Tây, đang sơ tán về vùng này, Ba tôi ra phố, may sao gặp được ông Túc.

Thấy mẹ con tôi sắp chết, còn hai em thì đói lả, không chút do dự, ông Túc vọt chạy đi mời bác sĩ đến rồi mua thuốc, mua thực phẩm và thanh toán cả tiền nhà trọ... Ông chạy đôn chạy đáo mọi nơi mọi chỗ lo cho cả nhà tôi, phải nói rằng tấm lòng đầy nhiệt tình, chân thật đó, thật là cảm động, cả nhà tôi, nhờ gặp được ông Túc mà thoát khỏi cơn hoạn nạn. Tình người lúc này thật cao quý làm sao!

Ông Túc đã cứu chúng tôi thoát khỏi hiểm nghèo. Bệnh sốt rét của hai mẹ con tôi bị đẩy lùi. Nhưng chúng tôi cũng chẳng còn một xu dính túi, mà đường thì còn xa tít mù, làm sao đi đến nơi đến chốn? Để giải quyết việc làm sau này cho chúng tôi, ông Túc lại giới thiệu ba tôi với trường đại học Quảng Tây. Lúc đó, các giáo sư, giáo viên trường đại học Quảng Tây người thì bỏ việc, người thì sơ tán, lãnh đạo nhà trường đang lo lắng vì thiếu thầy. Dù trong chiến tranh, nhà trường vẫn kiên quyết duy trì việc học hành. Ban lãnh đạo trường cho rằng ba tôi là một nhân tài hiếm có nên nhận ba tôi. Đúng là chuyện nằm mơ cũng không có được ở cái địa phương nhỏ bé, chỉ vì mẹ con tôi bị ốm liệt giường mà ba tôi lại vào dạy ở đại học Quảng Tây. Nhờ có việc làm, có đồng lương, bao nỗi nhọc nhằn của chúng tôi đã được vơi đi rất nhiều.

Thế là chúng tôi theo trường đại học Quảng Tây, tiếp tục rút về Quý Châu. Bước thứ nhất, đi thuyền gỗ theo dòng sông chảy xiết cặp triền núi hướng về Dung Giang của Quý Châu. Trên chiếc thuyền con ấy, chúng tôi phải đi mất hai mươi ngày, thường xuyên vật lộn với dòng nước hung hãn.

HAI MƯƠI NGÀY TRÊN SÔNG DUNG

Ghiếc thuyền chúng tôi ngồi chẳng khác nào chiếc thuyền câu của ngư ông bên sông trong tranh quốc họa, chiếc thuyền thon thả, giữa có vòm che hình bán nguyệt đan bằng tre nửa. Hai đầu vòm che là đầu thuyền và đuôi thuyền. Dưới vòm là khoang thuyền, trong tranh, loại thuyền này rất nên thơ, nhưng nếu như chúng tôi phải ngồi trên chiếc thuyền nhỏ này, đi ngược dòng nước xiết rông rã hai mươi ngày, thì sẽ thấy chẳng nên thơ một chút nào!

Đại học Quảng Tây phải thuê tất cả hơn hai mươi chiếc thuyền như vậy, tổ chức thành một đội thuyền. Cứ hai hộ gia đình ngồi chung một chiếc. Đương nhiên là chúng tôi được phân đi cùng với một gia đình khác. Giữa khoang thuyền treo một tấm rèm làm vách chắn. Nửa khoang thuyền được bao lớn? Tôi nhớ không sai, thì bằng chiếc bàn vuông không hơn không kém. Năm người nhà tôi ngồi quanh đó, lấy chân bông đắp lên chân, nói nói cười cười, rồi cũng chịu được tất. Ban đêm, dù xoay trở cách nào, năm người cũng không nằm được, đành phải có hai người thay phiên nhau nằm ở mũi thuyền, còn bên trong chỉ ít phải có đầu hoặc chân người thò ra ngoài vòm thuyền. Trời tạnh thì yên ổn cả, còn khi mưa ập đến, thì thật thảm hại vô cùng. Khi có sóng to, nước sông cũng ập vào ướt cả áo quần, lạnh buốt xương.

Tôi thường được luân phiên ra nằm ở mũi thuyền (có thể ba tôi cho rằng tôi lớn hơn các em, có sức chịu đựng tốt hơn). Dù mưa xối xả, nước sông tạt vào, sương như phủ trên người lạnh buốt, tôi vẫn nằm ngủ ngon lành.

Chịu đựng lâu như vậy mà không đau ốm gì cũng có thể coi là một thành tích hiếm có.

Diện tích khoang thuyền quá chật chội, chúng tôi phải nấu ăn trên mũi thuyền, bếp núc càng đơn giản càng tốt. Bữa sáng ăn cháo với ít đường là xong, cơm trưa, cơm tối thì có món mỡ lợn xào với muối dùng qua bữa. Cứ cách hai

ngày mới có một bữa ăn tươm tất, ấy là thêm mấy trái ớt và đậu. Bình ớt nho nhỏ kia thật quý giá, phải phân phối hẳn hoi, mỗi người chỉ được chia vài quả. Tôi nhớ chỉ với mấy trái ớt ấy, tôi ăn còn ngon miệng hơn sơn hào hải vị, và khi vào miệng phải để thật lâu cho thấm mới nuốt.

Có một hôm, đội thuyền dừng lại, gặp lúc dân nấu bắp tươi đem bán, chúng tôi thèm không chịu được. Thực tình, chúng tôi nghèo đến mức không hưởng nổi những thứ ấy, nhưng rồi ba mẹ cũng đành bấm bụng mua một trái, cả nhà chia nhau ăn như chia từng hạt ngọc. Nếu những trái ớt kia là sơn hào hải vị thì có thể ví trái bắp này là nem rồng chả phượng!

Chiếc thuyền chúng tôi do hai người lái, người bố mới độ ba mươi tuổi, người con khoảng trên dưới mười tuổi, vẫn là một đứa con nít, cho nên chỉ coi như một người rưỡi. Thuyền đầy ắp người, lộ trình xa tít mà chỉ có một người rưỡi lái, rồi đây sẽ ra sao khó mà biết được.

Thuyền tiếp tục đi, tình cảnh còn tồi tệ hơn chúng tôi nghĩ nhiều.

Sông Dung nước chảy xiết, hai bên bờ vách núi dựng đứng, lòng sông đầy đá ngầm, chốc chốc lại có dòng xoáy, thật vô cùng nguy hiểm. Thuyền gia đình chúng tôi đang ngồi không dùng động lực, cũng không có buồm, toàn dùng sức lực của hai bố con chèo chống bằng sào và bằng mái chèo, vật lộn với nước sông chảy xiết nên đi rất chậm, và chỉ có thể đi ban ngày. Để khỏi bị nước cuốn đi, hơn hai chục chiếc thuyền đều buộc liền nhau. Nếu chỗ đậu không lên bờ được, mọi người đành chịu qua đêm trên thuyền, nếu dừng tại trạm lớn, có bến thì có thể lên bờ, đó là niềm vui sướng lớn, vì người ta có thể bổ sung chút đỉnh vật dụng hoặc qua lại cử động chân tay cho đỡ mỏi. Đương nhiên, trẻ con chỉ phép chơi bên bờ, không được đi xa. Còn tôi, thích nhất là lượm các loại đá cuội đủ màu sắc bên bờ sông. Có một hôm, tôi lượm được mấy cục đá trắng muốt rất dễ thương, người ta bảo tôi đó là đá lấy lửa, làm tôi mừng lắm. Tôi thường ngồi ở mũi thuyền lấy đá ghè vào nhau chơi, tia lửa xẹt như hoa cà trông rất đẹp, thích ơ là thích. Nhờ trò chơi ấy mà tôi đã vơi hết nỗi buồn những ngày tù túng.

Một hôm, đang ngồi ghè đá lửa ở mũi, thuyền bỗng chòng chành làm tôi té nhào xuống sông, nước chảy xiết, tôi suýt chết đuối, cũng may là bác lái thuyền lanh tay lẹ mắt lại có tài bơi lội nên cứu được tôi. Tôi được cứu sống nhưng mấy cục đá lửa quý giá thì mất tiêu làm tôi buồn lắm. Không hiểu sao, lúc đó tôi cảm thấy những cục đá lửa đó lại quý hơn mạng sống của mình! Tuổi thơ của tôi chẳng có đồ chơi, nhưng đến tận bây giờ tôi hãy còn nhớ rõ mòn một lá cờ đuôi nheo và

những hòn đá lửa của tôi!

Sau này, tôi lại rớt xuống nước mấy lần, vì mỗi khi giải quyết “đại sự, tiểu sự”, chúng tôi đều phải ngồi ở mạn thuyền, cơ hội té xuống sông rất nhiều. Có điều, bác lái thuyền rất cảnh giác, lần nào cũng được bác cứu lên, riết rồi mọi người đâm ra ỉ lại.

Điều không may lại đến, người bảo vệ sinh mệnh chúng tôi là bác lái đò lịch lãm, trẻ khỏe kia bị ốm do bệnh sốt rét tái phát. Anh hùng chỉ có sợ bệnh quật ngã, một khi đã “đánh bò cạp” rồi thì dù có xương đồng da sắt đi chăng nữa, cũng không chịu nổi. Bác ta nghiện rượu chịu đựng, nhưng việc chèo thuyền, bẻ lái bắt đầu do con bác ta đảm nhận, như vậy có nghĩa là tính mệnh của hai gia đình chúng tôi đều nằm trong tay của một chú bé.

Tốc độ thuyền càng lúc càng chậm, xa dần toàn đội, rồi rớt lại, bồng bềnh trên dòng nước chảy xiết.

Được mỗi người một tay giúp sức, thuyền miễn cưỡng cập vào bờ để bác lái đò lên bờ đi mua thuốc. Lúc đó, người chủ của chiếc thuyền này là một cậu bé chưa đầy mười tuổi. Tất cả chúng tôi phó thác sinh mạng của mình cho cậu ta.

Nước chảy quá mạnh làm đứt dây neo, thuyền bị cuốn đi. Cậu bé dùng hết sức mình tìm cách giữ thuyền lại, nhưng sức cậu có hạn, đến lúc không còn cách nào khác, cậu đành đưa hai tay nắm chặt lấy bụi cây bên bờ, mọi người trên thuyền cũng vớ gì bám lấy, để thoát khỏi tai nạn.

Đang khi sức cùng lực tận thì người bố đi mua thuốc trở về, sự xuất hiện của ông chẳng khác nào một vị cứu tinh. Dựa vào kinh nghiệm và kỹ xảo của mình, ông đã giữ thuyền lại một cách chắc chắn.

Ngày thứ hai, chúng tôi đuổi kịp đội thuyền, không ai tin được là chúng tôi có thể trở về cùng với mọi người. Đã có hai chiếc thuyền trong đội mất hút tăm hơi.

Qua lần đại nạn ấy, chúng tôi càng thấm thía hơn nỗi nhọc nhằn trong cuộc sống. Chiếc thuyền nhỏ ấy đã làm tăng thêm niềm tin trong lòng chúng tôi, không như hồi nào ai cũng chỉ hâm mộ những chiếc thuyền lớn.

Đúng rồi, dân lánh nạn nghèo mạt rệp như chúng tôi thì đi thuyền nhỏ, chỉ có quý phú ông mới bao nổi thuyền bầu khoang rộng để đi cho thoải mái hoặc thuyền này phải có mấy chục người kéo trên bờ, lại thêm hai hàng phu thuyền chèo chống, đẩy thuyền đi tới.

Tôi còn nhớ rõ dáng lom khom của những người kéo thuyền cố sức rần tới

từng bước, dây thừng hằn sâu vào từng thớ thịt. Những tiếng hô nặng nhọc, đơn điệu, trùng lặp, cứ lặp đi lặp lại. Nó đâu phải lời ca tiếng hát mượt mà mà là tiếng thét gào bi tráng để giành sự sống.

Bây giờ tôi vẫn còn nhớ bài ca “Người kéo thuyền” tôi thuộc từ thời học trung học:

Tiến lên, nào tiến lên
Mọi người nắm chắc dây.
Mắt không rời người lái
Chí kiên cường không lay.
Mặc sóng đòi mưa sa
Ta cứ ung dung bước.
Đông Tây rồi Nam Bắc.
Chân trời nào cũng qua.

Mỗi khi nghe bài hát này vút lên, với tiếng nhạc trôi dạt trầm hùng, với điệp khúc lặp đi lặp lại “mặc sóng đòi mưa sa, ta cứ ung dung bước”... Thật khác một trời một vực cái cảnh chính mắt tôi thấy hồi nhỏ, những người kéo thuyền tiến lên nặng nề, chậm chạp, chẳng ung dung chút nào. Tôi cảm thấy, dù cho mình chịu khổ một chút ngồi trên chiếc thuyền con, còn hơn là ngồi trong thuyền bầu thoả mái mà người khác phải thống khổ vì mình.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng đến đích - Dung Giang.

Dung Giang cũng chưa phải là đích cuối cùng của chúng tôi, mà đích cuối cùng ấy phải là Trùng Khánh. Từ Dung Giang đến Trùng Khánh còn là đoạn đường xa vời vợi.

Đến Dung Giang rồi, trường Đại học Quảng Tây lại gặp khó khăn về tài chính, không có tiền phát lương, và cũng không cách gì đưa toàn đội tiếp tục sơ tán sâu vào nội địa. Thế là mỗi người chia nhau đi mỗi ngả, vô hình chung như giải tán trường, ba tôi lại thất nghiệp, nhưng cuộc sống thường nhật của chúng tôi cứ phải tiếp tục, cuộc hành trình xa vời vợi cũng không thể dừng lại được. Lại đi.

BÁNH RÁN VÀ KHOAI LANG



Người Quý Châu hay ăn bánh rán làm bằng bột nếp, rán dầu.

Còn một loại rẻ hơn bánh rán nhưng cũng no bụng được là khoai lang. Năm ấy trời giá lạnh, vừa đi vừa ăn củ khoai nóng hổi cũng là niềm hạnh phúc lớn trong thời loạn lạc!

Ba mẹ bàn nhau sinh kế tốt nhất là cả nhà đi bán dạo hai loại thực phẩm này. Ba tôi đi bán khoai lang, mẹ tôi đi bán bánh rán. Cả nhà chia làm hai cánh, tôi nhập vào cánh của ba. Do vậy, mẹ tôi bán bánh rán thế nào chính mắt tôi không trông thấy, còn chuyện ba bán khoai lang ra sao tôi nhớ rõ mồn một.

Dung Giang hồi đó đầy nghẹt dân đi lánh nạn, ai ai cũng tìm kiếm việc làm để sống nên ba đi bán khoai lang thì người khác cũng bán khoai lang, rồi mọi người đều đổ xô đi bán khoai lang. Đàng đàng một “đấng tài hoa” như ba tôi, bình thường thì thao thao bất tuyệt trên giảng đường, vậy mà khi đi bán khoai lang giữa chợ cứ đứng ngây người như tượng gỗ, không biết cách chào hàng, chiêu dụ khách hàng. Làm việc kinh doanh buôn bán mà coi bộ ba tôi nhàn nhã quá, hào phóng quá, chẳng khác nào kiểu người đi câu cá chỉ chực chờ cá đến cắn câu. Dù khách hàng không đến, chẳng một ai hỏi mua, ba cũng chẳng tỏ ra sốt ruột, cứ đứng thế chờ đợi, cũng chẳng chào mời ai nửa lời.

Rốt lại, trời cũng không phụ người nghèo, chờ cho ai nấy bán hết khoai lang, thế nào cũng còn có người đoái hoài nghĩ đến ba tôi. Chúng tôi vui sướng chào mời vị khách quý ấy, ông ta hỏi mua nửa kí khoai lang.

Trước cảnh ấy, cha “công tử” của tôi mừng quýnh lên, ông vội vã vớt khoai trong nồi ra, vì nồi khoai liên tục có lửa nên nóng hầm hập, ba tôi lúng túng không biết làm cách nào để vớt khoai ra được. Vắt vả lắm mới vừa vớt, vừa ghim ra mấy củ rồi bọc lại, đặt lên cân. Hồng quá, ông lại không biết xem mặt cân, không biết nửa ký là ở chỗ nào. Loay hoay mãi vẫn chưa xong, ba toát mồ hôi nói

với tôi:

- Phụng Hoàng, đủ nửa ký lô chưa con?

Trời đất, lúc đó, tôi mới sáu tuổi làm sao biết xem cân, thế rồi bác bán hàng đứng bên cạnh thấy buồn cười quá, lại cân giúp ba tôi nửa ký lô. Khi ba lấy khoai lang ra khỏi cân, làm lọng cọng thế nào mà chỗ khoai ấy rơi hết xuống đất. Vị khách chờ lâu sốt ruột, ba tôi bực mình quá, quăng phứt cân xuống đất, mở tung nắp nôi ra, nói với ông khách: - bác tự lấy đi, bác muốn lấy bao nhiêu thì lấy!

Đó là lần “kinh doanh” duy nhất của ba mà tôi được chứng kiến. Còn mẹ bán bánh rán như thế nào tôi không được biết, chỉ nhớ là sau đó mấy hôm, ba bữa ăn trong ngày của nhà tôi không phải khoai lang mà là bánh rán.

BÁC CÙ

Sau này chúng tôi quen bác Cù.

Trong cuộc lưu lạc chân trời góc biển này, chúng tôi quen biết rất nhiều con người kỳ lạ như đại đội trưởng Tăng, như ông thôn trưởng già... Bây giờ đến lượt quen bác Cù.

Bác Cù nguyên là một viên chức của đại học Quảng Tây, khoảng bốn mươi tuổi, có vợ và ba con gái, một nhà năm miệng ăn. Cả nhà bác rút theo đại học Quảng Tây đến Dung Giang. Đại học Quảng Tây giải tán, có giáo viên lưu lại Dung Giang, cũng có người đi tìm người thân nương tựa. Còn ba tôi thì sao? Vẫn nhất quyết đi đến Tứ Xuyên! Tuy giờ này chúng tôi đã đến Quý Châu, cách Tứ Xuyên còn một khoảng đường dài nữa. Dắt díu con thơ, trèo đèo vượt núi quả là chuyện chẳng đơn giản tí nào. Ba tôi nói đi là đi, không ai ngăn được. Bác Cù cũng quyết chí đi.

Bác Cù bảo hai gia đình hợp lại nương nhau cùng đi thì không cô đơn nữa. Bác Cù còn nói, làm như vậy lũ trẻ nhỏ hai gia đình có dịp kết bạn với nhau, để thêm sức tới Tứ Xuyên. Bác khoe, bác có nhiều nghề để kiếm sống, không sợ đói đâu! Bác còn thổ lộ: bác có một ngón nghề bí mật đầy bản lĩnh, có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành may, còn trị được bá bệnh... nguyên do là bác sùng tín Phật Như Lai, biết niệm “Đại bi chú” và biết tụng “Kinh Kim Cương”.

Thế là gia đình tôi và gia đình bác Cù nhập lại, tiếp tục cuộc hành trình dang dở.

Tuyến đường này đi thế nào tôi không còn nhớ, chỉ biết là dọc đường hết gặp chuyện này lại đến chuyện kia. Có bác Cù, lúc nào cũng thấy vui.

Dọc đường đi, người dân lánh nạn đông vô kể. Người ta buộc hành lý lại, cùng nôi niêu xoong chảo gánh lên vai. Có lẽ làm như vậy để dừng chân lúc nào là có thể nấu ăn lúc đó.

Ba tôi có hề biết gánh gồng bao giờ. Nhưng cả nhà bác Cù đều gánh, ba tôi cũng đành gánh theo. Cũng may là có bác Cù bên cạnh luôn luôn khích lệ:

- Gánh có gì là khó đâu? Hễ đàn ông là gánh được tất! Chỉ cần ráng một chút là được thôi mà. Anh chịu khó gánh, tôi giúp anh đọc Kinh kim cương, có tôi đọc kinh thì anh gánh đi băng băng!

Thế là ba tôi nhấc gánh lên đường. Cái chuyện gánh, nói thì coi bộ dễ, sự thực chẳng giản đơn chút nào. Buộc gói phải có kỹ thuật thì mới giữ được thăng bằng. Cả nhà thật sự lo lắng cho ba vì dáng thư sinh của ông liệu có chịu khổ nổi không! Nhưng ba đã gánh được và gánh đi một quãng đường rõ dài, chỉ có điều là người ta đi năm bước thì ba đi mười bước, người ta đi thẳng thì ba đi dích zắc, cả nhà trông thấy mà hồi hộp, lo âu, còn bác Cù thì miệng cứ lầm rầm đọc kinh không ngớt.

Vừa sập tối, chúng tôi dừng chân nghỉ lại trong một khu vườn hoang vắng. Nhiều người dân lánh nạn cũng vào đây qua đêm. Tường vây quanh vườn có một mảng trống, có thể chui qua chỗ đó đi tắt thẳng vào trong phải đi một đoạn đường vòng. Ở chỗ trống chất đầy gạch ngói vụn, gò ghề lởm chởm. Đi trước chúng tôi đã có người bị ngã nhào khi qua chỗ trống đó, cả bình, cả vại đem theo đều bị đập vỡ. Vì vậy mẹ tôi căn dặn:

- Mình đừng chui qua lỗ trống, chúng ta đi vào cổng chính thôi! Mình thấy không, người ta đều té ngã cả đó.

- Người ta ngã, tôi không ngã đâu! - Ba tôi tỏ vẻ dửng dưng cảm đầy mình - Mình không thấy sao, tôi gánh dọc đường cũng khá đấy chứ?

- Đúng thế! Bác Cù đứng bên tiếp lời: - Anh cứ qua chỗ trống, có tôi đây, tôi đọc kinh giúp anh!

Thế rồi ba tôi sải bước băng qua chỗ trống, bác Cù lại đọc kinh to hơn, chỉ nháy mắt, hai đầu gánh lắc lư, đưa đẩy như quả lắc đồng hồ, rồi xoảng một tiếng, ba tôi đã lăn đùng trên đồng gạch ngói vụn. Chúng tôi hết hoảng, chạy ào tới vực ba tôi dậy. Ba không bị thương đâu cả, nhưng cái nồi nấu cơm duy nhất của chúng tôi bị bể làm đôi, chén bát, muống bể văng đầy mặt đất. Bác Cù đứng bên cố trấn an:

- Thấy chưa! May mà tôi đọc Kinh kim cương giúp anh, cho nên anh đâu có bị thương, không thì cái giò của anh đứt đôi rồi!

Đêm ấy tôi nhớ là mẹ tôi đã dùng nửa cái nồi bể nấu thức ăn cho cả nhà, chúng tôi đựng cơm trong những cái chén bể, vẫn bưng ăn ngon lành.

LƯỢM CỦI

Dối với ba tôi, việc chén bát, nồi niêu bị bể hết, coi như đã trút được gánh nặng, ông chẳng phải gồng gánh gì nữa.

Chúng tôi chia lẻ hành lý ra, mỗi người một gói, vác toong teng trên lưng, tất cả những thứ còn lại, dồn vào một bọc lớn tròng lên cổ ba tôi (trên lưng ba tôi phải thường xuyên công em bé, cho nên bọc đồ đành tròng trước cổ).

Đi như vậy vừa chậm vừa cực, và ấn tượng đọng lại sâu sắc trong tôi là chuyện giao cho bọn trẻ chúng tôi đi lượm củi. Thật là một chuyện cực nhọc và đau khổ vô cùng, nhất là với đứa con gái mới lên sáu như tôi. Không phải là không lượm được củi, có điều hễ vừa tìm thấy thì bị mấy đứa lớn tuổi hơn giành mất, lại nữa có khi lượm được rồi bị bọn con trai giật mất. Tôi thường không làm tròn nhiệm vụ của mình là vậy.

Nhưng tôi biết rõ, tôi không thể không tìm ra củi, vì không tìm được củi thì không nấu cơm được! Không có cơm thì mọi người nhịn đói, do vậy mà tôi đánh liều đi làm nhiệm vụ!

Tôi nhớ có một hôm, đi qua một trại cửa, ba mẹ bảo tôi đi lượm gỗ vụn và dăm bào, nhưng cũng có rất nhiều bọn trẻ khác đến giành giật. Không làm được gì, tôi đang sốt ruột thì phát hiện một đống củi gỗ sắp ngay ngắn, tôi liền lấy trộm, bắt chập tất cả. Nhưng chẳng mấy chốc, thì bị người ta bắt. Người chủ đống củi giận lắm, hạch tội tôi dử dằn khiến tôi sợ phát run lên. Có lẽ động lòng thương hại, ông ta bảo:

- Chỉ cần cháu hát một bài, nhảy một điệu múa cho chú xem, thì chú cho cháu tất tậ chỗ củi đó!

Toàn thân tôi chẳng có lấy một tế bào âm nhạc, cũng chẳng có được một tế bào nhảy múa, nhưng tôi vẫn vừa múa vừa ca:

Đứa em tôi thềm ngủ

*Đôi mắt khế khép rồi
Đôi mắt nhỏ khép rồi
Nào, ngủ ngon em tôi...*

Đó là bài hát duy nhất tôi hát trong thời thơ ấu, mỗi lần hát lên, tôi không cảm được nước mắt.

Trong câu chuyện tôi đã kể ở đoạn trước có nhắc đến lá cờ đuôi nheo, vì thích lá cờ dễ thương đó mà tôi đã hát cho các bạn của ba tôi nghe, cũng bài hát này. Song, lúc đó tôi hát thật hứng thú, hát xong mọi người vỗ tay nồng nhiệt, tôi sướng vô cùng. Hát xong, tôi nhận được lá cờ đuôi nheo, tôi lại càng sướng hơn.

Vẫn là bài hát đó, nhưng lần này tôi hát nghe sao mà xót xa. Khi hát, tôi lại nhớ tới lá cờ đuôi nheo bị mất, những niềm vui đã đi qua, hát rồi bật lên khóc, khóc đến mức người chủ đồng củi không giữ tôi lại nữa, giục tôi ra về!

Câu chuyện thời ấu thơ này đã để lại cho tôi những ấn tượng không bao giờ quên, tôi viết lại một truyện ngắn về câu chuyện ấy, lấy tên là “Múa”, chính là viết về nỗi lòng tôi khi đó.

MỘT ĐÀU HEO CẢ NHÀ GẶM

Tưộm củi là việc của trẻ con, tìm cái ăn là chuyện của người lớn. Đang lúc loạn lạc, làm được việc này quả là khó, chẳng khác nào bắc thang leo lên trời. Ba tôi và bác Cù chia nhau đi kiếm ăn, kiếm được thứ gì cả nhà ăn thứ ấy.

Nhớ lại có một đêm. Người ở đây hầu như bỏ nhà ra đi, chỉ còn lại đầu vại ba hộ, cửa nẻo đều đóng kín, chúng tôi có cảm giác như lạc vào hang quỷ.

Ba và bác Cù sắp xếp vợ con vào ở trong một ngôi miếu cổ rách nát, rồi chia nhau đi kiếm cái ăn. Lúc đó, trời tối om om, cả hai người chẳng ai có đèn pin, chỉ dò đường bằng ngọn đuốc nhỏ. Nhìn theo ngọn đuốc càng lúc càng xa cả nhà thật sự lo lắng.

Chẳng rõ đợi đã bao lâu, chỉ biết là lâu lắm, bác Cù quay trở lại với ngọn đuốc đã tắt lụi. Cả nhà nghe rõ tiếng thở dài, biết là bác tay trắng về không.

Lại lo lắng cho ba tôi, và gởi gắm mọi hy vọng vào ba tôi, bác Cù lại bắt đầu đọc kinh, từ Đại bi chú đến Kinh kim cương, bác đọc mãi, đọc mãi. Giá như những tiếng cầu kinh ấy đánh đổi được cái gì ăn đở đói cho cả đám lúc này thì hay biết mấy!

Trong thời khắc căng thẳng đó, ba tôi đột ngột xuất hiện với dáng điệu hết sức hồ hởi, phấn khởi, khiến mọi người chắc mẫm ba đã vớ bở.

Ba mang về một cái đầu heo to ơi là to! Nhớ lại hồi còn bé tôi đã biết hát bài ca như sau:

*Anh bán sơn, tôi bán phán
Đến Lô Châu, xài hết vốn
Mua đầu heo, cả nhà ngón
Ngón không trôi, sức lại tốn
Đành vất xuống, cho sông ngón!*

Đúng là cái đầu heo ấy khó gặm thật (vì không kịp chờ luộc cho mềm!)

nhưng ai nỡ quẳng nó xuống sông nên mọi người phải cố sức gặm, tôi có ấn tượng là nồi nước luộc đầu heo ngon và thơm lắm, có lẽ trong đời tôi hiếm khi thưởng thức được cái món canh ngon như vậy!

Mọi người chưa rõ đầu đuôi làm sao ba tôi lại vớ được cái đầu heo ấy, ít ra thì công lao của ba thật xứng đáng!

Thế nhưng bác Cù thì cứ cho rằng ấy là nhờ bác đọc kinh mà có.

Bác Cù đúng là một người tốt bụng ưa hài hước, lúc nào cũng tin Phật có thể giải quyết được tất cả mọi chuyện trên đời.

Có lần bé gái mười tuổi của bác bị đau răng, nước răng đỏ mọng, đau lắm, bác Cù phát hiện, gọi con gái đến, nói quả quyết:

- Đau răng à? Không sao, để ba đọc kinh thì hết!

Bác làm dấu phép lên má con gái rồi lầm rầm đọc kinh, đọc mãi, đọc mãi, sau đó, bác hỏi con gái: hết đau rồi chứ!

Tôi thấy con gái của bác vẫn còn đau lắm, một bên má sưng vều lên, vậy mà bé cũng nuốt nước mắt, lầu bầu đáp: - Đỡ rồi ba, đỡ nhiều rồi ba!

Bác Cù được thể khoái lắm, cười nói:

- Ba đã nói mà, chỉ cần chú tâm đọc kinh, cái gì cũng giải quyết được!

BỌN CƯỚP VÀ THÔN TRƯỞNG

N-hững ngày sống lang bạt ở Quý Châu, có bác Cù kết bạn đi cùng, thật nhộn. Quảng hành trình ấy, hầu hết là đi bộ, họa hoằn đi được chuyến xe hơi chạy bằng than củi. Lần ấy, tôi bị té xe làm bị thương ở mũi, ngay trên đất Quý Châu này (Bây giờ nhớ lại, tôi không té chết có lẽ là nhờ bác Cù đọc kinh chẳng?).

Một tối nọ, chúng tôi đến một trấn nhỏ, ở trong nhà dân, cơm nước xong mọi người quây quần tán gẫu. Chủ nhà hỏi ngày hôm sau đi đâu, ba tôi cho biết sẽ qua một ngọn núi rồi đến một thôn nhỏ gọi là Kiếm Hà.

Chủ nhà bảo: - Trên núi có thổ phỉ, qua đó nguy hiểm lắm!

Ba phân trần: - Chúng tôi đều là dân lánh nạn, không một xu dính túi thì còn gì mà thổ phỉ cướp.

Chủ nhà lại nói: - Kỳ thực có người đi lánh nạn nhét đầy vàng và đồ trang sức quý giá vào trong áo bông rách rưới, đâu phải ai cũng nghèo rớt mồng tơi đâu!

Bác Cù ngoài đọc kinh ra, còn hay nói tếu, bác nói: - Phải, phải! Đừng coi bọn khố rách áo ôm chúng tôi không có gì nhá, trong người giấu nhiều châu báu lắm đó!

- Dù sao cứ phải cẩn thận, ngày mai đừng đi qua ngọn núi đó!

- Bọn cướp thì có gì là đáng sợ! - Bác Cù nói chen vào - Tôi đọc kinh là chúng nó chạy ráo!

Ngày hôm sau, chúng tôi quyết định vẫn vượt qua ngọn núi đó, vì trong người chẳng có gì cả, việc gì phải sợ!

Đã có bác Cù đọc kinh!

Ngọn núi ấy quả là hoang vắng, quả là đáng sợ. Vừa lên tới núi đã thấy có cái gì không ổn. Cỏ dại gai góc ngập đầy lối đi làm tôi liên tưởng tới hồi vượt qua Đại Phong ảo.

Đọc đường, bác Cù không quên đọc kinh, lại kinh Đại bi... rồi Kinh kim

cương, càng đọc, tiếng bác càng lớn.

Bỗng nhiên, nghe tiếng xoàng xoạc, rồi từ trong lùm cỏ, nhảy bổ ra năm sáu người giả beo, khỏi phải nói, bác Cù dù có đọc kinh đi nữa cũng chẳng xua được chúng, bọn cướp đang đợi chúng tôi! (sau vụ đó chúng tôi đoán là căn nhà chúng tôi thuê ở qua đêm là sào huyệt của bọn cướp).

Bọn cướp lấy hết mấy bọc hành lý trên người chúng tôi, sau đó bắt mọi người cởi hết áo bông rách ra đưa cho chúng.

Chờ cho chúng rút hết chúng tôi mới hoàn hồn, mỗi người chỉ còn độc bộ quần áo mỏng manh trên người, gió núi thổi rét run lập cập.

Đã vậy mà bác Cù còn bảo, giá như không đọc kinh thì chiếc áo mỏng bọn cướp cũng lột, và còn giết chết hết cả lũ, không chừa một ai.

Rồi bác lại đọc kinh, song trong tiếng kinh lần này đượm vẻ phẫn nộ, bất bình. Bác không nguyên rửa những tên cùng đường lòng lang dạ thú kia mà lại chửi ông thôn trưởng thôn Kiếm Hà, sao lại để bọn cướp xuất hiện trong thôn ấp của ông ta! Bác bảo:

- Đợi đến khi chúng ông vào xóm, ông sẽ đến chính quyền thôn kiện, cho thôn trưởng mất chức!

Bác giận dữ nói tiếp, coi bộ rất kiên quyết:

- Đến tỉnh ông còn phải đến tận chính quyền tỉnh kiện, đến Tứ Xuyên, ông phải kiện đến tận Chính phủ Trung ương!

Bác Cù nói toàn chuyện xa vời, còn chúng tôi lại đang nóng ruột chuyện trước mắt: trời sắp tối rồi, mọi người đang bị lạnh, không thể nào vượt qua núi được. Cả nhà phải trụ lại, lo lượm củi nhóm lửa, rồi ngồi quanh để qua một đêm khủng khiếp và lạnh lẽo.

Ngày hôm sau, mặt trời lên, mọi người xuống núi, đến được Kiếm Hà.

Đúng là bác Cù nổi trận lôi đình, bác đi tìm chính quyền thôn để kiện thôn trưởng.

Gặp thôn trưởng, bác đòi ông ta từ chức, nếu không bác sẽ lên tận chính quyền tỉnh để tố cáo.

Vị thôn trưởng rất mực trung hậu hết xin lỗi, lại ra sức phân trần với bác Cù, sau đó lại mời chúng tôi ăn cơm, dọn dẹp một gian phòng cho chúng tôi nghỉ lại.

Bác Cù đã nguôi bớt cơn giận.

Đến lúc này, chúng tôi thật sự nghèo kiệt xác, cũng không thể dựa mãi vào sự nuôi nấng của thôn trưởng, mặc dù ông ta rất tốt bụng.

Nhưng trời có mắt, chúng tôi vẫn còn có cách để sống.

Trong thời kỳ kháng chiến, kịch nói rất được ưa chuộng, và cũng đã xuất hiện không ít những kịch tác gia và diễn viên ưu tú.

Bác Cù nói, người ta thích xem kịch thì chúng ta diễn kịch cho họ xem. Thế là bác vạch chương trình diễn kịch nói, và bác nghiêm nhiên vận dụng ba tác lữ của mình thuyết phục được người cha bảo thủ của tôi. Mọi người nhiệt tình chuẩn bị diễn kịch!

“KHOAI LANG CHÍN RỒI!”



ở kịch hay sắp sửa ra mắt!

Sân khấu ở một góc phố, tôi cũng chẳng hiểu nó được dựng lên bằng cách nào, hay là đã có sẵn từ trước, hậu phương thời kháng chiến, kịch nói là một loại hình văn nghệ ai ai cũng thích, chỗ nào cũng có sân khấu.

Vai nam chính là ba tôi, vai nữ chính là má tôi.

Bác Cù mới thật sự là vị anh hùng ở hậu trường. Bác là đạo diễn, giám đốc sân khấu, giám đốc hậu trường, dàn cảnh, đạo cụ, phối âm, phục trang, ánh sáng... Tóm lại, một mình bác quản tất tần tật.

Đương nhiên, quan trọng nhất là chuyện bác vừa là kịch tác giả vừa kiêm luôn đạo diễn!

Hồi tưởng lại, bác Cù quả là có tài thật sự về kịch nghệ. Người lớn bận diễn kịch, trẻ con vui hết biết. Trước khi diễn, không ai trông coi chúng tôi, chúng tôi mặc sức vui đùa, khi diễn kịch, lại càng nhộn, xem ba mẹ diễn trên sân khấu sao mà rục rịch, sao mà hấp dẫn đến thế!

Tôi là người xem say sưa nhất, suốt từ đầu đến cuối, ba mẹ diễn mấy suất là tôi xem mấy suất, xem đến mức thuộc hết cả lời trong vở kịch.

Tôi nhớ tên vở kịch đó là “Khoai lang chín rồi”.

Câu chuyện kể về một gia đình nhỏ, chồng là người chiến sĩ sắp xông pha trận mạc, nói lời từ biệt với vợ, vợ lưu luyến nói với chồng, em đang luộc khoai lang, mình hãy đợi khoai lang chín, ăn rồi hãy đi.

Lúc đó, ngoài cửa, chợt tiếng tù và vang lên lạnh lạnh, do bác Cù thổi, người chồng luống cuống, nhưng vẫn nấn ná dặn dò vợ bao điều. Rồi tiếng khóc của con thơ vọng lại (đương nhiên cũng do bác Cù bày trò), người vợ quay vào dỗ con. Dỗ con ngủ xong, người vợ lại trở ra tâm tình.

Tiếng tù và lại vang lên, người vợ chạy vào xem khoai chín chưa, rồi chạy ra,

nói: - Khoai lang chưa chín, nhưng cũng chín rồi!

Tù và lại giục giã! Con thơ lại khóc! Người vợ luống cuống chạy ra chạy vào, nhưng khoai lang vẫn chưa chịu chín.

Tiếng tù và càng lúc càng gấp! Đã đến giờ xuất chinh, người chồng không thể nán ná được nữa, anh cũng không chịu nổi cảnh chia tay đầm đìa nước mắt với vợ nên đợi lúc vợ vào bếp, anh vượt qua cửa sổ thoát ra ngoài.

Người vợ bưng đĩa khoai lang nóng hổi bước ra, miệng nói: - Khoai lang chín rồi! Khoai lang chín rồi! Nhưng phòng không lặng ngắt như tờ, chị buông đĩa bưng mặt khóc, chiếc đĩa vỡ, khoai văng xuống đất.

Trong tiếng trẻ khóc, tiếng tù và, tiếng vó ngựa, tiếng nước nở của người vợ giao hòa nhau, màn từ từ hạ.

Vở kịch không chỉ viết về mối tình chồng vợ đậm đà, mà còn mô tả không khí của cuộc kháng chiến đương thời, khiến lòng người ngùi ngùi xúc động, từ câu chuyện nho nhỏ ấy nhìn xuyên qua thời đại, thực sự là một thành công lớn!

Người xem sôi nổi hẳn lên, ai cũng nhiệt liệt khen ngợi, nhưng xem kịch xong, ai nấy mãi nguyền ra về, chẳng mấy ai để lại chút ít tiền cho đoàn kịch.

Cũng vì vậy mà diễn mấy ngày liền vẫn không có tiền trang trải nợ nần, lại ngày nào cũng đánh rơi vỡ đĩa và đổ khoai lang nấu chín xuống đất, không có khoản nào để bù vào. Thế là đoàn kịch cũng hạ màn luôn.

Thật tội nghiệp cho ba mẹ, cuộc đời chỉ biết dạy học, vì cuộc sống mà phải làm tất cả. Bán khoai lang, bán bánh rán rồi phấn son lên sàn diễn...

Người thôn trưởng tốt bụng thấy chúng tôi không thể sống bằng diễn kịch được, cả nhà đến nông nổi này quả thực là có phần trách nhiệm của ông, do ông quản lý địa hạt mình không tốt, để bọn cướp lộng hành... Thế là ông hối hả sắp xếp cho ba tôi và bác Cù mỗi người một việc, ông sốt sắng nói với chúng tôi:

- Thôi đừng đi nữa, ở lại đây với chúng tôi!

Thực tình thì chúng tôi đi đã mệt quá rồi, được thôn trưởng giữ lại, mọi người không từ chối.

Chúng tôi ở lại Kiếm Hà thấm thoát hơn nửa năm.

KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI

Những tháng ngày ở Kiếm Hà, có lẽ là quãng thời gian chúng tôi sống được an bình nhất trong cuộc đời lưu lạc. Thời gian này, mẹ tôi học được cách đan giày nên ba chị em tôi đều có giày mới để mang. Còn ba, vẫn bận rộn như thường lệ, có hôm, ba ôm về cả cái sừng trâu từ nhà lán giềng, chẳng là ba mới học được nghề khắc dấu.

Ba tôi khắc hàng lô hàng lốc con dấu bằng sừng trâu. Một hôm, nguồn cảm hứng đến, ba lấy một ống trúc, dùng gốc trúc làm quản bút, trên quản bút khắc tử mĩ hai chữ lớn:

“Kính tiết”

Hai chữ lớn ấy có nghĩa là “đốt tre cứng cáp” đã làm xúc động ba tôi. Những ngày ấy, ba tôi buồn buồn ít nói, đầu bác Cù có trêu chọc chẳng nữa, ba cũng chẳng cười. Mẹ tôi hiểu ra, mẹ nói:

- Mình lại muốn đi Tứ Xuyên rồi!

- Vâng! Ba thở dài: - Một trăm dặm đã đi được chín mươi dặm, bây giờ dừng chân thật chẳng đáng!

- Nhưng mà chúng ta lấy đâu ra tiền?

- Cái hồi từ dưới lòng sông Đông An trôi lên, chúng ta có tiền đâu? Ba hỏi. - So với hồi đó, bây giờ ta đỡ hơn nhiều chứ!

Thực ra, ở Kiếm Hà, ba tôi kiếm được chút đỉnh tiền.

Thế là mấy ngày, bàn lui bàn tới, cuối cùng ba quyết định: Chúng ta tiếp tục đi, đi cho đến Tứ Xuyên, đi cho tới Trùng Khánh. Lần này, bác Cù không chịu đi cùng chúng tôi, bác nhất quyết bắt cho được bọn cướp rồi mới đi. Nhưng bác cầu phúc lành cho chúng tôi. Ngày cả nhà tôi lên đường, bác lưu luyến tiễn chân đến tận cổng làng, và đọc kinh chúc chúng tôi thượng lộ bình an.

Chúng tôi lại ra đi!

Đường xa tăm tắp, hết qua đồi núi này lại leo tiếp đồi núi khác.

Cuối cùng, chúng tôi đặt chân lên đất Tứ Xuyên. Tôi còn nhớ, sau khi vào Tứ Xuyên, chúng tôi vẫn tiếp tục trèo đèo vượt núi.

Đi đường núi thật gian nan, núi đã vắng lại hay gặp thổ phỉ. Lại còn một nỗi sợ nữa là rắn độc và dã thú. Trên người tuy chẳng có tài sản gì, nhưng nếu cũng y như lần trước, chẳng may bị thổ phỉ cướp cả áo quần lẫn nữa thì thật là thảm hại!

Chúng tôi làm lối đi trong núi. Có hôm bỗng dưng có hai tráng đinh xuất hiện trước mặt. Họ khiêng cáng, tẩm ra trắng phủ kín người nằm trên đó. Họ lặng lẽ đi qua rồi mất hút vào núi sâu. Ba mẹ hơi nghi hoặc, không dám hỏi. Đi được một lát, lại xuất hiện hai người khiêng cáng nữa cũng phủ kín bằng ra trắng, cũng đi vào núi sâu. Một loáng sau, lại chiếc cáng thứ ba xuất hiện...

Gió núi thổi mạnh, trời trở lạnh. Nhưng chúng tôi thấy ớn lạnh hơn khi nhìn người khiêng cáng thềm lặng đi qua, những tẩm ra trắng, những chiếc cáng...

Lại một chiếc cáng nữa xuất hiện, ba tôi đánh bạo hỏi:

- Làm sao vậy, có người bệnh à?

- Bệnh à? - Người khiêng cáng trở mắt nhìn ba tôi. - Chết rồi! Chết cả rồi! Khiêng vào núi chôn đó!

Thì ra đó là những xác chết. Hỏi thêm mới rõ đầu đuôi. Cả khu núi này đang bị bệnh dịch, ngày nào cũng có người chết, nhiều người đổ bệnh. Dân nghèo xác xơ, thời kháng chiến thuốc men thiếu thốn, đành nhìn tử thần cướp đi từng mạng sống!

Hôm qua khiêng người ta đi, hôm nay cũng có thể đến lượt người khác khiêng mình!

Ba mẹ nghe lạnh tóc gáy, cẩn thận dẫn chúng tôi né xa những xác chết. Suốt ngày, chúng tôi gặp toàn người khiêng xác người, tôi và các em vì tuổi nhỏ, nhìn riết rồi cũng không sợ nữa.

Hoàng hôn xuống, ba tôi công em bé, còn tôi và Kỳ Lân dắt tay nhau chạy băng băng xuống núi. Ba tôi tụt lại sau. Đến cửa rừng, hai chúng tôi đang đói còn cào, chợt thấy một quán nhỏ ven đường, trong quán hai người khiêng cáng đang ngồi ăn mì, mùi mì bốc lên thơm phức, tôi và Kỳ Lân không nhịn được, liền đi tới, rồi ngồi bệt xuống nền đất đòi ăn mỗi đứa một tô mì. Tôi còn nhanh miệng nói với chủ quán, mẹ tôi đi ở đằng sau, sẽ đến trả tiền ngay.

Thế rồi tôi và Kỳ Lân ăn ngấu ăn nghiến, bất chấp đây là vùng dịch bệnh, cũng bất chấp cả cái xác chết đặt trên cáng ở bên cạnh quán. Đến khi mẹ tới kịp,

mẹ hớt hải la oai oải:

- Ối dào, hồng hết! Hồng hết! Các con quá lắm! Nhỡ bị bệnh truyền nhiễm làm sao cứu kịp!

Mẹ tôi đi tới, kéo tôi ra cho một cái tát, rồi cho Kỳ Lân một tát. Kỳ Lân hể bị đánh là khóc, há hốc mồm ra khóc càng lúc càng dữ. Ngay lúc đó, tiếng nổ đoàng, đoàng, vang liên hồi như pháo làm rung động cả một vùng núi.

- Thổ phỉ đến! - Mẹ tôi la lên, rồi theo bản năng, ôm chặt lấy Kỳ Lân.

- Súng bắn! - Ba nói - Lẽ nào giặc Nhật tấn công đến Tứ Xuyên? Không lẽ!

Nói chưa hết lời, lại một loạt đoàng, đoàng nữa vang lên. Chủ quán sợ quá ngồi xuống, dùng tiếng Tứ Xuyên hò hét mấy người khiêng cái, họ đứng lên chạy thẳng xuống xóm dưới núi... Chúng tôi đứng ngây người, không dám nhúc nhích.

Một hồi lâu, có tốp người từ trong xóm chạy ùa ra, họ cười cười, nói nói, tay phát cao lá quốc kỳ, tay đốt pháo nổ ran. Thì ra những tiếng nổ vừa rồi là tiếng pháo dây! Đám đông đi tới vừa đốt pháo, vừa hô lớn:

- Kháng chiến thắng lợi rồi! Chúng ta thắng lợi rồi! Người Nhật đầu hàng vô điều kiện! Đầu hàng vô điều kiện!

Ba mẹ quá đổi kinh ngạc, không dám tin là sự thật.

Lát sau, ba cầm chặt tay một bạn trẻ, hỏi khế. Bạn đơn đả trả lời:

- Thật mà. Đài phát thanh đã loan tin rồi, kháng chiến thắng lợi rồi, thật mà!

Ba tôi la lớn, ôm chầm mẹ tôi nhảy cẫng cẫng, mẹ thì vừa khóc vừa cười, trẻ con chúng tôi quần quít quanh chân ba mẹ, cũng cười la động trời... Giây phút phấn khởi đó nhấn chìm tất cả, đến cái bệnh dịch đáng sợ kia cũng như không, cả nhà ôm nhau, sướng như điên, rồi khóc, rồi cười, rồi la lớn:

- Thắng lợi rồi! Thắng lợi rồi! Thắng lợi rồi!

Đúng thế, chúng tôi đã đến Tứ Xuyên, chúng tôi đã đi đến thắng lợi!

Tôi không sao lột tả hết niềm hân hoan lúc ấy.

Đỗ Phủ có bài thơ thất luật, nhan đề “Nghe tin quân ta giành lại Hà Nam Hà Bắc”:

Quân ta giành lại đất Tô Bắc

Thoạt nghe áo thấm đầy nước mắt!

Nét sần mặt vợ đâu còn thấy

Trang sách dạt dào bao ý thơ.

Bạch nhật tiếng ca pha rượu chúc

Thanh xuân kết bạn về cố hương.
Từ thuở vượt đèo xuyên núi hiểm
Nay lại Nang Dương về Lạc Dương.

Biết còn câu chữ nào hợp hơn những dòng trên để hình dung nỗi lòng ba mẹ tôi lúc ấy? Đúng là “Quân ta giành lại đất Tô Bắc, thoát nghe áo thấm đầy nước mắt!” và cũng thật đúng là “bach nhật tiếng ca pha rượu chúc, thanh xuân kết bạn về cố hương!”

Trở về cố hương ư? Không! Tuy kháng chiến đã thắng lợi, tuy những ngày lánh nạn của chúng tôi đã qua rồi, tuy cả nhà chúng tôi hân hoan vui vẻ đấy, nhưng khoảng cách từ đây đến ngày chúng tôi về lại cố hương hã còn xa lắm lắm!

TRUNG HỌC LÔ NAM

Gả nhà đến Tứ Xuyên rồi đi Trùng Khánh. Khắp nơi hân hoan đón mừng thắng lợi. Qua hơn một năm đi bộ trên đường dài, cả nhà năm người, ngoài gói đồ sồn rách trên vai, thì chẳng còn gì, trông thật thảm hại. May sao, ở Trùng Khánh có người anh em họ của mẹ, như tôi đã viết ở trên, nhà họ Viễn là một dòng họ lớn. Lúc đó, cậu Ba và vợ Ba đón chúng tôi về ở chung. Các cậu, các dì khác ở Tứ Xuyên cũng đến tiếp tế cho chúng tôi đều đặn. Mẹ tôi là con gái trưởng dòng họ Viễn, lẽ ra là một tiểu thư quyền quý đáng tôn đáng kính, nhưng giờ đây, trời đất xoay chuyển ra nông nỗi này. Gặp nhau, mọi người vây quanh ba mẹ, hỏi tởm quá trình chạy nạn. Ai nấy nghe đều há hốc mồm, không thể nào tin được sao lại nhiều chuyện động trời đến thế, cứ dồn dập xảy ra với chúng tôi!

Người kể đến chuyện buồn, rơi nước mắt, người nghe cũng sụt sùi khóc theo. Ngồi giữa đám đông nghe ba mẹ kể hết lần này đến lần khác, tôi cũng ôn lại những năm tháng phiêu dạt đầy đau thương, khi buồn khi vui, khi tan khi hợp. Nên chi hồi ấy, tuy tôi mới sáu tuổi, nhưng những sự việc xảy ra đều in sâu tận đáy lòng không sót điều gì.

Chuyện đi lánh nạn đã thành quá khứ. Tương lai rồi sẽ ra sao là chuyện ba mẹ đang phải lo toan. Khi đó, do không biết, ba không xin dạy học tại trường ở đó, mà lại đi dạy ở một nơi tên là Lý Trang. Vì là sau chiến tranh, nên cảnh vật tiêu điều xơ xác, trường không có nhà ở cho gia đình, chỉ có thể sắp đặt chỗ ở độc thân cho ba tôi. Ba tôi thật tình không muốn ở xa vợ con khi chiến tranh vừa mới kết thúc. Khi cần đoàn tụ thì lại đi dạy học ở Lý Trang! Song xa nhau là chuyện nhỏ, còn thất nghiệp mới là việc lớn đáng lo hơn. Vì thế, ba quyết định đi Lý Trang dạy học. Còn mẹ và ba chị em tôi làm sao đây? Lúc đó, dì Huân đến bảo:

- Chẳng có chuyện gì đáng lo, chị Ba và ba cháu kéo hết đến trường trung học Lô Nam của em! Em đang thiếu giáo viên dạy văn, chị Ba chẳng phải đã dạy

học ở Hồ Nam rồi là gì? Bây giờ chị lại đi làm giáo viên giúp em!

Di Huân là em họ của mẹ. Mẹ tôi hàng thứ ba trưởng họ, nên Di Huân gọi mẹ là chị Ba. Khi đó, Di Huân và chồng của Di ở huyện Lô của Tứ Xuyên, mở trường Trung học dân lập, mọi thứ đều còn mới, thậm chí thiếu cả tiền lương cho giáo viên.

Thế là chúng tôi tạm thời chia tay ba, theo mẹ đến trường trung học Lô Nam.

Trường Trung học Lô Nam (trong cuốn sách tôi viết tựa đề “Tình quê hương không bao giờ dứt”, có lược kể về trường này và về Di Huân của tôi) là nơi để lại trong tôi những kỷ niệm đầy hứng thú. Nó vốn là một ngôi chùa lớn được sửa thành trường học. Phòng học đặt tại điện chính của ngôi chùa, nên mỗi phòng học đều có Bồ Tát. Nhà mẹ con tôi ở là nơi tu hành của các Hòa thượng trước kia, rất đơn sơ, giản dị.

Trải qua thời gian đi lánh nạn đầy thảm khốc, bây giờ vào ở nơi đây, thật chẳng khác nào đến chốn thiên đường.

Cuộc sống của tôi chẳng mấy chốc thay đổi hết. Tôi nhớ rõ, năm ấy vui lắm. Học sinh của mẹ đều thuộc lớp đàn anh của tôi. (Ở đây tưởng cần thuyết minh một chút, Tứ Xuyên hồi ấy rất bảo thủ, rất trọng nam khinh nữ. Con gái đều ở nhà giúp việc gia đình, không mấy cha mẹ chịu cho con gái đi học. Cho dù con trai đi nữa, cũng là do Di Huân và chồng Di đi vận động, thuyết phục từng nhà một, tranh thủ cho các cháu đi học. Cho nên học sinh đều là con trai, nhưng tuổi rất lớn, những mười tám, mười chín tuổi mà còn học năm đầu cấp trung học. Đã vậy, số học sinh này cũng không được học cơ bản ở cấp một, cho nên mẹ tôi dạy các anh ấy thật vất vả, nhưng được cái các anh ấy đều thành thật, nhiệt tình, chịu khó, đều trở thành anh cả của tôi). Những người anh này thường dẫn tôi đi chơi, bày tôi nuôi dế, cống tôi trên vai đi hái lá dâu, đưa tôi ra bờ sông nhặt đá cuội... Tuổi ấu thơ của tôi đã sớm bị mất nụ cười và niềm vui, thì tại đây, tôi dần dần lấy lại niềm vui ấy.

Cũng trong thời gian này, mẹ tôi bỗng dưng phát hiện được sức cảm thụ văn học của tôi, lúc vui vẻ, nhàn nhã, bắt đầu dạy tôi đọc thơ Đường. Và cũng lần đầu tiên, tôi nhận ra ma lực của văn học, và bắt đầu tìm được niềm say mê trong văn học.

Phát hiện của mẹ tôi khá ngẫu nhiên.

Nguyên là thế này: những học sinh của mẹ tôi tuy tuổi đã lớn nhưng không

hiểu sao học không vào, mẹ tôi cứ phải giảng đi giảng lại nhiều lần mà các ông anh ấy vẫn cứ không hiểu nổi. Còn tôi, theo mẹ từ thuở nhỏ, khi mẹ giảng bài, tôi thường ngồi bên bậu cửa “dự thính”. Có một hôm, mẹ đang dạy bài “Chim lành hót đêm”, trong đó có hai câu thế này:

Đêm, đêm, đêm chim hót
Người nghe nao nao lòng.

Vì là có ba chữ đêm, các ông anh lẫn lộn mãi. Mẹ giảng khô rát cả cổ họng, các anh vẫn lắc đầu không hiểu. Mẹ có phần hoài nghi năng lực giảng dạy của mình. Đang khi bối rối, thấy tôi ngồi trên bậu cửa, mẹ kéo tôi vào lớp hỏi:

- Phượng Hoàng, con có hiểu ý nghĩa hai câu này không?
- Hiểu chứ ạ! - Tôi trả lời dứt khoát, mẹ đớ người.
- Thế thì con trả lời xem nào! - Mẹ tôi định hỏi thử vậy thôi.

Tôi giải thích thật rành rọt, chi li, cặn kẽ. Từ hôm đó, mẹ tôi đặc ý lắm, mẹ bắt đầu dạy tôi Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị. Tôi cũng học rất chăm chỉ, tôi học thuộc thơ Đường, bảy tuổi mà tôi đã thuộc lòng “Lương thưởng song nhận”, và “Từ điều dạ thí đề”. Tôi nghĩ, sau này tôi mê viết văn ắt có liên quan rất lớn đến những ngày học thơ Đường hồi đó.

Thời gian ở Trung học Lô Nam, nhà chúng tôi lại có chuyện đại sự. Ấy là chuyện em bé gái tôi chào đời. Nguyên là sau khi thắng lợi, mẹ tôi lại có mang, với cái thai này, mẹ tôi gởi gắm rất nhiều hy vọng. Chiến tranh đã đi qua, gian khổ cũng phải lùi dần về dĩ vãng. Tuy cuộc sống trước mắt còn gian truân, vợ chồng chưa được đoàn tụ. Nhưng, viễn cảnh vô cùng tươi đẹp. Mẹ tôi cũng thừa nhận rằng, thời kỳ thai nghén em gái tôi, là thời gian mẹ tôi thấy tràn ngập yêu thương ngọt ngào.

Tháng hai năm 1946 em gái tôi chào đời, đứng vào hàng ngũ gia đình. Em càng lớn càng giống mẹ, da dẻ mịn màng, mặt mũi tươi đẹp, không chê vào đâu được. Vừa lọt lòng mẹ, em đã thành cục cưng của cả nhà. Mẹ yêu em, chị em chúng tôi cũng rất yêu em. Năm ấy tôi tròn tám tuổi, con gái tám tuổi rất ham chơi búp bê, tôi không chơi búp bê (và cũng làm gì có búp bê mà chơi), mà là ẵm em gái của tôi. Tôi rất vui mừng vì mẹ tôi sinh em gái chứ không sinh em trai, hồi đó tôi khác những đứa con trai cùng lứa ở chỗ ước muốn có một đứa em gái để kết bạn, nguyện vọng của tôi đã được toại nguyện.

Ông nội tôi ở tíu Hồ Nam đã theo dõi biết hết đoạn đường đầy gian khổ của chúng tôi. Giờ đây biển yên sóng lặng, nhà lại muốn có thêm cháu nội gái, nên

ông tôi đã vội đặt tên cho cháu gái. Chẳng là em gái sanh đúng mùa xuân đầy trời hoa nở như gấm thêu, nên ông chọn tên Cẩm Xuân, ba thấy tên em chưa hợp ý mình, nhưng ông nội đã chọn, ba cũng chịu vậy. Nhưng, cả nhà đều gọi em là út chứ không gọi tên, cũng giống như gọi em trai út là Bé Tam chứ không gọi là Xảo Tam vậy.

Bốn anh chị em nhà tôi đều đủ mặt.

Năm thứ hai, ba được thư mời dạy học của Đại học Đông Tế, Thượng Hải, cả nhà chúng tôi sum họp. Rồi trường trung học Lô Nam, cả nhà dời về Thượng Hải, bắt đầu một cuộc sống khác trước.

Ở THƯỢNG HẢI

Từ vùng thôn dã Tứ Xuyên đến Thượng Hải phố phường hoa lệ, quả là hai nơi cách biệt nhau nhiều quá. Vừa chân ướt chân ráo đến Thượng Hải, nhìn cảnh nhà cao chọc trời, ngựa xe như nước, áo quần như nệm, mắt tôi cứ hoa lên. Bé bỏng như tôi đã đi từ Thành Đô đến Hồ Nam, qua Quảng Tây, vượt Quý Châu, về Tứ Xuyên rồi đến Thượng Hải, đúng là tôi đã đi qua một quãng đường dài dằng dặc! Quãng đường ấy không chỉ dài mà còn đầy chông gai sóng gió.

Đến Thượng Hải, những ngày lưu lạc của chúng tôi phải chặng nên kết thúc tại đây! Ba đem bốn chúng tôi về ở trong một ngôi nhà mới.

Ngôi nhà này rất nhỏ, chỉ có một gian phòng trong nhà lầu lớn ở Bạch Độ Kiêu ngoại ô Thượng Hải. Nhà lầu lớn này có cái tên nghe rất Tây là Ri-sác. Lầu Ri-sác có năm tầng, có lẽ trước đây là khách sạn. Trong mỗi tầng lầu đều có hành lang chạy dài, một mặt của hành lang trông ra sân vườn, còn mặt kia là từng gian phòng một, mỗi gian mỗi kiểu khác nhau. Mỗi phòng có một buồng tắm nhỏ, có điều kỳ quặc là, trong buồng tắm thì có bồn tắm mà không có bàn cầu, đại tiện tiểu tiện đều phải ra tít tận nhà xí công cộng ở đầu kia của hành lang.

Lầu Ri-sác trở thành nhà ở của giáo viên Đại học Đồng Tế. Gian phòng chúng tôi nằm ở lầu bốn. Nhà sáu người, lớn bé đều sống chen chúc trong đó. Phòng có một chiếc giường, một bàn viết, ban ngày ba người chừa bài tại bàn này, ban đêm trải chăn bông lên thành giường, tôi và mấy em trai ngủ trên đó. Còn cái buồng tắm kia, mẹ bắc mấy tấm ván lên bồn tắm, mua lò và nồi để nấu cơm, cứ cách vài ngày, dời bếp cho các con tắm tập thể.

Hầu như từ lọt lòng đến giờ, sự nghèo khổ luôn gắn chặt với gia đình tôi. Lần này về Thượng Hải, tình cảnh cũng chẳng khá hơn chút nào. Đời sống Thượng Hải yêu cầu cao, Út oa oa đòi bú, sữa bột đắt kinh người. Ba chị em tôi đang lớn như thổi. Ăn mặc, ở, đi lại cái gì cũng cần đến tiền. Đồng lương ít ỏi của

ba rõ ràng là không làm sao nuôi nổi sáu miệng ăn. Nhưng ở Thượng Hải, tôi có người cậu bà con và dì Tư v.v...

Hồi đó, ông bà ngoại tôi đều đã qua đời. Anh cả của mẹ tôi làm luật sư sống rất sung túc, ở trong một ngôi nhà đầy đủ tiện nghi trên đường An-be. Hai anh em đã nhiều năm không gặp nhau, vừa mới thấy, đã khóc nức nở. Người cậu cả thấy tình cảnh túng bấn của gia đình tôi, con cái đứa nào cũng ốm yếu, vàng vọt, nặng nạch đòi ba tôi chuyển ngành, vì còn dạy học thì lũ trẻ sẽ chết đói mất. Nói một thôi một hồi, người cha cố chấp của tôi chạm tự ái, nổi nóng đưa tay xốc lại cổ áo đứng dậy, nói kiên quyết:

- Mỗi người có ý nguyện riêng của mình, tôi học cả đời rồi, cũng chỉ biết có dạy học thôi. Nghèo là số phận của tôi! Đã là vợ con của tôi thì đành phải sống kham khổ với tôi, làm gì có chuyện chuyển ngành được!

Ba tôi giận dữ bỏ về, từ đó xa lánh dần cậu tôi. Việc cậu khuyên ba chuyển nghề làm tổn thương lòng tự trọng của ba rất dữ. Còn tính khí của người cậu cả cũng chẳng phải vừa, thấy ba tôi vẫn cố chấp, không chịu đổi thay, sợ làm khổ lây đến em gái, nên rất bức bối. Do vậy, nhà tôi với nhà người cậu cả rất ít qua lại nhau. Chỉ có mợ cả thường xuyên đem hết bọc nhỏ, bọc lớn quần áo đến nhà, trong đó gói rất nhiều áo lụa, váy lụa trẻ con, lại cả những thứ bà ngoại sắm khi tôi chào đời mà tôi chưa nhận được, bây giờ thì đứa em gái nhỏ hơn tôi tám tuổi mặc thật vừa vặn. Thấy những áo quần ấy, khỏi phải nói, cũng biết là mẹ tôi khóc mấy ngày ròng.

Chúng tôi rốt cuộc rồi cũng sắp đặt đầu vào đấy, khổ tuy có khổ nhưng được cái cả nhà quay quần đoàn tụ. Ba bắt đầu nghĩ tới chuyện học hành của ba đứa lớn. Một hôm, ba dẫn cả ba chị em đến trường tiểu học quốc dân khu mười sáu. Đây là lần đầu tôi bước vào ngưỡng cửa nhà trường ở bậc tiểu học. Năm ấy tôi lên chín, tính theo tuổi thì tôi phải học lớp ba mới phải. Nhà trường sát hạch sơ bộ khi vào lớp, liền sắp tôi vào học lớp ba, Kỳ Lân không theo nổi, xếp xuống lớp hai, em trai út xếp lớp một.

Đến chín tuổi đầu tôi mới được vào trường học, tôi nhớ rõ là học cực nhọc lắm. Kỳ thực, không chỉ là vất vả thôi mà còn là một sự đau khổ cực kỳ.

Nguyên do là, từ Tứ Xuyên đến Thượng Hải, tôi nói đặc sệt giọng Tứ Xuyên, mà cả trường, từ thầy giáo đến học trò đều nói toàn giọng Thượng Hải. Ngôn ngữ bất đồng, thầy giáo nói gì tôi cũng không hiểu, bạn học nói gì tôi cũng không hiểu. Chưa hết, tôi lại từ nông thôn ra nên quê một cục, trẻ con Thượng

Hải đều nhanh nhẹn khôn ngoan, so đi sánh lại, cái gì tôi cũng thua. Lại còn từ nhỏ, tôi chỉ được mẹ dạy thơ Đường, tôi đọc rất khỏe, nhưng toán thì đến phép cộng cũng không biết làm, điểm số thua xa các bạn. Do nhiều nguyên nhân, như thế, ở trường tôi rất khổ tâm.

Trẻ con Thượng Hải hay làm phách. Ngày đầu đi học, khi sắp hàng trên sân tập thể dục, những đứa đứng trước đẩy tôi ra sau, mấy đứa đứng sau đẩy tôi lên trước, khiến tôi xấu hổ quá đành đứng ra ngoài hàng, chân tay bối rối, không biết làm thế nào. Thầy giáo đến, thấy tôi không sắp hàng, mắng tôi một trận, cả lớp khúc khích cười, còn tôi thì khóc chạy về nhà: không thềm học nữa!

Không đi học không được - Ba mẹ muốn tập cho chúng tôi có tính độc lập và khả năng thích nghi với mọi hoàn cảnh. Tôi khóc suốt đêm, lại đành ngoan ngoãn trở lại trường. Dần dần, ngày qua ngày, các bạn học không khi dễ tôi nữa. Tôi cũng bắt đầu kết bạn, nhưng do giọng nói, nên kết bạn rất khó.

Tôi đi học cũng chẳng thuận lợi chút nào, hai đứa em trai tôi cũng thế. Kỳ Lân tính khí bướng bỉnh, từ bé thường xuyên đánh lộn với bạn bè. Em trai út càng quậy phá dữ, nó chẳng bao giờ chịu ngồi ngay ngắn trong lớp được vài tiếng đồng hồ, làm thế nào bắt nó ngồi nghe thầy giảng cho được. Không rõ sao, anh chàng nghĩ ra mẹo vặt, giơ tay lên xin thầy:

- Con xin đi tiểu!

Thầy giáo liền cho nó đi. Kết quả là mỗi tiết học nó giơ tay lên mười mấy lần xin đi nhà xí. Có một lần, thầy bực quá, giận dữ quát:

- Không được đi!

Em trai Út thấy mưu kế không thành, đành ngồi yên chốc lát, rồi nó dọa thầy:

- Thầy không cho con đi, con đái trong quần!

- Đái thì đái đi - Thầy nói: - Không cho đi là không cho đi!

Nào ngờ, thầy vừa dứt câu thì cậu ấm “giải quyết tại chỗ” ngay lập tức, làm cho thầy trò cả lớp ai nấy kinh ngạc thất sắc. Lúc đó, trong trường có qui định, học sinh hễ nói tục hoặc làm điều sai trái thì dùng bút đỏ vẽ một vòng tròn trên miệng, thứ mực nước đỏ đó đã vẽ trên miệng rồi thì rửa mấy ngày cũng chẳng sạch. Thầy giận quá, liền vẽ lên miệng em trai út mấy vòng tròn đỏ liền. Hôm ấy, Kỳ Lân vì đánh lộn và chửi bạn nên cũng bị thầy giáo lấy bút đỏ khoanh tròn lên miệng. Kết quả là, tôi đang học nửa chừng, bị thầy chủ nhiệm giám thị chạy lại báo cho biết:

- Hôm nay con không phải học, dẫn hai đứa em về nhà đi, chúng nó đưa thì đái trong quần, đưa thì đánh lộn!

Trường cách nhà tôi một đoạn đường xa lắm, thường thường tôi phải đưa chúng đến trường và dắt chúng về nhà. Hôm đó tôi dẫn hai đứa về nhà, nhìn những khoanh tròn trên miệng chúng rồi nhìn cái quần ướt của em trai út, tôi thấy xấu hổ quá. Hai đứa lại còn chu mỏ giận dỗi, làm ai qua đường cũng ngoái đầu nhìn chúng nó cười, tôi lại càng muối mặt hơn, nói với hai em:

- Biết thế này, để chúng mày mất tiêu ở Đông An cho rồi, tìm về làm gì cho phiền toái thế này!

Vừa dứt lời, nhớ lại cảnh buồn thảm đau thương sau khi mất hai em ở Đông An, tôi hối hận vô cùng, lòng quặn thắt, nước mắt chảy ròng ròng. Bé Út thấy tôi khóc, cũng khóc theo, kéo chéo áo tôi, nói:

- Chị đừng khóc, em không dám nữa đâu!

Kỳ Lân thấy hai chị em đều khóc, mắt nó cũng đỏ ngầu. Tôi chợt hiểu ra, mình là “chị cả” trong gia đình, hai em trai dầu sao cũng là em, dầu gì đi nữa, tôi cũng không thể rời chúng nó. Thế rồi tôi nắm chặt tay em trai út, ba đứa vừa đi vừa khóc về nhà. Vừa đến nhà, tôi vội vã giấu hai em vào buồng tắm, ra sức kỳ cọ cho mất tiêu cái khoanh tròn trên miệng hai đứa, kẻo ba mẹ trông thấy, cũng sẽ xót xa như tôi.

Sống ở Thượng Hải là như vậy đó. Tôi nhớ rõ, cái vui đến thì ít. Cái nghèo cái khó cứ ập đến hoài hoài. Thượng Hải mùa đông lạnh không tả xiết, tôi và các em đều thiếu đồ ấm, hai hàm răng cứ đánh vào nhau kêu lập cập. Ngày ngày ba chị em dắt tay nhau đến trường, phải đi qua quán bán hạt dẻ, thèm mua một gói hạt dẻ cầm cho ấm tay, ăn cho ngọt miệng, nhưng đào đâu ra tiền, chỉ lấy mắt nhìn. Các bạn xếp hàng lần lượt nhảy dây thun, bạn nào cũng có một xâu lớn trên tay, chỉ mình tôi là không có. Hồi đó trong bụng ước ao làm sao có một xâu dây thun lớn, vậy mà cho đến khi rời Thượng Hải, nguyện vọng đó vẫn chưa thành.

Nói thực, tôi từng chịu thương chịu khó từ tấm bé. Nhưng chỉ có thời gian ở Thượng Hải mới đặc biệt nhạy cảm về nỗi khổ của mình.

Những ngày sống ở Thượng Hải, lương ba tôi không đủ chu cấp cho cả nhà, (cậu muốn thường xuyên giúp tiền cho chúng tôi, nhưng ba kiên quyết cự tuyệt. Chỉ có mợ tôi khéo chuyển thành cái ăn cái mặc thường xuyên dúi dúi cho gia đình tôi). Mẹ tôi cho rằng đó không phải là cách có thể cứu cả nhà, nên đã trở lại dạy ở trường trung học. Thế là tôi càng bận rộn, ngày nào cũng như ngày nào, hễ

tan học là đi như bay về nhà trông nhỏ Út. Cái bàn lớn trong nhà không đủ chỗ ngủ, chúng tôi xuống nằm dưới đất. Từ đó trở đi, tôi thành cô bảo mẫu bé bỏng của đứa em gái út.

Niềm vui trong cuộc sống chẳng được bao nhiêu. Nhưng cũng từ năm ấy, tôi lại khám phá ra hứng thú viết văn. Tôi viết một truyện ngắn về cuộc sống thường nhật của tôi với tựa đề “Tuổi trẻ đáng thương”. Đưa ba đọc, ba rất xúc động, sau đó giúp tôi gửi cho trang nhi đồng của tờ Đại công báo. Sau khi được đăng, suốt ngày tôi mân mê tờ báo ấy, sướng hết chỗ nói, đến bữa cơm cũng không nhớ. Tôi đọc truyện ấy ít lắm cũng phải một trăm lần. “Tuổi trẻ đáng thương” viết những gì nhỉ? Đến giờ tôi không nhớ hết. Nhưng, rõ ràng “tuổi trẻ đáng thương” là câu chuyện về đời mình!

Sau khi tác phẩm được đăng báo, tôi bắt đầu mê viết văn. Cứ mỗi bữa đi học về, là cầm bút viết. Lúc đó, dì Tư của tôi tham gia nhóm kịch nói, diễn vở Người Bắc Kinh của Tào Ngụ. Mặc dù không là vai chính, nhưng lại là vai thứ rất quan trọng. Nhờ vậy mà tôi cũng được giấy mời đến nhà hát xem dì Tư diễn kịch nói, tôi sướng lắm. Xem xong về nhà, tôi viết kịch bản. Không biết phân cảnh tôi toàn viết “Kịch một màn”. Hễ nhân vật kịch hơi nhiều là tôi quản không nổi nên tôi toàn viết “Kịch hai người”. Một thời gian dài, tôi viết không biết mệt mỏi, ba mẹ xem kịch bản của tôi, chỉ tùm tùm cười. Bởi vì, đề tài của tôi, toàn là những câu chuyện trao đổi giữa ba mẹ, thật chi tiết, thật đầy đủ suốt dọc đường đi lánh nạn.

Số phận những “Kịch bản” của tôi thật hẩm hiu, không được đăng, không được xuất bản, và đương nhiên là cũng chẳng có ai diễn. Rốt cuộc là vào sọt rác hết.

Tôi học ở Thượng Hải được một năm, dần dà kết thân nhiều bạn, học được cách nói Thượng Hải, cũng thuộc không ít đường ngang ngõ tắt của thành phố to lớn này. Tôi đi một mình đến hiệu sách, tôi mê đọc sách đến nỗi quên cả về nhà ăn cơm tối. Tôi cũng biết âm em gái út đi xem đua thuyền trên Bạch Độ Kiều, xem cho đến mặt trời lặn. Cứ đến chủ nhật, tôi cùng các em trai chạy nhảy tung tăng ở công viên ngoài bãi sông để bỏ những ngày sống tù túng trong gian phòng chật hẹp.

Nhưng nét mặt ba mẹ tôi thấy sao không bình thường, không khí ở Thượng Hải cũng không được bình thường. Giá cả tăng vọt, đồng tiền mất giá, các cửa hàng ở Thượng Hải luôn xảy ra những vụ cướp giật... Những điều đó với tuổi nhỏ như tôi, không thể nào hiểu nổi. Cái duy nhất tôi quen thuộc, tôi hiểu được,

là bầu không khí căng thẳng đang bao trùm. Tôi biết, chiến tranh lại sắp đến gần!

Quả nhiên chiến tranh đến gần. Lần trước là chiến tranh kháng Nhật, lần này là nội chiến. Với tôi, chiến tranh cũng có nghĩa là lưu lạc và khổ đau. Nụ cười không hiện trên khuôn mặt ba mẹ tôi nữa. Ngày nào ba mẹ cũng bàn đi tính lại đủ điều. Cuối cùng, ba quyết định, đưa mẹ và bốn đứa con về quê ở Hồ Nam trước. Ba tiếp tục lưu lại Thượng Hải để dạy cho hết học kỳ. Thế là chúng tôi xa Thượng Hải mới vừa quen thuộc, trở về lại Hồ Nam.

Đây là lần thứ hai chúng tôi trở lại quê nhà, lần thứ hai đoàn tụ với ông nội, Hai lần đều ám ảnh bởi chiến tranh, hai lần Hồ Nam đều là trạm trung chuyển của chúng tôi, chứ không phải là nơi chúng tôi ăn đời ở kiếp.

TRỞ LẠI QUÊ NHÀ

Chúng tôi sum họp với ông nội ở Hành Dương. Bốn chị em tôi sắp hàng quỳ xuống, bái lạy ông. Em gái út còn nhỏ quá không biết gì, mẹ phải đỡ nó quỳ xuống, cúi đầu chào. Lần trước tạm biệt ông, chưa có Út gái, bây giờ Út gái đã bi bô học nói. Ông nội kéo chúng tôi, xem kỹ mặt từng đứa một, sau cùng, giang tay ôm Út gái. Tóc và râu của ông đã bạc như cước. Đôi mắt trước đây sắc sảo, uy nghiêm giờ cũng hiền từ hơn nhiều. Ông ôm Út, nhìn chúng tôi cười hể hả:

- Thế gian loạn lạc ông cháu mình còn đoàn tụ được thế này là tốt lắm, tốt lắm!

Lúc đó ông nội tôi không thể nghĩ rằng cuộc đoàn tụ lần này chỉ là sự mở đầu cho một cuộc biệt ly khác.

Đặt chân đến Hành Dương, mẹ tôi liền nghĩ ngay đến việc học của ba đứa lớn nên đưa chúng tôi vào trường tiểu học Cường Đức của thành phố Hành Dương để học tiếp. Còn mẹ tôi nhận được thư mời dạy ở một trường trung học, trường này cách Hành Dương rất xa, nếu chuyển về đó thì không cách gì sống nổi. Mẹ đành để ba đứa lớn lại, đưa bé Út theo, rời Hành Dương đi dạy học.

Đây là lần đầu tiên trong đoạn đời niên thiếu, tôi xa cả cha lẫn mẹ. Song, năm ấy tôi không còn là đứa bé gái bé bỏng lần đầu về quê, tôi đã lớn, lớn đến độ đã có thể săn sóc hai đứa em trai, khi chúng nghịch ngợm thì can ngăn, khi chúng buồn nhớ thì an ủi. Nhưng mẹ tôi không thể yên tâm để ba chị em tự lo liệu cho nhau, mà gửi chúng tôi cho người chị và người anh bà con là Vương Đại Huấn và Vương Đại Kiệt.

Đại Huấn và Đại Kiệt là con của cô tôi. Cô này là con gái của người đàn bà có quan hệ đầu tiên với ông nội tôi. Chị Đại Huấn khi đó mới lấy chồng, anh Đại Kiệt còn trẻ. Chúng tôi thuê mấy căn phòng ở Hành Dương để ở, những phòng này nằm trong khu nhà có tên là “Đài viên”.

Chị Đại Huấn là một người hiền dịu, thanh bạch, chân thành, dáng không cao, ăn nói nhỏ nhẹ, làm việc gì cũng cẩn trọng. Thời gian đó, được mẹ tôi nhờ cậy trông nom ba cháu bé, làm cái việc “chị cả như mẹ hiền”, kể cũng gian nan vất vả thật. Vì em trai Út nghịch ngợm đã nổi tiếng, còn tính khí Kỳ Lân thì nóng như lửa, không đánh lộn với các bạn học thì cũng đập nhau với trẻ láng giềng. Chỉ có tôi là điềm tĩnh hơn, nhưng cũng có cái phiền là lúc bấy giờ tôi mê sách lắm, từ sáng đến tối đòi mua sách, tiền ăn mẹ để lại đâu có nhiều nhận gì, lấy đâu ra tiền để mà mua sách? Không mua được sách xem, ngày nào tôi cũng khóc đỏ cả mắt.

Ở Đài Viên còn có một chuyện làm tôi nhớ mãi. Đó là chuyện ăn của chúng tôi. Thì ra mẹ tôi dặn chị Huấn, nghèo gì thì nghèo cũng ráng nghĩ cách cho chúng tôi ăn đủ ba bữa. Thế là chị Huấn ngâm một thầu bự toàn trứng muối. Sáng dậy chúng tôi ăn cháo với trứng mặn, trưa ăn cơm với trứng mặn, tối đến lại cũng ăn cơm với trứng mặn. Ăn mấy tuần liền như vậy, em trai Út hễ bưng bát cơm lên là mặt mày méo xệch, Kỳ Lân thì hét ầm lên không ăn trứng mặn, còn tôi thì xoa xoa bụng nói không đói, bỏ mâm cơm đi đọc sách. Chị Huấn thấy lo quá, vội đi kho một nồi thịt với dưa cải. Nồi mới bưng ra bàn, ba chúng tôi hoan hô dậy trời, cầm đũa lên mới phát hiện chẳng có mấy miếng thịt, toàn dưa với dưa.

Cuộc sống cực như vậy, nhưng khi ông nội thương thọ tám mươi tuổi thì cỗ bàn lại rất linh đình.

Hồi đó ông nội dạy học trong thành Hành Dương, để làm lễ mừng thọ, ông về quê cũ ở Lan Chi Đường. Ba chị em tôi và mẹ đều về Lan Chi Đường. Về đây tôi mới biết ông nội thật là đức cao vọng trọng, thiên hạ kính vì. Bao nhiêu là bạn hữu thân thuộc, có đến trên một trăm, đều từ Hồ Nam và các nơi về Lan Chi Đường chúc thọ ông nội. Lan Chi Đường treo đèn kết hoa, pháo dây nổ liên hồi, chiếu hoa trải dài ra tận cổng, cỗ bàn tuy không thịnh soạn lắm, nhưng cả nhà rất hài lòng. Trước mặt Lan Chi Đường có một hồ cá, cá nuôi khá lâu năm, không ai nỡ ăn, đến lúc đó cũng vớt lên đãi khách hết.

Ngoài ra Lan Chi Đường còn làm rạp hát, mời gánh hát đến diễn. Ở nhà quê không có gì để giải trí, nên lân cận cả chục dặm cũng kéo đến xem kịch. Tôi cũng chen chân trong đám đông, xem say sưa. Khi ông nội và mẹ mệt quá rồi, định về Tân thất nghỉ, tôi vẫn không chịu đi theo, em trai Út và Kỳ Lân đương nhiên cũng không chịu đi, xem cho đến khi mãn kịch. Kịch xong đúng mười hai giờ đêm, người hầu của ông nội là Hoàng Tài Dư dẫn chúng tôi về Tân thất, bác ôm bé Út, vừa dắt tay Kỳ Lân, vừa xách cây đèn bão đi trên bờ ruộng nho nhỏ. Đã

nhều năm tôi không đi trên bờ ruộng, nên bị té xuống đám ruộng nước, ướt như chuột lột, dính bê bết bùn. Về Tân thất, mẹ tôi nhìn thấy sốt ruột, than vắn thở dài, vì tôi chỉ có bộ đồ một trăm lẻ một này trên người là có thể mặc được để hôm sau còn tiếp tân giúp ông nội! Trong đêm, mẹ tôi phải giặt đồ, nhưng không kịp khô. Hôm sau, tôi đành mặc quần của em trai đi lạy bạn bè của ông nội.

Lạy. Nói đến chuyện lạy, nếp cũ của ông nội vẫn chưa thay đổi. Hễ thấy bề trên là ba chị em tôi phải lạy. Người khác bái ông nội thì chúng tôi cũng phải lạy đáp lễ, lạy, lạy mãi. Đang lúc đó, người em họ của tôi là Đường Chiêu Học xuất hiện. Đường Chiêu Học hỏi đó học cấp ba, khoảng mười bảy mười tám tuổi, là một thanh niên đôn hậu sống có nền nếp, quy củ, nghe đầu học cũng đứng đầu gì đó. Không may cho cậu ta, vì thấp vai hơn chúng tôi một đời họ, dù là tuổi gấp đôi, thành ra là đối tượng để tôi và các em trêu chọc. Thấy bề trên là phải lạy! Em trai út kéo ông nội, nhảy càng càng phấn khởi reo lên:

- Đường Chiêu Học có lạy chúng cháu không? Bảo nó lạy chúng cháu nhanh lên! Chúng cháu lạy nhiều lắm rồi, mới tới lượt có người đến lạy trả chúng cháu!

Đường Chiêu Học không chịu lạy, cũng không chịu gọi tôi bằng cô, khom người gật đầu một cái rồi ù té chạy. Chúc thọ ông nội xong, chúng tôi về lại Hành Dương đi học, Đường Chiêu Học hể nghỉ hè là đến Đài Viên chơi, trở thành người bạn tốt nhất của tôi.

Năm ấy, tôi ăn sinh nhật tròn mười tuổi, đã hiểu đời. Sau mười tuổi, là năm cuối cùng tôi lưu lại Hành Dương, (sự thực cũng là năm cuối cùng tôi lưu lại ở Đại Lục). Từng việc từng việc đã qua cứ sống dậy mạnh mẽ trong đầu tôi, trong đó có cả chuyện ống sáo của Đường Chiêu Học.

Đường Chiêu Học có một ống sáo, đi đâu cũng mang theo bên người, hễ rảnh rỗi là lấy sáo ra thổi. Chú ấy thổi hay lắm. Từ nhỏ tôi vốn rất yêu âm nhạc, kịch, văn học, nghệ thuật. Khi đó, âm nhạc mà tôi được tiếp xúc đầu tiên là tiếng sáo của Đường Chiêu Học. Chú ấy thổi sao nghe du dương quá, tôi thường đòi chú ấy thổi, mà hể đòi là chú ấy chịu liền.

Được đàn chân lân đàn đầu, sau đó tôi đòi chú ấy đưa sáo cho tôi, chú ấy nhất quyết không chịu. Nguyên do chiếc sáo này là của một người bạn thân của chú ấy tự tay khắc tặng rất công phu. Bây giờ, người bạn ấy đã chia tay, để kỷ niệm tình bằng hữu, nên không lúc nào chú ấy chịu rời ống sáo.

Có một dạo, chính nhờ Đường Chiêu Học và tiếng sáo của chú ấy đã giúp tôi vượt qua những khoảnh khắc cô đơn. Ba ở mãi tận Thượng Hải, mẹ đi dạy

học xa, cái năm ấy tôi cảm thấy cô đơn quá. May mà có anh họ, chị họ và Đường Chiêu Học. Tôi còn nhớ, hồi nhỏ tôi có nóng nảy đâu, chiến tranh ly loạn và đói nghèo tôi đã quen từ tấm bé. Nhưng không hiểu sao, có một hôm tôi lại cãi lộn dữ dội với Đường Chiêu Học. Cái sai là do tôi gây ra, nhưng chú ấy không chịu nhượng bộ tôi. Cãi, cãi một hồi, tôi nổi quạu, giựt ống sáo của chú ấy đập mạnh lên bàn. Chú ấy nhảy tới định chặn lại, nhưng không kịp nữa rồi, cái ống sáo đã đập thành nhiều mảnh. Tôi đứng ngây người, chú ấy cũng đứng ngây người.

Thật tình tôi nào biết ống sáo vừa mới gõ một cái là đập tan ra. Khi ống sáo bị đập, tôi sợ đến đờ cả miệng chỉ đành trở mắt ra nhìn, hồi hận quá không biết làm cách gì. Đường Chiêu Học thì xanh mặt, vừa nhặt từng mảnh sáo vụn lên, vừa hét âm ỉ. Bà chị họ bênh tôi, nhảy xổ ra mắng Đường Chiêu Học một trận:

- Cái ống sáo ấy chứ thứ gì mà làm dữ vậy? Con trai to đầu thế kia mà đi cãi lộn với con gái! Đồ không biết xấu! Hơn nữa, Phượng Hoàng là cô của mày kia mà!

Đường Chiêu Học giận lắm, cầm ống sáo bể lao ra khỏi nhà. Suốt một thời gian dài, chú ấy không thèm đến thăm tôi.

Cuối cùng khi Đường Chiêu Học đến thăm tôi, cũng là lúc ba tôi vội vội vàng vàng từ ở Thượng Hải trở về, mẹ tôi cũng bỏ dạy ở Hành Dương chạy về. Cả thành phố Hành Dương, đang loạn xạ bát nháo cả lên, trường tiểu học đóng cửa, học trò lục tục kéo về quê. Ba và ông nội lại bắt đầu thảo đêm bàn luận. Tôi đã quen cái không khí ấy lắm rồi, tuồng như mỗi lần nét mặt người lớn đăm chiêu, sắc lạnh luận bàn với nhau thảo đêm suốt sáng, mỗi lần trường học đóng cửa, mỗi lần người trong thành phố nháo nhác... tức là báo hiệu đến hồi ly biệt.

Mùa xuân năm 1949, chúng tôi lại xa ông nội một lần nữa. Giờ ly biệt đã đến. Bốn đứa bé và ông nội lần lượt ôm nhau, ông nội dặn đi dặn lại: bao giờ thời cuộc ổn định, sớm sớm quay về nhé! Chúng tôi đáp xe lửa đến Quảng Châu, rồi lên tàu thủy đi Đài Loan. Ai cũng cho rằng ly biệt lần này không lâu hơn lần trước. Ông nội tuy đã tám mươi, nhưng vẫn còn mạnh khỏe, ngày đoàn tụ chắc chắn là không xa lắm. Nào ngờ, lần biệt ly ấy, chúng tôi mãi mãi xa ông!

Ông nội, anh họ, chị họ, Đường Chiêu Học đều ra ga xe lửa tiễn chúng tôi. Người anh họ còn leo lên xe, tiễn chúng tôi đến mấy ga liền mới xuống. Tôi tựa cửa sổ nhìn thành phố Hành Dương khuất dần, khuất dần, rồi mất hút, tôi muốn nói một câu xin lỗi với Đường Chiêu Học, tôi muốn ôm chặt lấy cổ ông nội, hôn chòm râu bạc phơ của ông, tôi muốn bảo bà chị họ là tôi thích ăn trứng vịt mặn...

nhưng rồi tôi chẳng nói gì được, chỉ đưa hai tay bấu chặt cửa xe, nhìn chăm chăm ông nội, người thân và thành phố Hành Dương, mỗi lúc một xa dần, xa dần...

Hồi đó, thật tôi không thể ngờ rằng cuộc chia tay ấy lại dài đến ba mươi chín năm! Cho mãi đến tháng tư năm 1988, tôi mới có cơ hội về thăm Đại Lục, gặp lại anh họ, chị họ và Đường Chiêu Học! Câu “xin lỗi” canh cánh ba mươi chín năm tôi mới nói được với Đường Chiêu Học tại đại khách sạn Trường Giang ở Vũ Hán. Còn trứng mặn của chị họ! Khi tôi gặp lại chị họ, thì tóc chị đã bạc trắng. Bắt chặt tay tôi, chị khóc nức nở. Sau đó, chị nói đùa:

- Chắc nhờ ăn trứng mặn của chị, em mới có cái đầu thông minh để viết tiểu thuyết!

- Chắc vậy quá! - Tôi ôm chặt lấy bà chị họ của tôi. Năm 1988, nhỏ Phượng Hoàng đã già rồi, Đường Chiêu Học đã hai màu tóc trên đầu, con của người anh họ đều đã tốt nghiệp đại học... Còn ông nội tôi thì đã qua đời từ lâu.

Đời người ngắn ngủi quá. Sự đời thật khó lường!

LẦN ĐẦU ĐẾN ĐÀI LOAN

Mùa hè năm 1949, cả nhà sáu người chúng tôi đến được Đài Loan sau bao ngày trắc trở. Khi chúng tôi ở Quảng Châu, phải lưu lại đây hơn hai tháng vì bị bọn móc túi trên xe buýt lấy sạch tiền bạc và giấy tờ chuẩn bị đi Đài Loan. Ba tôi bèn dán thông báo khắp các phố phường kêu gọi “quí nhân” trả lại giấy tờ cho chúng tôi. Thế là “quí nhân” kia trông thấy thông báo, đem giấy tờ đi Đài Loan đến trả tận chỗ ở. Đồng thời, bác Vương ở Đài Loan gấp rút gửi tiền đi đường cho ba, chúng tôi mới lên đường được. Lần đầu đến Đài Loan, cái gì cũng rất mới lạ.

Ba nhận được thư mời của trường Đại học sư phạm, làm phó giáo sư Khoa trung văn. Đại học sư phạm phân cho ba tôi một gian nhà kiến trúc kiểu Nhật Bản. Đài Loan lúc ấy mới thoát khỏi tay của Nhật chưa bao lâu, kiến trúc phố phường đều theo kiểu Nhật, khu nhà ở cũng hoàn toàn theo kiểu Nhật. Chỗ ở chúng tôi tuy có nhỏ thật nhưng rất ngăn nắp. Phía trước có sân nho nhỏ, sân trước có một cây đa lớn, tường thấp bao quanh. Chỗ vào cửa có một cái vòm, phải tháo giày mới bước lên sàn nhà. Nhà chúng tôi có ba phòng, mặt trước là phòng khách tám mét, mặt sau có nhà xí sáu mét. Lại còn có sân sau, trong sân sau có hai cây dừa cao nghều.

Tôi còn nhớ rõ, ngày đầu vào nhà này, mẹ tôi rất phấn khởi. Người mẹ đáng thương từ khi lấy chồng, chưa được một ngày yên ổn, cứ lặn đạn long đong. Bây giờ được ở trong ngôi nhà có cổng riêng sân riêng, mẹ tôi sung sướng nói:

- Từ hồi mẹ lấy chồng đến giờ, đây là lần đầu có nhà riêng.

Mẹ tôi chăm chút lau nhà, lau ván sàn, lau bụi cửa sổ. Khắp nhà chỗ nào cũng lau sạch bóng. Máy đưa chúng tôi lần đầu được ở nhà Nhật, vào cửa là tháo giày, chẳng quen chút nào. Riêng việc tập mang guốc, cũng bị ngã hoài. Thích nhất là sàn nhà có trải thảm, đẹp giản dị. Ngôi nhà Nhật nho nhỏ này, chúng tôi ở

liền mười mấy năm. Tuổi thơ ấu của chúng tôi kết thúc tại ngôi nhà này. Hai đứa em trai rất khỏe, thường đánh lộn trong nhà, nhà Nhật thì cửa giấy, hễ chúng nó xô đẩy té ngã là cửa giấy rách toác cả. Vì vậy, ba mua loại giấy dán tường, để dán cửa. Một năm, chúng tôi phải dán giấy cửa những mấy lần.

Cuộc sống vẫn rất gian khổ, phần lương của ba không đủ trang trải cho cả nhà. Ngày nào mẹ cũng tính toán, tìm cách giảm bớt chi tiêu. Áo quần chúng tôi vá chùm vá đụp, sửa đi sửa lại không biết bao nhiêu bận, đĩa lớn chật thì sửa lại cho đĩa nhỏ, chị mặc chạt thì sửa lại cho em gái, anh mặc chạt thì sửa lại cho em trai. Mẹ ở nhà làm nội trợ. Nhà không mua nổi than củi, nên đốt bằng than quả bàng, than quả bàng và bếp lò đều bự, ở giữa có nhiều lỗ tròn, quả nọ tiếp quả kia đun lên, suốt năm không bao giờ tắt lửa. Nhưng có điều hơi than rất khó thở, tôi thường xuyên phải ngủ trong nhà ăn chỉ có bốn mét, đêm đêm hít thở hơi than này, nên đến giờ cổ họng tôi vẫn không ổn.

Trong tiểu thuyết “Mấy độ tịch dương” nói về cuộc đời nhân vật Lý Mộng Trúc, ấy chính là hình ảnh của mẹ tôi. Tôi còn dẫn ra một bài thơ, bài thơ ấy chính do mẹ tôi làm:

Gánh vác việc nhà nào sợ khổ?

Đêm khuya còn vá áo trượng phu

Ai thương tay liễu luôn kim lạnh

Côn trùng non nỉ dưới trăng thu!

Qua bài thơ này, có thể hiểu được cuộc sống chúng tôi năm ấy.

Mùa thu năm 1949, tôi học lớp sáu trường sư phạm Đài Bắc, tiếp tục năm học gián đoạn của tôi, Kỳ Lân học lớp năm, còn em trai Út thì học lớp ba. Em gái Út chưa đến tuổi đi học, thích leo lên tường thấp bao quanh nhà, từ tường leo chuyền lên cây đa to, rồi ngồi trên đó ngắm phong cảnh.

Mỗi buổi sáng, như thường lệ, tôi lại dẫn hai đứa em trai đi học. Đài Loan là vùng Á nhiệt đới, mùa hè nóng kinh người. Hễ tan học là các bạn ào vô quán kem Phước Lợi mua kem ăn. Tôi và các em không có tiền, không làm sao mua được, nhìn các bạn ăn kem, thấy thèm hết biết. Nhà trường qui định mặc đồng phục, mỗi tuần giặt áo quần đồng phục hai lần, hai lần đó được mặc thường phục. Ngày mặc thường phục, các bạn ăn mặc mỗi người một kiểu, trông rất đẹp, chỉ có mỗi mình tôi là mặc hoài cái váy sửa từ cái áo Thượng Hải của mẹ, trông dị hợm. Váy mà tôi mặc nó suốt năm học, không có chiếc thứ hai. Điều đáng sợ nhất trong tuần là “ngày giặt đồ đồng phục”.

Kỳ Lân và em trai Út càng nghịch ngợm hết chỗ nói. Những đứa trẻ khác có đồ chơi, chúng tôi không có gì cả. Đến Đài Loan, lần đầu tôi mới trông thấy ốc sên bò trên lá, trông lạ lùng lắm. Tôi gọi mấy đứa em lại xem, nói:

- Ốc ruộng Đài Loan kỳ cục thật, biết công cả vỏ của mình bò trên lá cây!

Các em không có đồ chơi, nhận thấy ốc sên cũng là thứ đồ chơi thú vị. Chúng nó bứt từng chiếc lá có ốc sên, cho vào trong bọc, thi nhau ai tìm được ốc sên nhiều hơn. Chúng còn bày trò cho ốc sên “đấu nhau”, tiếc là ốc sên không phải là châu chấu, chẳng biết đấu đá gì cả. Túi nào của chúng tôi cũng đầy ắp ốc sên. Mẹ sợ quá la hoảng lên, suýt té xỉu tại chỗ. Từ đó trở đi, chúng không dám nghịch ốc sên nữa, nhưng không nghịch ốc sên thì biết nghịch thứ gì bây giờ? Thế là chúng lại chơi trò ốc sên.

Năm đó, tôi phát hiện ra các buổi chiếu bóng. Tại vườn thực vật, tối thứ bảy nào cũng có một buổi chiếu bóng ngoài trời, giá vé rất rẻ, chỉ có một đồng. Nhưng ngay cả một đồng tôi cũng chẳng có! Hằng ngày tôi giúp mẹ rửa bát, xin mẹ một ít tiền lẻ, có khi mẹ cho một hào. Để dồn lại thật lâu mới đủ một đồng. Không có tiền đi xe buýt, tôi phải đi bộ đến vườn thực vật, mất đúng một tiếng đồng hồ, xem xong, lại đi bộ quay về đúng một tiếng nữa. Có một lần, phim chiếu nửa chừng thì trời mưa lớn đành phải ngừng lại. Tôi đội mưa về nhà, trời tối, mưa to, giữa đường bị té ngã, đầu gối bị chảy máu. Về đến nhà, tôi bị ướt sũng hết như người cá, nước chảy ròng ròng, chân đau quá, đi không vững. Mẹ tôi trông thấy thất kinh, vội vàng thay áo quần, bôi thuốc cho tôi, và cấm tôi từ rày về sau không được đi vườn thực vật xem chiếu bóng nữa. Nhưng không xem chiếu bóng làm sao được? Đó là ham thích của tôi cơ mà!

Tuổi niên thiếu long đong, lận đận là vậy.

Mùa hè năm sau, tôi mười hai tuổi, tốt nghiệp trường tiểu học sư phạm Đài Bắc, thi đậu vào trường nữ trung học số một Đài Bắc.

Vào trường trung học, tuổi thơ ấu lùi về quá khứ. Ngẫm lại, cái ngây thơ hồn nhiên của tuổi ấy, chẳng có mấy, chỉ toàn cát bụi phong trần, cái cảm giác êm đềm, hạnh phúc chẳng được bao nhiêu, còn kinh nghiệm biệt ly, xa cách thì không kể hết. Niềm hân hoan thì ít, nỗi khổ đau thì nhiều. Những ngày nhàn nhã thật hiếm hoi, chuỗi ngày lưu lạc lại dài vô tận.

Đấy, tôi đã đi qua thời kỳ ly loạn của chiến tranh, đi qua khói lửa, đi qua khổ ải, đi qua thời niên thiếu của tôi như vậy đó.

Còn về sau lại là một chương hoàn toàn khác.

PHẦN HAI

TUỔI THIẾU NIÊN NÉM ĐỦ MÙI CAY ĐẮNG

Thời niên thiếu của tôi, nhớ lại, tôi chẳng muốn đổi mặt với nó nữa. Mỗi lần nhắc đến những năm tháng ấy, tôi có cảm giác nói không bao giờ hết.

Giờ đây, để có cái tôi chân thật trong cuốn sách này, tôi thử nhớ lại tôi trong thời kỳ ấy! Khái quát lại, đó là thời kỳ tôi chuốc quá nhiều ưu phiền, chẳng phần khởi tí nào.

Cuộc sống đã yên ổn, những ngày lang thang đã đi qua. (Tôi sống trong căn nhà nhỏ kiểu Nhật mãi cho đến khi lấy chồng). Nhưng tinh thần của tôi thì ngược lại, mỗi ngày một thêm u ám, càng lúc càng thấy chán chường. Khi đã yên ổn rồi, tôi mới thật sự thấm thía cái được, cái mất mà cả đời người phải vật lộn với nó. Thì ra, cuộc đấu tranh để sinh tồn mới thật vô tình, tàn nhẫn và lạnh lùng làm sao! Trái tim tôi như rơi xuống một cái giếng không đáy, cứ rơi, rơi mãi. Rồi cái cảm giác sâu lắng nhất là sợ và bất lực.

Thời thơ ấu của tôi tuy trải qua trong lưu lạc, trong bão táp phong ba, nếm bao cay đắng tủi nhục song tôi vẫn tìm được nguồn vui trong khổn khó, vẫn thêu dệt cho mình nhiều mộng đẹp. Dù sớm từng trải với đời và thích cô đơn, tôi vẫn có thể tìm được nguồn vui trong cô đơn. Nhưng, tuổi con gái của tôi lại hoàn toàn khác.

Tất cả dần dần thay đổi.

Bước vào ngưỡng cửa trung học, tôi thấy việc học hành của tôi coi bộ bê bối quá. Hồi nhỏ học hành cứ ngất quãng, khi vào trường nữ trung học số I, coi như số không. Ngoài môn văn ra, môn nào tôi cũng không theo kịp, tồi nhất là môn toán, lý hóa v.v... mỗi lần thi, điểm rất thấp. Trường nữ trung học số I vào loại tầm cỡ nên thi đậu vào trường này đều là học sinh giỏi. (Tôi không hiểu sao mình lại thi đậu được, thật tình đây là tai họa chớ không phải hạnh phúc đối với tôi). Trong trường thi cử liên miên. Hết kiểm tra hằng ngày đến kiểm tra hằng tuần,

kiểm tra hằng tháng, kiểm tra giữa đợt rồi thi cuối khóa... Hầu như quanh năm suốt tháng chỉ có thi và thi. Tôi hiểu đời người như bãi chiến trường, phải qua thử thách thì mới tồn tại. Dầu biết vậy, tôi luôn luôn là bại binh gục ngã trước cửa ải giáo dục của nhà trường.

Lúc này, mẹ đã đi dạy ở trường Trung học Kiến Quốc Đài Bắc. Ba là giáo sư đại học. Như vậy, gia đình tôi là một gia đình nhà giáo, trong cái gia đình ấy, làm sao lại có thể sinh ra một đứa con như tôi không biết nở mặt nở mày với thiên hạ? Ba mẹ rầu rầu lắm, không chịu tin là tôi lại dốt đến mức thảm hại như vậy. Đã là dốt, thì không thể viết ra văn, không thể có bài đăng trên báo đều đều. (Quả có như vậy, niềm an ủi duy nhất của tôi là thường xuyên viết các bài văn ngắn, gửi đến các báo, được đăng tải, tôi cũng nhận được một ít tiền nhuận bút nhỏ nhoi). Ba mẹ tôi rút ra kết luận: tôi chưa thật chăm chỉ, tôi chưa thật miệt mài, tôi chưa thật cố gắng.

Tôi nghĩ, ba mẹ nói đúng. Tôi có thể miệt mài viết một bài văn, chứ không thể ngồi miệt mài nghiên cứu $x + y$ là bao nhiêu? Tôi có thể ngấu nghiên một mạch hết một cuốn tiểu thuyết chứ không thể hiểu nước là do chất gì cấu thành, người là hợp chất các-bon và nước? Tóm lại, chuyện bài vở của tôi thì rất tệ hại, làm ba mẹ thất vọng vô cùng.

Nếu như hết thảy mấy đứa con trong nhà đều giống như tôi, thôi thì hết chỗ nói. Hiềm một nỗi, em trai út tuy cũng không chăm học, bướng bỉnh, thích nghịch, ham chơi... nhưng mỗi môn học em thi đều đạt điểm giỏi. Tính nết của Kỳ Lân càng tệ hại hơn, hờ một chút là đánh lộn với bạn bè, nhưng hễ tới kỳ thi, bài làm của cậu ta luôn luôn ngon lành. Em gái út vào vườn trẻ. Như một kỳ tích, tài hoa của nó được bộc lộ khá nổi bật, đến mức người ta khó có thể tin được. Nó nhận mặt chữ rất nhanh, viết chữ đẹp, múa ba lê được, biết chơi cả pi-a-nô... Trước khi vào tiểu học, nó được coi là thần đồng, vào tiểu học năm thứ nhất, nó lại càng vượt trội, bất cứ thi môn gì nó không phải đạt chín mươi chín mà là một trăm điểm!

Ba tôi thì lại dần dần dồn tình thương cho em trai út. Ngược lại mẹ tôi trước sau một mực nói không thiên lệch, bao giờ cũng “cố gắng” thể hiện sự công tâm của mình. Nhưng cuộc đời thực tế lắm... Khi mẹ tôi đã có bốn đứa con, bà không thể nào yêu thương đứa kém cỏi và thiếu năng lực được, nhất định mẹ sẽ thương đứa nào tỏa được vàng hào quang rực rỡ kia thôi! Ngày lại ngày, mẹ tôi càng yêu thương em gái út hơn, ba thì yêu thương em trai út hơn. Sự thật đó lồ lộ ra ngoài,

từ cử chỉ đến cái nhìn, nụ cười... khỏi phải mất công che đậy. Hai chị em song sinh tôi và Kỳ Lân, thì hồi nào, hờ một chút là Lân Lân, Phượng Phượng, các con là niềm vui của Trần Chí Bình, còn bây giờ thì đã trở thành một thứ của nợ của ba mẹ.

Từ nhỏ, tôi và cả nhà gấn bó làm một. Tình cảm của tôi mãnh liệt hơn bất cứ đứa trẻ nào. Tôi yêu thương ba mẹ và anh chị em và cũng khát khao mong muốn tất cả yêu thương tôi. Giờ nhớ lại, những mong muốn của tôi thật đáng thương làm sao! Bài vở thì không ra sao cả, luôn mặc cảm tội lỗi, luôn tự ti cho mình chả có chút tài cán gì. Tôi thiết tha hy vọng ba mẹ bỏ qua cho và hãy đoái thương, an ủi và giúp đỡ tôi.

Năm thứ hai ở cấp hai, tôi bị lưu ban. Năm ấy, Kỳ Lân học ở trường trung học Kiến Quốc, trường mẹ tôi đang dạy, là trường trung học giỏi nhất tỉnh, cũng như trường nữ trung học số I là một trong những trường nữ trung học giỏi nhất tỉnh. Nhưng suốt học kỳ, Kỳ Lân đánh lộn với bạn học, cãi lộn với thầy giám thị, la ó om sòm ở bãi tập, làm cho cả thầy lẫn trò đều đến mắng vốn trước mặt mẹ.

Ba mẹ không cách gì che giấu được sự thất vọng đối với hai chị em tôi. Ba mẹ kêu hai chúng tôi lại, quyết định:

- Hai đứa bay đứa nào cũng đã mười bốn tuổi đầu! Mười bốn tuổi rồi, có thể tập sống độc lập được. Từ học kỳ hai trở đi, Kỳ Lân chuyển về trường trung học số I Đài Trung, mùa đông và mùa hè thì về nhà. Còn Phượng Hoàng chuyển về trường nữ trung học Chương Hóa!

Lời “truyền” này đối với những đứa trẻ mới mười bốn tuổi như hai chị em tôi, chẳng khác nào một quả bom, bỗng dưng nổ tung cả cái thế giới mà tôi đang ôm ấp. Từ khi cùng ba mẹ đâm đầu xuống sông mà không chết, từ khi đoàn tụ bên nhau trong một ngôi nhà ở thành phố Quế Lâm, tôi hằng nghĩ gia đình này không gì có thể phân chia được. Bây giờ ba mẹ đột ngột đẩy hai chúng tôi đi! Mười bốn tuổi đầu đã đủ lớn, mười bốn tuổi vẫn còn là trẻ con, nhưng tôi cũng đủ hiểu ý nghĩa của hai chữ “trục xuất”, tôi không phải đi, tôi không muốn đi, tôi cũng không muốn Kỳ Lân đi. Tôi muốn thét gào, năn nỉ ba mẹ:

- Mẹ ơi! Đừng bỏ chúng con!

Song, tôi lại rụt rè, rụt rè đến nỗi không dám nói. Còn Kỳ Lân, nó là con trai, nó nghĩ như thế nào, tôi làm sao biết được. (Sau đó mấy năm, hai chị em sanh đôi chúng tôi có lúc ngồi tâm sự về lần bị trục xuất ấy, Kỳ Lân mới nói, lúc đó nó bầm lấm! tức lấm! Trong bụng rất ám ức và bất bình. Nhưng cũng nhờ lần trục xuất

ấy mà nó thật sự độc lập được).

Thế rồi Kỳ Lân bị đưa đi Đài Trung. Trường trung học số I Đài Trung đã thu nhận em, từ đó, đến mùa nghỉ đông và nghỉ hè mới về Đài Bắc. Hồi đó, nhà không có điện thoại, Kỳ Lân không viết thư, đến mùa hè mới gặp được em mà thôi. Còn tôi? Tôi bị đưa đi Chương Hóa, phần đất phía nam Đài Loan, cách Đài Bắc xa lơ xa lắc. Nhưng trường nữ trung học Chương Hóa không chịu nhận tôi, vì lớp chín là năm tốt nghiệp, trường không nhận học sinh chuyển lớp. Thế rồi tôi bất ngờ bị trả trở lại, ba mẹ không còn cách nào khác, đành để tôi tiếp tục học ở trường nữ trung học số I.

Rốt cuộc tôi được ở lại nhà. Nhưng, từ đó, tôi không cười vui như trước, tôi càng trở nên ưu tư, sầu muộn, càng mặc cảm nặng nề. Tâm trạng đó đến giờ ba mẹ tôi vẫn chưa hiểu được. Kỳ Lân đi rồi, tôi càng thêm cô đơn, bài vở ở trường chẳng có gì đáng khích lệ! Cuộc sống càng tẻ nhạt. Lúc này, tôi bắt đầu cầm cùi viết văn. Ai đó nói tuổi niên thiếu không biết nỗi buồn là gì? Còn tôi, tuổi niên thiếu của tôi không chỉ biết mà còn đầy ắp nỗi đắng cay, sầu thảm. Viết văn là cách duy nhất làm vơi đi, làm nhẹ gánh sầu càng lắc càng đầy đó.

Ngày qua ngày, tôi tốt nghiệp hết cấp hai, thi vào trường nữ trung học số II ở Đài Bắc. Còn Kỳ Lân, sau khi tốt nghiệp trường trung học số I ở Đài Trung, thi vào trường dạy nghề. Vì trường này ở Đài Bắc, Kỳ Lân lại trở về Đài Bắc, nhưng phần lớn thời gian của nó đều ở ký túc xá.

Em trai út cũng vào trung học, nó là học sinh năng khiếu của trường Kiến Trung, thấy nó vẽ một bức tranh tuyệt đẹp, ba mẹ mời giáo sư Tôn Đa Từ ở khoa mỹ thuật trường Đại học sư phạm dạy em học vẽ. Em bé gái trở thành niềm kiêu hãnh lớn nhất của mẹ, học kỳ nào nó cũng đứng đầu lớp, phần thưởng đem về nhà lu bù. Ba mẹ cũng mời thầy đến dạy em học múa và chơi dương cầm.

Tôi tròn mười sáu tuổi. Mười sáu tuổi cay đắng.

Năm ấy tôi học trung học năm thứ nhất. Khi bài vở rảnh rồi, tôi vui đầu vào thư viện, đọc ngẫu nhiên các tác phẩm văn học. Tôi thấy mình đói khát văn học một cách lạ thường, tôi ngón không biết bao nhiêu những tác phẩm nổi tiếng trong, ngoài nước. Sách đọc được nhiều, tư duy càng phát triển. Tôi càng dễ nhạy cảm với tình yêu và lòng căm giận, với nỗi đau và niềm vui trong biến đời tan hợp. Ý nghĩa đời người là gì vậy? Tôi thường nghĩ và luôn đi tìm ý nghĩa đích thực của đời người trong sách vở, nhưng tìm không thấy. Tôi tìm trong lớp học, cũng không ra, tìm trong gia đình, lại càng không tìm được.

Hồi đó, ba dạy ở Đại học sư phạm, hễ còn chút ít thời gian là đi nói chuyện, bận rộn vô cùng. Mẹ vừa dạy học vừa bận bịu gia đình, đến khuya còn giúp ba soạn bài vở. Ba mẹ thực sự bận rộn, không còn thời gian để ý đến tâm tư, tình cảm của tôi thế nào. Tôi cảm thấy hiu quạnh quá. Ở trường, cũng có mấy người bạn tốt, nhưng so với tôi, các bạn ấy ngây thơ, hồn nhiên hơn nhiều. Tôi nhiệt tình, trong sáng, trong đầu đầy ấp những câu hỏi chưa có lời giải đáp. Một hôm, nhà trường đưa cho tôi một tờ thông báo, bảo đem về cho ba mẹ “đóng mộc” xác nhận đã xem, nội dung tờ thông báo là: Môn toán tôi thi được hai mươi điểm, đề nghị gia đình phải nghiêm khắc nhắc nhở học hành. Loại thông báo này tôi cảm về nhà hoài hoài. Vốn chẳng có gì lạ. Nhưng hôm ấy tinh thần tôi suy sụp, mặc cảm tự ti đến mức tột cùng. Tôi thấy mình quá dở, không đáng yêu thương, đúng là đứa trẻ vô dụng! Cầm tờ thông báo về nhà, thoát thấy em gái út tài hoa hơn người ngồi ôm đầu khóc nức nở trên bậu cửa, ba mẹ mỗi người một bên đang an ủi, dỗ dành em, tôi không nén được nỗi ngạc nhiên, hối hả hỏi em có chuyện gì xảy ra mà khóc dữ vậy?

Mẹ tôi thở dài nói với vẻ đầy thương yêu và hãnh diện:

- Tính khí nó kỳ lắm, khéo vẽ chuyện ra khóc, thi được chín mươi tám điểm, không đạt một trăm điểm mà cũng khóc!

Tôi chưng hửng, đưa tay vào túi lấy tờ thông báo nhưng không làm sao rút ra được. Nhưng lệnh của thầy ngày mai nhất định phải “đóng mộc” nộp trở lại. Trần trọc đến nửa đêm, tôi mới lấy tờ thông báo đi tìm mẹ, vừa mới đọc, mặt mày tối sầm lại, mẹ ngược mặt nói với tôi:

- Nếu con ở địa vị ba mẹ, con làm thế nào? Tại sao con không giống em gái của con chút nào cả vậy?

Lòng tôi đau nhói từng cơn, trán đổ mồ hôi hột. Tôi lao ra khỏi phòng, lao ra đầu phố trong bóng đêm dày đặc, gục đầu lên tường khóc nức nở. Giây phút đó, tôi nhớ lại thành Đông An, các em bị mất, ba mẹ hỏi có muốn chết cùng với ba mẹ không? Thuở niên thiếu chẳng phải tôi đã sớm bước vào cõi chết rồi là gì? Giá như hồi đó chết quách đi thì đâu đến nỗi cô đơn, đau khổ và bất lực thế này!

Đêm hôm ấy, tôi viết một lá thư dài cho mẹ. Đây là lần đầu tiên trong tuổi trưởng thành tôi thẳng thắn nói hết mọi điều với mẹ. Đến giờ, tôi không còn nhớ gì đến nội dung của lá thư, chỉ nhớ mang máng có một đoạn thế này:

“Mẹ thân yêu, con lấy làm ân hận đã sinh ra trong thế giới này, không đem lại niềm kiêu hãnh cho mẹ, mà chỉ toàn đem lại cho mẹ những điều buồn phiền.

Con đã bất lực, không tự cải tạo được mình, con thật sự không biết phải làm gì bây giờ! Nhưng mẹ ơi, cái “không được tốt” ngày nay của con là do bẩm sinh, do nhiều nhân tố khác nhau, tích tụ qua nhiều năm tháng mà có. Con không làm sao vứt bỏ cái tội của con để làm lại từ đầu, để trở thành hoàn thiện hoàn mỹ. Lòng con chất chứa bao điều chua cay, tuyệt vọng, chất chứa bao nỗi ân hận. Cho nên, mẹ ơi, mẹ hãy để cho đứa con “không được tốt” này được từ giã cõi đời này mẹ nhé!”

Viết xong lá thư, tôi tìm được lọ thuốc an thần của mẹ, tôi nuốt hết cả lọ thuốc đó.

Khi tỉnh dậy, thì đã quá một tuần lễ, tôi nằm trong bệnh viện, trên tay có treo một bình truyền dịch. Mẹ ngồi bên giường bệnh, nắm chặt tay của tôi, mắt thâm quầng nhìn tôi không chớp. Tôi hiểu rõ, thì ra một thế giới khác chưa chuẩn bị thu nhận tôi! Tôi há miệng, buông một tiếng kêu đau đớn:

- Mẹ ơi!

Mẹ ôm chặt đầu tôi khóc. Tôi cũng khóc. Hai mẹ con ôm chặt lấy nhau, khóc nức nở. Mẹ tôi ghen ngào nói trong nước mắt:

- Phượng Hoàng, mẹ con tôi trước đây đã từng chết đi sống lại, bây giờ, chúng ta lại sống lại một lần nữa!

Tôi vừa khóc, vừa gật đầu, càng ôm chặt lấy mẹ. Tôi kêu lên thống thiết:

- Con xin lỗi mẹ, con xin lỗi mẹ, con lại làm cho mẹ khóc! Từ nay về sau, nhất định con không làm cho mẹ khóc nữa, đâu có xảy ra chuyện gì đi nữa, con cũng không để cho mẹ khóc!

Một tuần sau, tôi ra viện về nhà. Ba mua cho tôi một đàn tranh, mừng tôi sống lại. Tôi rất ít nhận được quà tặng của ba, nên cảm thấy quý giá vô cùng. Mặc dầu chưa học đàn tranh bao giờ, nhưng tôi thường ôm chiếc đàn ấy gảy ờn ào. Tiếng đàn tranh réo rắt, ngân dài. Và mỗi lần gảy đàn, tôi thấy lòng mình buồn tê tái. Mười sáu tuổi trôi qua. Chuỗi ngày khổ ải của tôi vẫn chưa kết thúc.

(Ghi chú: Viết đến đây, lòng tôi đau thắt lại. Bao nhiêu người nhìn thấy ngày hôm nay của tôi, đều tưởng tôi là một đứa con gái được thần số mạng đặc biệt quan tâm, và tôi đã giành được bao nhiêu thứ mà người khác cầu mong, nhưng có ai thật sự biết rằng, tôi phải đổi một cái giá như thế nào cho sự “trưởng thành” của mình).

MÔI TÌNH ĐẬU TUYỆT VỌNG

Năm tôi mười tám, mười chín tuổi, học lớp mười hai trường nữ trung học số II Đài Bắc.

Gia đình tôi có ít nhiều thay đổi. Ba dạy học suốt cả đời người, đào tạo bao lớp người có tâm hồn trong sáng, đẹp đẽ. Học sinh của ba tôi rất kính phục, yêu thầy. Mỗi lần ba thuyết trình ở giảng đường, người nghe đông nghịt, chen nhau đến bể cả cửa kính của giảng đường. Và ba bắt đầu cho ra sách “Những câu chuyện lịch sử Trung Hoa”. Mẹ thôi dạy ở Kiến Trung, để toàn tâm toàn sức hỗ trợ sự nghiệp của ba. Ba viết sách, mẹ lo xuất bản, từ việc sửa sang bản thảo đến đi nhà in đều do mẹ đảm nhận. Ngày nào cũng tất bật bận rộn, còn thêm việc nội trợ, mẹ tôi quả là một người phụ nữ chịu thương, chịu khó, tháo vát và giỏi giang.

Em gái út, em trai út là những đứa con ngoan. Kỳ Lân thì ở trường, ít về nhà. Tôi vẫn cô đơn, hiu quạnh, thiếu sức sống.

Chuyện hồi mười sáu tuổi đã trôi qua, ba mẹ dần dần cũng lãng quên. Sau lớp mười hai, tôi phải thi vào đại học, mẹ sốt ruột, lo lắng, nhất là sợ tôi thi trượt! Ba là một giáo sư nổi tiếng, mà con gái thi trượt đại học thì mất mặt lắm! Thêm nữa, nếu không đậu đại học, tương lai sẽ ra sao? Một học sinh tốt nghiệp trung học làm sao tìm ra việc làm! Mẹ tuy bận rộn như vậy, nhưng ngày nào cũng nhắc nhở đôi lần:

- Con nhất định phải dồn toàn bộ sức lực, đem hết thông minh tài trí ra thi cho đậu. Con mà trượt, thì không chỉ là thất bại của riêng con, mà là thất bại của cả gia đình ta! Con phải biết thân biết phận, nhất thiết không được làm ba mẹ thất vọng!

Tôi buồn lo lắm, buồn lo thật sự. Tôi nỗ lực nào để cho ba mẹ thất vọng, nỗ lực nào để mẹ phải khóc. Nhưng tôi sợ muốn chết cái chuyện thi vào đại học sắp đến gần. Sợ đến nỗi, cứ nhắm mắt lại là thấy ác mộng, thấy nhân loại đều cười chế giễu

tôi! Con gái của Trần Chí Bình mà thi rớt đại học!

Con người tôi hồi đó không phải chỉ có cô đơn, hiu quạnh và bất lực, mà có một nỗi sợ hãi thâm kín. Công việc viết văn mà tôi ưa thích phải gác lại tất cả, vì mẹ cho điều đó ảnh hưởng xấu đến bài vở của tôi. Những tác phẩm của Tuốc-ghe-nhép, Sếch-xpia, tôi càng không dám đụng tới. Mỗi ngày chưa hiểu bài học, tự ti và sợ hãi hòa vào nhau thắt cả tim.

Mười tám tuổi! Tuổi hoa niên như hoa mới nở đầy sức sống. Nhưng tuổi mười tám của tôi thật mịt mờ vô vọng. Người tôi tiều tụy, xanh xao, ăn uống kém cỏi, tinh thần sa sút. Đứng trước gương, tôi thấy mình như một con người bằng giấy, một luồng gió thổi cũng có thể làm rách nát. Ở trong trường, các bạn học gọi tôi là Lâm Đại Ngọc, ý cho rằng tôi mỏng manh quá đỗi.

Trong thời gian này, thầy dạy văn lại thực sự quan tâm và khích lệ tôi, chẳng mấy chốc hình bóng ông đã len dần vào giữa trái tim tôi.

Thầy giáo lớn hơn tôi tới hai mươi lăm tuổi, góa vợ. Thầy đến Đài Loan làm giáo viên trung học được bảy năm. Thầy uyên bác, lại sành thơ ca, khí chất nho nhã, theo kiểu một thư sinh Trung Quốc hồi đó. Từ thơ phú cho đến hội họa, điêu khắc, cái gì thầy cũng giỏi. Nói thật lòng, tôi hết sức ái mộ thầy. Và sự ái mộ ấy rất dễ dàng bị biến chất. Thầy cũng yêu thương tôi hết mực, sự yêu thương đó cũng dễ dàng biến chất. Thêm vào đó, thầy thì đơn độc, còn tôi lại cô đơn, thầy thì hiu quạnh, tôi cũng quạnh hiu.

Tình yêu một khi đã nảy nở, thì đâu có bị hạn chế bởi các yếu tố tuổi tác, thành phần, địa vị, đạo đức...

Bắt đầu trong tôi chớm nở một niềm vui mới, tôi nhận ra trên thế gian này, mình không còn là kẻ cô đơn nữa! Thầy đã đi qua một đoạn đường đời, hiểu sâu sắc rằng tình cảm kiểu này không đi tới đâu, nhưng chính thầy đã bị cuốn vào giữa “mê hồn trận”. Thầy càng chống đỡ, càng không sao thoát được, càng dùng lý trí thì lại càng bế tắc. Thứ tình cảm ấy lại quện chặt với khổ đau, day dứt, nó giống như những đợt sóng thần hung dữ, nhấn chìm hai chúng tôi xuống tận đáy sâu.

Tôi biết như vậy là không đúng, là sai trái, ba mẹ mà hay được, thì chỉ có nước chết! Tôi cũng đã lường trước, nào dư luận xã hội, cái nhìn của người đời, thái độ của nhà trường... càng nghĩ tôi càng thấy hoang mang. Điều đáng sợ nhất là thứ tình cảm ấy sẽ làm tổn hại đến thầy. Thế là, tôi mấy lần hạ quyết tâm, nói với thầy rằng:

- Chia tay thôi! Coi như chúng ta chưa gặp nhau!

Ngốc ơi là ngốc! Đã gặp nhau làm sao lại có thể nghĩ là chưa gặp? Đã quen nhau, làm sao lại bảo chưa quen? Đã yêu nhau rồi, làm sao bảo chẳng yêu? Không thể chia tay được, hai người tiếp tục chìm nổi bồng bềnh trong biển khổ. Chắc chắn với tuổi trên bốn mươi thầy lại càng lo lắng hơn tôi, đứa con gái mới tròn mười tám tuổi.

Mối tình tuyệt vọng ấy như cơn sóng dữ có thể phủ trùm tất cả, cuốn phăng sinh mạng đời tôi. Tôi không cách gì chống chọi, không đủ sức vùng vẫy. Tình yêu mang lại niềm vui vô tận và rồi cũng tan biến mau lẹ, còn lại chỉ là phiền muộn và nỗi đau. Tuy hai chúng tôi ra sức giấu kín mối tình này. Nhưng trong trường đã bắt đầu nói bóng nói gió. Nào thầy giáo dụ dỗ nữ sinh, tội nặng tày đình! Nữ sinh đi yêu thầy giáo mà không biết xấu hổ! Những lời chê trách tai ác đó đã làm chúng tôi dù muốn cũng không làm sao ngóc đầu lên nổi. Tình yêu, tình yêu lẽ ra phải ngọt ngào, thế nhưng tình yêu của tôi sao mà cay đắng đến thế! Đến nước này, hai chúng tôi đành nén nỗi đau, hạ quyết tâm chia tay lần nữa. Rất nhiều năm, rất nhiều năm sau này, tôi viết một bài ca, có đoạn:

Gặp đã khó, xa nhau càng khó
Lời ghen lời, nước mắt trào rơi
Hợp, tan nào dễ người ơi
Hồn ta vương vấn, mộng đời khôn ngăn!
Đây là bài ca viết về chính chúng tôi hồi đó.

Lại chia tay, lại thất bại nữa. Thầy bắt đầu uống, mỗi khi say rồi, lại đầm đìa nước mắt nói với tôi:

- Tại sao giữa chúng ta lại có chuyện chênh lệch hai mươi năm!

Uống say thêm một chút, thầy lại nói:

- Hai mươi năm có nghĩa lý gì? Khi anh tám mươi tuổi, không ai nói rằng anh không nên theo đuổi em sáu mươi tuổi?

Uống càng say hơn, thầy cười nói:

- Anh đâu có bốn mươi tuổi? Anh làm gì có chuyện bốn mươi tuổi. Si mê cuồng nhiệt một người con gái như em, trái tim anh dừng lại ở tuổi mười tám! Còn trí tuệ của anh chỉ có tám tuổi!

Uống say chẳng giải quyết được việc gì cả. Nhiều ngày liền, thầy chẳng nhắm giọt rượu nào nữa, để cho trí óc được minh mẫn. Sau đó, có một hôm, thầy nắm cổ tay tôi, lắc mạnh, nói những lời khẩn thiết nhất:

- Xin em hãy vì anh, thi đậu vào đại học! Đó là kỳ vọng của ba mẹ em, em nhất định không được để ba mẹ em thất vọng. Đợi em thi đậu đại học, em sẽ quen biết nhiều bạn trai cùng trang lứa, cùng đẳng cấp, em sẽ có dịp thấy rõ từng người. Sau bốn năm đại học, nếu em không thay lòng đổi dạ, anh vẫn ở vậy chờ em! Còn nếu em đã thay lòng đổi dạ, điều đó chứng tỏ rằng tình yêu của chúng ta không chịu đựng được thử thách! Anh cảm thấy tiền đồ duy nhất của hai ta là sự lựa chọn của chính em sau khi đã tốt nghiệp đại học! Đến lúc đó, nếu em còn chọn anh thì ba mẹ em, người nhà, xã hội, dư luận... sẽ không còn gì để mà bàn nữa! Cho nên, hãy vì anh thi đậu vào đại học! Hãy vì anh đừng thay lòng đổi dạ! Hãy giúp anh, giành lấy một chỗ đứng trước mặt ba mẹ em.

Một tình yêu vô vọng, bất lực, một người thầy với bao mâu thuẫn, và với tôi, một người con gái đáng thương. Thế rồi chúng tôi vạch ra kế hoạch cho năm năm sau, chờ ngày tôi tốt nghiệp đại học. Những năm năm dài đằng đằng! Thi vào đại học, thi vào đại học, thi vào đại học đã thành chuyện hệ trọng nhất trong đời tôi, tôi không dám nghĩ tới, nhớ ra thi không đậu vào đại học, vận mệnh của tôi sẽ thế nào? Phản ứng của ba mẹ sẽ thế nào? Tiền đồ của tôi và thầy giáo sẽ thế nào?

Tôi ôm ghì lấy sách vở, học đêm, học ngày. Có một thời gian, tôi thật sự gửi gắm toàn bộ đời tôi lên những tập sách ấy! Với các công thức toán học từ đầu tới cuối tôi không làm sao hiểu được, với những bài ngoại ngữ chữ tây không một chút dính dáng gì đến tôi. Cầm sách học mà tôi như ngậy như dại, thật không thể tin được rằng những $x + y$ lại có quyền lực ghê gớm quyết định cả tình yêu của tôi, tiền đồ của tôi và cả sinh mệnh của tôi. Tại sao vậy? Tôi không thể nào hiểu được. Cuộc đời có bao nhiêu cái tại sao, thế nào hiểu cho được “tại sao $x + y$ lại bằng z ?”. Tôi nhìn những phương trình toán học có cảm giác như mỗi một ký hiệu là một cây gai sắc nhọn.

Cái gì đến ắt phải đến.

THI TRƯỢT

T

ôi thi trượt!

Mọi hy vọng, mọi kế hoạch, tất cả, tất cả đều biến thành mây khói. Ba ngày liền, tôi nằm liệt giường, không ăn uống, không gặp bạn bè, cự tuyệt cả sự an ủi của ba mẹ tôi, tôi cự tuyệt tất cả, chỉ muốn chết, chỉ muốn chết ngay tức khắc để kết thúc tất cả mọi sự đau khổ, mọi thất vọng.

Ngồi bên giường của tôi, mẹ lại khóc. Tôi cứ làm mẹ khóc hoài! Tại sao tôi không giống em gái út, để cho mẹ mát mặt mát mày? Ba mẹ vất vả nuôi nấng một đứa con gái như tôi có đáng không? Có đáng không? Trời ơi, sao tôi muốn chết ngay tức khắc!

Mẹ cố kiềm chế nỗi thất vọng của mình, nắm tay tôi, an ủi:

- Phượng Hoàng này, con mới mười chín tuổi. Ngày tháng còn dài. Đại học thi liên tục, năm nào cũng có, năm nay thi trượt, sang năm thi lại! Sang năm thi trượt, sang năm sau thi nữa! Con còn nhiều thời gian để thi vào đại học! Chỉ cần con đừng nản chí, tiếp tục cố gắng, mẹ tin tưởng ở con một trăm phần trăm, nhất định con sẽ thi đậu vào đại học!

Mẹ ơi, mẹ còn bắt con sang năm thi nữa? Rồi sang năm thi nữa sao? Mẹ tin tưởng nơi con, nhưng chính con lại không tin tưởng bản thân mình một chút nào! Nếu như sang năm thi trượt, sang năm nữa cũng thi trượt... chẳng lẽ cả đời con, con cứ phải đương đầu mãi với thất bại của mình hết lần này đến lần khác hay sao? Mẹ ơi, con không được ưu tú như mẹ tưởng tượng, không đủ dũng cảm như mẹ hằng kỳ vọng... trời ơi, tôi chỉ muốn chết cho rồi, chỉ muốn chết ngay cho rồi. Ba đưa em tôi vòng quanh giường tôi rù rì nói chuyện gì, sau đó em gái út lấy tiền lẻ của nó, trao cho em trai út và Kỳ Lân dặn đi mua những thứ tôi thích ăn nhất như khô bò, đậu phộng rang và trái cây. Đặt đồ ăn lên giường, chúng nói:

- Chị ơi đừng buồn, thi đại học đâu phải chuyện gì ghê gớm! Sang năm chị

thi được thôi mà! Nào, ăn chút gì đi chị!

Tôi nhìn ba đứa em mà nước mắt lưng tròng! Chúng nó đứa nào cũng thành công cả, duy chỉ mỗi mình tôi là thất bại! Chúng nó là niềm tự hào của ba mẹ, tôi là nỗi nhục nhã của ba mẹ! Mẹ nói rồi, nếu tôi thất bại tức là cả nhà thất bại! Trời ơi! Chỉ có mỗi mình tôi gây hệ lụy cho mọi người trong nhà, làm cho tất cả đều rơi vào vực thẳm của thất bại. Một con ngựa chứng như tôi làm sao xứng đáng được các em tôn kính và yêu thương? Tôi gạt hết mọi thứ, chẳng ăn gì cả, tôi chỉ muốn chết!

Thầy ơi, thầy đang ở đâu? Khi em đang thoi thóp trên giường bệnh thế này thì thầy không có cách nào để nắm tay em! Không thể nào đành hoàng bước vào nhà em được, cũng không thể nào đến an ủi em khi em đang gần kề cái chết. Thầy ơi! thầy có cách gì có thể bay qua ngàn vạn bến bờ để đến với em không? Kế hoạch năm năm đã tan biến như bọt bong bóng. Tình yêu tuyệt vọng rồi cuộc cũng chỉ có tuyệt vọng! Tôi như không dám nghĩ tới thầy, nhưng khi đã nghĩ tới thầy, thì tim tôi rỉ máu. Tại sao trái đất không bị hủy diệt? Không, không, mọi con người trên hành tinh này đều tốt cả, chỉ có riêng tôi là kẻ phạm tội. Tôi sống mà làm gì hả trời? Trời hãy để cho tôi chết đi cho rảnh!

Ý định muốn chết của tôi đã quá rõ cho nên chẳng có gì là quan trọng cả. Tính tự ti, mặc cảm vốn đè nặng bao nhiêu năm, lại được bồi thêm qua vụ thi trượt, như lửa đổ thêm dầu, đột ngột cháy bùng lên, không cách nào dập tắt được... Sự u uất trong lòng cộng thêm sự bất lực trong tình yêu đã đẩy tôi đến vực thẳm của sự hủy diệt. Tôi làm một bài thơ gửi cho thầy coi đây như lời vĩnh biệt:

Thân này ai đoái thương yêu?
Muốn làm ngọn khói phiêu diêu lưng trời,
Không lưu dấu vết trên đời.
Làm mưa thấm ướt những chồi cây xanh
Làm sương đêm phủ lều tranh
Làm cơn gió thoảng bên anh hiền hòa
Anh ơi mở cửa lòng ra
Đón em về với, để ta sum vầy!

Sau đó, tôi dồn tất cả thuốc an thần và các loại thuốc viên khác có chất độc, nuốt một hơi hết sạch.

ĐÃ KHÔNG TỬ BIỆT THÌ ĐANH SINH LY

Tôi luôn cảm thấy con người là loài động vật rất mềm yếu. Những động vật khác đều có sừng, có vẩy, có giáp, có mai... để bảo vệ che chắn, chỉ có con người là không có, ngoài lớp da mỏng manh bao bọc lấy máu và thịt. Nhưng sức sống của con người thì mạnh mẽ vô cùng! Tôi muốn tìm trăm phương ngàn kế để chết, nhưng không làm sao len được vào cửa tử. Đời thật là trở trêu, tôi chẳng có một chút chủ quyền nào cả! Đã không có quyền quyết định mình có nên sống không, thì cũng không có quyền quyết định mình có phải chết hay không! Ba mẹ nắm quyền sinh, ông trời nắm quyền tử, hay nắm cả quyền sinh nữa chẳng! Nếu tôi không sinh hạ cùng một bào thai với Kỳ Lân, thì biết chừng đâu mẹ đã “xử lý” tôi lâu rồi! Dù sao tôi cũng được đẻ sanh đôi! Số phận đã cho tôi đến với trần gian, thì tất phải chịu mọi điều gian khổ! Cả đến “chạy trốn” cũng không được! Cuộc đời thật quá đổi bi thảm!

Sau khi được cứu sống, tôi đã làm cho ba mẹ phát điên lên! Trong vòng ba năm tới hai lần đòi chết, thật không sao hiểu nổi! Bản thân tôi cũng sắp điên lên, sống đã không có niềm vui, thì chết có gì phải ân hận? Tại sao muốn sống không được, đòi chết cũng không được! Qua sự việc vừa qua, trong nhà ai cũng rõ mối tình giữa tôi và thầy giáo!

Đây đúng là cuộc chấn động kinh thiên động địa. Sau khi biết được tôi vẫn bị cái ông giáo già ngoài bốn mươi tuổi “mê hoặc”, mẹ tôi phần nộ thực sự, sự phần nộ đó chẳng khác nào một đại hỏa diệm sơn đang phun lên ngọn lửa cực mạnh, cuốn tôi và thầy giáo vào trong đó, thiêu đốt thành tro bụi.

Mẹ qui mọi trách nhiệm lên đầu thầy giáo. Nào chuyện tôi thi trượt, tôi chán đời, tôi tự tử... đều do chính thầy gây ra! Thầy giáo đáng thương, thầy lớn hơn tôi hơn hai mươi tuổi, đã là “tội đáng chết vạn lần”! Thầy chẳng có một chút lý lẽ và sức mạnh nào để tự biện hộ cho mình!

Thầy cũng không dám biện hộ, sợ hễ bảo vệ cho mình, thì sẽ thương tổn đến tôi! Tình yêu giữa chúng tôi đã đến bước thế này, thì không thể nào giữ kín được nữa. Tôi bất chấp tất cả, nói thẳng với mẹ:

- Con không học đại học nữa, mẹ cứ coi như con chết rồi, mẹ cho con kết hôn với thầy giáo!

Tôi vừa buột miệng nói ra câu ấy, ngọn lửa trong người mẹ tôi bốc lên bùng bùng.

Mẹ tôi đã áp dụng cách làm mạnh mẽ nhất, là đi tố cáo lên cục cảnh sát, nói rằng “thầy giáo dụ dỗ con gái vị thành niên”. Những giữa tôi và thầy giáo một mực xác định thái độ rõ ràng “giữ đẹp tình yêu, không vì xác thịt”, bản thân sự tố cáo đó là không đủ chứng lý. Dù sao, qua việc làm của mẹ, tôi bị tổn thương nặng nề. Tiếp đó, mẹ lại tố cáo lên Bộ giáo dục, nói nào là thầy giáo phải “nêu gương cho mọi người” chứ sao lại “làm hư hỏng học trò”, “đạo lý làm thầy là phải giữ tôn nghiêm”, chứ không thể bừa bãi được? Bộ giáo dục chấp nhận bản án này, vì vậy thầy liền bị đưa ra khỏi trường. Tám năm trời, thầy là một ông giáo được học sinh yêu mến và ngưỡng mộ nhất, giờ đây, sự nghiệp tên tuổi đều mất hết, ngay cả chỗ dung thân cũng chẳng có!

Rõ ràng, cách xử sự của mẹ lúc đó đã làm tôi đau tê tái, vẫn áy náy, băn khoăn mãi đến bây giờ. Tôi từng nghe nói rằng, mèo mẹ vì thương mèo con, nên khi phát hiện thấy hiểm họa gần kề, liền nhai nát mèo con ra rồi nuốt vào bụng. Tôi không hề nghi ngờ tình yêu thương của mẹ đối với tôi, nhưng tôi thấy mình bị xé ra từng mảnh vụn, thịt nát xương tan.

Có lúc, tôi nghĩ ông trời quả là có sức mạnh ghê gớm quyết định vận mạng của con người. Mọi ly hợp buồn vui của cuộc đời, đại để đều có số của nó. Thế gian cũng có những điều ngẫu nhiên, hồi tôi mười chín tuổi thì yêu thầy dạy văn của tôi, hồi mẹ mười chín tuổi, mẹ cũng yêu thầy dạy văn của mình. Sự trùng hợp giữa hai thế hệ cũng giống sự lặp lại của lịch sử. Chỉ khác nhau ở chỗ người thầy giáo của tôi lẽ ra không có vợ rồi, càng không được lớn hơn tôi những hai mươi lăm tuổi! Kỳ thực, vấn đề không phải là ở đó. Vấn đề là mẹ tôi không thoải mái, rộng lượng như ông bà ngoại của tôi. Mẹ tôi hồi đó rất căm tôi nhắc lại chuyện cũ của bà, cả cái tên “Lưỡng Cát” của tôi xuất xứ thế nào mẹ cũng không dám nói. Mẹ đối xử với thầy giáo của tôi giống như kiêu đầu sủng ở ngoài chiến trường, khiến tôi sợ lắm. Tôi là một đứa con gái dám biết liều với tình yêu, thì tôi cũng dám liều mạng sống của mình. Điều đáng sợ nhất là làm hại đến vận mạng của

thầy!

Đấy chính là những chuỗi ngày đau khổ chẳng nên ngoái đầu nhìn lại làm gì. Trước mắt còn bao bão táp chông gai, không lường hết được... Khi mẹ đi khắp các cơ quan khác nhau để tố cáo lên các nhà đương cục, thì cõi lòng tôi tan nát, không biết làm sao để đối phó lại những gì xảy ra. Hồi đó, pháp luật Đài Loan quy định rõ: hai mươi tuổi mới được coi là thành niên, trước hai mươi tuổi không được có chủ quyền. Mẹ tôi nắm chắc điều luật này, bảo tôi rằng nếu thật tình yêu thầy giáo, thì đợi đến sau hai mươi tuổi. Đến hai mươi tuổi thì mẹ không quản tôi nữa, bằng không, bà dùng quyền giám hộ, buộc thầy giáo phải trả giá!

Thì thầy giáo đã trả giá rồi còn gì. Công ăn việc làm mất, tiền lương mất, nhà ở mất, bạn bè mất, học sinh cũng mất! Chỉ trong mấy tháng trời ngắn ngủi, cái gì thầy cũng mất hết, vậy mà thiên hạ từ bốn phương, tám hướng còn đồn dập chê trách, khinh miệt thầy. Thầy phải vùng vẫy, giãy giụa dưới bao nhiêu áp lực, vùng vẫy đến mức mang thương tích đầy người.

Tôi bắt đầu sợ ba mẹ của tôi. Tôi không biết ba mẹ sẽ còn bày thêm trò gì nữa. Tôi khóc lóc năn nỉ, quỳ lạy van xin ba mẹ hãy cho con một con đường sống! Ba có vẻ mềm lòng, nhưng mẹ vẫn chưa có gì suy suyển. Ba nghiêm khắc bảo:

- Thật thà yêu nhau, còn sợ gì mỗi một năm chờ đợi?

Con sợ! Con sợ thật mẹ ạ! Con đã tận mắt nhìn thấy chỉ trong vòng mấy tháng, thế giới sinh tồn của thầy đã hoàn toàn tan nát. Một năm, một năm có thể xảy ra bao nhiêu là chuyện?

Nhưng tôi không đủ sức quay ngược vận mệnh của tôi. Cuối cùng, thầy giáo cũng không thể ở lại Đài Bắc, thầy chỉ có thể đi xuống phía Nam, tìm một nơi nào đó để ẩn thân, để “liếm lành những vết thương rỉ máu” (Câu ấy do thầy nói, sau này, trong rất nhiều tiểu thuyết của tôi có câu nói ấy. Thầy nói: - Em đã trông thấy con thú bị thương chưa? Mỗi con thú bị thương đều biết tìm một xó nào đó để trốn rồi liếm lành những vết thương rỉ máu trên mình nó). Thầy giáo phải ra đi, chúng tôi phải ly biệt. Thầy nói với tôi đầy đau khổ:

- Em hãy sống dũng cảm! Giờ đây, chỉ có em là cái duy nhất còn lại của đời anh! Một năm rất nhanh, sau một năm, đến sinh nhật tuổi hai mươi của em, anh sẽ chờ em suốt ngày ở ga Gia Nghĩa! Nếu như ngày đó em không đến, anh vẫn chờ em suốt ngày hôm sau và có khi cả tuần! Mong em hãy gắng sống qua một năm, nhất định sẽ đến gặp anh, em nhé! Hãy để cho anh dùng những tháng ngày còn lại của mình xóa dần những nỗi đau mà em phải hứng chịu, nhất định sẽ đến

ngày chúng mình chung sống cùng nhau!

Thật đáng thương cho thầy giáo, thật đáng thương cho tôi!

Tuy không biết chắc tương lai rồi sẽ ra sao, tôi vẫn nhận lời thầy, hẹn một năm sau đi Gia Nghĩa chung sống với thầy. Hôm chia tay ly biệt, lòng tôi xót xa tột độ! Trong lòng tôi cứ ngỡ, lần ly biệt này có thể là lần cuối cùng! Tôi không dám nhìn vào mắt thầy, không dám nhìn mặt thầy, tôi van thầy quay mặt nhìn ra phía cửa, lưng quay về phía tôi. Sau đó, tôi òa khóc và bỏ chạy. Từ nhỏ đến lớn, đời tôi luôn bị hẫng hụt, đã có không biết bao lần, tôi thấy trái tim mình tan nát thật sự. Hôm ấy, trái tim tôi không chỉ tan nát, mà còn cảm thấy khắp người trống rỗng. Cơ hồ tôi không tin mình có thể qua được ngày mai.

Sau mấy năm trời (năm 1963) tôi viết lại mối tình đầu ấy thành một tiểu thuyết, đó là cuốn tiểu thuyết dài đầu tiên của tôi, tựa đề “Ngoài cửa sổ”. Trong tiểu thuyết, từ chương một đến chương 14, đều viết rất chân thực. Bối cảnh gia đình của tôi cũng rất chân thực, chỉ có điều là nhập hai đứa em trai lại làm một để cho nhân vật bớt phức tạp. Còn từ chương 14 trở đi thì có thêm bớt khá nhiều tình tiết về con người thực của tôi. Cho nên, ai đã xem qua “Ngoài cửa sổ”, nhất định có thể hiểu được mối tình đầu của tôi như thế nào, và những đau thương mà tôi phải hứng chịu qua mối tình đầu ấy.

TUỔI HAI MƯƠI

Từ mười chín đến hai mươi tuổi, khoảng thời gian ấy đối với tôi dài hàng thế kỷ. Từng ngày, từng ngày tủi khổ trôi qua càng làm tôi hiểu rõ cái mùi vị thật sự của câu nói “ba thu dồn lại một ngày”.

Thầy ra đi biệt tăm hơi, tôi chẳng nhận được một mảnh giấy, một chữ viết nào của thầy, không biết thầy đang ở phương nào. Sức của tôi đã cạn, nổi cô đơn hiu quạnh và trống trải vây quanh. Ba mẹ tích cực lợi dụng thời gian một năm này để đả thông, giáo dục tôi, tìm mọi cách yêu thương tôi, hy vọng tôi có thể thoát khỏi “bàn tay ma quỷ” của thầy. Sự đả thông, giáo dục ấy, tình yêu thương chiều chuộng ấy cứ như nước nguồn tuôn chảy vào tôi, tôi được nâng như nâng trứng, được hứng như hứng hoa, ngọt ngào, êm ả. Nhưng trái tim tôi chỉ có nỗi đau cắn xé. Tự giam mình trong cái phòng nhỏ ấy, tôi như “cá chậu chim lồng”. Dù trong đó tràn ngập tình yêu đi nữa, nó vẫn không phải là thiên đường của tôi. Trái tim tôi đang thơ thẩn bay theo những áng mây xa tít để tìm kiếm thầy, thầy ơi, thầy đang ở đâu? Sao thầy không viết thư cho em?

Phải sống dũng cảm!

Vâng, em phải sống dũng cảm! Trong năm ấy, tôi thường choàng dậy trong mơ, nước mắt thấm ướt cả bao gối. Nhưng dù ưu phiền trắc trở tới đâu, nhớ tới cuộc hạnh ngộ ở tuổi hai mươi, tôi không cho phép mình ngã gục, lại càng không cho phép mình có những ý định gì xốc nổi. Dần dần tôi rèn luyện được bản lĩnh, ngày ngày lặng lẽ tiếp nhận lấy ánh bình minh và ráng nắng hoàng hôn, coi mỗi ngày mới đến như bắt đầu cuộc chiến đấu mới. Phải sống và đợi chờ! Những tờ lịch được bóc đi càng nhiều, cái ngày cao chạy xa bay của tôi sẽ càng đến gần hơn.

Sự đợi chờ trong im lặng hiển nhiên làm cho mẹ tôi lo sợ. Một hôm, đột nhiên bà ôm tôi vào lòng, nói với tôi những lời hết sức nhẹ nhàng:

- Phượng Hoàng, mẹ có thể nhờ con làm giúp mẹ một việc không?

- Việc gì vậy mẹ? - Tôi hỏi lại. Sự ám áp của mẹ làm tôi giật mình.

- Con vì mẹ thi đại học lần nữa đi con!

Tôi kinh ngạc nhìn mẹ, nói một cách đau khổ: - Mẹ ơi, mẹ thừa hiểu con không phải là cái thứ học đại học được!

- Tại sao con không thi thử một lần nữa xem sao? - Mẹ nhỏ nhẹ tỏ vẻ bên tôi: - Ngày nào con cũng rảnh rỗi, con thi thử một lần nữa thì có hại gì đâu. Thi không đậu cũng chẳng ai trách cứ gì con, con thi đậu thì chúng ta vui sướng biết dường nào. Con còn trẻ quá, để lãng phí mất một năm, chi bằng ta chuẩn bị thi vào đại học, được không con?

Tôi nhìn mẹ mà cảm thấy bất lực, tôi đã hẹn về cuộc hạnh ngộ lúc đến tuổi hai mươi rồi! Sinh nhật của tôi nhằm tháng tư, thi đại học vào tháng bảy. Mẹ thân yêu ơi, mẹ nhất định muốn xóa bỏ lời hẹn ước của con hay sao? Tôi nghĩ trong bụng là vậy, nhưng đâu dám nói ra lời. Rồi như đoán biết được tâm tư của tôi mẹ nói:

- Mẹ hiểu con đang nghĩ gì, con cứ yên tâm, mẹ đã nói rồi, khi con tròn hai mươi tuổi, mẹ không can thiệp đến con nữa, đến lúc đó, con muốn làm việc gì cũng được! Miễn là những việc đó không làm trở ngại đến việc thi đại học của con lần nữa. Cho dù là ngày thứ hai sau ngày sinh nhật tuổi hai mươi của con, con lấy chồng, con vẫn còn có thể thi đại học! Nhiều người lấy chồng xong còn đi học kia mà! Mẹ thiết tưởng, tình yêu là sự hiến dâng, anh ấy không thể ích kỷ đến mức phản đối con thi vào đại học.

- Anh ấy luôn luôn hy vọng con thi đậu đại học! - Tôi vội vàng phân trần giúp cho anh ấy.

- Thế thì hãy thi vào đại học một lần nữa vậy! Vì mẹ, con thi thử lần nữa xem sao! - Với ánh mắt dịu dàng chân thành, đầy khát vọng, mẹ nhìn tôi, nhìn đến nỗi tim tôi cũng nhói lên. Tôi là đứa con gái như thế nào nhỉ? Thi đại học là việc riêng tôi, mẹ không yêu cầu tôi phải đi làm để nuôi cả nhà, chỉ “van” tôi đi thi đại học. Chỉ có vậy mà tôi không tình nguyện được sao!

Suy nghĩ một lát, tôi thấy thông suốt.

Công việc chuẩn bị thi đại học là phải học bài, nhàn nhã quá cũng đâm chán, chỉ có học mới sử dụng được thời gian tốt hơn! Tôi ra sức học, thử một keo nữa xem sao! Nghĩ như vậy, đồng ý với mẹ có làm sao đâu. Điều cốt yếu là nó không ảnh hưởng gì đến lời hẹn ước khi đến tuổi hai mươi của tôi! Đến lúc đó, tôi có thể phóng đi Gia Nghĩa, đoàn tụ với anh ấy. Xong rồi quay về Đài Loan thi đại học.

Thi không đậu coi như một chuyến tham quan, còn may ra thi đậu, tôi được cả học hành và được cả tình yêu, còn gì lý tưởng cho bằng!

- Vâng, con thử một lần nữa xem sao! Nhưng nếu lỡ con lại thất bại, thì mẹ đừng thất vọng! Vì con chắc là thi không đậu!

- Chỉ cần con đồng ý thi là mẹ hết thất vọng!

Mẹ phấn khởi nói. Niềm phấn khởi của mẹ lại làm tôi thấy mình có tội lỗi, vì chỉ cần tôi đồng ý “thi” là đã mang lại cho mẹ tôi niềm sung sướng vô biên! Một đứa con có lắm chuyện lôi thôi và luôn luôn thất bại như tôi, giá như gặp một bà mẹ nào thì chắc hẳn đã là thứ bỏ đi rồi. Nhưng mẹ tôi thì khác, mẹ không bỏ rơi tôi! Cho đến giờ này, tôi vẫn nghĩ mẹ tôi đâu phải là một người đàn bà tầm thường!

Cái gật đầu của tôi làm không khí cả nhà vui hẳn lên tức khắc. Ngày hôm sau, mẹ tôi mời đến cho tôi một “vị giáo sư” để kèm toán cho tôi. Chuyện đó bất ngờ với tôi quá. Bởi tình hình kinh tế gia đình tôi đâu có dư giả gì, bốn đứa con đều đã lớn, ăn, mặc, ở, đi lại, thêm tiền học hành, thuốc men, tháng nào trong nhà cũng túng thiếu. Lương cho “vị giáo sư” đâu phải thấp, vì mẹ đâu chịu mời ông giáo bình thường, bà mời ông giáo dạy toán nổi tiếng ở Đài Bắc đến nhà dạy riêng cho tôi! Ông giáo này chưa bao giờ chịu làm gia sư, ông đến dạy tôi chỉ vì tình cảm quen biết với mẹ tôi là thầy giáo dạy toán của trường nữ trung học số II, ông biết rõ câu chuyện về tôi.

Thế là, từ chỗ định học qua loa chiếu lệ để thi cho lấy có lần nữa, thì sự tình đã hoàn toàn đảo lộn. Vị giáo sư đem đến vô số bài tập và bài học, mỗi tuần đến hai lần, giảng giải tận tình một đứa học trò dốt nát như tôi. Tôi đành rơi vào cơn ác mộng thi đại học. Mấy đứa em trai, em gái phối hợp với mẹ tôi thật nhịp nhàng, ăn khớp, nào tìm cho tôi tư liệu tham khảo, nào tìm những đề thi mẫu. Kỳ lân học ở trường chuyên số V, bỏ qua cửa thi đại học, tự nguyện giúp tôi môn vật lý. Một lúc mà bao nhiêu bài vở, nào sinh vật, hóa học, vật lý, Anh văn, lịch sử, địa lý, v.v... đề lên người tôi, tôi thở không ra hơi, tôi bắt đầu mất ngủ, tinh thần căng thẳng, tâm tư buồn bực. Sao tôi lại phải giam mình vào trong khổ ải? Bi kịch thi đại học đã xảy ra một lần đối với tôi rồi, nghiền tôi đã tan xương nát thịt rồi. Vậy mà bây giờ tôi lại phải cam chịu để nó nghiền lần thứ hai, không chừng lần này tôi sẽ hóa ra tro bụi cũng nên.

Thầy giáo ơi! Thầy đang ở phương nào? Sao không tìm cách gửi cho em đôi dòng tin tức? Lẽ nào thầy đã quên em rồi? Lẽ nào những ngày xa em, thầy vẫn

sống nhẹ nhàng thanh thản, nên chẳng thèm đoái hoài đến em? Lẽ nào... lẽ nào... Dự đoán của mẹ quả không sai, tình cảm của thầy đối với em chỉ là cuộc vui nhất thời.

Ngày lại ngày trôi qua, tiến độ học ngày càng tăng thì nỗi thất vọng và sự hoài nghi đối với thầy ngày càng sâu thêm. Tôi lại rơi vào vực sâu của sự bất lực, chỉ thấy mình rơi dần, rơi dần, rơi dần đến đáy, và ở đó, sự tuyệt vọng lạnh như băng giá đang chờ đợi tôi.

Ba mẹ tuyệt nhiên không hề nhắc tới chuyện yêu đương của tôi, coi như việc đó căn bản không xảy ra nữa. Thay vào đó, hai người thường vẽ ra trước mắt tôi những viễn cảnh vô cùng sáng sủa. Nào là vào được đại học, tầm mắt sẽ mở rộng, thế giới sẽ là vô biên, mọi sự vật sẽ trở nên tốt đẹp.

Mẹ ơi, ba ơi, đừng ôm ấp hy vọng quá lớn lao về con. Cái cửa hẹp của đại học nhất định con không chen vào được, ba mẹ phải khổ sở làm gì để rồi cùng ngã chung với con ở đấy.

Ngày tháng chậm chạp nặng nề trôi đi như một chiếc xe tải mõi bánh lăn qua người tôi. Tôi bị cán dần dần như một tờ giấy mỏng, mỏng tựa cánh ve sầu, trong suốt, mọi nỗi cô đơn và bất lực đều ghé lên đó, bay lững lờ, và có thể cuốn theo chiều gió bất cứ lúc nào.

Thầy giáo vẫn biệt tăm. Ngày sinh tuổi hai mươi của tôi đến dần, đến dần. Gia Nghĩa là một thành phố ở phương nam, trong cảm giác, thành phố ấy vừa xa vừa lạ đối với tôi. Tôi không biết nó nằm ở đâu. Thầy giáo ơi, thầy muốn em thui thủi một mình lao vào tương lai mệnh mông sao? Tôi nghiên cứu bản đồ, nghiên cứu bảng ghi giờ xe lửa, góp nhặt số tiền lẻ lẽ tôi dành dụm được...

Mẹ vẫn lạnh lùng theo dõi, chẳng thốt câu nào. Trước lễ sinh nhật một tuần, mẹ mới trình trọng tuyên bố:

- Hai mươi tháng tư năm nay là sinh nhật tròn tuổi hai mươi của hai chị em sinh đôi. Nhà ta cả đời nghèo khổ, các con chưa một lần mừng sinh nhật. Nhưng năm nay khác, một con trai, một con gái cùng tròn hai mươi tuổi, mẹ phải chúc mừng hai chị em sinh đôi các con thật đàng hoàng.

Tôi chưa kịp nói gì, thì Kỳ Lân đã hoan hô ầm ĩ, em bé trai, em bé gái vỗ tay rần rần, cả nhà tràn ngập niềm vui. Tôi miễn cưỡng cười theo cả nhà, coi bộ ngày hai mươi tháng tư hôm ấy chắc tôi không đi được quá.

Sinh nhật đến, tôi không ngờ, mẹ tôi mời tất cả bạn bè của chúng tôi ở Đài Loan đến dự. Ngôi nhà hai mươi mét của chúng tôi chật như nêm. Chú bác, cậu

dì, chị họ và các cháu... chen chúc một nhà. Hôm ấy, mẹ tôi bận rộn thật sự, mẹ không những lăng xăng ra vào, rót trà, mời khách quý, mà còn đích thân vào bếp, làm bữa tiệc mấy chục người ăn. Cuối tháng tư tiết trời Đài Loan đã tương đối nóng, ngôi nhà chật hẹp kiểu Nhật của chúng tôi không được thông gió. Mẹ tôi đứng xào nấu trong bếp, mồ hôi nhễ nhại, từ trán lăn xuống từng giọt, từng giọt. Tôi đứng bên cạnh mẹ, muốn giúp một tay phụ mẹ, nhưng mẹ lại đẩy tôi ra khỏi nhà bếp, nhìn tôi trù mến, ôn tồn bảo:

- Đừng làm lấm áo mới của con! Ra chơi với mọi người ngoài nhà khách đi, hôm nay mẹ muốn tự tay mình nấu nướng, làm cho các con bữa sinh nhật đảng hoàng. Tuổi thanh xuân vô cùng quý báu, mẹ hy vọng con sẽ ghi nhớ mãi tuổi hai mươi của mình!

Mẹ ơi! Tim con đang đau nhói từng cơn, tội lỗi của con đầy đầy. Con sẽ phải đi, sao mẹ cứ đối xử tốt mãi với con, một đứa con gái sắp sửa phản bội lại mẹ như thế?

Vào tiệc, mọi người ngồi đầy nhà khách. Chúng tôi tạm thời mượn một cái bàn bày toàn những món sơn hào hải vị do chính tay mẹ tôi nấu nướng, các món ăn hôm ấy đầy ắp. Mọi người ngồi xong đầu đầy, đều nâng cốc chúc mừng sinh nhật hai chị em vui vẻ, hạnh phúc. Đến lúc đó, mẹ tôi bật đứng dậy, nói với mọi người:

- Hôm nay là ngày Phượng Hoàng và Kỳ Lân tròn hai mươi tuổi, tôi nói mấy lời với hai con tôi trước tất cả bạn bè thân thiết! - Mẹ quay sang phía tôi, với ánh mắt vừa sắc vừa phảng phất buồn (Kỳ Lân hôm ấy hoàn toàn là vai phối hợp cho tôi) tiếp tục nói:

- Tuổi hai mươi, theo qui định của pháp luật thì đó là cái tuổi nên người. Từ hôm nay trở đi, Phượng Hoàng và Kỳ Lân đều là người lớn. Nói cách khác, có nghĩa là tôi không quản chúng nó được. Chúng nó đã đủ lông, đủ cánh, đã trưởng thành. Ra đời trong một thời kỳ đen tối, khói lửa đầy trời, đã bao lần tưởng chúng đã đi vào cõi chết. Nhưng rồi tôi đã nuôi chúng lớn khôn. Giờ đây chúng nó đã có đủ sức vóc cứng cáp rồi, tôi không ngăn cản nữa, mà muốn chúng được tự do bay nhảy thỏa thích...

Mẹ nói chưa dứt lời, nước mắt tôi đã lưng tròng, rồi lăn tròn xuống má. Mẹ cũng nhìn tôi, những giọt lệ từ trong mắt mẹ trào ra, thấm ướt cả vạt áo trước ngực của mẹ. Mẹ nói nghẹn ngào:

- Phượng Hoàng, con hãy tha lỗi cho mẹ! Mẹ đã xử sự không đúng, ngăn trở

sự tìm hiểu yêu đương của con, hôm nay, trước mặt bạn bè thân thuộc, mẹ xin lỗi con! Con hãy tin ở mẹ, mẹ làm tất cả những việc đó cũng là vì thương con và bảo vệ con! Có thể vì mẹ quá yêu thương con, nhưng cách làm lại chưa phù hợp. Bây giờ, con đã tròn hai mươi tuổi, mẹ biết rõ ràng con nhất quyết muốn dứt bỏ mẹ! Phượng Hoàng con, con còn nhớ cảnh con ngồi trên bậu cửa trường trung học Lô Nam đọc bài “Hai con chim én” không? Hồi đó con mới bảy tuổi mà đã thuộc bài này vanh vách.

Tôi vừa khóc vừa gạt đầu, cả một nhà khách ai cũng sụt sùi.

- Con còn thuộc bài này chứ? - Mẹ run run đọc lên giữa hai hàng nước mắt ràn rụa:

Một khi lông cánh đủ đầy

Đôi chim đang đậu cành cây trước lầu

Vụt bay chằng chịu ngoảnh đầu

Vút bay giữa cõi địa cầu mệnh mông!

Mẹ nấc lên nghẹn ngào: - Đi đi con! Phượng Hoàng! Nếu con thật sự muốn xa ba mẹ! Con cứ đi đi! Con cứ việc “Vút bay chằng chịu ngoảnh đầu”, con cứ đi đi con!

Mẹ ơi! Mẹ thân yêu, mẹ thân yêu của con ơi! Nước mắt tôi trào ra như suối, như sông, tôi chỉ thấy chung quanh một màu mờ ảo. Rồi bao nhiêu hình ảnh đi qua thời thơ ấu đều hiện về trước mắt: Mẹ dìu tôi khỏi cái chết từ lòng sông Đông An. Mẹ bị giặc Nhật bắt cóc ở trong khe núi... Hai đứa em trai thất lạc ở thôn Bạch Nha. Cả nhà ôm nhau khóc tại thành phố Quế Lâm... Càng nghĩ càng thêm nẫu lòng, không kìm nín được nữa, tôi vừa khóc vừa vụt chạy về phía mẹ, nắm chặt bàn tay mẹ, rồi quỳ xuống trước mặt mẹ:

- Con không bay đâu mẹ! Con không bay đâu mẹ ơi! Con thề với mẹ, từ nay con nghe mẹ, chỉ xin mẹ đừng khóc!

Mẹ ơi! Con xin mẹ đừng khóc! Năm mươi sáu tuổi, tôi đã thề như vậy, không bao giờ để cho mẹ khóc! Dù xảy ra chuyện gì đi nữa, cũng không được để mẹ phải khóc! Vậy thì hãy để cho trái tim tôi thành tro thành bụi đi! Tôi đã đầu hàng! Tôi không bay nữa! Tôi quỳ ở đó, nắm chặt bàn tay của mẹ, thấy tay mẹ run run. Và cả nhà, khách quý, ai cũng mũi lòng, sụt sùi.

Ngày sinh tuổi hai mươi của tôi đi qua như vậy đó. Như mẹ tôi đã nói, cả đời tôi không làm sao quên được tuổi hai mươi của mình. Và cho mãi đến bây giờ, mọi việc xảy ra trong lễ sinh nhật tuổi hai mươi của tôi ngày hôm ấy cứ hiện ra, cứ

hiện ra trước mắt tôi.

Sinh nhật tuổi hai mươi đã qua, tôi không đi Gia Nghĩa nữa. Ngày thứ hai, tôi cũng không đi, ngày thứ ba, tôi vẫn không đi. Một tuần trôi qua, tôi cũng vẫn không đi.

Tôi thất hứa. Thầy ở đó cũng im bật, không một phản ứng gì, tôi đã đoạn tuyệt với thầy. Và trong im lặng, tôi tự kết thúc mối tình đầu của mình. Nhớ lại tình cảm giữa tôi và thầy, từ bắt đầu đến lúc chia tay, trước sau không đầy một năm. Năm ấy, quả thật là một năm quan trọng nhất trong cuộc đời tôi, nó viết lại vận mệnh cả đời tôi, nó có vai trò quyết định đúng cuộc sống của tôi từ đó về sau.

Xin vĩnh biệt thầy, thầy giáo của tôi. Tuổi hai mươi năm ấy, tôi thường ngồi tựa bên cửa sổ, nhìn ra bầu trời xem có chim én bay về không, khẽ hát:

Gửi lá thư thấm đầy nước mắt

Xuôi theo dòng nước mắt long lanh

Bao giờ trôi đến bên anh

Thư rung thành tiếng đàn tranh nã nùng!

Tuổi hai mươi năm ấy, tôi vẫn bất lực. Tôi không làm sao xóa được nỗi đau của mối tình đầu. Tôi hững hờ trong tình thương của ba mẹ, không khắc phục được tính mặc cảm, tự ti. Khi tôi hát mãi bài ca đắm đầy nước mắt trên đây, thì kỳ thi vào đại học vẫn không buông tôi, vẫn đón đợi tôi ở phía trước.

(Cho đến mười mấy năm sau, tôi mới biết được, năm ấy thầy viết cho tôi mấy chục lá thư liền và tìm mọi cách lọt qua vòng kiểm tỏa để chuyển đến tay tôi, nhưng trước sau tôi vẫn không hề nhận được lá nào).

LẦN ĐẦU THỬ VIẾT VĂN

T háng bảy năm ấy tôi lại thi trượt đại học. Cuộc đời đen đui quá, trong những năm tháng đen đui ấy, không làm sao thoát được cái số phận thi trượt.

Tôi ra sức lấy lại tinh thần, tiếp nhận cái sự thật sờ sờ ấy. Sau buổi sinh nhật tuổi hai mươi, người tôi như tê dại. Đúng là với tôi “thất bại” hình như là định mệnh. Tôi không muốn chết như lần trước và cũng không thu mình lại trong vỏ cứng như loài sên. Tôi vẫn sống như thường. Nhưng đêm đêm, tôi thường không ngủ, nhìn đăm đăm lên trần nhà mà suy nghĩ về tương lai của mình. Nếu như đời người là một con đường dài vô tận không trốn tránh được, thì bước chân của tôi từ nay về sau nên đi theo hướng nào? Con đường ba mẹ đặt cho tôi, rõ là tôi không thể tiếp tục đi nữa, tình yêu tôi tự lựa chọn đã thành vết thương hằn sâu trong tim. Còn hôm nay và mai sau, tôi nên đi thế nào và đi từ đâu?

Khi tôi đang nhìn thẳng vào sự thật suy nghĩ về “tương lai” của mình, mẹ tôi đã an ủi, tiếp thêm nghị lực, tinh thần cho tôi (mặc dù tôi thi trượt hai lần, mẹ tôi bị đả kích còn nặng nề hơn tôi) cổ vũ tôi sang năm thi lại lần thứ ba! Tinh thần “thua keo này bày keo khác” càng đánh càng hăng của mẹ thực sự làm tôi vừa kính nể vừa khâm phục. Nhưng dù sao, tôi vẫn không chịu uốn mình. Trước mắt tôi hiện lên một bức tranh, đó là một bà mẹ già tóc bạc phơ, dắt tay tôi, cũng đã có mái tóc bạc phơ, hai người đứng trước cửa chỗ ghi danh “thi đại học”, bà cụ già là mẹ tôi đó còn mồm mồm hơi cổ vũ tôi:

- Phượng Hoàng, con hãy còn trẻ, dù thi đến lần năm mươi vẫn không đậu thì có làm sao đâu? Con hãy còn lần thứ năm mươi mốt kia mà!

Bức tranh ấy làm tôi phát sợ. Không! Tim tôi gào thét: Tôi không thi đại học nữa, tôi không thèm đụng tới những giáo trình, giáo án bèo bọt này nữa, tôi quyết không để cái bi kịch thi đại học lặp lại đối với tôi nữa! Hai lần thất bại đã quá đủ, tôi không thể đương đầu với thất bại thứ ba!

Sau khi tôi nói ra suy nghĩ của mình, mẹ tôi thất vọng vô cùng. Mẹ buồn rầu nhìn tôi:

- Thế thì sau này con phải làm gì? Một cái văn bằng tốt nghiệp cấp ba, trong cái xã hội này, một xu cũng không đáng giá.

- Con sẽ viết văn. - Tôi trả lời: - Con đã lãng phí bao nhiêu sức lực để thi đại học, bây giờ con có thể chuyên tâm để viết văn!

Mẹ nhìn tôi đăm đăm, càng lộ vẻ buồn rầu.

- Viết văn còn khó hơn thi đại học! Con có thể đem những bản thảo đó làm đồ chơi, còn nếu muốn nó trở thành sự nghiệp thì gian nan vất vả lắm! Con thấy đấy, mỗi năm có đến mấy vạn học sinh trung học vào đại học, còn không phải mỗi năm, mà là mười năm vẫn không ra đời một nhà văn nào!

- Mẹ để con thử sức xem sao! - Tôi nói đại với mẹ: - Nói cho cùng thì đây là lẽ sống của con!

Mẹ không nói gì thêm, chỉ ngồi thở dài. Mẹ thu xếp lại các sách giáo khoa thi đại học, không để sót một cuốn nào. Em trai út đã học lớp mười hai, sang năm còn dùng. Hoặc giả... tôi cũng dùng nữa chứ! Tôi sợ và nghĩ như vậy vì mẹ tôi có ý chí kiên cường, khó bề chống lại. Mọi kỳ vọng của mẹ rồi sẽ đạt được! Biết đâu chừng, sang năm tôi lại ngoan ngoãn lật sách, vất óc tìm K của X cộng với Y mà tôi không làm sao hiểu được! Nghĩ như vậy, tôi thấy không lạnh mà run. Tôi vọt chạy ra khỏi nhà, đi mua giấy viết, mua mực tàu, mua bút viết. Rồi tôi đi vội về nhà, trải giấy lên chiếc bàn nhỏ, tôi phải ngồi đúng đó viết văn!

Tôi bắt đầu viết văn.

Đối với việc viết văn, tôi tin mình say mê cuồng nhiệt, có nghị lực, quyết tâm và cũng có ít nhiều năng khiếu. Nhưng, buổi đầu bước vào sự nghiệp này tôi đã không gặp thuận lợi.

Ngôi nhà nhỏ kiểu Nhật của gia đình tôi đã được sửa lại phần nào, mấy năm qua, đã thay cửa giấy bằng cửa ván, đã thay sàn nhà. Từ chỗ chúng tôi ngủ dưới thảm bây giờ đã ngủ giường. Tôi và em gái út ngủ chung một giường, ở chung một buồng, gian buồng này cũng đồng thời là phòng ăn của cả nhà, lại là đường đi qua nhà bếp. Gia đình tôi lâu nay không có nhà tắm, nhà bếp cũng là nhà tắm, mua một cái chậu nhôm lớn làm chậu tắm, mỗi tối cả nhà luân phiên nhau đi tắm. Cho nên buồng tôi ở thường xuyên náo nhiệt, buổi sáng mọi người giành nhà bếp đánh răng rửa mặt, buổi tối mọi người giành nhà bếp để đi tắm. Một ngày ba bữa ăn, mẹ tôi chạy ra chạy vào, nấu nấu xào xào, cực kỳ vất vả, cơm dọn lên bàn, mọi

người ào vào nhà ăn. Cơm xong, tôi vội vàng dọn dẹp, rửa chén bát, lau nhà bếp.

Em gái út là đứa thông minh, tháo vát, học chăm không chê vào đâu được. Tôi và em cùng ở một buồng, việc “viết văn” của tôi chỉ là trò vui của tôi, tự nhiên không thể làm trở ngại đến việc học hành của em gái út. Cho nên, khi tiếng học bài của em vang lên, thì tôi chỉ có việc dừng bút, khi em cần cái bàn viết duy nhất trong buồng, tôi phải thu xếp giấy bút, dẹp lại, đi chơi. Phòng ở hai mươi mét thật là quá chật hẹp, không làm sao tìm ra một chỗ có thể an tâm suy nghĩ và viết lách.

Ba là chủ nhà, dù quyền uy của mẹ trong nhà rất lớn. Sự nghiệp của ba lúc này như mặt trời giữa bầu trời. Suốt cuộc đời dạy học, ba chuyên giảng dạy lịch sử Trung Hoa, do đó đã thành thói quen, ba không biết nói chuyện, chỉ biết diễn thuyết. Ở nhà, bất kỳ là tiếp khách hay nói chuyện với người nhà, hễ ba đã nói là tiếng vang như chuông, thao thao bất tuyệt, cho nên mỗi lần ba “diễn thuyết” là tôi phải dừng bút.

Kỳ Lân và em trai út chỉ cách nhau hai tuổi, lúc đó đang thời kỳ trở mã. Hai đứa tuy tuổi gần bằng nhau nhưng ý kiến bao giờ cũng khác nhau. Hai đứa đều có cá tính mạnh, lại luôn ngược ý nhau. Khi hai đứa nêu lên chính kiến gì, to tiếng hết chỗ nói, khi thì hò hét, khi thì đấm đá. Hò hét còn được, còn đấm đá nhau thì bàn ghế trong nhà đều văng tứ tung. Trong căn nhà Nhật nhỏ như vậy, gặp lúc chúng nó biểu diễn trò sinh long hóa hổ, thì tôi chỉ còn cách gom hết bản thảo lại, ngồi đó mà nhìn.

Viết văn trong hoàn cảnh như vậy, chỉ dựa vào nhiệt tình, nghị lực, quyết tâm và năng khiếu thì chưa đủ, mà còn phải gặp thời. Thời vận của tôi chưa đến, nên viết hết sức vất vả, gò ép viết được mấy truyện ngắn, gửi đi thì bị trả trở lại. Cứ mỗi lần có một xấp bản thảo dày cộp xuất hiện trong thùng thư, lòng tôi thật rã rời, tan nát. Mẹ thấy tôi viết vất vả khổ sở, lại mất tiền cước gửi bưu điện, ngày nào cũng nóng ruột xem có bài của tôi được đăng hay không, nhưng trong thùng thư, chỉ toàn là bản thảo của tôi bị trả lại. Cái vòng tuần hoàn đó cứ lặp đi lặp lại nhiều lần, mẹ không kiềm chế được, liền tỏ thái độ.

- Mẹ thấy con nên trở lại việc thi đại học thôi!

Tôi lại run lên. Không, không thể thi đại học, thi đại học là một ác mộng lớn nhất trong tất cả các cơn ác mộng. Tôi kiên trì viết, tiếp tục viết, kiên trì gửi, tiếp tục gửi bài đi. Cứ vậy bản thảo nếu chỗ A không nhận thì đến chỗ B, chỗ B không nhận thì tôi gửi đến chỗ C. Nhà văn Anh Giác Lân- đơn từng gọi phương thức này với cái tên “cuộc du lịch của bản thảo”. Tôi cũng để cho các bản thảo của tôi

đi du lịch, chỉ có điều, sau khi chúng đã chu du liệt quốc rồi, thì vẫn quay về nhà. Trước những bản thảo không còn nơi nào để du lịch được nữa, tôi đau khổ đến cực điểm. Tôi bắt đầu hoài nghi bản thân mình, văn học có phải là cái duyên trời định cho tôi hay không, tôi có thể đi đến con đường ấy hay không?

Trong thời gian tôi đang ném đủ mùi vị khổ ải của sự nghiệp viết văn ban đầu, thì ba mẹ tôi cũng tích cực chọn cho tôi mấy người bạn trai mà ba mẹ cho là “môn đăng hộ đối”, trẻ trung mẫn cán. Phải nói là mẹ tôi rất thông minh, chỉ nhìn qua đáy mắt tôi, mẹ biết ngay tôi chưa quên hẳn thầy của mình. Điều đó luôn luôn là sự uy hiếp đối với bà. Bây giờ, tuy tôi đã biệt vô âm tín với thầy giáo, nhưng nhớ một ngày, hai người gặp nhau, thì nguy hiểm quá. Cũng rất có thể mọi cố gắng của mẹ lo cho tôi chỉ là công dã tràng xe cát!

Cho nên, dạo ấy, các chàng trai tứ xứ dập dìu lui tới nhà tôi, hết sinh viên đại học sư phạm đến sinh viên đại học Đài Bắc, trông ai cũng bảnh bao, tuấn tú, học hành uyên thâm. Những chàng trai lại đưa bạn bè của mình đến chơi, trong số họ có một ít người đến vì tò mò muốn biết diện mạo cái cô học trò suýt nữa đi lấy ông thầy giáo của mình. Trước “thiện ý” của ba mẹ, tôi đành phải tiếp chuyện với những chàng trai trẻ ấy, đây quả là một cực hình đến với tôi. Bởi vì từ đáy lòng tôi thường nhen lên một ngọn lửa vô hình mà ánh sáng của nó làm cho tôi nhìn ai cũng thấy không vừa ý. Với họ, tôi không sao rung động được, trước sau, trong tim tôi vẫn và chỉ vang lên tiếng gọi của thầy. Nhưng thầy thì như con điều đứt dây, biết đâu mà tìm!

Tình thương của ba mẹ, sự bao vây của các bạn trẻ (thực ra họ không yêu gì tôi, chỉ là từ tò mò hiếu kỳ, do tình sử của tôi đã đồn đại khắp nơi ai cũng biết), sự nghiệp viết văn vất vả, tiền đồ còn mông lung, sự uy hiếp của kỳ thi đại học... tất cả, tất cả cùng ập đến tạo nên gánh nặng tinh thần ghê gớm cho tôi trong lúc trái tim tôi vẫn còn rướm máu vì nỗi tuyệt vọng của mối tình đầu. Tất cả hầu như vô vọng! Nhất là gia đình tôi, ai nấy đều có công việc chính thức của mình, ai dạy thì dạy, ai học thì học, ai nội trợ thì lo nội trợ. Chỉ còn lại mình tôi, suốt ngày viết và viết, rồi lo tiếp chuyện các bạn trai, chẳng làm nên việc gì cả, chẳng khác nào một phế vật được ba mẹ nuôi dưỡng!

Sống trong nhiều tình yêu như vậy nhưng tôi vẫn cảm thấy cô đơn. Lựa chọn công việc viết văn thì viết không được thuận lợi, đã hai mươi tuổi mà vẫn chưa có việc làm, cần tiền thì ngửa tay xin ba, mẹ... Sự mặc cảm lại trở dậy mạnh mẽ trong lòng. Tôi phải phá vỡ cái cuộc sống này, tôi hy vọng có một cơ hội đổi

thay để tôi sống cho ra sống, chấm dứt cuộc sống khắc khoải, vô vị.

Trong khi mong muốn có sự đổi thay nhanh chóng, thì như số trời định sẵn, Khánh Quân đã kịp thời đến với tôi. (Khánh Quân không phải là tên thật của anh ấy, tôi nghĩ, trong quyển sách này, giấu tên thật của anh ấy vẫn hay hơn).

Khánh Quân, chính anh đã làm thay đổi cuộc sống của tôi sau này.

KHÁNH QUÂN

Khánh Quân hai mươi sáu tuổi, tốt nghiệp hệ ngoại văn trường đại học Đà Bắc. Anh ấy không phải là người bạn trai do ba mẹ tôi “sắp đặt”, cũng không phải là người thuộc những gia đình đã được ba mẹ tôi tìm hiểu. Anh ấy xuất hiện hoàn toàn ngẫu nhiên, việc tôi và anh ấy trở thành bạn thân là điều bất ngờ lớn đối với ba mẹ tôi.

Thân thế của Khánh Quân đầy chuyện thương tâm. Anh là người Triết Giang, tốt nghiệp lớp mười hai năm mười bảy tuổi, chạy ra Đài Loan tìm cậu, từ đó thất lạc luôn ba mẹ. Tại quê hương, hoàn cảnh gia đình anh vào loại khá giả, ở Đài Loan, anh lại hoàn toàn cô đơn từ khi còn rất trẻ. Anh thi đậu vào đại học Đài Bắc hoàn toàn dựa vào sự cố gắng và quyết tâm của chính bản thân mình, trong hoàn cảnh không có ai chi viện về kinh tế và thiếu tình thương của gia đình. Anh hoàn thành chương trình học đại học, chúng tôi quen nhau năm ấy là năm thứ hai sau khi anh tốt nghiệp, anh đang làm nghĩa vụ quân sự ở gần ngoại ô Đài Bắc.

Kể ra, anh cũng hơi khờ. Ở Đại học Đài Bắc, anh thi đậu vào hệ điện cơ. Hồi đó, điện cơ là hệ được ưa chuộng nhất, thi lọt vào được là gay go lắm, thế mà anh thi đậu dễ dàng, học một thời gian tự thấy mình ham mê kinh khủng môn văn học, thế là anh nghiêm nhiên bỏ hệ điện cơ, chuyển sang hệ ngoại văn. Thành ra, người ta học đại học chỉ bốn năm, anh phải học đến bảy năm.

Tôi và anh quen nhau cũng bắt đầu từ văn học. Hồi đó, anh ấy và tôi cũng như nhau, đang ham thích viết văn. Anh ấy thì muốn viết một bộ tiểu thuyết lịch sử, cần một số tư liệu lịch sử, nên đánh bạo đến nhà tìm gặp ba tôi. Ông trời xui khiến thế nào không biết, hôm anh đến, ba tôi không có nhà. Tôi đang chơi bài với Kỳ Lân và em trai út trong phòng khách, cỗ bài bày ra, bốn người thiếu một, thế là anh tham gia một chân, chúng tôi chơi bài say sưa rồi tự nhiên quen thân nhau. Ngày hôm sau, anh lại đến, nhưng không tìm ba tôi mà là tìm tôi. Anh nói

thao thao về văn học, về công việc viết văn, viết tiểu thuyết... Anh ngạc nhiên khi biết tôi đã đọc rất nhiều tác phẩm văn học. Tôi cũng ngạc nhiên thấy anh say mê viết văn một cách cuồng nhiệt. Hễ bàn đến văn chương là chúng tôi rất dễ tâm đầu ý hợp. Tôi nhận ra một điều, ở trên thế giới này, tìm ra người cùng chí hướng, cùng hứng thú, không dễ dàng gì.

Như trên tôi đã giới thiệu, thời kỳ đó tôi đang bị những thằng con trai bao vây. Khánh Quân không nằm trong diện đó, anh hoàn toàn không biết gì về quá khứ của tôi. Anh xông vào một cách đường đột, rồi nảy nở tình cảm với tôi, cũng thật đường đột. Tôi trân trọng tình cảm ấy của anh, anh không được ai sắp xếp, bố trí, anh cũng không tò mò quá khứ của tôi, mà nhìn tôi với ánh mắt có sắc, có hồn! Anh thích tôi thuần túy vì tôi là tôi, chứ không phải vì tôi là một đứa con gái có “câu chuyện lãng mạn”.

Thế là, tôi và Khánh Quân bắt đầu “hẹn ước”. Lần đầu tiên rủ tôi đi chơi, không dám rủ một mình tôi, anh mượn bạn học một khẩu súng săn, hẹn tôi và em trai, ba người cùng đi lên núi “Tân Điểm” săn bắn. Chuyện đó cũng hoàn toàn mới rợ, vì trước nay có ai rủ tôi đi săn bắn bao giờ. Bốn người chúng tôi lên núi, anh đưa súng săn cho Kỳ Lân và em trai út, bảo:

- Súng có một khẩu, người thì đông quá! Nhiều người đi trong núi, thú sẽ sợ chạy hết! Thế này nhé, tôi giao súng cho hai cậu, các cậu đi bắn tha hồ! Tôi và chị của các cậu đi ngắm phong cảnh!

Kỳ Lân và em trai út nghe nói khoái chí, cầm súng chạy mát. Bây giờ, Khánh Quân mới quay đầu lại nhìn tôi, nói:

- Khó khăn lắm mới nghĩ ra được cái trò săn bắn này để tách chúng nó ra!

Anh nói rất thành thật khiến tôi không nhịn được cười. Nói thật, thời kỳ đó, người làm cho tôi cười được không nhiều, việc làm cho tôi cười cũng rất hiếm. Sau khi chia tay thầy giáo, tôi nghĩ đời mình luôn cô đơn. Tuy cũng đã có hẹn hò với các bạn trai khác nhưng tôi chưa bao giờ ra khỏi vòng cô đơn.

Bây giờ đây, tôi cũng vẫn chưa chuẩn bị bước ra khỏi vòng cô đơn. Tôi vẫn nhớ thầy giáo sâu sắc. Nhưng ngồi chung với Khánh Quân, tôi không tiếc thời gian, nghe anh nói về văn học, nói về tiểu thuyết, nói về viết văn... đều là những đề tài tôi thích bàn. Về sau, anh mang đến từng xấp, từng xấp báo được cắt ra cho tôi xem, đó là những bản viết của anh ấy từ thời còn ngồi ghế đại học. Và nhờ vào số tiền nhuận bút các bài viết này anh mới duy trì cuộc sống tự lập và trả tiền học phí các loại. Tôi lật từng bài báo ra xem, trong lòng rất khâm phục. Anh ấy lại nói:

- Những thứ này nhằm kiếm tiền nhuận bút, chẳng có chút giá trị văn học nào! Vì cuộc sống, tôi phải viết những thứ này, nó không tiêu biểu cho tôi! Đợi khi phục vụ trong quân đội xong, tôi mới toàn tâm toàn ý lao vào viết lách, viết nên những tác phẩm thật sự có máu, có thịt, có cuộc đời của nó!

Tôi càng nghe càng chăm chú, không ngớt thán phục anh. Tôi nghĩ, chỉ cần tác phẩm của mình được đăng, tôi đã sướng chết người rồi cần gì có hay không có nhuận bút. Anh ấy có thể kiếm được nhuận bút, quả là không đơn giản chút nào, vậy mà anh ấy vẫn tỏ ra chưa thỏa mãn! Thì ra học sinh tốt nghiệp hệ ngoại văn Đại học Đà Nẵng thật khác xa so với tôi, một học sinh trung học. Anh có ý chí, có hoài bão, thật đáng nể. Tôi đọc kỹ những bài viết “kiếm thù lao” của anh, thấy phong cách thoáng, sức diễn đạt khỏe, tuy là những tiểu phẩm ngắn, nhưng có sức thuyết phục. Ngoài ra một số truyện ngắn của anh cũng viết khá sinh động, sự nghiệp văn học và công việc viết văn làm cho tôi và Khánh Quân càng xích lại gần nhau hơn. Lúc này, mẹ tôi có phần hồi hộp. Mẹ không rõ Khánh Quân lui tới làm gì, thấy anh ấy nghèo rớt mồng tơi, ngay đến một bộ đồ cho ra hồn cũng chẳng có. Nói ra, nghe như bốc tận mây xanh, chỉ e khi bắt tay vào việc thực sự thì chẳng ra gì. Mẹ đã tận mắt thấy sự nhọc nhằn khi tôi “viết văn”, bây giờ hay dở gì chưa biết, lại thêm Khánh Quân muốn coi sự nghiệp viết văn là cuộc đời thứ hai của mình! Hai “nhà mộng tưởng” ngồi lại với nhau, ngoài mộng tưởng ra, há còn cái gì khác? Với cách nhìn ấy, mẹ nói với tôi tuy thật uyển chuyển, ôn hòa nhưng không thiếu kiên quyết:

- Mẹ thấy con nên liệu mà sắp xếp thi vào đại học thôi!

Hễ nghe đến chuyện thi đại học là tim tôi hồi hộp lo âu, tất cả tế bào thần kinh như ngưng hoạt động. Tôi biết rõ mẹ tôi ngay cho đến bây giờ chưa từ bỏ ý định cho tôi học đại học. Cả những đứa con trai vây chung quanh tôi cũng cố vũ tôi thi đại học. Chỉ có Khánh Quân là khác họ, anh phấn chấn nói: - Nếu em có chí viết văn, thì học hay không học đại học không thành vấn đề! Bao nhiêu học sinh tốt nghiệp hệ văn học, tuy đầy bụng lý luận văn học, nhưng có viết được chữ nào đâu! Bạn bè cùng lớp tôi tốt nghiệp ra, bây giờ mới tập tễnh đi vào con đường văn chương, bởi vậy để khỏi lãng phí thời gian vì thi đại học, lao ngay vào việc viết văn có phải hơn không!

Những câu nói của anh ấy, tôi thấy thấm thía quá.

Lúc ấy, tôi rất có cảm tình với Khánh Quân. Nhưng cảm tình tốt vẫn là cảm tình tốt, còn chuyện yêu thương, vẫn là khoảng cách xa. Tôi đã có một thời yêu

mãnh liệt nên càng hiểu thấm thía cái giá của tình yêu. Còn Khánh Quân? Anh hiểu quá rõ, tuy trong trường đại học cũng theo đuổi các bạn gái, cũng cơ hồ như đã yêu rồi thất bại. Nhưng tất cả đều chỉ là thoáng đến rồi lại thoáng đi. Lần này việc quen biết tôi, hoàn toàn nằm “ngoài kế hoạch” của anh. Anh giống như đầu tàu lửa trượt đường ray, vừa trượt khỏi là không cách gì hãm lại được. Anh ấy tìm mọi cách để tấn công tôi, khiến lòng tôi hoảng loạn, chứa đầy mâu thuẫn, bất an, và âm thầm chống đỡ.

Từ khi chia tay thầy giáo, tôi thấy đời mình không yêu ai được nữa, chẳng những không yêu, mà còn mất hết khả năng yêu. Mối tình đầu ấy đã mang lại vết thương lòng vô cùng sâu sắc. Nhiều đêm nằm mơ, hình ảnh thầy cứ hiện ra rõ mồn một. Trong tình trạng như vậy, thử hỏi làm sao tôi có thể yêu được Khánh Quân. Thế là tôi cố gắng tìm cách kéo giãn cự ly giữa hai người, nhưng tôi càng lui, anh càng tiến tới, tôi càng lạnh nhạt chính anh lại càng cuồng nhiệt. Làm như vậy, tôi tự mâu thuẫn với mình. Nói thật, Khánh Quân đã lấp chỗ trống trong tim tôi, đem lại cho tôi nhiều ấm áp. Nhờ vậy, tôi đã gượng dậy trong cô đơn và bất lực, lại thêm nữa, tôi luôn mặc cảm, tự ti, non nớt, rất dễ xúc động.

Có một hôm, tôi ốm. Người tôi tuy không yếu lắm, nhưng do gian nan vất vả từ tấm bé, nên sức đề kháng yếu ớt, hầu như mùa đông năm nào tôi cũng không tránh khỏi bị cảm một đôi lần, mà đã cảm thì người trông thật tiêu tụy. Hôm ấy, tôi ốm nằm trên giường, đang lên cơn sốt, hơi mê man. Như tôi đã nói buồng tôi nằm đồng thời là nhà ăn, liền vách với nhà bếp. Trong bếp đang đun than, hơi than quả bàng bao trùm buồng tôi nằm. Tôi nằm trên giường ho dữ dội. Ho mãi tôi thấy Khánh Quân luống cuống, bận bịu làm gì đó, thì ra anh làm thêm một cái lò xo đặt ngay chỗ cánh cửa thông vào nhà bếp để cho cánh cửa có thể tự động khép lại. Làm xong thấy vẫn chưa ngăn được hơi than, anh bèn lấy giấy nhựt dán bít các khe cửa lại. Thấy anh lui cui làm mãi tôi cho phí công vô ích, vì cánh cửa đó mỗi ngày đóng mở hàng mấy chục lần, dán giấy nhựt có tác dụng gì? Nhưng, vừa quay đầu nhìn, nước mắt tôi tự dưng đổ ròng xuống hai má. Ở trong cái nhà nhỏ này đã gần mười năm, đây là lần đầu tiên có người muốn giúp tôi ngăn bớt hơi than!

Khánh Quân không có cha mẹ, không có nhà, rất nghèo. Nghèo đến mức chỉ có một chiếc áo sơ mi, hai cái quần tây. Hai cái quần rõ ràng là nhu yếu phẩm rồi, phải mặc thay đổi, chiếc áo sơ mi duy nhất cũng là nhu yếu phẩm, thường không dám cởi. Về sau, tôi phát hiện thêm, hai cái quần tây của anh đều đã sờn rách, phải

dùng chiếc sơ mi này che chỗ rách lại. Cho nên dù trời nóng đến đâu, anh cũng không cởi áo sơ mi. Ngoài chiếc áo nói trên, anh còn có một áo len, tiếng là len dạ nhưng đã cũ sờn, mỏng dính, rách te tua, giống như chòm râu con sơn dương. Đó không còn là áo len nữa, chẳng khác nào chiếc lưới đánh cá đã bị thủng rách. Nhưng anh ấy yêu quý, trân trọng vô cùng chiếc áo len này, anh bảo:

- Đây là chiếc áo chính tay mẹ tôi đan cho tôi, mặc nó tôi thấy ấm áp!

Tôi thật không biết mặc nó thì ấm thế nào, nhưng chỉ một điểm nhỏ này thôi, cũng đủ làm cho tim tôi đau nhói, chứa chan tình thương anh. Chiếc áo không chỉ sưởi ấm, cứ đến mùa hè, anh ấy đưa nó vào hiệu cầm đồ, và nói với chủ hiệu:

- Bác yên tâm, đây là chiếc áo len chính tay mẹ cháu đan cho cháu, với cháu, nó là vô giá. Không thể để mất nó! Xin bác yên tâm cầm cho cháu, cháu nhất định sẽ đến mua lại!

Ông chủ hiệu cầm đồ nhận cái áo len của anh, nhưng liền sau đó anh đem tiền nhuận bút đến mua lại vì sợ bị mất. Một năm trời, chiếc áo len ấy ra ra vào vào cửa hiệu cầm đồ tới mấy bận. Về sau, chủ hiệu cũng quen anh, hễ anh đem áo len rách đến là cầm cho anh hai trăm đồng. Trong thời gian tôi và anh kết bạn với nhau, dùng tiền nhiều hơn chút đỉnh, nên chiếc áo len phải nằm trong hiệu cầm đồ nhiều hơn.

Tuy nghèo nhưng anh ít bận tâm về nó. Anh coi nhẹ nhu cầu vật chất, trong đầu lúc nào cũng say mê viết văn. Chính sự suy nghĩ của anh và cái nghèo của anh đã làm tôi xót xa, bùi ngùi.

Sau đó, hết hạn phục vụ trong quân đội, anh chuẩn bị tìm một ngôi nhà nhỏ vừa đủ che nắng che mưa để vùi đầu vào viết văn. Nhưng đầu là nhà nhỏ đến mấy cũng cần có tiền để mua, có cái nhà nhỏ nào mà người ta cho anh đến ở không đâu. Anh đi tìm việc làm, được bạn bè cũ giúp đỡ, anh tìm chỗ dạy học. Trường này ở gần ngoại ô Đài Bắc, gần cửa hàng mới, gọi là Thất Trang. Hồi đó, chỗ này còn khá hoang vắng. Trường này là trường tư của giáo hội, lương không bao nhiêu, điều đáng mừng là không mất nhiều thời giờ, mỗi ngày chỉ dạy hai tiết Anh văn, còn phần lớn thời gian là thuộc về mình. Trường xưa nay không cấp nhà ở, nên cho anh ở trong một gian phòng nhỏ vốn là kho chứa đồ linh tinh nằm ngay trong vườn trường.

Lần đầu tiên đến thăm gian phòng nhỏ của anh, tôi sợ đến phát khiếp. Nhà ọp ẹp, che bằng mấy tấm ván, cửa nẻo đều hư hỏng cả mỗi lần gió thổi các cánh

cửa rung lên, tường ván cũng rung lên. Bên ngoài cửa là khu đất hoang của trường, chỗ nào cũng cỏ mọc um tùm, trông thật thê lương. Trong nhà chỉ kê một chiếc giường ván, một bàn sách nhỏ và một cái ghế tre. Ngoài những thứ đó ra, chẳng còn gì. Tôi càng nhìn càng thấy xót ruột quá, còn anh thì cười vui thoải mái, anh nói:

- Được rồi, viết văn được là tốt rồi! Có bàn có ghế là đủ rồi! Có bút có giấy là đủ rồi! Có cái đầu của tôi và quyết tâm của tôi là đủ rồi!

Anh cứ một điều đủ rồi, hai điều đủ rồi, còn tôi trông trước trông sau, thấy chẳng có cái gì là đủ cả. Tôi nghĩ bụng, căn phòng này đã hư đến mức không thể nào sửa chữa được, ít ra cũng phải giúp anh ấy thay đổi một chút cái không khí trong phòng vậy! Thế rồi, sang ngày thứ hai, tôi đem đến một chiếc đèn bàn có chụp đăng ten, lại cắt một tấm vải nhiều hoa nhỏ đem lại chỗ anh khâu thành một tấm ri đô che cửa.

Hôm ấy, anh ngồi viết văn dưới cây đèn bàn, tôi ngồi trên giường khâu riđô, trong phòng im phăng phắc. Anh hí hoáy viết thỉnh thoảng ngoái đầu nhìn tôi. Khi tôi chăm chú khâu, anh lại cúi đầu xuống viết. Lại hí hoáy viết, lại ngoảnh đầu nhìn tôi. Lần này, anh nhìn tôi lâu lắm, nhìn đến nỗi tôi phải dừng tay khâu. Chúng tôi nhìn nhau hồi lâu, anh gác bút giấy viết lại, đến ngồi bên tôi, nắm chặt bàn tay tôi, nói thành khẩn:

- Chúng mình cưới nhau nhé! Đừng để mỗi đứa một nơi, đơn độc viết văn như vậy, chi bằng ở chung với nhau có hơn không, hợp sức lại mà viết văn! Em nói đi!

Tôi nín lặng

KẾT HÔN

Guộc hạnh ngộ trên đường đời của tôi, nói ra nghe cũng hơi lạ lùng.

Tôi và Khánh Quân nguyên là hai người không cùng thế giới, trước khi chúng tôi quen nhau, mỗi người có cách nhìn riêng, có kế hoạch riêng. Tôi chưa hề nghĩ rằng, tôi sẽ là vợ của anh. Ngay lúc kết bạn với anh, tôi cũng không hề nghĩ như vậy. Tôi luôn cảm thấy anh với tôi không hợp, anh hay lý tưởng hóa, quá mơ mộng và rất không thực tế. Còn tôi, tôi cũng chưa muốn tính chuyện chồng con với ai, bởi vì trong trái tim tôi, hình ảnh thầy giáo còn quá đậm nét.

Nhưng tôi đang trống trải và hiu quạnh. Căn nhà nhỏ kiểu Nhật của gia đình như có ma lực gì cứ đè mãi lên tâm tư tôi. Mẹ buộc tôi phải thi đại học, các em trai, em gái đều có lợi thế hơn tôi, sự đam mê viết văn của tôi không ai thông cảm, tôi là “vật bỏ đi” trong gia đình! Trước những ma lực đó, tôi muốn lủi trốn thật kín, muốn chạy lánh thật nhanh, muốn nhảy vọt ra khỏi nhà ngay tức khắc. Thầy giáo đã im bật tấm hơi, bức tranh về mối tình đầu trong lễ sinh nhật tuổi hai mươi cũng đã qua rồi, tất cả, tất cả đều qua rồi. Vì vậy tôi phải suy nghĩ thật kỹ, cân nhắc thật kỹ những lời đề nghị của Khánh Quân. Nếu như Khánh Quân không say sưa nghiệp viết văn đến thế, và nếu như tôi cũng không say sưa nghiệp viết văn đến thế, có lẽ giữa hai chúng tôi khó nhen ngọn lửa lòng. Nếu như anh ấy không nghèo khó và tứ cố vô thân như vậy, và tôi cũng không hiu quạnh và bé tắc như vậy, chúng tôi cũng khó gần nhau để đi đến mối tình. Tóm lại, đề nghị của anh làm tôi động lòng. Chí ít thì kết hôn cũng chấm dứt được cảnh hai thân phận cô đơn, lạnh lẽo, đó là chưa nói tới tình bạn văn chương sẽ có thêm điều kiện để phát triển thuận lợi.

Trước sự việc này, mẹ tôi phản ứng rất kịch liệt:

- Nó nghèo như thế lấy gì nuôi sống mày?

Câu nói của mẹ làm tôi đau nhói. Trước kia mẹ cũng hỏi thầy giáo của tôi

câu này. Tôi hiểu tấm lòng mẹ yêu con, sợ tôi lại giống mẹ hồi ấy, cũng gả cho người dạy học, cả đời cực nhọc. Nhưng tôi đã hai mươi mốt tuổi, chưa từng một ngày được sống dư ăn dư để và đã sớm coi những người biết sống chịu thương chịu khó là thanh cao, đạo đức, nên nghe mẹ nói, tôi không chịu được, đâm nổi quạu:

- Con không phải lá ngọc cành vàng, cũng không phải con nhà giàu có, đâu có khó nuôi đến thế? Nếu phải chịu nghèo chịu khổ, thì đó là cái số của con, mẹ cứ để con tự lo lấy thân con!

Mẹ nhìn tôi chăm chăm, thất vọng thở dài:

- Hễ con gái có chồng coi như hết! Con còn trẻ, sao con không chịu đi học, đâu óc lúc nào cũng nghĩ tới chuyện lấy chồng, sao con kỳ vậy?

Tôi không trả lời. Trốn, trốn thôi! Tôi không thể nói với mẹ là tôi muốn trốn, trốn khỏi những đứa em trai, em gái ưu tú, trốn thi đại học, trốn khỏi căn nhà kiểu Nhật và trốn cả tính tự ti, mặc cảm của mình... Tôi có dám nói điều đó không? Không! Mẹ không nói nữa, bà đã thất vọng đến tột đỉnh. Bà đã cắt đứt tình yêu của tôi một lần rồi, không nỡ cắt lần thứ hai, bà lại thở ra, miễn cưỡng nói:

- Được rồi! Tất cả do con tự lựa chọn!

Thế là tôi và Khánh Quân chuẩn bị kết hôn (sau đó, nhiều báo và tạp chí viết về chuyện đời tôi, đều nói tôi vâng lời mẹ kết hôn với Khánh Quân, quả là sự hiểu lầm quá lớn, những người con trai mẹ chọn cho tôi, tôi đều từ chối. Khánh Quân và tôi đi đến hôn nhân, đâu đúng hay sai đều do một mình tôi chịu.)

Chúng tôi chuẩn bị cưới nhau, tất nhiên là không thể ở trong mái nhà ọp ẹp của anh được, chúng tôi đã tìm một ngôi nhà nhỏ nhỏ tại một khu vực cạnh trường. Một phòng khách, một phòng ngủ, còn có nhà bếp và nhà vệ sinh. Nhà tuy nhỏ, nhưng phía trước có sân rộng, chung quanh có hàng rào tre bao bọc, trong sân toàn là cỏ dại. Chủ nhà có vẻ khách sáo lắm, tiền thuê nhà rất hời, có điều, cả khoảnh đất đó đều nằm giữa ruộng, phải đi đường bờ ruộng mới tới cổng. Vườn nhà khá thơ mộng. “Hái hoa cúc dưới bờ rào, ngoảnh nhìn non nước hướng vào Nam Sơn”. Do ý thơ đó thôi thúc nên trước khi cưới, chúng tôi tất bật lo dọn cỏ, trồng hoa cúc.

Đang lúc Khánh Quân hùng hục nhổ cỏ, trồng hoa cúc như trồng hạnh phúc thì tôi cảm thấy không an lòng. Khánh Quân rất hồn nhiên và đôn hậu, vì vậy tôi không muốn anh cưới mà không tìm hiểu kỹ về quá khứ của tôi.

Một hôm, tôi kể cho anh ấy nghe từ đầu đến cuối thật chi ly, tường tận về tình yêu ban đầu của tôi. Anh lắng nghe, nghe xong hỏi liền:

- Thế bây giờ em còn yêu anh ấy không?

Tôi rất đau khổ, sợ nhất là anh hỏi tôi câu này. Nhìn kỹ anh, tôi không giấu anh và cũng không giấu chính mình.

- Em nghĩ, - Tôi nói thẳng thắn. - Anh ấy sẽ mãi mãi sống trong tim em!

- Cái gì? - Khánh Quân nháy lông lên, mặt tái nhợt. - Khi em và anh kết bạn với nhau, anh ấy cũng vẫn ở trong tim em chứ?

- Vâng!

Anh đứng lặng, cả buổi trời không nói không rằng. Trông anh có vẻ bị giáng một đòn nên thân. Tôi cũng đau khổ nhưng không thể giấu anh. Tôi cắn răng, nói rất thành khẩn:

- Anh hối hận hãy còn kịp, anh có thể dừng cưới em. Em không dối anh, em đã yêu và cũng đã được yêu, em biết thế nào là yêu, thế nào là được yêu, em và anh cả hai đều cảm nhau, thương nhau. Thế nhưng khoảng cách giữa yêu và được yêu còn xa nhau lắm.

- Cái gì? - Anh lại gào thét. - Em đừng nói thay cho anh, em không biết anh đối với em như thế nào đâu!

Tôi im bật, rất buồn bã. Anh nhảy ra khỏi đám cỏ dại, đá vào đá, đá vào góc tường, chỉ không dám đá tôi. Đá một hồi, anh bình tĩnh trở lại, bắt đầu suy nghĩ. Nghĩ tới nghĩ lui vẫn thấy chẳng thông. Sau đó, anh nắm chặt tay tôi, xúc động nói: - Chẳng qua anh hỏi chuyện quá khứ của em, chớ hồi em yêu thương người ta thế nào, anh đã quen em đâu! Nhưng, bây giờ chúng mình sắp cưới nhau, chẳng lẽ em không yêu anh hơn yêu người ta hay sao?

Tôi nhìn anh! Trời ơi, nói dối rất dễ, tại sao tôi không nói? Suy nghĩ một hồi, tôi tiếp tục:

- Về phần tình cảm tôi và thầy giáo, hầu như ai cũng biết. Tôi nghĩ, đời tôi không thể nào lặp lại tình cảm mãnh liệt như vậy!

- Thế còn anh? Anh thì sao? - Anh đá đá chân, hỏi lại.

- Tình cảm đối với anh rất ấm áp, rất sâu lắng, rất êm ả. - Tôi thử giải thích cảm giác của mình. - Rất quý thời gian mỗi lần ở kề bên anh, muốn suốt đời sống tốt bên anh, trung thực cùng anh, lo liệu việc nhà, làm tất cả vì anh...

- Em nói toàn những chuyện vô bổ! - Anh cắt đứt lời tôi, nói tiếp: - chỉ cần khẳng định với anh rằng, anh và anh ấy, em yêu ai nhiều hơn?

Tôi buồn bã lắc đầu.

Mặt anh tái nhợt, giận dữ nhìn trời, không thèm nhìn tôi. Tôi tàn nhẫn chờ anh định đoạt. Anh đi lòng vòng quanh sân, đi tới đi lui, đi lui đi tới như con thú cùng đường. Lát sau, anh dừng lại ngay trước mặt tôi, nói dứt khoát, quả quyết:

- Thôi không nói tới chuyện cưới xin nữa, tôi không thể lấy cô! Tôi không thể lấy một người phụ nữ yêu tôi không sâu sắc!

Tôi gật gật đầu, quay người đi về nhà. Về đến căn nhà nhỏ kiểu Nhật, về lại gian buồng bốn mét, buông người lên giường, nhìn cánh cửa thông xuống nhà bếp, trên cửa có cái lò xo do anh đóng thêm vào, khe cửa được anh dán giấy nhựa... Tim tôi đau nhói, nước mắt trào ra, nhưng lạ thật, trong lòng như trút bớt gánh nặng, thấy thanh thản, tự nhiên. Thì ra, thành thực và dũng cảm nói hết tâm sự của mình đâu phải là chuyện dễ làm!

Suốt đêm hôm ấy tôi không chợp mắt, mãi đến tờ mờ sáng mới ngủ được. Ngủ chưa bao lâu thì cảm giác như đang có trận động đất liên bùng tỉnh dậy, mở to mắt nhìn đã thấy anh đứng trước giường, đang ra sức lắc tôi dậy. Thấy tôi tỉnh hẳn, anh nói một hơi:

- Dầu cho em có bị đồn đãi tới đâu, dầu cho trong tim em còn hình bóng ai đi nữa, dầu cho em yêu ai nhiều ai ít, anh cũng nhất định cưới em! Chuyện anh nói tới hôm qua coi như xóa bỏ! Chỉ cần em tốt với anh, chúng ta có tháng rọng ngày dài để bồi bổ tình cảm cho nhau! Anh tin chắc em sẽ yêu thương anh càng ngày càng sâu sắc hơn.

Mắt tôi lại ướt lưng tròng, tim tôi rạo rục. Tôi phải tốt với anh, tôi nhất định phải tốt với anh, tôi phải làm một người vợ thật tốt, không bao giờ phụ lòng anh. (Dù cho sau này, trong chuyện hôn nhân của chúng tôi có gặp bao nhiêu trắc trở, thì buổi sáng hôm ấy luôn luôn làm rạo rục tim tôi, và mãi mãi khắc sâu trong ký ức của tôi).

Thế rồi chúng tôi khoác tay nhau đến phòng cưới. Hôm cưới ba mẹ tôi mở tiệc linh đình đãi khách. Không gả tôi cho thầy giáo cũng coi như công đức của cha mẹ, phải làm cho bè bạn biết được tin vui này. Hôm ấy, bày những hai mươi bàn tiệc, thật là đông vui, đồng nghiệp và học sinh của ba mẹ cũng đến. Tôi khoác voan trắng, mặc áo cô dâu bước lên tấm thảm đỏ. Đây là một màn trình diễn lớn nhất tôi diễn trên đời này!

Năm ấy, tôi vừa đúng hai mươi một tuổi, Khánh Quân hai mươi bảy tuổi. Hai chúng tôi từ lúc quen đến lúc cưới nhau tính ra được bảy tháng.

VỢ CHỒNG NGHÈO NHIỀU NỖI THƯƠNG TÂM

Năm đầu cưới nhau, chúng tôi ở trong ngôi nhà nhỏ giữa đồng, đầy ý thơ, hàng rào tre bao quanh, ngoài rào là ruộng lúa, ngẩng đầu lên là thấy núi Tân Điểm.

Ngôi nhà này xây bằng gạch, rất đơn sơ. Tường rất mỏng, mỗi lần trời mưa, nhà ẩm ướt, ngoài đổ mưa to thì trong nhà đổ mưa nhỏ. Đến mùa gió bão thì hết chỗ che, gió tốc ngói bay tứ tung, mưa xối qua khe cửa sổ tạt vào trong, chúng tôi lại hối hả trát tường. Nhà bếp quá hẹp, chỉ đứng được một người, một bếp lò và một máng rửa. Nhà vệ sinh càng đơn giản hơn, chẳng có cửa, tôi chỉ che bằng một tấm rèm trúc.

Nhà tuy chẳng lấy gì làm hào hoa nhưng chúng tôi đã vui sống bên nhau. Sáng sáng, Khánh Quân đi dạy học, từ xế đến chiều tối ở nhà viết văn, phương tiện đi lại của anh là một chiếc xe đạp. Ngày ngày, hễ nghe tiếng chuông reng reng là tôi chạy ra cửa “vườn hoa” đón anh. Có khi, anh đem về một ít thức ăn, tôi xuống bếp xào xào, thường là cơm chiên trứng rồi lại trứng chiên cơm với một đĩa rau xào với thịt thái nhỏ. Kỹ thuật nấu nướng của tôi rất xoàng, nhưng anh chẳng nói gì.

Nhà chúng tôi chỉ có giường mây và ghế mây đơn sơ, vì đồ gia dụng bằng mây rẻ nhất. Bàn viết đương nhiên không thể thiếu, vì trong nhà có đến hai người “viết văn cuồng nhiệt”. Tôi không đi tìm việc làm, chỉ ở nhà viết. Lúc đó tôi chuyên viết truyện cho phụ trang các báo, tôi chẳng kể có giá trị hay không, miễn được nhuận bút. Mẹ tôi nói quả không sai, lương của Khánh Quân, sau khi trả tiền thuê nhà, tiền điện nước, chỉ đủ mua được hai mươi ngày gạo và thức ăn, còn mười ngày không có gì để ăn. Kiếm tiền là một việc rất trọng yếu. Chúng tôi nghiên cứu khuôn khổ các phụ trương trên các báo để viết truyện với độ dài khoảng ba ngàn chữ. Thỉnh thoảng đăng một vài truyện ngắn là đời sống của

chúng tôi có thể khám khá rồi. Có khi cũng “xa hoa” một chút, cùng nhau đi một chiếc xe đạp lên rạp hát nhỏ trong thị trấn Tân Điểm xem một hai suất phim, rồi lại đạp xe về nhà. Mỗi lần xem xong phim, đều rất khuya, xe đi trên bờ ruộng giữa cánh đồng lộng gió, trăng treo đỉnh đầu. Những lúc ấy tâm hồn rất khoan khoái.

Tốc độ viết của Khánh Quân chậm hơn tôi nhiều, vì anh ấy trau chuốt, phải đạt đến mức toàn thiện toàn mỹ mới chịu, anh ấy thuộc loại chịu khó. Tôi thì khác hẳn, tôi thường viết cái gì bản thân thấy hứng thú. Viết những sự việc quanh mình, dòng suy nghĩ thường đi nhanh hơn tay viết, để bắt kịp những suy nghĩ ấy, hễ đặt bút là phải viết như bay như nhảy. Tôi gọi cách viết của mình là loại nhảy cảm. Bằng hai cách khác nhau, chúng tôi cùng làm một công việc giống nhau, khi thì phân tích gọt giũa, khi thì phê bình cổ vũ. Anh ấy xuất thân từ thi cử bằng cấp, nên thường có nhiều ý kiến đối với tác phẩm của tôi. Nhưng tác phẩm của tôi nhiều hơn, tiền nhuận bút cũng cao hơn, nếu lấy “kinh tế làm trọng” thì anh cũng không nói gì được.

Tuy thỉnh thoảng hai chúng tôi đều có bài được đăng, nhưng cuộc sống vẫn khổ. Bởi lẽ, tiền nhuận bút, khi có khi không. Còn cơm nước là chuyện cố định, một ngày tiêu đâu phải ít. Tôi là quản gia, thường phải giặt gấu vá vai, cứ rối tung cả lên, hễ đến cuối tháng, trong túi chẳng còn mấy đồng. Tôi có cá tính mạnh, khi sắp làm vợ Khánh Quân, đã có lần tôi nói với mẹ: “Con nghèo, con khổ là cái số của con!” Từ đó, trước cái số của tôi, tôi chỉ cần vượt qua chứ không chịu về ngựa tay xin mẹ. Tôi bắt đầu hiểu thế nào là làm dự toán gia đình, và cần phải chấp hành khoản dự toán đó.

Lần cãi vã đầu tiên sau ngày cưới xảy ra chính từ cái mục dự toán gia đình. Tiền thức ăn hằng ngày của chúng tôi là bảy đồng, hễ vượt quá cái mức đó là cuối tháng cháy túi. Khó khăn lắm tôi mới cân đối được dự toán, cẩn thận từng li từng tí, không dám chi lộ. Nhưng bảy đồng bạc thực tế có là bao, khó mà được ăn thịt. Mấy ngày liền như vậy, Khánh Quân than nuốt không vào. Tôi kiên trì chịu cực, ăn khổ cả nhà cùng ăn, không được đảo lộn dự toán. Thế rồi có một buổi chiều, hai người đang cặm cụi viết, bỗng ngoài đường vang lên tiếng rao “bánh chưng nhân thịt, bánh chưng nhân đậu đây”, khiến cả hai chúng tôi đều ngẩng đầu nhìn.

- Anh đi mua hai cái bánh chưng vào ăn nhé! - Khánh Quân vừa nói vừa mở ngăn kéo lấy tiền. Tôi vội ngăn lại:

- Một cái bánh chưng ba đồng rưỡi, hai cái sẽ xơi mất một ngày tiền chợ của tui mình. Cuối tháng chúng ta sẽ bị đói mất một ngày! Vả lại, cứ cái lệ này, chúng

ta sẽ làm vỡ dự toán, cuối tháng sẽ khốn đày.

- Kệ nó - Khánh Quân nói, chạy vụt đi, còn nói với: “Chuyện cuối tháng, cuối tháng hăng hay. Chết đói đâu mà lo!”

- Không được! Không được - tôi bảo - thuyền đến bến không phải tự nhiên mà đậu được, tháng nào cũng vậy, cứ ngoài ngày 20 là em phải đem nhẫn cưới đi cầm đồ! Làm chuyện ấy mất mặt lắm, em không muốn chút nào!

- Em không cầm thì anh cầm! - Anh còn nói - Bây giờ tôi đói lắm rồi, không ăn bánh chưng thì còn đầu óc đâu mà viết!

Tôi thấy không cách nào ngăn anh được, đành thỏa hiệp:

- Thôi thì anh mua một cái vậy, em không đói, em không ăn! Tôi nghĩ bụng, như vậy ít ra cũng bớt được ba đồng rưỡi. Ai ngờ, tôi mới nói xong, anh ấy gào toáng lên, đá chân nói:

- Tại sao em không ăn? Em không ăn, một mình anh làm sao ăn được? Em thích làm như vậy sao, làm ra cái vẻ đáng thương, kỳ thực có gì nghiêm trọng đến thế không? Đến bánh chưng cũng không được ăn? Hồi anh chưa cưới vợ, hễ trong túi có tiền là muốn ăn gì thì ăn, bây giờ lấy vợ rồi, đến bánh chưng cũng không được ăn!

- Em đâu có cấm anh ăn! Em không ăn cũng không được sao? Cớ chi anh kéo cái chuyện cưới với không cưới vào đây! Trước khi cưới, anh ăn xài tùy ý, từ rày, đi mượn ăn qua ngày, em không quen đâu...

- Được rồi, được rồi! - Anh hét lên - Ý cô là chê tôi nghèo, cô không quen sống cực khổ...

- Em nào chê anh nghèo? - Đến lúc đó, tôi cũng cáu lên, nói lớn - Chê anh nghèo mà lại lấy anh à? Em thà chịu khổ cùng anh, bây giờ người không chịu khổ nổi chính là anh chứ không phải là em...

- Chính là cô, là cô! - Anh càng gào, càng lớn tiếng: - Tôi để cô khổ thế nào mà mở miệng ra là cô than khổ, lại còn bảo không chê tôi nghèo, rõ ràng là cô chê tôi nghèo...

Lần đó, chúng tôi cãi nhau kịch liệt! Cãi riết, người bán bánh chưng cũng đi mất, bánh chưng không ăn được, văn chương viết cũng chẳng ra, rồi tôi khóc. Khóc mãi, cơm tối cũng chẳng buồn nấu, tôi bỏ về nhà mẹ.

Bây giờ nhớ lại, chúng tôi cãi nhau một trận chí chết chỉ vì hai cái bánh chưng, thật chẳng ra gì. Tôi nhớ là, sau cái vụ ấy, ba tôi nói với tôi một câu rất đích đáng:

- Thế nào, con vừa muốn có ngựa bay, lại vừa muốn ngựa đừng ăn cỏ à?

Khánh Quân được ví với ngựa, ba nói một câu hai ý, rất thâm thúy. Chẳng là hồi đó, trong cái “thâm thúy” này chứa đựng bao điều cay đắng! “Vợ chồng nghèo trăm sự khó!”

Vợ chồng nghèo đúng là trăm sự khó! Viết tới đây, không thể không nhắc tới chuyện cái quạt điện.

Trong cái “ngôi nhà đầy ý thơ” của chúng tôi, do tường quá mỏng nên nhiệt độ trong và ngoài trời hầu như cân bằng. Mùa hè nóng như thiêu như đốt, mùa đông lạnh buốt xương. Từ nhỏ tôi rất sợ nóng, đến tháng bảy, tháng tám coi như hết chịu nổi. Sau khi sống với Khánh Quân, tôi lo việc bếp núc, nên những ngày nóng bức rất cực. Sợ Khánh Quân ăn mặc bèo nhèo, bạn bè cười chê, cho nên áo quần của anh tôi đều giặt là thẳng thớm. Giặt đồ còn tạm tạm, là đồ mới đáng sợ. Mỗi lần là áo cho anh, trán tôi mướt mồ hôi từng giọt, từng giọt nhỏ rùng rùng xuống áo. Vì vậy nên nguyện vọng lớn nhất của tôi lúc đó là làm sao có được một cái quạt điện nho nhỏ.

Một cái quạt điện nhỏ nhất cũng phải bốn trăm đồng. Chúng tôi làm sao kiếm ra số tiền đó. Tôi bớt ăn bớt xài, đến cuối tháng cũng chẳng còn gì, lấy đâu ra tiền mà mua quạt điện? Tôi suy tính mãi, đến nỗi đêm nằm mơ cũng thấy quạt điện. Thế rồi, ông trời cũng có mắt, không phụ người cực khổ. Một hôm, tôi nhận khoản nhuận bút kha khá, những hai trăm đồng. Mẹ tôi thương quá, cho tôi mượn hơn một trăm đồng, góp lại đủ bốn trăm, tôi mua cái quạt điện đầu tiên trong đời.

Có quạt điện rồi, tôi sướng lắm. Từ đó, nấu cơm, làm thức ăn, là áo quần, viết lách, tôi xách quạt đi khắp nhà, mở quạt rồi mới làm gì thì làm! Hồi đó ba mẹ cho tôi một cái máy thu thanh cũ. Khi làm việc vừa nghe nhạc cổ điển, vừa mở quạt điện, thấy cuộc đời tươi mát quá! Các hoàng đế cổ đại chỉ có thể dùng quạt lông ngỗng khi trời nóng nực chứ làm gì có quạt điện? Bật quạt điện lên, tôi thấy mình sướng hơn hoàng đế.

Thế rồi một hôm nọ, tôi và Khánh Quân đi Đài Bắc thăm ba mẹ, chơi bài với Kỳ Lân và em trai út, về đến nhà trời đã tối sẫm. Bước vào nhà là biết ngay bị trộm. Cái quạt điện và máy thu thanh của tôi, bộ côm-lê Khánh Quân sắm khi cưới vợ (bộ côm-lê duy nhất của anh, bị lấy mất). Tôi đứng thẫn thờ hồi lâu, không tin vào mắt mình. Khi xem xét kỹ, việc đã rõ ràng rồi, tôi ngồi thịch xuống giường, ôm đầu khóc.

Mãi đến giờ, tôi còn nhớ như in là tôi đã khóc cạn nước mắt vì tiếc cái quạt điện. Tôi ngồi ngây ra đó, chẳng ngủ cũng chẳng buồn nói chuyện, chỉ có khóc. Khánh Quân an ủi, dỗ dành đến mấy, tôi cũng không sao ngăn được nước mắt, tôi khóc suốt đêm.

Thế là, tôi lại tiếp tục những ngày mờ hôi tuôn như mưa xối, mỗi lần mờ hôi rơi, nước mắt cũng tuôn rơi. Kẻ trộm lấy của nhà nghèo, thật tàn nhẫn quá!

LY BIỆT VÀ ĐƯA CON

Gười nhau được hai năm thì chúng tôi dời về Cao Hùng, Khánh Quân xin làm phiên dịch tại công ty nhôm Cao Hùng, vì chỉ như vậy mới có thể cải thiện kinh tế gia đình.

Đi làm là một sự hy sinh tương đối lớn đối với Khánh Quân, anh rất ghét làm văn phòng, đầu óc lúc nào cũng chỉ nghĩ đến chuyện viết văn. Nhưng qua một năm khảo nghiệm, giữa mơ ước và hiện thực có khoảng cách khá xa. Năm ấy, tác phẩm của chúng tôi chẳng có mấy, muốn làm nhà văn chuyên nghiệp đâu phải dễ, muốn viết được một tác phẩm đồ sộ lại càng khó. Cuối cùng, Khánh Quân đã chịu thua.

Lương bổng lãnh tại công ty nhôm cũng chẳng được bao nhiêu, có điều đơn vị này thuộc Bộ kinh tế, nên có nhiều triển vọng. Hồi đó, người nhiều, việc hiếm, tìm công ăn việc làm khó khăn. Khánh Quân được đi làm, bạn bè thân quen nghe tin đến mừng cho anh, ngay ba mẹ cũng thở phào nhẹ nhõm vì lúc nào cũng lo lắng cho cuộc sống của tôi. Chỉ có Khánh Quân buồn rười rượi.

Mới chân ướt chân ráo đến Cao Hùng, nhờ hai người bạn học của Khánh Quân giúp đỡ, chúng tôi thuê được một ngôi nhà hai tầng lầu. Hai bạn này cũng độc thân, thuê chung nhà với chúng tôi, hai người ở tầng trệt, tôi và Khánh Quân ở tầng trên. Đồ đạc hành lý rất đơn giản. Trên gác chỉ có một gian lớn, phòng ngủ, phòng đọc sách, phòng khách dùng chung. Khánh Quân bắt đầu nhận việc, sáng đi tối về. Cứ về đến nhà, ăn vội cơm nước, anh lại lao vào viết văn. Nhưng, làm việc cả ngày, đã thấm mệt, ngồi xuống viết, đương nhiên là viết không trôi. Trước kia, anh dành toàn bộ thời gian trong ngày để viết cũng chẳng được mấy bài, huống hồ bây giờ, ít cũng là phải.

Tôi không đi làm, lủi thủi ở nhà một mình suốt ngày, dư thời gian, sống buồn tẻ. Thế rồi tôi dốc toàn bộ sức lực ra viết văn. Truyện ngắn cho các phụ

trang bây giờ không phải là mục tiêu của tôi nữa, tôi bắt đầu viết truyện dài. Tôi tự thấy mình tình cảm phong phú, suy nghĩ chín chắn, nên gắng sức viết vài ba cuốn sách xem sao. Suốt ngày tôi cắt cắt dán dán, viết rồi xé, xé rồi viết, không hiểu sao viết cũng chẳng thuận lợi gì.

Tôi viết bao nhiêu là “chương thứ nhất”, đều không có “chương thứ hai”, viết tới viết lui, đâm ra hoài nghi bản thân, không biết mình thật sự có tài cán gì không. Khánh Quân viết càng chặt vật hơn, thỉnh thoảng tôi được đăng đôi truyện ngắn, còn anh đến truyện ngắn cũng không viết được! Như thế là cả hai đều mang tư tưởng thất bại, tính khí thất thường, xung đột thường xảy ra luôn. Từ chuyện ít xít ra nhiều, chuyện bé xé thành to, xung đột đến mức không biết căn nguyên từ đâu đưa tới, rồi anh ấy hét tướng lên:

- Tôi biết, sống với tôi cô chẳng hài lòng lý nào. Tim cô lúc nào cũng có người khác! Cô không quên được người ta mà!

Thật bất công! Lúc nào tôi cũng một lòng một dạ làm người vợ hiền của anh, tôi cố quên người xưa, thì chính anh lại không cho tôi quên! Bao giờ anh cũng bỏ qua nguyên nhân gây ra cãi vã, mà chính là từ anh gây ra. Chẳng lẽ sau khi trở thành vợ của anh, tôi phải sổ toẹt hết “lịch sử” của đời tôi sao? Cái gọi là “tôi” hôm nay, dù được người ta yêu mến hay không yêu mến, há chẳng phải do cái “tôi” của quá khứ mà có?

Những cuộc cãi vã như vậy xé nát tim tôi. Những cảm giác bất lực, vô vọng thường kéo theo từ đó. Mấy ngày liền suy ngẫm, tôi vẫn không rõ mình sai ở chỗ nào. Thôi cứ coi cãi lộn là chuyện đã qua. Khánh Quân tâm tính lương thiện, cãi xong, biết mình hồ đồ vô lý, anh ôm tôi vào lòng, nói khẽ:

- Anh xin lỗi!

Tôi khóc. Thường là vậy, tính tôi hay khóc.

Lúc này, tôi phát hiện mình đã có thai.

Tất cả đều rất lạ. Một cơ thể tí hon đang nằm trong cơ thể tôi, tôi như choàng dậy trong cơn mơ, tâm hồn tôi xao động trước phát hiện này. Một đứa con! Con của tôi! Sắp được làm thiên chức người mẹ, một niềm vui lâng lâng khó tả tràn ngập lòng tôi. Tôi hiểu ra, tình thương của người mẹ có ngay từ phút đầu tiên khi đứa con được hình thành trong bụng mình. Khánh Quân không sung sướng như tôi, khi biết tin này. Thật đáng thương cho anh vì anh chưa chuẩn bị làm chồng thì đã hấp tấp làm chồng, chưa chuẩn bị làm cha thì sắp phải làm cha.

Sau khi tôi có thai, tính tình của tôi trở nên mềm yếu dịu dàng. Hai mươi hai

tuổi đầu đã làm vợ, rồi làm mẹ. Bao cơn mưa đập gió vùi, bao hoài nghi chán chường trong cuộc sống trước đây đều đã qua đi. Tôi bây giờ bắt đầu thành thực, bắt đầu yêu cuộc đời. Tôi nhận thấy mỗi ngày, cái sinh mệnh nhỏ nhoi nằm trong cơ thể tôi đang lớn dần lên, là cái gì quý giá vô ngần của cả tôi và Khánh Quân, làm tôi càng dễ tính với anh và yêu mến anh hơn. Cái sinh mệnh nhỏ nhỏ là của hai người, hãy cùng nhau dẫn bước trên suốt hành trình của cuộc đời, vì nhau và vì con!

Thời kỳ tôi có thai cũng chính là thời kỳ tình cảm giữa tôi và Khánh Quân tốt nhất. Chúng tôi không cãi lộn nhau nữa, hai bên đều toàn tâm toàn ý chăm sóc nhau, chờ đón đứa con ra đời. Cảm giác ấy thật đẹp đẽ vô cùng. Tôi cứ đinh ninh một trăm phần trăm rằng tôi và Khánh Quân sẽ cứ vậy mà sống bên nhau cả đời!

Thời gian này, đứa em trai út của tôi đã thi đậu vào hệ lâm nghiệp trường Đại học Trung Hưng, đi học đại học ở Đài Trung, Kỳ Lâm sau khi tốt nghiệp trường công nghiệp chuyên nghiệp, nhờ Khánh Quân giới thiệu, cũng vào làm ở Công ty nhôm vì nó học về luyện kim, làm trợ lý công trình sư trong nhà máy. Hai chị em sinh đôi chúng tôi thường ở bên nhau. Nó ở nhà tập thể hộ độc thân, có một cô bạn gái, cuối tuần dẫn bạn gái đến nhà tôi. Cả nhà xúm lại làm bánh, cùng ăn với nhau thích thú vô cùng.

Sự đổi thay của đời người thật không thể nào lường trước được!

Tôi có thai hồi tháng mười, khi sắp sinh nở cũng đúng vào dịp Khánh Quân được Công ty cử đi nước ngoài!

Năm ấy, cơ hội đi nước ngoài hết sức hiếm hoi. Ai cũng hăm hở muốn được đi để được biết đó biết đây! Khánh Quân được chọn, mọi người vừa vui mừng nhưng cũng vừa ghen tị. Tôi thì buồn nẫu ruột.

Tôi sợ ly biệt, lại càng sợ vắng mặt chồng khi sắp gần ngày sinh. Tôi mong ước khi con tôi cất tiếng oa oa chào đời được nằm gọn trong vòng tay ba nó. Tôi biết nghĩ như vậy là ích kỷ, nhưng thực tình tôi có vui thú gì trước sự việc này. Hơn nữa, tôi và Khánh Quân vừa mới ổn định tại Cao Sơn, nếu anh đi nước ngoài, tôi phải về nhà cha mẹ để chờ ngày sinh nở. Người Trung Quốc quan niệm con gái về sinh ở nhà mẹ để là điều không tốt. Tôi tin ba mẹ tôi không lạc hậu như vậy, nhưng hồi chúng tôi cưới nhau, mẹ đã từng nói:

- Mẹ nuôi bốn đứa con đã vất vả lắm rồi, mẹ không thể giúp các con hơn nữa đâu, nếu con có con, đừng về cậy mẹ!

Mẹ đã không vui việc tôi đi lấy chồng khi còn rất trẻ. Bây giờ còn về nhà mẹ sinh nở, làm sao mẹ chịu được? Tôi thật sự bế tắc. Khánh Quân mà đi, phải mất hơn một năm. Cuộc chia tay này có giống gì với cuộc chia tay vô vọng với thầy giáo năm xưa không, tôi nào biết được, chính vì vậy tôi rất sợ. Khánh Quân chưa đi mà lòng tôi đã rối bời. Dầu cho tôi lo lắng, sợ hãi đến mấy, Khánh Quân vẫn quyết định đi. Tôi vẫn phải về nhà mẹ đẻ, trở lại cái phòng vừa là nhà bếp vừa là phòng ngủ.

Tháng bảy năm 1961, Khánh Quân đáp máy bay lên đường. Tôi nhìn theo cho đến khi máy bay mất hút, lòng đau như dao cắt. Tại sao đời người phải có biệt ly? Tại sao tuổi trẻ kết bạn với nhau, lại không giữ cho nhau? Tại sao lúc tôi cần anh nhất, anh lại bỏ tôi mà đi? Tôi phóng mắt nhìn về phía xa xăm chỉ thấy bầu trời, bóng hình những đám mây màu xám. Tôi đứng thật lâu ở đấy, cầu nguyện cho chuyện biệt ly đáng nhớ này, cầu nguyện cho chuyến đi của Khánh Quân thuận buồm xuôi gió, cầu nguyện cho thời gian trôi nhanh để anh chóng về!

Khánh Quân đi hôm trước thì hôm sau tôi trở dạ. Tờ mờ sáng đã vào trung tâm phụ sản. Đứa con sanh không thuận, tôi oằn oại trong phòng sanh suốt ba mươi sáu tiếng đồng hồ. Tôi tưởng mình sắp chết nên cứ hỏi bác sĩ có phải tôi sắp chết không? Ước gì có Khánh Quân bên cạnh, nắm chặt bàn tay tôi, tiếp cho tôi sức mạnh. Khánh Quân nào có ở bên. Mẹ tôi chờ lâu quá, mệt nhoài, nên về nhà trước. Khi con oa oa chào đời, không một người thân bên cạnh tôi. Tôi nằm đó đơn độc một mình, nghe tiếng khóc của con, mồ hôi lẫn nước mắt tuôn ra, lăn dài trên má. Tôi thầm nhủ:

- Phượng Hoàng ơi! Từ nay mi không cô đơn nữa, mi đã có con ở bên cạnh rồi!

Tự an ủi mình vậy, chứ thực ra giây phút đầu tiên làm mẹ, tôi khóc thật nhiều.

Sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ, cô y tá mới ẵm con đến cho tôi. Tôi đỡ nó, nhìn không chớp mắt, nó không đẹp lắm nhưng tôi rất thích. Nhìn chân tay nhỏ xíu của nó, cảm thấy cõi nhân sinh thật là vĩ đại. Lòng tôi tràn trề yêu thương và tự hào, không lời nào tả xiết. Tôi thở thở bên tai con:

- Con ơi! Dù cho cuộc đời có đưa đẩy đến đâu, con mãi mãi là lẽ sống, là tình thương bao la của mẹ! Sau này, dù cho mẹ phải gặp bao nhiêu sóng gió, mẹ vẫn sống cứng cỏi vì con! Con là nguồn hy vọng, niềm vui, là bộ trường thiên tiểu thuyết vĩ đại nhất của mẹ!

Năm ấy tôi hai mươi ba tuổi, từ một người vợ trẻ thành một người mẹ trẻ. Tôi chưa kịp thích ứng vai trò làm vợ thì đã cố sức thích ứng vai trò làm mẹ. Điều phiền toái nhất là về ở chung mẹ đẻ, tôi còn phải đóng vai trò làm con!

TIỂU KHÁNH

Nhũ danh của con tôi là Tiểu Khánh.

Tiểu Khánh lúc nhỏ khóc rất dữ. Sáng khóc, tối khóc, đêm khuya cũng khóc. Lần đầu làm mẹ, mỗi lần nghe khóc, tôi phát quỳnh lên. Đưa nó đi bác sĩ khám, bác sĩ bảo tất cả đều bình thường, khóc là sự “vận động”. Nhưng Tiểu Khánh vận động lung tung quá, chẳng kể đêm khuya hay sáng sớm, thích vận động là vận động. Trong ngôi nhà kiểu Nhật của chúng tôi hoàn toàn không cách âm được. Ba vất vả suốt ngày, tối đến còn bị Tiểu Khánh đánh thức hoài. Ba thở dài hỏi tôi:

- Sao con để nó khóc hoài vậy? Con có biết ẵm nó lên không?

Tôi ẵm con trên tay, suốt đêm đi đi lại lại trong phòng, nựng nó, dỗ nó, van nó: Con ngoan, đừng khóc! Vận động ít ít nào! Con nghe không hiểu, nó cứ vận động theo ý muốn của nó. Mẹ nhìn tôi, lắc đầu:

- Ối giờ! Phải chi thi đậu đại học thì đâu đến nông nỗi này! Xốc nổi cho lắm nên lãnh đủ hậu quả như vậy đó. Đã nói rồi mà, chuyện chồng con đâu phải là chuyện đùa!

Tôi không cảm thấy ẵm con là chuyện khổ, nỗi khổ của tôi là vì con tôi làm cho ba mẹ tôi phải khổ. Hồi đó, Kỳ Lân làm việc ở Cao Hùng, em trai út đi học ở Đài Trung. Ở nhà ba mẹ chỉ còn cô em gái út, nó vẫn là đứa con ưu tú nhất: ở bậc tiểu học được mười hai lần đứng nhất, thi đậu vào trường nữ trung học số I, suốt mấy năm liền đứng nhất nữa, năm này đứng là năm em vào cấp ba, ngày ngày ôm sách học, chăm hết chỗ chê. Hễ con tôi khóc là mẹ tôi sốt ruột mắng:

- Đừng để nó khóc! Đừng để nó quấy rầy dì út!

Tôi hối hả ôm con chạy ù ra sân, vừa lắc lắc con, vừa ngược nhìn lên trời đầy sao, thở dài:

- Khánh Quân ơi, anh đang ở đâu?

Khánh Quân không trả lời. Con thì vẫn khóc, tôi òa khóc theo.

Đứa con là hy vọng, niềm vui, tình yêu của tôi! Nhưng trong quãng thời gian ấy, tôi sợ nhất là con khóc, hễ mỗi lần nó khóc là tôi cũng khóc theo. Ba đã chịu đựng đến cực điểm, tôi tự thấy đã làm phiền ba mẹ quá nhiều, tội của tôi đáng chết vạn lần! Hoàn cảnh nào buộc tôi phải chịu cái tội đáng chết vạn lần này?

Khánh Quân đang “chu du liệt quốc”. Anh đi nước ngoài lần này chẳng phải để nghiên cứu, cũng chẳng phải để khảo sát, mà là thành viên của cái tổ chức, có tên quái gở là “Hội trùng tu đạo đức”. Cho mãi đến giờ, tôi vẫn chưa rõ cái hội “trùng tu đạo đức” này làm những trò trống gì. Chỉ biết là Khánh Quân lúc thì ở Mỹ, khi thì ở các nước Châu Âu: Đức, Anh, Pháp, Thụy sĩ... Thời gian Khánh Quân đi nước ngoài, công ty nhòm vẫn cấp lương như thường lệ cho anh nên tôi không gặp khó khăn về kinh tế. Nhưng vì ôm con về sống với cha mẹ, tôi rất lo lắng và ân hận, nên giao toàn bộ số tiền lương đó cho mẹ. Thế là mỗi lần cần chi tiền mua sữa bột, áo quần, đồ dinh dưỡng, thuốc men... cho Tiểu Khánh, tôi lại phải hỏi mẹ. Đùng một cái Khánh Quân gửi thư về, vồn vện mấy chữ:

“Gửi gấp cho anh một ít đô la, vì anh đã hết tiền xài!”

Sao lại có chuyện thế này? Anh ở nước ngoài lại bảo tôi gửi đô la cho anh là làm sao? Thì ra cái hội “trùng tu đạo đức” không cấp đủ tiền tiêu vặt cho anh, nên anh phải dựa vào sự chi viện của người nhà. Tôi thờ thẩn, không dám đòi lại mẹ số tiền lương của Khánh Quân. Tôi đành vừa ẵm con vừa khẩn trương sáng tác.

Một hôm, đang lúc tay bồng con tay viết, thì con khóc. Đang ngon trớn, không muốn dừng tay, tôi cứ cho con “vận động”, tay phải tôi vận động như bay, đầu óc tôi cũng vận động điên cuồng... làm mẹ tôi ùng ùng nổi giận, bà xông tới bàn viết, mắng cho tôi một trận tươi bời:

- Nếu mày muốn làm nhà văn thì đừng để con sớm như thế! Đã sanh con rồi thì hãy vứt mộng làm nhà văn đi! Mày chỉ muốn làm nhà văn nên để cho con quậy phá tha hồ, cả nhà không ai sống được, sao mày ích kỷ quá vậy?

Hoảng sợ quá, tôi dừng bút, ẵm con lên không nói được lời nào. Cảm giác “đáng tội chết vạn lần” lại đột ngột ập tới. Tôi không sao giải thích cho mình được, chỉ thấy mình đang đi đến bước đường cùng. Đêm ấy, tôi rúc đầu vào chăm con, dỗ dành nó:

- Con ơi! Con đừng khóc nữa, mẹ thương con, mẹ van con đừng khóc nữa! Con hãy để cho mẹ có chút thời giờ làm ít việc cho con, cho hai mẹ con mình và cho ba nữa, nhớ ngoan ngoen con!

Lạ làm sao, đêm ấy con tôi không khóc. Tôi chạy lại trước bàn, tiếp tục viết thật nhanh, và ngay đêm ấy, tôi hoàn thành truyện ngắn “Hạt giống của người tình”. Tôi hoàn thành truyện ngắn này trong hoàn cảnh quá bức bách, nên chưa ưng ý lắm, nhưng lại được đăng ngay trên tạp chí Hoàng quán và tôi cũng lãnh nhuận bút ngay. Tạp chí này có vai trò rất lớn với cuộc sống của tôi sau này. Nhận được nhuận bút, tôi đổi ra đô la, gửi ngay cho Khánh Quân.

Cứ như vậy. Tôi tiếp tục vật lộn trong gian khổ. Khánh Quân rất siêng viết thư cho tôi. Thư của anh là niềm an ủi lớn nhất đối với tôi. Xa nhau chưa bao lâu, anh đã viết: “Chúng ta hãy dùng ba trăm sáu mươi lăm ngày xa cách để ổn định vững chắc cuộc sống tươi đẹp của một trăm năm bên nhau sau này”.

Tôi xúc động quá. Bồng con trên tay, tôi ngâm nga thỏ thẻ bên tai nó. Sau đó, thư anh thường viết về những điều tai nghe mắt thấy ở nước ngoài, tôi đọc cũng thấy hết sức thú vị, vô cùng mới lạ. Nhận thư anh, một lần tôi đột nhiên thấy trong đó chất chứa bi quan, ngao ngán. Anh viết:

“Ra nước ngoài anh mới biết thế giới bên ngoài to rộng quá! Đài Loan sao mà bé nhỏ thế! Phượng Hoàng ạ, anh nói với em rằng, sau này chúng ta không nên tiếp tục chạy theo cuộc sống vật chất nữa bởi vì dẫu cho cuộc sống vật chất của chúng ta có tiến bộ đến đâu, cũng không đuổi kịp trình độ của Âu Mỹ! Chúng ta lạc hậu quá! Thấy người ta tiến bộ mà anh cảm thấy vô vọng và tự ti!”

(Khánh Quân có ngờ đâu, Đài Loan hôm nay không chỉ đã đuổi kịp Âu Mỹ, mà còn vượt Âu Mỹ về một số mặt)

Kỳ thực, từ lá thư trên, tôi nhận thấy, qua chuyến đi này, Khánh Quân bị tác động mạnh quá. Khi ra đi, anh là một thanh niên tích cực, đầy lòng tin, nhiệt tình, tuy cũng có phần nào bức bối và đố kỵ, nhưng chưa nghiêm trọng. Khi anh ấy trở về, mọi tư tưởng, cách nhìn sẽ thay đổi. Nhất là không còn lạc quan và hồn nhiên như trước. Khánh Quân trở về, Tiểu Khánh sắp được một tuổi.

Ngày hôm ấy, tôi hăm hờ ẵm con, mang theo cả “cuộc sống tươi đẹp trăm năm bên nhau”, chạy ừa ra sân bay để đón Khánh Quân. Thế là một năm đã trôi qua. Gặp lại nhau, tay siết tay, mắt nhìn nhau ngán lệ cho bỏ những ngày xa cách. Khánh Quân ẵm con, hết ngấm lại hôn, hết hôn lại ngấm, như không tin “anh bạn nhỏ” này khi anh ra đi thì nó còn nằm trong bụng mẹ. Một nhà ba nhân khẩu của chúng tôi lần đầu đoàn tụ cùng nhau chia sẻ niềm vui, nỗi buồn. Còn những gì xảy ra sau đó, không thể nói hết trong chốc lát! Chỉ biết rằng, lần đoàn tụ ấy chính là màn giáo đầu cho sự chia tay vĩnh viễn những ngày sau đó! Con đường

đời tôi đi, sao mà lắm gặp ghènh, chông gai đến vậy!

CUỘC HÔN NHÂN ĐAU KHỔ

Gia đình ba người chúng tôi về lại Cao Hùng. Lần này, chúng tôi thuê bao luôn cả ngôi nhà. Ngôi nhà này cũng quái lạ, tuy hai tầng lầu nhưng cũng chỉ có hai phòng, tầng dưới là phòng khách cũng là phòng đọc sách, tầng trên là phòng ngủ và cũng là phòng đọc sách. Vậy là tôi và Khánh Quân có hai bàn làm việc. Anh ấy viết dưới lầu, tôi ẵm con viết ở trên lầu.

Khánh Quân tiếp tục đi làm, viết văn là công việc ban đêm của anh. Vì đã ngược xuôi nước ngoài một năm trời nên bây giờ anh không thể ngồi một chỗ để viết như ngày trước. Lại thêm, hồi anh đi chưa có con, hai chúng tôi chỉ có một khoảnh trời. Anh trở về, con đã một tuổi, đang độ quấy phá, lại luôn phải có người bên cạnh dắt men từng bước một. Giá như Khánh Quân sống chung với tôi từ hồi con ra đời, thì anh dễ thích ứng với cái cảnh con mọn. Đằng ngày anh đi một năm đằng đẵng, bây giờ đã làm mẹ, tôi dồn tất cả tình thương cho con, đợi con ngủ rồi, tôi mới hời hả đến bàn ngồi viết. Tôi bận túi bụi nên khó tránh được sơ suất đối với Khánh Quân.

Bây giờ nghĩ lại, có lẽ cuộc hôn nhân giữa tôi và Khánh Quân đã sai lầm ngay từ đầu. Giữa chúng tôi không có cơ sở tình yêu sâu sắc, vừa kịp quen nhau đã vội kết hôn, hai bên tìm hiểu nhau chưa kỹ. Nhưng vết thương nặng nhất trong hôn nhân của chúng tôi, phải nhớ đời là không nên coi thường sự ly biệt, lại càng không nên cứ cắm đầu cắm cổ viết trong khi hai bên chưa thật hiểu nhau. Sau khi trở về bên tôi, Khánh Quân càng say mê viết văn hơn. Một năm ở nước ngoài, anh có nhiều rung cảm, lại càng muốn viết một số tác phẩm có chiều sâu và đầy ý nghĩa. Cái “sứ mạng” ấy nung nấu anh đến khổ sở. Khi anh đang “nung nấu” thì tôi lại không làm sao chia sẻ bớt nỗi phiền muộn của anh, cũng không làm sao xâm nhập vào thế giới của riêng anh. Tôi bận con cái, bận gia đình, bận sáng tác, không một giây ngơi nghỉ. Cái tôi có thể làm được là ẵm con đi dạo chơi tha thẩn

trên bãi cỏ ngoài nhà để cho màng nhĩ anh yên tĩnh, tranh thủ từng phút thời gian ngồi viết.

Tôi và con chơi ở bên ngoài những hai giờ đồng hồ, trở vào nhà, bản thảo trên bàn anh giấy trắng vẫn hoàn giấy trắng, còn bản thảo đã viết đều nằm trong sọt giấy. Anh ngồi đó, tóc tai bù xù, mắt mơ màng.

Cũng cùng thời gian ấy, tôi viết được bao nhiêu truyện vừa, gửi cho Hoàng Quán và đều được đăng ngay. Nhuận bút của Hoàng Quán không được cao (sau này tôi mới biết, tạp chí này kinh doanh vất vả như thế nào). Nhuận bút tuy không cao, nhưng bù đắp cho sinh hoạt gia đình không phải nhỏ. Điều quan trọng đối với tôi là có đất để dụng võ. Những truyện vừa “Vườn Mộng”, “Cỏ may”... đều đăng trong thời kỳ này. Một hôm, tôi không ngờ lại nhận được thư của giám đốc Hoàng Quán là Bình Hàm Đào, trong thư có mấy câu: “Chúng tôi rất thích những tiểu thuyết của bạn. Người đọc đặc biệt hoan nghênh những tác phẩm của bạn nên nếu bạn đồng ý cứ mỗi kỳ báo của Hoàng Quán đều đăng một tác phẩm của bạn. Độ dài ngắn tùy bạn, khuôn khổ của Hoàng Quán khá rộng, có thể đăng những tác phẩm tương đối dài...”

Tôi cầm thư, chân nhảy như sáo. Đây là lá thư đặt bài đầu tiên tôi nhận được trong đời! Tôi đem thư cho Khánh Quân xem, mà lòng khấp khởi. Không ngờ, đọc thư xong, Khánh Quân buồn rười rượi, chỉ vì anh thường nhận xét truyện tôi viết không có “chiều sâu”. Những tác phẩm không có chiều sâu như thế, sao lại có người đặt bài? Tức thì, anh tìm đọc lại hết những truyện của tôi đã được đăng. Đọc xong, anh vớt tạp chí lên bàn, buông một câu:

- Chẳng qua em đang làm cái việc kể chuyện đấy thôi!
- Vâng. Em công nhận - thì em đang kể chuyện đấy!
- Cả đến câu chuyện em kể cũng nhạt nhẽo! - Anh lại phê bình.
- Vâng. Em vẫn thừa nhận thế. Nhưng em sẽ tiến bộ dần dần!
- Nếu như cả ngày em chỉ viết những thứ không có chiều sâu này, thì cả đời em cũng không tiến bộ được! - Anh ấy nói hàm hồ - Nếu như em chưa gì đã tự mãn thì sẽ hỏng hết! Rồi em sẽ rơi vào cái vòng lẩn quẩn thường tình, không làm sao thoát ra được!

Tôi bị chạm tự ái, ngược đầu nhìn anh, nói dối:

- Thì anh cứ lo viết những tác phẩm bất hủ nổi danh, lưu truyền hậu thế của anh đi, để tôi viết những câu chuyện không có chiều sâu của tôi! Tôi chỉ muốn kể chuyện, chỉ thích kể chuyện. Tôi bất tài, thiếu học. Viết được, có chỗ đăng được là

tôi thấy thỏa mãn rồi!

Khánh Quân nhìn tôi giận dữ. Suốt đêm anh ngồi trước bàn suy ngẫm, thỉnh thoảng viết rồi lại xé. Ngày hôm sau anh đi làm, tan giờ không thấy về nhà, tôi ẩm con đứng trước cửa chờ, càng chờ càng sốt ruột. Sợ anh bị chuyện gì, nhớ bị tông xe thì sao... Đêm càng khuya, tôi càng sợ. Cuối cùng, nghĩ anh bị tai nạn, tôi vừa khóc vừa chạy ra buồng điện thoại công cộng, công ty tan ca từ lâu, không ai nhận điện. Tôi lại khóc, gọi điện cho Kỳ Lân, Kỳ Lân đang làm ca trong nhà máy may ra biết anh đi đâu. Kỳ Lân liền hỏi tôi:

- Chị có cái lộn với anh ấy không?

- Không! Tôi khóc trả lời - Chị không cái lộn với anh đâu!

- Chị yên tâm đi! Kỳ Lân nói lớn - Đàn ông tốt tướng mà, không sao đâu! Chị cứ về nhà đợi là xong!

Tôi đành ẩm con về nhà. Nửa đêm, Khánh Quân về, tôi nghe tiếng xe đạp, liền ùa ra cổng đón anh, nhìn tay chân anh không sao cả, tôi khóc òa lên. Khánh Quân ôm chặt lấy tôi, nói liên hồi:

- Xin lỗi, xin lỗi, anh đoán là em sốt ruột lắm. Anh đi chơi bài với mấy thằng bạn, ham chơi quá về muộn!

Nghe nói vậy, tôi mới hoàn hồn, nhưng người hầy còn run. Lúc đó, trong nhà chưa có điện thoại, liên lạc rất bất tiện. Hễ chồng về hơi muộn là tôi lo ngay ngáy, lo có chuyện gì xảy ra với anh ấy. Tôi lau nước mắt, tuy trong bụng còn ức, không nói thêm gì nữa.

Nào ngờ, cái chuyện “về muộn” ấy dần dần thành một thứ “thói quen”.

Năm ấy, Kỳ Lân và bạn gái là Tiểu Hà cưới nhau, cũng ở Cao Hùng, hai chị em sinh đôi chúng tôi đều đã lập gia đình, lại ở cùng một thành phố, thường lui tới thăm nom nhau. Nhưng, tình cảm giữa tôi và Khánh Quân dần dần đi tới chỗ rạn nứt.

Khánh Quân tan ca thường đi đâu, đêm khuya mới về nhà. Mấy lần đầu, tôi chỉ biết khóc và sốt ruột. Riết rồi tôi không sốt ruột nữa, mà là bức bối. Tiểu Khánh đã bập bẹ học nói và rất mau biết đi. Nó khỏe lắm, leo trèo suốt ngày, đi tới đi lui không lúc nào yên. Ngày ngày tôi cứ phải dắt nó, rã cả chân tay, còn phải tranh thủ từng giây từng phút để viết một chút gì. Bây giờ thì hầu hết những tác phẩm tôi viết ra, đều được đăng. Tôi có mấy địa bàn cố định, chưa bao giờ phải trả lại bản thảo: một phụ trương báo, một tạp chí văn học Hồng Kông, và Hoàng Quán của Đài Loan. Cứ mỗi tháng chịu khó “cày xới” như vậy, tiền nhuận bút

cũng khăm khá, đó là niềm cố vũ rất lớn đối với công việc viết lách của tôi và trang trải đời sống gia đình. Tôi say sưa viết, hầu như không hề ngơi nghỉ.

Cái sai lầm lớn nhất của tôi là không tìm hiểu xem tại sao Khánh Quân lại thường xuyên đi vắng hoài, có khi anh không về đêm, tôi nổi quạu thực sự. Tôi trách anh thiếu trách nhiệm, không có lương tâm, không phải là người cha tốt, lại càng không phải là người chồng tốt! Anh bị tôi mắng như tát nước, liền nổi khùng la hét om sòm:

- Cô đừng tưởng bây giờ cô kiếm được ít đồng tiền nhuận bút thôi tha đó là ghê gớm lắm đấy! Cô có biết không? Nếu tôi không đi làm nuôi cô, thì tôi đã là nhà văn lớn từ lâu rồi! Tại cô, tại cô, tại cô hại tôi cả! Cô mưu sát cuộc đời viết văn của tôi! Tối tôi không về nhà cũng tại cô! Tôi buồn, tôi không muốn về nhà đối mặt với cô, cô rõ chưa!

Thật quá ư tàn nhẫn. Vợ chồng hễ cãi lộn là nói toàn những lời tệ bạc, nhưng không chỉ vậy, đó cũng là dịp bộc lộ rõ ràng nhứt tính cách con người. Hễ mỗi lần anh gào lên là tôi bị đánh gục ngay. Tôi thất thểu lùi lại, vừa tức, vừa thương thân trách phận, nước mắt rùng trên má. Tôi nhào tới ôm con vào lòng rồi ra khỏi nhà. Khi đang chạy, con tôi thấy mẹ khóc, nó cũng khóc theo, rồi đưa bàn tay nhỏ xíu lau nước mắt cho tôi, nói bập bẹ:

- Má khóc, Tiểu Khánh cũng khóc!

Nghe con nói lòng tôi quặn đau, Khánh Quân chạy theo ra sức ngăn lại, rồi sau đó ôm cả hai mẹ con trong vòng tay, nói trong hơi thở gấp gáp nói:

- Không cho đi! Không cho đi! Cô chấp gì lời tôi khi tôi nổi nóng? Hai mẹ con cô là tất cả thế giới của tôi! Tôi chẳng có gì hết, cả đến viết cũng không viết được, tôi chỉ có hai mẹ con cô. Thôi! lẽ nào hai mẹ con cô cũng muốn xa lánh cả tôi sao?

Tôi đứng lặng, rồi ngã vào lòng anh, khóc sướt mướt. Nghe anh nói vậy nào tôi có lòng dạ nào mà bỏ đi? Đi ư? Mà đi đâu mới được chứ? Tôi chẳng đã hạ quyết tâm cùng anh chia ngọt sẻ bùi trọn cả đời người là gì? Chúng tôi đã đối ba trăm sáu mươi lăm ngày xa cách để có cuộc sống tươi đẹp cả trăm năm bên nhau sao? Chuỗi ngày ly biệt đã ném rồi, những ngày sống bên nhau sao mà bi thảm đến thế?

Tôi dừng chân, không đi nữa. Nhưng, quan hệ giữa chúng tôi chẳng khác hơn chút nào.

TUỔI HAI MƯƠI LĂM

Mùa đông năm ấy tôi bắt đầu viết cuốn truyện dài đầu tiên “Ngoài cửa sổ”.

Trước khi viết “Ngoài cửa sổ”, tôi viết chương một “Mưa bụi mịt mù”, nhưng không viết chương hai được. Rồi viết rất nhiều chương một khác, cũng không viết chương hai được. Lòng nóng như lửa đốt, có tâm trạng gì chẳng? Cuối cùng, tôi quyết tâm viết “Ngoài cửa sổ” đó là câu chuyện của chính bản thân tôi, đó là mối tình đầu của tôi, cuộc tình duyên từ đầu đến cuối rung động lòng tôi. Tôi đã tỉnh ngộ, bộ tiểu thuyết dài đầu tay, nhất định tôi phải viết về câu chuyện mà tôi thuộc nhất, đó là chuyện đời tôi.

Khi viết “Ngoài cửa sổ”, tôi cẩn thận vô cùng. Tôi không dám để Khánh Quân xem bản thảo, sợ anh nhắc lại quá khứ của tôi, rồi sinh chuyện cãi vã nhau. Cho nên tôi chỉ viết khi nào anh đi làm.

Tiểu Khánh được một tuổi bảy tháng, đã bắt đầu chạy nhảy lung tung. Để có thì giờ viết, sáng nào tôi cũng đưa cháu đi nhà trẻ. Tiểu Khánh không thích nhà trẻ. Mỗi sáng xe đến đón, cháu đều ôm chặt chân tôi, không chịu buông tay. Mỗi lần đưa cháu lên xe của nhà trẻ, cháu đều khóc, cháu vừa khóc vừa năn nỉ thảm thiết: - Mẹ ơi! Con muốn ở nhà với mẹ! Mẹ ơi! Con không muốn đến trường! Mẹ! Bé Khánh ngoan không quấy mẹ đâu...

Xe chạy đã xa, tiếng kêu khóc của Tiểu Khánh còn văng vẳng bên tai tôi. Tôi rơi nước mắt, chạy vụt lên gác rồi đứng trước xấp giấy viết trắng tinh, tôi tự dặn mình:

- Nếu như sáng nay, không viết được ba ngàn chữ, thì không xứng đáng với con trai!

Tôi ngồi xuống, lau nước mắt, không dám lãng phí thì giờ liền cầm bút viết. Cứ cái đà ấy, hầu như ngày nào tôi đều có thể viết được ba ngàn chữ. Đến trưa,

khi tiếng chuông xe nhà trẻ vang lên, tôi chạy nhanh xuống lầu, phóng ra cửa lớn, lao tới siết thật chặt con vào lòng, âu yếm nói với nó:

- Mẹ xin lỗi con. Mẹ tàn nhẫn quá phải không con? Nhưng sự hy sinh của con có giá lắm con ơi! Hôm nay mẹ đã viết được ba ngàn chữ!

Suốt buổi chiều, tôi không viết, đưa con đi chơi.

Buổi tối tôi cũng không viết, giành thời gian cho Khánh Quân, với anh ấy tôi còn muốn cứu vãn tình thế.

Nhưng Khánh Quân lại tiến thêm một bước mới, suốt đêm anh chẳng về nhà.

Hương đi của Khánh Quân sau buổi tan ca đã được khám phá.

Nguyên là nhân viên của Công ty nhôm sắt rất đông, công ty này lại còn có nhà máy nên công nhân cũng nhiều. Sau giờ tan ca hằng ngày, có một số viên chức và công nhân đánh tú lơ khơ, đánh bạc trong các công xưởng vắng người.

Đạo ấy Khánh Quân đang có chuyện buồn, đầy rẫy bất mãn với cuộc sống hiện tại, lại đang bất lực trước tiền đồ của bản thân. Thấy tôi viết say mê, lại được đăng bài liên tục, anh càng thấy bứt rứt, khó chịu. (Đáng tiếc là trạng thái tâm lý đó nhiều năm sau này tôi mới tìm được. Còn năm ấy, đối với anh, tôi chỉ thấy tức, giận và thương tâm). Với nhiều nguồn cơn như vậy, anh lao vào sòng bạc.

Thoạt đầu, chỉ là chơi chút cho vui, dần dần rồi ghiền, càng chơi càng cay. Khánh Quân vốn không phải là người biết cờ bạc, anh không biết đánh, không biết mánh, nên chơi mười bàn thua hết chín. Anh thua thực ra cũng chẳng bao lâu. Nhưng kiếm lại, đó là tiền ăn của chúng tôi, tiền sữa bột của Tiểu Khánh. Anh thua, thấy không còn mặt mũi nào về gặp mặt vợ, đành tiếp tục cuộc chơi. Cứ như thế, anh ở ngoài liên tù tì, còn tôi, thì chờ hết lần này đến lần khác, càng chờ càng tuyệt vọng, càng chờ càng nản chí. (Về sau, có nhiều báo và tạp chí viết về sự thất bại trong cuộc hôn nhân này của tôi, đều qui tội anh, cho rằng tại anh say máu cờ bạc, viết như vậy là không công bằng đối với anh. Anh đi đánh bạc, tôi phải chịu trách nhiệm. Vả lại, anh cờ bạc cũng chỉ trong thời gian rất ngắn. Hôn nhân của chúng tôi thất bại còn nhiều nguyên nhân khác dồn lại, cờ bạc chỉ là một phần rất nhỏ trong đó mà thôi).

Ấn tượng sâu sắc nhất là sinh nhật tuổi hai mươi lăm của tôi.

Mấy ngày trước khi mừng sinh nhật, Khánh Quân nói với tôi là anh bỏ đánh bạc rồi. Anh sẽ dâng cho tôi một Khánh Quân hoàn toàn mới để làm “quà sinh nhật”. Anh còn nói:

- Từ sau khi về nước đến giờ, mọi biểu hiện của anh đều kém cỏi! Anh không chỉ làm em đau lòng, làm em khó chịu, ngay cả anh, anh cũng hận cái thằng tôi của mình. Phượng Hoàng, chúng ta hãy làm lại từ đầu nhé! Đừng bỏ anh, đừng nên xa anh, anh thề, anh không đánh bạc nữa! Anh không oán trách ai đâu, anh chỉ muốn viết cho thật tốt, cùng với em cố gắng viết thật tốt. Những kỷ niệm về ngày cưới của chúng ta hãy còn nguyên vẹn, anh mong em đừng thất vọng về anh! Nhân ngày sinh tuổi hai mươi lăm của em, chúng ta sẽ lấy ngày này làm ngày bắt đầu cuộc sống mới, anh sẽ mời Kỳ Lâm, Tiểu Hà, một số bạn bè quen thân đến chứng giám cho lời nói của anh!

Đối với Khánh Quân lúc đó, trái tim tôi đã nguội lạnh. Không chỉ vì anh cờ bạc, nguyên do lớn hơn là anh không vừa lòng với bất cứ điều gì, cách nhìn của anh hết sức tiêu cực. Anh coi thường việc viết văn của tôi, tự thân anh cũng chưa viết được tác phẩm nào là siêu việt. Vậy mà mỗi lần cãi nhau, đều bảo là tôi làm hại anh, tôi và con làm mỗi mệt anh, làm anh không trở hết tài nghệ được. Sức sát thương của những câu nói ấy quá mạnh. Tôi tin là tôi cũng nói nhiều lời động chạm đến anh. Mức tổn thương giữa hai người càng sâu thì sự oán trách trong lòng càng nhiều. Khi ấy thật tình là tôi đang tính chuyện ly hôn. Khánh Quân cũng hiểu được ý tôi, biết tôi đang trong trạng thái dầy vò day dứt.

Sau khi anh nói một thôi một hồi, tôi lại xiêu lòng. Nghĩ lại, tôi cũng có nhiều chỗ không phải. Tôi rất lý trí, rất chi li, rất trẻ con, hay dựa dẫm, lại ưa khóc. Ấy là do tôi không giữ được khuôn mặt luôn nở nụ cười, là do tôi bất lực không giữ được trái tim của chồng. Kiểm điểm lại, tôi đồng ý với anh, tin tưởng anh, chúng tôi cùng nhau cố gắng, xây dựng lại từ đầu cuộc hôn nhân của chúng tôi.

Khánh Quân rất vui, anh liền đi mời nhiều bạn bè, vợ chồng Kỳ Lâm, đúng một bàn khách đầy, ăn cơm tối ở nhà chúng tôi, chúc mừng sinh nhật của tôi. Đương nhiên, ngày hôm ấy cũng là sinh nhật của Kỳ Lâm nữa.

Bao nhiêu người đến dự tiệc, chỉ mình tôi lo làm thức ăn. Lâu nay, tôi không thạo chuyện bếp núc cho lắm, cho nên làm cơm cho nhiều người ăn một lúc, thật hết sức vất vả. Khánh Quân vỗ vai tôi, cười hì hì, nói:

- Không sao, chiều anh sẽ xin phép nghỉ về nhà phụ giúp em! Anh sẽ tạt qua hiệu bán thức ăn, mua vài món làm sẵn mang về, em làm nóng lên là ăn được!

- Anh nhất định phải về sớm một chút nhé! - Tôi nhắc đi nhắc lại, căn dặn thêm: - Phải có người trông Tiểu Khánh, em không thể vừa trông nó, vừa làm

thức ăn.

- Em yên tâm! - Anh phán khởi nói chắc như đinh đóng cột.

Sinh nhật của tôi đã đến, sáng sớm Khánh Quân đi làm, bảo trưa về. Tiểu Khánh đi nhà trẻ, tôi vội đi mua thức ăn. Trở về bày biện ra làm không hở tay. Đến trưa, Tiểu Khánh về, tôi đành phải trông nó, không làm sao vào bếp được, vì bếp nhà tôi quá nhỏ, tôi sợ làm bỏng con. Hai mẹ con đứng tựa cửa chờ mòn cả mắt, vẫn chẳng thấy tăm hơi Khánh Quân.

Mãi đến năm giờ chiều, anh vẫn chưa về, may sao Kỳ Lân và Tiểu Hà đến, tôi liền giao Tiểu Khánh cho Kỳ Lân, Tiểu Hà và tôi cùng vào bếp.

Sáu giờ rưỡi, khách đã tề tựu, Khánh Quân vẫn chưa về.

Bảy giờ rưỡi, tôi và Tiểu Hà bày thức ăn lên bàn, tôi mệt tứa mồ hôi, lòng quặn thắt. Tôi muốn cười nhưng không sao cười được, nước mắt cứ trào ra.

Khách ngồi quanh bàn ngỡ ngác nhìn nhau, không ai cầm đũa, cũng không ai chuyện trò. Những người bạn tốt đều hiểu rõ tình hình của tôi và Khánh Quân. Họ đã tuân lệnh của Khánh Quân, đến đây để chứng giám cho anh!

Đến tám giờ, tôi đành mời mọi người ăn cơm, khởi phải đợi Khánh Quân nữa, Kỳ Lân trừng mắt nói lớn:

- Không được! Hôm nay nhất định phải đợi anh ấy về, mọi người mới ăn, xem anh ấy về muộn đến chừng nào, anh ấy đã thề thốt với mọi người chúng ta như thế nào!

Kỳ Lân nói vậy, mọi người không ai dám ăn. Người ngồi quanh bàn đều im lặng chờ đợi. Đến chín giờ, Kỳ Lân đập bàn đứng dậy, mắng một câu:

- To gan thật đấy!

Tôi nghĩ bụng, không thể có chuyện như thế được!

Hôm nay là sinh nhật của tôi cơ mà! Anh ấy phải giúp tôi mừng sinh nhật! Khách là do anh ấy mời cơ mà! Tại sao lại không về nhà chứ? Tôi lại hỏi hộp, lo lắng, tôi nói lúng búng trong miệng:

- Liệu có xảy ra chuyện gì không? Liệu có bị tai nạn xe cộ gì không?

Kỳ Lân nhìn tôi trừng trừng:

- Chị yên tâm, tôi sẽ giúp chị bắt anh ta về!

Kỳ Lân nói xong, ào ra khỏi nhà, lên xe đạp phóng như bay. Tất cả chúng tôi ngồi quanh bàn đều không ăn, không ai trò chuyện, Tiểu Khánh tựa vai tôi ngủ ngon lành.

Tiểu Hà khe khẽ đỡ cháu, ấm lên lâu, đưa cháu lên giường ngủ. Tôi ngồi thờ

thần, ruột gan rối bời, nghĩ miên man, chắc là tai nạn rồi, nhất định tông xe, chắc là xảy ra chuyện gì rồi...

Chín giờ rưỡi, tiếng chuông xe đạp vang lên, Kỳ Lân và Khánh Quân bước vào nhà trước ánh mắt lo lắng của mọi người, Kỳ Lân nói lớn:

- Chị Phượng Hoàng, em áp giải anh ấy về rồi đó!

Tôi nhìn Khánh Quân mà không dám tin là thật.

Khánh Quân trông thật thảm hại, đầu tóc rối bời, áo quần xộc xệch, mặt mày tái nhợt, râu ria lởm chởm. Anh đứng trước mặt tôi, lúng ta lúng túng:

- Hôm nay phát lương, anh đi chơi, không bị thua, tiền đây nè...

Anh vừa nói, vừa móc túi, móc túi bên trái ra một xấp tiền lẻ, móc túi bên phải ra một xấp tiền lẻ, rồi lại móc túi quần ra một xấp tiền lẻ, gom thành một đồng, nhét vào tay tôi, bảo:

- Em xem, em xem, anh còn ăn được một ít đó!

Đêm ấy tôi mất hết bình tĩnh, không nể khách ngồi đầy nhà, tôi cầm nắm tiền quảng hết xuống đất, rồi đi như bay lên lầu. Ôm con vào lòng, suốt đêm đau khổ, xót xa cho cuộc hôn nhân của mình. Tôi không chịu xuống nhà và cũng không ăn cơm. Tôi đau khổ không phải vì anh đánh bạc, và vì cái trò móc túi áo bên này, lật túi quần bên kia trước mặt mọi người. Tôi tỉnh ngộ nhận ra rằng Khánh Quân đã thực sự biến chất! Một Khánh Quân tuy nghèo khổ nhưng hào phóng, yêu đời không còn nữa. Có thật tôi “mưu sát” Khánh Quân chăng? Một thanh niên sôi nổi, say mê văn học, nhiều ước vọng cao xa, muốn “lấp biển và trời” kia đã đi đâu rồi? Lẽ nào cuộc hôn nhân sai lầm đã giết chết một tài năng trẻ?

Tôi rùng mình, không rét mà run. Quả như tôi làm hại Khánh Quân đến mức độ này, thì tội của tôi không thể tha thứ được.

Cuộc đời tôi có hai lần sinh nhật không bao giờ quên. Một lần vào tuổi hai mươi và một lần ở tuổi hai lăm.

Hai lần sinh nhật đều làm tôi tan nát cõi lòng, đều làm tôi đau đớn cùng cực.

XUẤT BẢN “NGOÀI CỬA SỔ”

Mây đen đầy trời.

Sinh nhật tuổi hai mươi lăm qua đi chưa bao lâu, cuốn tiểu thuyết dài “Ngoài cửa sổ” cũng hoàn thành.

Tôi thật không ngờ mình có nghị lực lớn để viết xong cuốn sách, lại viết trong hoàn cảnh cuộc sống gia đình phong ba bão tố!

Ôm một chồng cao bản thảo “Ngoài cửa sổ” niềm vui tràn ngập, nhưng trong lòng lại canh cánh âu lo. Đến hai chục vạn chữ chữ đâu phải ít! Nhà xuất bản nào sẽ nhận in đây? Nếu như nó phải “chu du liệt quốc”, thì số tiền cước bưu điện đâu phải nhỏ nhoi gì, nghĩ vậy tôi để bản thảo tại nhà, viết thư cho các phụ trương báo, hỏi xem có đồng ý in “phơi-dơ-tông” không? Một tuần sau, thư gửi đến nườm nượp, đều nói “khuôn khổ báo có hạn, tiểu thuyết quá dài, không thể dung chứa được”, đương nhiên là họ đã từ chối.

Trong thời gian đó, có hôm tôi về nhà, phát hiện Khánh Quân đang chăm chú lật xem bản thảo “Ngoài cửa sổ”. Tim tôi đập thình thình, tưởng chừng chiến tranh lại sắp bắt đầu! Ai ngờ, Khánh Quân đặt bản thảo xuống, ngẩng đầu nhìn tôi, nói nghiêm túc:

- Đây là một cuốn tiểu thuyết hấp dẫn, anh phát ghen với em đấy! Nếu anh không quá rầy, chắc em viết xong nó từ lâu rồi!

Tôi thở phào nhẹ nhõm, thật sự cảm động về cử chỉ hiếm hoi này của Khánh Quân. Tôi thận trọng hỏi anh: - Trong này viết về em, sau chương mười bốn tuy là hư cấu, nhưng cũng có hình bóng của anh trong đó, anh không giận chứ?

Anh nhìn tôi vẻ trịnh trọng, nói thành thực:

- Anh nói với em thế này nhé, tác phẩm đầu tay của mỗi nhà văn phần lớn là tự truyện! Nhà văn không được để điều này làm bận tâm mà chỉ nên hỏi mình có đủ sức viết nó tốt không! Còn chuyện về anh - Anh mỉm cười - Nếu anh không có

chút trách nhiệm và độ lượng nào, làm sao anh là chồng em được? Anh làm sao nói chuyện văn chương với em?

Tôi cảm động lắm. Khánh Quân là vậy đó, khi lý trí trở lại với anh, khi anh không tự ái, thành thật muốn vươn lên, thì con người anh thật đáng yêu biết bao. Thoáng lúc đó, tôi nghĩ chúng tôi có thể sống bên nhau suốt đời! Chỉ cần hai chúng tôi chịu khó xích lại gần nhau hơn, mỗi người có thể hy sinh cho nhau một chút! Chúng tôi vẫn còn viễn cảnh tươi đẹp sống bên nhau trăm năm!

Các báo không muốn đăng “Ngoài cửa sổ” của tôi, nghĩ tới nghĩ lui, còn một khả năng duy nhất may ra giải quyết được là gửi cho tạp chí Hoàng Quán. Lúc đó, Hoàng Quán đang nói số trương, mở thêm chuyên mục “mỗi tháng một cuốn sách”, có thể đăng mười vạn hoặc hai mươi vạn chữ mỗi lần. Nghĩ vậy tôi gửi “Ngoài cửa sổ” qua bưu điện cho Hoàng Quán.

Cuộc đời tôi phải chăng đều do số mệnh an bài?

Tôi gửi bản thảo mà không hề nghĩ rằng, cuộc đời của tôi sau đó lại thay đổi hoàn toàn.

Sau một tuần gửi “Ngoài cửa sổ”, tôi nhận được một lá thư dài của Bình Hàm Đào, nét chữ anh phóng khoáng, nhưng rất khó đọc, ba chữ tôi mới nhận được một, vừa đọc vừa đoán, đọc được mấy dòng thế này:

“Nhận được Ngoài cửa sổ, tôi đọc liền một hơi suốt ba đêm mới xong. Đây là một cuốn sách hay hiếm có! Tôi đoán bản thân tác giả phải có mặt trong sách này. Viết được chân thật như vậy làm cho người ta cảm động vô cùng. Hoàng Quán nhận được bản thảo này, rất lấy làm vinh hạnh, đã quyết định trong tháng bảy này, Hoàng Quán in xong một lần...”

Tôi cầm thư mà lòng vui khắp khởi, và muốn gặp ngay cái ông Bình Hàm Đào chưa hề quen biết này.

Thư tiếp nhận bản thảo đầu tiên của tôi là do ông ấy viết, tập truyện dài đầu tay lại cũng chính do ông ấy nhận! Ông quả là có con mắt nhìn đời vậy! Tôi chưa hết phấn khởi, thì ông gửi tiếp cho tôi lá thư thứ hai, đề nghị tôi sửa chữa một vài chi tiết nhỏ trong cuốn truyện. Tôi chưa kịp trả lời thư, thì ông ấy gửi tiếp thư thứ ba, đề nghị tôi đổi chương một, cho nhân vật chính xuất hiện ngay. (Trong bản thảo đầu tiên của tôi, ở chương một có rất nhiều nữ sinh cùng xuất hiện). Tôi tiếp thu từng ý kiến của ông, sửa lại “Ngoài cửa sổ” lần nữa.

Tháng bảy năm 1963 “Ngoài cửa sổ” của tôi đăng trên tạp chí Hoàng Quán. Hai tháng sau, được in riêng khá bề thế, quyển sách phát hành rộng rãi. Lần đầu

tiên nhìn thấy sách của mình bày bán trong các hiệu sách, lòng tôi rạo rức niềm vui không tả xiết. Tôi lặng lẽ lướt qua lướt lại các hiệu sách nhìn quyển sách ấy, và khi có người tới mua, tôi sung sướng quá đổi, tim cứ đập thình thình.

Bình Hàm Đào lại gửi thư đến báo tin:

“Ngoài cửa sổ” xuất bản lần thứ nhất được mua sạch, hiện đang tái bản...

“Ngoài cửa sổ” xuất bản lần thứ hai đã bán hết, hiện đang in gấp lần thứ ba, và đã quyết định tăng số in lên năm nghìn quyển...

“Ngoài cửa sổ” xuất bản lần thứ ba lại bán sạch. Chị đang bận gì không? Lẽ nào không có tác phẩm mới để chào thiên hạ, không chuẩn bị “thừa thắng tiến lên” sao?...

Chao ôi! Tôi thực sự choáng ngợp, vì từ ngày cầm bút đến giờ, tôi chưa hề nhận được sự khẳng định một cách trực tiếp về công việc viết lách của mình. Bao nhiêu năm qua, tôi không ngừng viết trong sự hoài nghi của ba mẹ, trong tự ti mặc cảm, trong tiếng khóc của con thơ, trong sự dày vò của cuộc sống... nhưng chưa hề đoán biết được công việc viết lách của mình đã đạt đến mức này, dù mỗi chữ trong đó đều được nhào nặn bằng máu và nước mắt.

Giờ đây, nổi trần trở, giày vò đã được đền đáp, tôi đọc thư Bình Hàm Đào, nước mắt lưng tròng. Trong thơ xưa từng có câu “Nếu không có buổi đông tàn, làm chi có nụ mai vàng ngát hương”.

Nhớ lại con đường viết văn của mình, đúng là tôi đã đi qua nhiều buổi đông tàn.

Bình Hàm Đào vẫn không ngớt báo tin vui, vẫn luôn thôi thúc tôi có tác phẩm mới. Trong lúc đó “Ngoài cửa sổ” bị gió mưa vùi dập phũ phàng khiến tôi thất điên bát đảo. Trước tiên là ba mẹ tôi, sau khi xem xong “Ngoài cửa sổ” thì hai người nổi trận lôi đình! Ba mẹ viết thư chỉ trích tôi, nói tôi viết cuốn truyện đó nhằm bán rẻ “danh dự ba má của mình!”

Quan niệm “đạo đức truyền thống” của ba làm ông không sao tiếp nhận nổi việc làm của tôi. Trong thư, ba viết:

“Con tưởng mọi người vì thích mà đổ xô đi mua tác phẩm này à. Con đã làm, chẳng qua là người ta tò mò muốn xem bản mặt hào hoa phong nhã do chính con tự họa đó thôi!”

Thư mẹ còn gay gắt hơn:

“Thì ra tài hoa viết văn của con là nhằm vậy đó sao? Con cần tiền gấp đến mức ấy hay sao? Ngoài việc bán rẻ ba mẹ con ra, phỏng con còn có chuyện gì

khác? Mẹ đẻ con, nuôi dưỡng con khôn lớn để rồi được con báo hiếu đáp ơn bằng cách viết một cuốn sách chửi lại ba mẹ!”

Trời ơi! Tôi đâu có chửi mà thực sự rất đổi yêu kính ba mẹ. “Ngoài cửa sổ” là câu chuyện để lại ấn tượng mạnh mẽ nhất trong đời tôi, trong câu chuyện, nếu không có hình bóng ba mẹ tôi, thì căn bản không dựng được truyện! Tôi viết bộc bạch, chân thực, dù khi hạ bút, có thể có phần than trách ba mẹ, nhưng yêu kính ba mẹ vẫn là bao trùm hết. Chẳng lẽ khi xem, ba mẹ không nhận ra điều ấy, cái điều cốt lõi trong thế giới nội tâm của tôi? Cầm thư ba mẹ, tôi thấy như mình đang lao vào đại họa, tội đáng vạn lần chết! Ba mẹ thân yêu của con, tại sao lại hiểu nhầm con như vậy? Con đường con đi gian truân vất vả vô cùng, tại sao ba mẹ không cổ vũ con, mà ngược lại, giận con? Con suy ngẫm nhiều lắm vẫn không làm sao hiểu ra điều này. Khánh Quân tan ca về, thấy tôi khóc suốt cả đêm, kinh ngạc hỏi. Tôi đưa thư ba mẹ cho anh xem, anh đá chân, nói:

- Làm gì có chuyện thế này? Dầu là tác phẩm của ai đi nữa, đều không tách khỏi thế giới mà người ta đang sống! Một nhà văn phản ánh cuộc sống của mình vào trong tác phẩm là chuyện tự nhiên bình thường. Ba mẹ trách cứ em kể cũng quá quắt thật! - Anh đưa tay cho tôi, nói rất khẳng khái: - Đừng khóc, em còn có anh!

Tôi xúc động quá, xúc động thật sự.

Rồi cũng chẳng được mấy ngày, Khánh Quân lại suốt đêm không về. Khi anh lê đôi chân mệt mỏi, lờm đờ mắt đầy gân máu đỏ, thất thểu bước vào nhà, tôi chưa kịp mở miệng hỏi, thì anh đã gào toáng lên:

- Đừng trách tôi không về nhà, cũng đừng trách tôi cờ bạc! Đều tại cô cả, cô và quyển sách “Ngoài cửa sổ” chết tiệt của cô! Cô trơ tráo tuyên bố cho toàn thế giới biết tình yêu thật sự của cô, thế thì cô để tôi vào chỗ nào? Cô có biết giữ lòng tự trọng của tôi không? Cảm giác của tôi thế nào, cô biết không?

Tôi kinh ngạc đến mức không biết nói thế nào nữa, một hồi lâu, tôi mới nói khe khẽ:

- Chẳng phải anh đã nói, cuốn truyện đầu tay của mỗi nhà văn, phần lớn là tự truyện, anh có thông cảm cho em không?

- Họa có thần thánh mới thông cảm nổi! - Anh gào to hơn: - Tôi không phải thánh thần! Tôi là người! Ngay đến ba má cô có thông cảm với cô đâu, huống hồ là tôi!

Tôi bàng hoàng ngồi thịch xuống ghế, trong đầu kêu u u, nặng trĩu, chẳng

còn biết suy nghĩ gì nữa.

Sau mấy ngày, tôi đọc được một bài trên phụ trương báo, tác giả là Khánh Quân. Đọc thật kỹ bài viết, thì ra nói về tôi, anh dựng đứng lên rất nhiều sự việc, chửi tôi một trận nên thân. Tôi chờ anh về nhà, nhìn anh thật chăm chú, đau đớn nói:

- Tôi không hiểu tại sao anh lại thù tôi đến thế?

Anh xem báo, thoáng hiện vẻ ân hận:

- Xin lỗi - Anh nói - Hôm ấy anh thấy cõi lòng tan nát, cho nên viết như vậy thôi, đó đâu phải “tác phẩm”, anh trút giận thôi mà!

- Trút giận? - Tôi đau đớn đến cực độ - Tôi làm anh nổi giận vậy sao? Tại sao chứ? Chỉ vì “Ngoài cửa sổ” thôi hay là tình yêu của anh đối với tôi đã chết?

Anh nhìn tôi vẻ thê thảm:

- Anh không biết con người mình như thế nào nữa, từ sau khi sách của em được xuất bản, anh bị mất thăng bằng, anh chịu không nổi ánh mắt của đồng nghiệp, chịu không nổi cảnh thấy em cặm cụi viết từ sáng tới tối, chịu không nổi cái không khí của gia đình này! Anh ôm đầu, rồi gục đầu xuống. Anh thật không biết nên làm gì bây giờ? Anh thấy cuộc đời mình coi như đã chấm dứt!

Thấy anh đau khổ như vậy, tôi cũng đau khổ theo.

Tôi còn trẻ, không thể hiểu được đối phương suy nghĩ như thế nào. Dễ thương, ở vào hoàn cảnh ấy, chắc tôi cũng đau khổ như anh. Giá như tôi để tâm suy nghĩ đến anh hơn, hoặc tôi giành nhiều tình thương và kiên trì hơn nữa, thì có thể cứu vãn cuộc hôn nhân của chúng tôi.

Nhưng hồi đó, tôi còn trẻ quá, trên vai đã nặng gánh, áp lực của ba mẹ đã làm tôi nghẹt thở, lý ra Khánh Quân nên an ủi và giúp đỡ tôi, nào ngờ, lại đối xử với tôi cũng cùng một cách, thế mà lại còn nói tôi không chịu nổi thế này, tôi không chịu nổi thế kia...

Anh ấy mất thăng bằng, tôi cũng mất thăng bằng. Từ sau khi anh về nước đến nay, hai chúng tôi đều rơi vào tình trạng dầy vò day dứt triền miên.

Nhìn anh buồn nản và bất lực, tôi nói:

- Nếu như tôi làm anh đau khổ, thì hãy kết thúc bi kịch này thôi!

- “Kết thúc” cái gì cơ? - Anh hỏi lớn.

- Ly hôn!

Hai tiếng ấy vừa thốt ra khỏi miệng tôi, cả hai đều lặng người. Anh nhìn tôi trân trân, không nói một lời nào. (Bây giờ nghĩ lại cuộc hôn nhân thất bại, tôi phải

chịu phần lớn trách nhiệm. Tôi chỉ thấy mình uất ức nên không hiểu được nỗi uất ức trong lòng anh. Sau khi xuất bản sách, tôi cũng không lường đoán hết nỗi chán chường trước thất bại của anh lên đến mức này. Mãi đến giờ, tôi vẫn cho rằng tôi làm vợ không thích hợp, tôi và Khánh Quân phải đi đến ly hôn, vì tôi đóng vai người vợ không tốt. Ngay cả hai chữ “ly hôn” cũng là từ miệng tôi nói ra.)

Như tôi vừa nói, nhắc đến ly hôn, hai người đều cảm thấy chấn động thực sự, Khánh Quân nhìn tôi rất lâu, cuối cùng gật đầu, cắn răng nói:

- Thế cũng tốt!

Nhưng vừa quay người, anh nhìn thấy Tiểu Khánh. Anh ôm con vào lòng, ngẩng đầu nhìn tôi, nói nghẹn ngào:

- Em định cho Tiểu Khánh không có ba hay là không có mẹ?

Tôi ứa nước mắt, không nói được câu nào.

Đó là những áp lực đè lên người tôi từ sau khi xuất bản “Ngoài cửa sổ”. Nói thật lòng, mưu kế sinh nhai là nguồn thôi thúc lớn để tôi xuất bản quyển sách này. Nhưng không ngờ đối với đời tôi, nó lại trở thành cơn bão lớn mang tính hủy diệt.

LẦN ĐẦU GẶP HÀM ĐÀO

Năm ấy, tôi hai mươi lăm tuổi. Đúng một năm trời, tôi lao vào việc viết văn một cách say mê.

Trong cuộc sống cũng chẳng có gì vui thú hơn, tôi và Khánh Quân vẫn rơi vào tình trạng cả hai đều bị dày vò khôn khổ, trọng tâm sinh hoạt của tôi chỉ có hai việc:

Tiểu Khánh và viết văn.

Tháng năm, tôi bắt đầu viết truyện vừa “Sáu giác mộng”. Tôi mới viết được ba giác thì gác lại, bắt tay viết tiếp “Mưa bụi mịt mù” cho xong, rồi trở lại viết tiếp 3 giác mộng còn lại. Tôi viết một hơi như vậy hoàn toàn có liên quan đến “Ngoài cửa sổ”. Tôi phải chứng minh rằng ngoài câu chuyện của bản thân tôi, tôi cũng có khả năng viết về những vấn đề khác. “Sáu giác mộng” được đăng đầu tiên ở Hoàng Quán. “Mưa bụi mịt mù” cũng được đăng trên phụ trương báo Liên hợp liền sau đó, đều do Bình Hàm Đào sắp xếp, hồi đó, ông là giám đốc của Hoàng Quán, kiêm chủ biên của phụ trương Liên hợp.

Mùa đông năm ấy, tôi gặp Hàm Đào lần đầu tiên, trong chuyến đi trả lời phỏng vấn của đài vô tuyến truyền hình Đài Bắc. Hồi đó, vô tuyến truyền hình còn là một thứ rất mới lạ, rất được ưa chuộng. Được vô tuyến truyền hình phỏng vấn là chuyện rất khó và rất vinh dự. Tôi ở tận Cao Hùng, lại phải xa Tiểu Khánh ba ngày để đi trả lời phỏng vấn vô tuyến truyền hình, thực tình tôi không muốn đi. Hàm Đào lại viết thư, đánh điện báo, sốt sắng giục tôi đi Đài Bắc, trong thư, ông viết:

“Không nên xem thường lực lượng truyền thông đại chúng, cũng đừng làm đảo lộn sự sắp xếp đầy thiện ý của công ty truyền hình, càng không được làm cho độc giả của chị bị thất vọng, rất nhiều độc giả muốn tận mắt nhìn thấy gương mặt chị, nghe tiếng nói của chị...”

Khánh Quân hứa sẽ trông coi Tiểu Khánh, khuyên tôi cứ yên tâm đi Đài Bắc. Anh nhìn tôi, nói:

- Có một bà xã nổi tiếng thì người chồng phải trả giá là cái chắc!

Nghe giọng điệu của anh, tôi chẳng thấy được an ủi chút nào! Tôi nghĩ tốt nhất những cặp vợ chồng chớ nên đi chung một con đường.

Tôi đến Đài Bắc, Hàm Đào đích thân ra ga xe lửa đón tôi. Chúng tôi chưa quen nhau, nhưng đã gửi cho nhau bao nhiêu là thư từ. Hôm ấy, tôi mặc bộ đồ màu đen, bình dị. Vừa ra khỏi đám hành khách, tôi rất ngạc nhiên thấy Hàm Đào đứng trên sân ga, đang nhìn thẳng vào tôi, rồi khẳng định:

- Nhất định chị là Quỳnh Dao!

Hàm Đào năm ấy ba mươi sáu tuổi, dáng người không cao lớn lắm, mặt chữ điền, hai mắt sắc sảo, tinh anh tràn đầy sức sống. Chúng tôi nào biết được lần gặp gỡ đầu tiên này chính là sự mở đầu những cuộc hạnh ngộ càng dồn dập càng gần bó hơn sau này. Số trời đã định sẵn rồi, nhất định chúng tôi phải sống với nhau suốt đời. Lúc đó, tôi chỉ ngạc nhiên, làm sao ông lại nhận ngay ra tôi trong đám người đông đúc, tôi hỏi:

- Sao nhận ra được tôi vậy?

- Nhận ra từ “Ngoài cửa sổ”, nhận ra trong “Sáu giác mộng”! - Ông vừa cười nói, bông đùa, vừa giúp tôi xách túi hành lý. - Không những nhận ra mà còn rất quen thuộc là đằng khác!

Sau này tôi mới rõ, Hàm Đào là một người trầm tư, ít nói. Nhưng lần đầu gặp tôi, anh nói chuyện rất nhiều. Cho đến bây giờ, anh ấy vẫn thường hỏi tôi:

- Lần đầu tiên gặp nhau ở ga Đài Bắc em có thấy có luồng điện xẹt qua không?

- Luồng điện gì? Đó là câu hỏi lại của tôi ngày hôm nay.- Em chỉ nghe có tiếng sấm ầm ầm, nổ rất to, làm trời long đất lở!

- Không đùa nữa, nói thật đi!

Nói thật mà, không có luồng điện, không có ánh chớp, cũng không có sấm. Tuổi hai mươi lăm của tôi tuy đã lấy chồng, có con, lại viết khá nhiều truyện ngắn, nhưng vẫn hiểu đời chưa sâu. Còn đối với tôi, Hàm Đào là một nhân vật lớn. Anh ấy có quyền sinh quyền sát vận mệnh các truyện ngắn của tôi, anh ấy là giám đốc của một tạp chí lớn, lại là chủ biên của một phụ trương báo lớn! Lại còn là chỉ đạo mục “âm nhạc làm sôi nổi mọi nhà” của đài phát thanh nữa. (Khi chỉ đạo chương trình nhạc này, anh lấy tên là Phế Lỗ, và với tên này, anh dịch “Hiệp sĩ hoang dã”

và “Nàng Lệ Thu”).

Anh quả là con người kỳ cục, có thể biên tập tạp chí, có thể viết văn, dịch sách, lại rất sành điệu âm nhạc...

Đứng trước một nhân vật toàn năng như vậy, tôi tự thấy mình bé nhỏ quá! Cái tính tự ti cố hữu lại trỗi dậy trong tôi. Tôi gọi anh là ông Bình, tôi trân trọng việc anh ra tận ga xe lửa đón tôi. Có vậy thôi, làm gì có luồng điện, luồng chớp nào? Nhưng khi anh ấy cười nói đến “Ngoài cửa sổ”, “Sáu giác mộng”, “Mưa bụi mịn mù” thì tôi thấy rất đổi thân thiết, rất đổi ấm áp. Tuy là lần gặp mặt đầu tiên, nhưng không gợn một chút cảm giác xa lạ nào.

Hôm ấy, vì có nhiều việc phải bàn, nên anh ấy mời tôi đi uống chút cà phê. Trong quán cà phê, anh thông báo về nội dung cuộc phỏng vấn, những việc cần chú ý khi lên truyền hình rồi tình hình phát hành “Ngoài cửa sổ”, phản ứng của độc giả... Anh ấy nói rất nhiều, tôi chỉ ngồi yên lặng nghe.

Lúc đó, tôi hơi sốt ruột, vì ba ngày ở lại Đài Bắc, tôi phải về ở nhà ba mẹ. Nhưng ba mẹ tôi chưa nguôi giận về việc tôi viết “Ngoài cửa sổ”. Tôi không dám về thăm ba mẹ, muốn ở khách sạn, nhưng lại không có tiền. (Tiền nhuận bút “Ngoài cửa sổ” tôi đem mua một tủ lạnh, thế là hết nhẵn). Tôi nóng lòng, rất muốn hỏi một câu:

- Ông Bình, có thể cho tôi vay một ít tiền không?

Lần gặp này, câu ấy không tiện hỏi. Cuối cùng, công việc bàn xong, Hàm Đào đưa tôi về nhà ba mẹ. Tôi đứng ở cổng ngôi nhà xây kiểu Nhật, do dự trù trù, không dám ấn chuông. Đợi Hàm Đào đi xong, tôi hãy còn đứng ở cổng, không nghĩ ra khi gặp ba mẹ ăn nói làm sao? Nhận lỗi? Không, tôi không thấy mình có lỗi gì cả. Mãi đến giờ, tôi vẫn chưa nghĩ ra mình có lỗi gì khi viết “Ngoài cửa sổ”. Tôi vẫn đứng như trời trồng ở đó, mùa đông, trời lạnh lắm, mà tôi vẫn không dám ấn chuông. Tôi bồi hồi đi đi lại lại cho đến khi trời hoàn toàn tối hẳn, tôi mới dũng cảm ấn chuông. Về sau, Hàm Đào nói với tôi:

- Em biết không? Cái hôm đưa em về đến cổng nhà, thấy em có gì là lạ, nên anh không đi ngay, anh đứng vào hẻm quan sát em, đợi mãi đến khi em vào cửa rồi, anh mới chịu đi. Ai dè, đợi liền hai mươi phút! Anh định chạy lại hỏi em có gì trở ngại, những nghĩ làm như vậy thì mạo muội quá. Sau đó, thấy em vào cửa, anh mới yên tâm.

Qua nhiều năm, anh lại nhắc đến ngày ấy, anh nói: - Đáng em nho nhỏ, mặc đồ đen đi đi lại lại trong gió đông lạnh lẽo, anh nghĩ chắc có một cái gì nặng lắm,

đề lên vai em, nhìn dáng bộ em dường như không chịu được sức nặng đó, sao anh thấy nhớ suốt đời, không thể nào quên được. Thì ra hôm ấy anh quan sát tôi, thấy hết nỗi bồi hồi, lo lắng của tôi.

Nhưng rồi tôi cũng lọt vào cổng nhà ba mẹ. Ba mẹ vẫn là ba mẹ, đầu cho có giận tôi đến đâu đi nữa, ba mẹ cũng không thể để tôi đứng ngoài cổng. Tôi rụt rè nhìn, chờ ba mẹ mắng. Nhưng rồi ba mẹ chỉ nhìn tôi, hết người này đến người kia thở ra, chẳng nói chẳng rằng. Ba mẹ đáng thương, khi tôi không làm được tích sự gì thì ba mẹ thất vọng, đau lòng. Khi tôi viết được sách, được xuất bản, ba mẹ lại sợ hãi, lo âu, không biết ngòi bút của tôi làm tổn thương ba mẹ, gia đình như thế nào? Thấy ba mẹ đau khổ, tôi cũng chẳng sung sướng gì. Tôi chỉ hiểu mỗi điều là viết văn phải trả giá, viết văn dễ làm bạn cô đơn. Không chỉ cô đơn khi viết lách, mà còn cô đơn cả sau khi viết nữa. Thì đây, vì viết văn mà tôi để mất tình yêu của Khánh Quân, lại vì viết văn, mà tôi để mất tình yêu của ba mẹ!

Cái giá ấy sao mà đắt quá.

Ngày hôm sau, tôi trả lời phỏng vấn của đài truyền hình, lần đầu tiên đứng trước người phỏng vấn, lần đầu tiên truyền hình trực tiếp tại hiện trường, tôi cảm thấy đầu óc rất căng thẳng. Hàm Đào luôn luôn đi cùng với tôi tại công ty vô tuyến truyền hình, trước khi phỏng vấn thì cổ vũ tôi, sau khi phỏng vấn thì khen tôi nói hay, bảo đảm là tôi không có sai sót gì khi nói và sắc thái rất đạt. Hồi đó chưa có máy ghi hình, tôi không làm sao nhìn thấy được hình dáng của mình trên màn huỳnh quang. Truyền hình phỏng vấn xong, tôi lại trả lời phỏng vấn của đài phát thanh Đài Trung. Bận rộn suốt một ngày!

Sau khi các cuộc phỏng vấn kết thúc, Hàm Đào mời tôi về nhà anh ăn cơm, thế là tôi gặp vợ và ba con của anh ấy. Vợ Hàm Đào rất đẹp, ba đứa con hoạt bát, đáng yêu, cháu nhỏ nhất cũng chỉ lớn hơn Tiểu Khánh chừng vài tháng. Nhìn bức tranh gia đình hạnh phúc, lòng tôi cảm động vô cùng. Nhìn mấy đứa con của anh ấy, tôi nhớ tới Tiểu Khánh, tôi cũng nói về gia đình tôi một cách tự nhiên, nói về chuyện viết văn, và ba má, về đứa con của tôi, và áp lực từ nhiều phía sau khi “Ngoài cửa sổ” xuất bản.

Tôi không nhấn mạnh cái nào, chỉ là kể qua qua. Hàm Đào đến giờ mới lộ vẻ ngạc nhiên, tôi chưa biết trước đây một ngày, anh ấy đã tận mắt thấy tôi bồi hồi day dứt, chỉ cảm thấy anh ấy chăm chú lắng nghe.

Tiếp đến, Hàm Đào cũng giới thiệu qua về mình, và quá trình thành lập Hoàng Quán của anh.

- Chị biết không, khi tôi xa ba mẹ, đến Đài Loan một mình, trên người chỉ có hai lạng vàng là toàn bộ tài sản của tôi. Hồi đó, vừa mới tốt nghiệp đại học, chưa quen thuộc con người và địa lý Đài Loan, không có bà con thân thuộc, tôi đành tá túc ở nhà bạn học!

Tôi nghe như nuốt lấy từng lời, bởi lẽ anh ấy đến Đài Loan sao mà giống Khánh Quân thế!

- Sau đó, tôi được bạn học giới thiệu vào làm nhân viên công vụ trong nhà máy phân bón số 6 Đài Bắc, ở trong khu nhà độc thân của nhà máy. Hồi đó, có ba người bạn rất tâm đầu ý hợp với tôi, cùng nhau quyết định làm một tạp chí có tính chất tổng hợp. Thế là bốn người hùn vốn, bạo phổi làm đại, miễn cưỡng ra số đầu tiên. Bài dịch bài sáng tác... trong số đó, đại bộ phận là bọn tôi tự viết, rồi chạy đi nhà máy in, đến xưởng đóng sách... đều do chúng tôi làm tất. Số đầu tiên in ba ngàn tập, chất đầy cả gian nhà độc thân chúng tôi. Bốn người chúng tôi nằm khít lại, mỗi đứa cầm một tập, tự thưởng thức công trình của mình. Sau đó, chúng tôi nghĩ cách đem bán những thứ đó cho Hoàng Quán. Tôi đèo xe đạp đến Hoàng Quán, đến từng quầy sách một, ký gửi họ bán, nhưng họ nào chịu cho ký gửi! Có mấy quầy nhận bán rất miễn cưỡng, bỏ Hoàng Quán xuống đất, lấy nhiều tạp chí khác chất lên trên. Làm như vậy người ta không cách nào nhìn thấy Hoàng Quán, tôi lại phải đi moi nó ra khỏi đống sách, nói với chủ quầy sách đặt nó lên trên. Chủ quầy sách trợn trừng mắt nhìn tôi, bực mình nói: - Cái thứ tạp chí lá cải này chẳng ai thèm mua đâu! Tôi nghe mà đau lòng. Một tháng sau kết toán, chỉ bán được năm mươi bảy tập! Bốn đứa chúng tôi hợp tác không đầy ba tháng, bị lỗ thảm hại, cả ba đều rút lui, chỉ còn mình tôi kiên trì làm. Hàng tháng đều cưỡi xe đạp đi phát hành, sách nặng quá, cưỡi đi riết như vậy, mấy khớp cổ chân và bắp vế đau như sưng húp lên!

Tôi càng nghe, càng xúc động, thì ra cái tạp chí này thành công lớn như bây giờ là đã trải qua biết bao gian nan vất vả của buổi đầu gây dựng. Giá như không có nhiệt tình và nghị lực của con người, âu cũng đã sạt nghiệp thuở này? Thảo nào, một Hàm Đào còn rất trẻ mà đã bạc đầu. Sau đó, chúng tôi nói sang tình hình hiện tại của Hoàng Quán, nói cũng khó tin, tạp chí này phát hành được mười năm, cũng vẫn vất vả vô cùng, vì lợi nhuận không cao, kinh doanh còn èo uột. Dưới trướng của Hàm Đào chỉ có một nhân viên, một tạp chí dày cộm, từ đọc bản thảo, biên tập, trình bày, in ấn, đến chữa bản in, anh đều làm tất tậ. Nói mãi hồi lâu, anh cười và tiếp:

- Thật không dễ dàng chút nào, giờ đã qua năm thứ chín, chúng tôi mới gặp được một Quỳnh Dao! Hoàng Quán thật sự cất cánh rồi!

Anh quá khen, tôi cười, thấy ấm lòng ấm dạ. Đêm ấy đối với tôi là một đêm tuyệt đẹp!

Hôm sau, tôi đáp xe lửa trở về Cao Hùng, Hàm Đào vẫn ra ga đưa tiễn. Tôi lên xe, anh ấy còn đưa cho tôi một túi giả da rất lớn nói với tôi: - Chút quà nhỏ, về đến nhà hãy mở!

Tôi cầm, nặng trình trịch, như là một quyển sách khổ lớn. Suốt dọc đường tôi không hề mở ra xem.

Về đế nhà, Khánh Quân ra đón, nói giọng khổ sở:

- Lạ thật đấy, có người đưa đến một ra-di-ô có đĩa hát chạy điện! Không biết có phải người ta đưa sai địa chỉ không!

Tôi bước lại xem, đúng là một máy hát chạy điện rất đẹp, âm thanh nổi, quá ư xa hoa! Từ khi tôi bị đánh cắp mất chiếc ra-di-ô tàng tàng, thì tôi không có điều kiện tiếp xúc với âm nhạc. Lần này thấy máy hát chạy điện, tôi kinh ngạc lắm. Trên máy hát, không có nhãn hiệu, không danh thiếp, không ghi gì cả.

Tôi sức nhớ lại cái túi giả da Hàm Đào tặng, vội mở ra xem, thì ra là một chồng đĩa hát, có Trai-cốp-ski, có Bét-tô-ven, có Mô-da...! Tôi lật lật chồng đĩa hát, một tờ giấy nhỏ rơi xuống, chữ của Hàm Đào viết rất bay bướm trên giấy viết bản thảo hiệu Thiên Mã:

“Sau khi được biết hoàn cảnh sáng tác của chị thật là gian khổ, tôi rất xúc động, tiền nhuận bút lâu nay trả thấp quá vì lẽ Hoàng Quán cũng chống đỡ rất vất vả. Qua buổi nói chuyện gẫu, biết gia đình các bạn rất cần máy hát. Xin vui lòng nhận lấy món quà nhỏ này để làm khuây nổi cực nhọc của những người bạn ở Cao Hùng!”

Tôi xúc động quá đỗi không chỉ vì máy hát mà cả vì những đĩa hát trong tay, sắp xếp chi li, chu đáo đến như vậy quả là một con người có tấm lòng tốt. (Sau nhiều năm, tôi cười hỏi Hàm Đào: “Mới gặp nhau lần đầu đã nghĩ tới việc tặng máy hát, đĩa hát, trái tim có đi trật đường rầy không?” Hàm Đào nói rất thật: - Không nên thờ ơ với người tốt! Biết em viết văn trong hoàn cảnh gian khổ như vậy, anh thấy ân hận lắm, muốn tìm cách bù đắp lại khoản tiền nhuận bút, nhưng lại sợ chạm lòng tự trọng của em. Sau đó, biết em không thích loại nhạc ồn ào mà thích nhạc cổ điển, nên vất vả lắm anh mới tìm được chỗ gửi máy hát! Anh lại cười nói tiếp: - Tuy trái tim không đi trật đường rầy nhưng lại dùng trái tim để

làm dịu nỗi khổ đau!)

Từ đó, nhà tôi có máy hát, tôi có thể vừa viết, vừa nghe nhạc, không còn cô đơn như trước nữa.

Tôi lại có tủ lạnh, mỗi tuần có thể mua một lần thức ăn, tiết kiệm rất nhiều thời gian. Tiền thù lao của Hoàng Quân và phụ trương tạp chí cộng lại cũng tạm tạm.

Cuộc sống nghèo nàn coi như đã qua. Song bi kịch gia đình vẫn hết sức nặng nề. Tôi càng bận bịu sáng tác, Khánh Quân lại càng cô đơn, lạc lõng. Bản thảo của tôi hề được đăng là anh ấy xoi mói chằm chọc. Một hôm, anh ấy nhìn tôi không chớp mắt, đầy vẻ àu sầu:

- Anh phải đi Thanh Thủy!

Thanh Thủy là một làng nghèo hiu quạnh ở gần Đài Trung. Khánh Quân vừa đi làm ở Công ty ngành nhôm này chưa bao lâu, đột nhiên lại muốn chuyển đi dạy học. Thanh Thủy có một trường trung học gửi thư mời anh đến. Anh cho rằng, ẩn dật về Thanh Thủy để trốn thoát sự cám dỗ ở chốn thị thành, có thể vùi đầu vào sáng tác, có như vậy anh mới viết được những tác phẩm bất hủ. Quyết định đi Thanh Thủy lần này bị tôi từ chối, tôi không chịu dờn nhà đi theo anh, và tôi cho rằng việc viết lách không có quan hệ gì lớn đối với việc có đi Thanh Thủy hay không! Hơn nữa, Công ty ngành nhôm đãi ngộ khá, Thanh Thủy lương thấp hơn cũng là một yếu tố làm tôi đắn đo.

Từ sau quyết định từ chối đi Thanh Thủy, mỗi lần Khánh Quân nổi chứng lên, đều nhắc tới Thanh Thủy.

- Chỉ có đi Thanh Thủy mới sáng tác được sao? - Tôi hỏi anh như vậy, rồi tiếp: - Thế thì anh cứ đi đi! Lần này tôi không cản trở anh!

- Cô đã từng “cản trở” rồi còn gì! - Anh nói rầu rầu: - Cô cản trở tôi để sau này yên ổn đi lên! Tôi đã tạo hoàn cảnh cho cô viết, còn cô chưa bao giờ tạo điều kiện cho tôi viết cả! - Anh ấy nhìn tôi chằm chằm, lộ vẻ đau khổ cực kỳ. - Bây giờ thì cô dương dương tự đắc, báo đài, tạp chí tranh nhau bản thảo của cô mà, nhưng còn tôi? Tôi ở đâu? Tôi ở đâu?

Anh gào thét thảm hại, rồi quay đầu bỏ đi.

Đêm ấy, tôi ẵm con, nhìn ra bầu trời thăm thẳm ngoài cửa sổ, chọn một quyết định cuối cùng: Tôi phải cắt đứt quan hệ với Khánh Quân, để anh ấy tự do, tôi phải để cho anh ấy thoát khỏi sự ràng buộc của gia đình! Tôi không cần níu kéo làm gì để liên lụy đến anh ấy nữa, không chỉ tôi không cần mà con cũng

không cần! Nếu không có tôi và Tiểu Khánh làm vương chân, biết chừng đâu anh ấy còn có một khoảng trời rất là xán lạn!

NĂM 1964 LY HÔN, VIẾT VĂN, XUẤT BẢN SÁCH



Năm 1964, cuộc sống của tôi thay đổi tất cả.

Trong năm ấy, nhận lời mời của đại học Nam Dương, ba tôi đi giảng bài ở Sin-ga-po. Mẹ tôi nuôi em gái út, vẫn ở ngôi nhà xây kiểu Nhật. Dầu là phần lớn nhà kiểu Nhật đều được tháo dỡ, xây thành nhà cao tầng, nhưng những nhà Nhật trong khuôn viên Đại học sư phạm vẫn được giữ nguyên.

Tôi và Khánh Quân qua hàng trăm, hàng ngàn lần tranh cãi, thảo luận, giãy giụa, vật vờ, khóc lóc bi thương... rồi lấy hết lý trí, cùng nhận ra rằng điều quan trọng trong quan hệ của chúng tôi không phải vì cờ bạc, không phải vì nghèo khổ, cũng chẳng phải vì yêu nhau không nồng nàn. Tất cả những cái đó đều có thể sửa chữa, đều có thể khắc phục, điều không thể khắc phục, không thể thay đổi, chính là công việc viết lách của hai người. Hai vợ chồng cùng nghề nghiệp, trong tận cùng ý thức, thường hay có sự cạnh tranh. Khánh Quân tốt nghiệp hệ ngoại văn Đại học Đài Bắc, học hành bài bản, anh tự cho mình mạnh hơn tôi, nhưng bây giờ lại là người bị ngã ngựa, viết dù hay đến mấy cũng chỉ có mỗi mình xem, tự thưởng thức lấy. Anh cứ ngộ nhận đến mù quáng. Anh không sao giấu được sự đau khổ khi đứng trước mặt tôi, càng không cảm thấy vinh dự vì tôi. Tôi đáng thương và Khánh Quân đáng thương, cả hai đều vì có hứng thú như nhau mà lấy nhau, rồi cả hai cũng vì cùng có hứng thú như nhau mà chia tay. Đúng như Khánh Quân đã nói, chúng tôi không phải là thần thánh, chúng tôi chỉ là hai con người bình thường trong vô số người bình thường nhất!

Năm ấy, tôi và Khánh Quân ly thân một thời gian. Tôi dẫn con về ở Đài Bắc. Nhà hai tầng lầu ở sâu trong hẻm phố Đôn Hóa Bắc Lộ. Trên lầu có ba phòng, dưới lầu là phòng khách, nhà ăn, nhà bếp, phía trước, phía sau đều có sân nhỏ. Ngôi nhà ấy thật quá sang trọng đối với tôi. Mới dọn về, tôi thắc thỏm lo âu, tính sơ sơ khoản tiền thuê đã giựt mình. Tiền thuê phòng tuy không cao nhưng với

tôi, khoản ấy quá lớn. Ngày đầu tiên dời đến ở, Hàm Đào tới thăm chúng tôi, thấy tôi ủ rũ mặt mày, anh đứng giữa phòng khách, nói như đinh đóng cột:

- Chị gánh nổi! Miễn chị không dừng bút là chị gánh nổi thôi! Không chỉ gánh nổi tiền thuê nhà, mà rồi tương lai chị còn có cả một thế giới mà ngay đến người giàu tưởng tượng nhất cũng không thể hình dung nổi. - Anh ấy còn để thêm một câu, chắc nịch - Nhưng mà chị phải chịu khó đánh thức tài năng của mình, đưa nó lên đỉnh cao, tuyệt nhiên không được để nó ngủ quên!

Hàm Đào là người như vậy đó, hết sức lạ lùng! Đời tôi chưa gặp người nào như anh ấy, khắp người anh đều tỏa ra sức mạnh, hầu như không bao giờ dùng hết. Anh luôn quyết đoán, luôn tích cực chủ động, muốn làm gì là tổ chức thực hiện ngay. Anh không những kiên định, quả quyết đối với công việc của mình, mà cả với công việc của bạn bè có liên quan anh cũng làm như vậy. Chúng tôi vừa dọn đến Đài Bắc, anh nói với Khánh Quân:

- Anh đừng về làm ở Công ty nhôm nữa. Bây giờ có hai con đường có thể chọn, một là làm biên dịch cho tòa báo, làm vào ban đêm, anh sẽ có cả ngày để ngồi viết. Hai là anh tạm thời gác việc viết lách lại, chuyên làm phiên dịch, dịch Trung văn ra Anh văn hay Anh văn ra Trung văn đều được, anh là một nhân tài hiếm có!

Hai đường ấy Khánh Quân đều không chọn. Con đường thứ nhất, anh lập luận:

- Nghe ra rất hay, nhưng anh không muốn dựa vào quan hệ của em để lọt vào tòa báo, anh muốn dựa vào chính bản thân anh kia!

Về con đường thứ hai, Khánh Quân tỏ vẻ hơi giận dữ:

- Phiên dịch là một công việc tái tạo, mà tái tạo thì làm sao so với sáng tạo được? Lẽ nào em là nhân tài sáng tạo, còn anh chỉ là tay phiên dịch quen!

Hai con đường đều là hai ngõ cụt. Mà tôi thì đã bắt tay vào viết “Tịch dương mấy độ” suốt ngày suốt đêm không nghỉ. Khánh Quân thấy tôi cặm cụi viết, thì bực bội ra mặt, anh quyết định trở về Công ty nhôm. Tôi nói với anh:

- Chúng ta tạm thời chia tay, anh muốn đi Thanh Thủy cũng được, đi Lan Hưng cũng được, hoặc là đi Lục Đảo cũng được... Anh cứ mặc sức tung hoành, không nên để em và con quấy rầy anh. Còn khi đã phỉ chí rồi, thì tùy anh, nếu quay trở lại, em vẫn chờ!

Khánh Quân cũng là con người kỳ lạ, anh trở về Cao Hùng, không đi Thanh Thủy, Lan Hưng, cũng không tìm một nơi nào khác để viết văn như anh hằng ao

ước, mà trở lại làm việc ở Công ty nhôm, và rồi làm cả đời ở đấy. Mấy năm trước, mới được điều từ Công ty nhôm về Bộ kinh tế. Anh trở lại nghề cạo giấy văn phòng, không thoát ra được nữa.

Chuyện tôi và Khánh Quân kéo dài đến mùa hè năm ấy, hai người đều cảm thấy mệt mỏi, tình đã hết, duyên cũng chẳng còn, để cả hai được rộng đường tự do bay nhảy, chúng tôi cùng nhau đến phòng luật sư, ký vào giấy ly hôn. Tiểu Khánh tôi nuôi, từ đó Tiểu Khánh lấy họ Trần, theo họ mẹ, kêu ba má tôi là “ông nội, bà nội”, từ khi lọt lòng đã ở nhà họ Trần, coi như con nhà họ Trần.

Những ngày đầu mới ly hôn, tinh thần tôi suy sụp. Tôi thấy đời mình làm gì cũng chẳng ra hồn. Đã không được là đứa con ngoan, cũng chẳng được là người vợ hiền. Nhớ lại năm năm trong cuộc sống chồng vợ, tôi thấy mình sai sót quá nhiều - Ly hôn là sự kết thúc bi kịch giữa hai người. Tuy như vậy, nhưng sau khi thật sự ly hôn rồi, tôi bị dày vò kinh khủng. Đẳng nào, Khánh Quân và tôi cũng đã qua năm năm chung sống, anh ấy là bố của con tôi!

Một quãng thời gian khá lâu, tôi không tài nào viết được. Giấy viết bản thảo cứ chồng đó, tôi ẵm con nước mắt chảy dài, chẳng cách gì ngăn được. Tâm trạng này không sao hiểu nổi. Do vết thương lòng còn nặng nên tốc độ giao bản thảo cũng rất chậm chạp. Sau đó “Tịch dương mấy độ” khởi đăng từng kỳ trên Hoàng Quán, đây là lần đầu tôi làm cái việc “vừa viết vừa đăng”. Hoàng Quán đăng tiểu thuyết này là để lấy lại tinh thần cho tôi, số chữ đăng cho nguyệt san khi ngắn khi dài. Thế rồi, có một hôm Hàm Đào đến thăm tôi, đứng giữa phòng khách nói rất hào hứng, tuyên bố: - Bắt đầu từ tháng sau, trên phụ trương “Liên hợp” đăng một truyện dài của chị, chị phải bắt tay vào viết ngay thì vừa!

Tôi kinh hoàng thất sắc. Không thể nào được. “Tịch dương mấy độ” đang dở dang, đầu óc tôi lại có hạn, làm sao bắt đầu viết một truyện dài được? Vả lại, tinh thần tôi đang lúc suy sụp, vả lại, tôi còn có con nhỏ, vả lại, vả lại...

- Không được! - Tôi lắc đầu. - Tôi không làm nổi! Không thể làm nổi đâu!

- Chị làm được! Nhất định làm được! - Hàm Đào quả quyết, mắt nhìn thẳng vào tôi. Khấp người anh lúc nào cũng tỏa ra sức mạnh phi thường tôi không thể nào hiểu nổi. Anh gật đầu:

- Tôi nói với chị chuyện này nhé, thoát đầu tôi định đăng “Mưa bụi mịt mù” trên phụ trương “Liên hợp”, nhưng truyện dài đăng “phơi-dơ-tông” thì phải đăng ký danh mục, khi tôi đăng ký thì đã bị trả phiếu lại. Trên phiếu có ghi một câu: “Quỳnh Dao? Quỳnh Dao là ai? Chưa hề nghe cái tên này! Phụ trương “Liên

hợp” cần tranh thủ bản thảo của tác giả nổi tiếng!” Tôi nghe xong không hào hứng mấy, xem đi xem lại, lật tới lật lui “Mưa bụi mịt mù”, khẳng định đó là một truyện hay. Cuối cùng tôi lợi dụng quyền hạn của mình, tôi đẩy vội “Mưa bụi mịt mù” ra, chẳng thông báo trước gì cả. Tòa soạn tưởng là một truyện vừa, nên không chú ý, khi đã đăng được một nửa, một hôm, giám đốc mới sớm tinh mơ đã đến tòa soạn, phát hiện một đám nữ sinh đợi ở cổng tòa soạn, giám đốc ngạc nhiên hỏi các em đứng làm gì, các nữ sinh thưa: - Chúng cháu không kịp chờ báo đem đến tận nhà, chúng cháu vội đi học ạ, đành phải đến tòa báo để mua! Giám đốc hỏi các cháu cần xem tin tức gì, các cháu bảo: - “Mưa bụi mịt mù” ạ! Giám đốc kinh ngạc vội vào văn phòng, hỏi mọi người: - “Mưa bụi mịt mù” là cái gì vậy?

Tôi cười, gật gù nói với Hàm Đào:

- Anh hư cấu câu chuyện này kể ra cũng hấp dẫn đấy! Ít ra cũng giúp tôi chữa được cái bệnh tự ti, mặc cảm, tôi đang cần những chuyện đại loại như vậy!

- Tôi đâu có hư cấu! - Anh đưa mắt nhìn tôi thật nghiêm túc - Chuyện ấy có thật một trăm phần trăm. Tôi nói chị nghe này, chỉ có chị biết thôi, khi phụ trương “Liên hợp” đăng “Mưa bụi mịt mù”, trong tòa soạn không ai biết Quỳnh Dao là ai cả! Nhưng, trong cuộc họp biên tập sáng nay, mọi người tự nhiên đề xuất: “Tại sao chúng ta không tranh thủ truyện dài của Quỳnh Dao?” Ý nói là, Hoàng Quán đã có truyện dài của chị, sao phụ trương “Liên hợp” lại không có truyện dài của chị, làm như tôi mánh mung tư túi gì đây! - Anh nhìn tôi không chớp mắt, nói rõ ràng và dứt khoát: - Quỳnh Dao, “Liên hợp báo” là tờ báo lớn nhất Đài Loan, dám đưa tác phẩm lên phụ trương “Liên hợp”, không dễ như chị tưởng đâu! Bây giờ phụ trương “Liên hợp” cần bản thảo của chị, tôi nhất định đòi chị cho bằng được! Vì rằng, điều này rất quan trọng đối với chị, chỉ một Hoàng Quán thôi, không đủ để khẳng định chị!

- Nhưng mà - tôi gào lên - tôi viết không được!

- Chị viết được - Anh gật đầu liên tục, không chút hoài nghi, nói - Hôm nay tôi phải giục, phải thúc, phải ép chị, tôi cũng cần ép chị một truyện dài khác, tốt nhất là chị phải viết ngay! Tôi cho chị mười lăm ngày!

- Thế thì, thế thì... - tôi bắt đầu lúng túng - “Tịch dương mấy độ” thì sao?

- “Tịch dương mấy độ” không thể dừng, chị phải lên kế hoạch, nửa tháng để viết “Tịch dương mấy độ”, nửa tháng kia viết truyện dài mới, hai truyện cùng viết song song!

Tôi ngạc nhiên nhìn Hàm Đào, chẳng dám tin chút nào những điều tôi đã nghe! Có thật là anh ấy nhận ra mình có khả năng? Tự thân tôi không thể khẳng định được. Hàm Đào không nhìn tôi, anh nhìn nhìn gian phòng của tôi, nhìn Tiểu Khánh đang tập bắn súng trong nhà, rồi nói:

- Chị cần thuê một người giúp chị nấu cơm, trông cháu - Anh ngược mắt nhìn tôi, nói rất thật - Người như chị không nên mai một trong bếp núc! Ngày mai, tôi kiếm cho chị một người giúp việc!

- Tôi... tôi... - tôi líu lời nói - Tôi không cần!

Anh nhìn tôi hồi lâu:

- Chị cần! Tương lai, chị cần bao nhiêu người, chị cần đấy! Chỉ cần chị ngồi xuống trước bàn, ra sức viết! Chị không có nhiều thời giờ đâu, có thể “ai điếu” cuộc hôn nhân hoặc quá khứ của chị được rồi đấy!

Anh ấy ra về. Tôi đứng khựng một chỗ. Sau đó, tôi kéo con đi như bay lên lầu, lật đồng giấy viết bản thảo ra, làm bản “phân tuyến nhân vật” và “đề cương câu chuyện”.

Ngày hôm sau, A Khả đến nhà tôi, đó là một cô gái người Miêu, hai mươi mấy tuổi, giúp tôi việc nhà, trông con, thổi cơm, giặt quần áo. (A Khả ở nhà tôi vậy là tới hai mươi năm, bốn năm trước mới về quê “nghỉ hưu”). Tôi vui đầu vào bàn, hết đêm đến ngày, lo viết truyện dài mới của tôi.

Truyện dài mới có tên là “Hoa thỏ tí” ra mắt đúng hẹn trên phụ trương “Liên hợp”. Còn “Tịch dương mấy độ” vẫn tiếp tục như thường, đăng đều kỳ trên Hoàng Quán. Hàm Đào nói đúng: tôi làm được, và tôi đã làm được. Tuy nhiên, khi viết đến phần cuối của hai cuốn truyện, tôi phải lấy vải gác quần chặt mấy đầu ngón tay sưng húp của mình, miễn cưỡng cầm bút viết, nhưng không nhàm lẫn, tôi cần mẫn viết xong hai cuốn truyện phong cách hoàn toàn khác nhau.

Năm 1964 quả là một năm rất kỳ lạ trong đời tôi!

Năm này tôi dời nhà, định cư ở Đài Bắc, tôi ly hôn, tôi viết văn như điên, ngoài việc cùng một lúc cho đăng liên tiếp các truyện dài trên hai tờ báo và tạp chí lớn, còn xuất bản một hơi bốn tập sách liền!

Bốn tập sách đó lần lượt “Mưa bụi mịt mù”, “Sáu giấc mộng”, “Cỏ may”, “Tịch dương mấy độ”. Tôi mang bốn cuốn sách mới về nhà mẹ. Tôi đặt lên bàn của mẹ, ngược mắt nhìn bà, rồi hồi hộp hít một hơi dài nói:

- Tuy con luôn làm mẹ thất vọng, tuy con không thi đậu vào đại học, tuy con

yêu đương, kết hôn, ly hôn lung tung cả lên, tuy viết cuốn “Ngoài cửa sổ” làm ba mẹ đau lòng... nhưng con luôn luôn đeo đuổi giấc mơ từ thuở bé của con là đi theo nghiệp văn chương! Mẹ ạ! - Tôi trịnh trọng nói tiếp - Con sẽ đeo đuổi nghiệp này đến cùng!

Mẹ lặng lẽ nhìn tôi, và rồi đột nhiên mẹ cười. Ôi! nụ cười của mẹ, nụ cười thật hiếm hoi mà qua bao sóng gió của cuộc đời, tôi không dễ gì nhận được!

Cuối năm 1964, xuất bản cuốn “Hoa thỏ ti”, tiếp đó “Tiếng sóng” cũng ra đời. Sách tôi viết đều do Hoàng Quán xuất bản, suốt năm, Hoàng Quán bận rộn in sách của tôi. Năm ấy, tôi hai mươi sáu tuổi, đúng mười năm tròn, kể từ cái hôm tôi uống thuốc ngủ để lìa đời chỉ vì một tờ thông báo môn toán chỉ được hai mươi điểm! Mười năm ấy, tôi trải qua bao nhiêu phong ba, bão táp, chịu bao nhiêu cay đắng nhọc nhằn. Mãi đến tuổi hai mươi sáu, tôi mới khẳng định được hướng đi của mình!

NĂM 1964 QUẢ LÀ MỘT NĂM RẤT KỲ LẠ TRONG ĐỜI TÔI!

Năm này tôi dời nhà, định cư ở Đài Bắc, tôi ly hôn, tôi viết văn như điên, ngoài việc cùng một lúc cho đăng liên tiếp các truyện dài trên hai tờ báo và tạp chí lớn, còn xuất bản một hơi bốn tập sách liền!

Bốn tập sách đó lần lượt “Mưa bụi mịt mù”, “Sáu giấc mộng”, “Cỏ may”, “Tịch dương mấy độ”. Tôi mang bốn cuốn sách mới về nhà mẹ. Tôi đặt lên bàn của mẹ, ngược mắt nhìn bà, rồi hồi hộp hít một hơi dài nói:

- Tuy con luôn làm mẹ thất vọng, tuy con không thi đậu vào đại học, tuy con yêu đương, kết hôn, ly hôn lung tung cả lên, tuy viết cuốn “Ngoài cửa sổ” làm ba mẹ đau lòng... nhưng con luôn luôn đeo đuổi giấc mơ từ thuở bé của con là đi theo nghiệp văn chương! Mẹ ạ! - Tôi trịnh trọng nói tiếp - Con sẽ đeo đuổi nghiệp này đến cùng!

Mẹ lặng lẽ nhìn tôi, và rồi đột nhiên mẹ cười. Ôi! nụ cười của mẹ, nụ cười thật hiếm hoi mà qua bao sóng gió của cuộc đời, tôi không dễ gì nhận được!

Cuối năm 1964, xuất bản cuốn “Hoa thỏ ti”, tiếp đó “Tiếng sóng” cũng ra đời. Sách tôi viết đều do Hoàng Quán xuất bản, suốt năm, Hoàng Quán bận rộn in sách của tôi. Năm ấy, tôi hai mươi sáu tuổi, đúng mười năm tròn, kể từ cái hôm tôi uống thuốc ngủ để lìa đời chỉ vì một tờ thông báo môn toán chỉ được hai mươi điểm! Mười năm ấy, tôi trải qua bao nhiêu phong ba, bão táp, chịu bao nhiêu cay đắng nhọc nhằn. Mãi đến tuổi hai mươi sáu, tôi mới khẳng định được hướng đi của mình!

“NHÀ MỘNG TƯỞNG” VÀ “NHÀ THỰC HÀNH”

Gứ như vậy, tôi bắt đầu trở thành một “nhà văn chuyên nghiệp”.

Sách của tôi đều do Hoàng Quán xuất bản, quyển nào ra tiêu thụ cũng rất nhanh. Hàm Đào trả cho tôi 15%, hàng tháng tôi thu nhập tương đối khá, đủ để trả tiền nhà, tiền công cho A Khả và tiền ăn ở, áo quần, đi lại của hai mẹ con. Thật là một kỳ tích!

Năm 1965, mẹ tôi cũng đi Sin-ga-po, em gái út lại ở chung với tôi. Lúc này, em được trường Nữ trung học số I Đài Bắc giới thiệu vào Khoa vật lý trường đại học Đài Bắc, em là một sinh viên xuất sắc của đại học Đài Bắc. Em tôi đúng là kỳ tài, ba mẹ tôi không tìm được hy vọng ở tôi, thì đã tìm thấy ở em gái út. Tình cảm của em đã đến độ nảy nở, em đang yêu A Phi là bạn học cùng lớp, may là ba mẹ đều ở tít tận Sin-ga-go, nên không cấm cản gì được. Tôi ủng hộ hai đứa nó hết mình, để tình yêu của chúng đơm hoa kết trái. Phải nói là em gái út của tôi luôn gặp may. Nếu như mẹ còn ở Đài Bắc, tôi tin là với tình thương của mẹ dành cho em như vậy, mẹ sẽ làm giống như kiểu mẹ thắc thỏm lo giữ mèo con, không để cho chúng nó được tự do. (A Phi là một học sinh xuất sắc của đại học Đài Bắc, một thanh niên ưu tú, nhưng trong con mắt mẹ tôi, bất kỳ ai đều không đủ tư cách theo đuổi em gái út của tôi!)

Ngôi nhà xây kiểu Nhật của chúng tôi đang bị trường đại học sư phạm Đài Bắc thu hồi, không bao lâu thì tháo dỡ hết. Nhà kiểu Nhật chỉ còn là kỷ niệm của quá khứ, đường phố Đài Bắc mọc lên tua tủa những biệt thự và nhà cao tầng. Một hôm, Hàm Đào đem tiền phụ bản đưa cho tôi. Đưa tiền xong, anh nhìn tôi, nói:

- Bây giờ chị phải dành ra một số tiền, dần dà góp lại để mua nhà, chị không thể thuê nhà ở mãi thế này được, cứ lo hoài, không an tâm!

Tôi giật mình. Mua nhà à? Mua nhà cho mình à? Chỉ có trong giấc mơ phù

phiếm tôi mới mơ như vậy.

- Làm sao mua nổi? - Tôi kinh ngạc kêu lên: - Nhà đất lắm!

- Ở gần đây, đang xây một loạt nhà lầu bốn tầng, chị có thể đi xem thử được không? Còn chuyện mua nổi hay không, chị khỏi phải lo, tiền xuất bản sách của chị đủ để ứng trả đợt đầu! Khoản tiền còn lại sau này, chị có thể viết sách mới, chị vẫn viết không ngừng cơ mà, tiền nhuận bút và tiền xuất bản cũng sẽ có đều đều!

- Điều đó tôi hiểu - Tôi rầu rầu nói: - Nhưng cái nghề viết lách này khác những công việc khác, đâu phải lúc nào cũng viết hoài hoài được!

- Ồ, chị làm được mà! Đương nhiên là chị làm được! Anh nói với tôi không một chút do dự: - Tôi đọc những tác phẩm gần đây của chị, tôi dám khẳng định, cuộc đời văn chương của chị đang ở giai đoạn mở đầu, tài sản quý giá vô song của chị là tuổi trẻ của chị! Tôi bảo đảm là chị có nguồn vốn văn học dồi dào!

Anh ấy bảo đảm? Anh ấy bảo đảm là tôi có thể viết tiếp tục? Trên thế giới này sao lại có người như anh ấy? Anh ấy giống như than trong đầu máy xe lửa, cứ đốt cháy, và thúc đầu máy lao về phía trước. Tôi không lao cũng không được! Thế là nhà đã đặt cọc. Tôi bắt đầu viết truyện mới “Thuyền”.

Qua mấy ngày, Hàm Đào lại hồ hởi nói với tôi:

- “Sáu giác mộng” của chị bán cho Công ty điện ảnh trung ương dựng phim, chị thấy thế nào? Tiền bản quyền họ trả chị tuy không nhiều, nhưng đối với chị, nó mang một ý nghĩa khác: bao nhiêu người không đọc sách, họ sẽ xem phim!

- Nên không nhỉ? - Tôi không rõ, hỏi lại. - Điện ảnh làm mất đi sức hấp dẫn của văn học, nó có làm cho truyện lệch đi không?

- Lệch thì có lệch! - Hàm Đào nói, anh ấy yêu điện ảnh, dù cho công việc có bận đến mấy, anh vẫn thường xuyên đến rạp chiếu bóng - Điện ảnh lại là một thứ nghệ thuật khác, nó đưa trang sách của chị từ mặt phẳng lên lập thể, chị có thể nhìn thấy các nhân vật dưới ngòi bút của chị sống dậy, diễn tả cuộc đời của họ một cách sống động, chân thực! Đó là một sức kích thích rất lớn, nếu tôi là chị, tôi sẽ đưa từng cuốn sách cho họ dựng thành phim!

Sự hào hứng của anh ấy tức thì đã thuyết phục tôi khá nhanh chóng, tôi đã bán “Sáu giác mộng”. Công ty điện ảnh Trung ương đã chọn hai truyện trong đó là “Theo đuổi” và “Người vợ câm” quay thành hai bộ phim. Hôm chiếu, cửa rạp chiếu bóng đông ken, nước chảy cũng không lọt. Ngồi trong rạp xem phim, tôi rất xúc động trước mối tình của Uyển Quân, cũng qua đó tôi mới càng hiểu hết ý vị câu nói của Hàm Đào “các nhân vật dưới ngòi bút sống lại”. Từ đó, tôi cũng thấy

mê luôn cái việc đưa truyện lên phim, hầu như tác phẩm nào ưng ý là cho chuyển thành phim.

Viết tới đây, tôi không thể không viết một ít về tôi và Hàm Đào.

Hàm Đào, về cơ bản khác cá tính của tôi rất nhiều. Tôi là một “nhà mộng tưởng” chuẩn mực, ngày ngày sống trong mây trong gió. Tôi mê dệt truyện, mê dệt tiểu thuyết, và bản thân tôi cũng sống cùng với các nhân vật trong đó. Tôi luôn có cái nhìn lãng mạn để xem xét sự việc chung quanh tôi. Tôi mê đẹp tất cả những gì có thể mê đẹp được, nhất là trên lĩnh vực tình cảm. Dầu là tình bạn, tình yêu... tôi đều mê đẹp đậm nét hơn, và lại càng cảm thấy say sưa, thích thú hơn. Cho nên con người tôi là dạng người phi thực tế, lãng mạn, hoang tưởng, cuồng nhiệt, thậm chí ngây thơ, bộp chộp. Trái lại, Hàm Đào, là “nhà thực hành” chuẩn mực. Anh cũng có nhiều mộng tưởng, và thực hiện bằng được từng mộng tưởng ấy! Anh ra sức làm việc, tập trung suy nghĩ để có kế hoạch đột phá vào khó khăn thử thách và tìm cách chinh phục nó. Anh là than cháy rực giữa cõi nhân gian lạnh lẽo này. Anh không bao giờ chịu dừng lại hoặc rút lui, mà chỉ có tiến lên, tiến lên mãi. Tương lai, sự nghiệp luôn có ma lực kêu gọi anh, vẫy gọi anh, vì vậy, anh chỉ có mỗi việc là lao lên, xốc tới! Và khi xông lên, cũng có lúc bị brou đầu, nhưng brou đầu cũng chẳng làm sao, anh lại đổi hướng, tiếp tục xông lên! Anh không bao giờ bằng lòng khi chưa đạt được mục đích!

Một người như vậy bỗng dừng lại gặp một người như tôi!

Anh ấy và tôi đang dựng xây quan hệ hợp tác rất tốt đẹp. Bỗng tôi có một phát hiện rất kỳ lạ: dầu cho tôi có sống trong mây, trong sương, trong mộng chẳng nữa, thì bên mình luôn luôn như có một người sẵn sàng tiếp nhận tôi từ trong mây, trong sương, trong mộng, trong mơ ấy... để lần lượt đưa tôi trở về với cuộc sống đời thường, chẳng khác nào một trò ảo thuật. Những nhân vật dưới ngòi bút của tôi sống lại, những cuốn sách đầy mơ ước của tôi sẽ được xuất bản, ngoài viết văn ra, tôi không phải làm việc nhà, tôi lại ngồi trong “ngôi nhà” của mình, xem ti vi, nghe những ngôi sao ca nhạc hát những “bài ca” do tôi viết...

Hàm Đào trở thành một người tương đối quan trọng trong cuộc sống của tôi. Anh ấy là người xuất bản sách của tôi, cũng là người quản lý của tôi, vừa là độc giả, vừa là “người thẩm định tác phẩm” của tôi, là bạn của tôi, cũng là ông chủ của tôi, vừa là người ủng hộ truyện của tôi, cũng là người thực hành những mộng ước của tôi... Chúng tôi bắt đầu chịu ảnh hưởng lẫn nhau. Tôi ỷ lại vào anh, tin nhiệm anh, phục tùng anh. Anh ấy cũng thay đổi, cũng mộng mơ, cũng thực thực

ảo ảo, khi tôi ở trong mây trong sương, anh ấy cũng lẫn vào trong sương trong mây để tìm hiểu về thế giới riêng của tôi:

*“Tôi là vàng mây trắng
Lấy bao la làm nhà
Sáng đón mặt trời mọc
Chiều đưa bóng xế tà!
Đời tôi vàng mây ấy
Thật ung dung, nhẹ nhàng
Thân bay theo hồn bay,
Giữa trời cao, đất dày?”*

Thế giới riêng của tôi không thực tế chút nào, anh lại theo tôi đi vào thế giới ấy để rồi lại bồng bênh như mây. Tôi dẫn anh vào trong từng cuốn truyện của tôi, để anh tiếp xúc với từng nhân vật của tôi, mà mỗi nhân vật đó, bao giờ cũng có một phần là tôi trong đó. Tìm hiểu tôi càng nhiều thì anh càng trở nên mơ hồ hơn, anh không biết một người như tôi, một người mang đầy mộng mơ, hoàn toàn không hiểu rõ nhân tình thế thái, sao lại có thể sống được hơn hai mươi năm!

- Trên thế giới này, nếu ai cũng giống như chị, sớm muộn gì rồi cũng tuyệt chủng hết! - Anh nói vậy, sau đó đột ngột thốt lên. - Không được, không được! Nếu chị tuyệt chủng thì tôi biết làm sao?

Khi anh thốt lên “tôi biết làm sao”, tôi hơi bàng hoàng. Hai mươi bảy, hai mươi tám tuổi như tôi, đầu còn trẻ nữa, trên nẻo đường tình cảm, tôi từng vượt qua sóng to gió lớn, từng ném đủ ngọt bùi cay đắng, từng chịu bao vui buồn ly hợp, tôi có xa lạ gì với tín hiệu của tình yêu. Tôi bàng hoàng vì không thể để rơi vào bế khổ lần nữa! Không thể chìm đắm, không thể giẫy giụa, không thể dằng xé và đau khổ lần nữa! Tôi muốn thoát, muốn trốn, muốn chạy... Nhưng hồi tỉnh đã quá muộn, khi cả hai người đều nhận ra tình huống gay go, thì cả hai cũng đã lao vào quá sâu rồi.

CUỘC THỂ NGHIỆM SỐNG CHẾT CÙNG CÓ NHAU

Năm ấy, em trai út và Kỳ Lân đều trúng tuyển cuộc thi chọn người đi du học ở Mỹ. Thời kỳ ấy việc đi học nước ngoài là một làn sóng đang dâng lên cuồn cuộn, hầu như ai cũng muốn đi nước ngoài, bất chấp đời sống khó khăn tới đâu, vẫn trăm phương nghìn kế tìm cách đi học nước ngoài cho được. Nhiều ông bố bà mẹ đã khuynh gia bại sản cũng vì chạy tiền lo cho con ăn học, cơ hồ chỉ có đi học nước ngoài mới coi như thành đạt. Kỳ thực, cuộc cạnh tranh sinh tồn ở nước ngoài vô cùng gian nan, những người trẻ tuổi ra được nước ngoài đâu phải ai cũng thành đạt. Nhưng trong đợt sóng đi nước ngoài cuồn cuộn như vậy, đại bộ phận các bạn trẻ đều bị cuốn hút vào đó.

Hai đứa em trai của tôi cũng không ngoại lệ, chúng học Anh văn, thi đi học ở Mỹ, nộp đơn cho trường, đợi đến khi hai đứa nhận được giấy báo đi học đại học ở Mỹ, mới lo nghĩ đến vấn đề kinh tế. Dù sao thì tôi cũng là chị cả, thấy những đứa em của mình sốt sắng như vậy, liền bắt đầu giúp hai em lo các khoản lộ phí và học phí. Năm 1966, tôi tiễn Kỳ Lân trước, năm sau, tôi lại tiễn em trai út.

Tiếp liền hai đứa em trai đi học xa, tôi thấy buồn. Trong cuộc sống khó tránh khỏi quẩn bách. Viết, viết mãi, viết văn không chỉ là hứng thú, mà còn là phương cách kiếm tiền duy nhất mà tôi có thể dựa được. Lúc đó, tác phẩm của tôi được hoan nghênh, nhiều báo và tạp chí tìm đến tôi ký hợp đồng, hứa trả tiền nhuận bút hậu hĩ, để tranh thủ bản thảo của tôi. Còn tôi, do cảm kích Hàm Đào “người anh hùng có con mắt nhìn xa trông rộng”, luôn cổ vũ và giúp đỡ tôi, nên trước sau tôi vẫn không muốn xa Hoàng Quán. Sách của tôi trước nay đều do Hoàng Quán xuất bản, phần lớn truyện của tôi cũng đăng liên tục trên tạp chí Hoàng Quán. Trong năm ấy, số lượng tiêu thụ của Hoàng Quán cũng ngày một tăng lên, từ mấy ngàn bản vọt lên mấy vạn bản. Hàm Đào thường nói với tôi:

- Từ khi có chị, Hoàng Quán mới bắt đầu cất cánh!

Kỳ thực, câu nói ấy có hơi quá đối với tôi. Hoàng Quán mỗi ngày một ăn nên làm ra do rất nhiều nguyên nhân: Cải tiến in ấn, nâng cao chất lượng, chăm lo đội ngũ nhà văn, đi sâu vào chất lượng nghiên cứu biên tập... Một tạp chí thành công cần nhiều yếu tố quan trọng. Nhưng, việc tôi trở thành một tác giả chủ lực của Hoàng Quán cũng là sự thật, tôi và Hàm Đào, như người cầm cương và con thiên lý mã, hai bên phối hợp nhau, gắn bó không bao giờ rời.

Quan hệ hợp tác gắn bó mật thiết như vậy làm cho tôi và Hàm Đào không tránh khỏi thường xuyên tiếp xúc nhau, tiếp xúc càng nhiều, hiểu nhau cũng ngày càng sâu. Nhưng tôi không thể làm trái quan niệm đạo đức truyền thống không gì có thể phá vỡ được, vì anh ấy đã có vợ có con, tôi hết sức giữ khoảng cách giữa tôi và anh, không thể để mình trở thành kẻ phá hoại hạnh phúc gia đình người khác. Hàm Đào hiểu rõ nỗi lòng của tôi, cũng hết sức tự kiềm chế mình. Sự kiềm chế ấy chẳng khác nào sự rung chuyển tiềm ẩn của một ngọn núi lửa trước khi bùng cháy. Cả hai người đều thấu hiểu nguy cơ, nhưng lại không biết làm sao để loại trừ được nguy cơ ấy.

Đúng vào lúc đó, ba mẹ tôi từ Sin-ga-po về Đài Loan, vì trường Đại học sự phạm đã lấy nhà của ba mẹ, nên tôi đón ba mẹ về ở chung với tôi. Lại một lần nữa sống chung với ba mẹ, tôi sung sướng không sao tả xiết. Nhưng vì tôi là một đứa con đã từng làm khổ ba mẹ, nên trạng thái tâm lý của tôi lúc này rất phức tạp, tôi luôn muốn làm sao cho ba mẹ thật vui lòng.

Tôi mua căn nhà cách tường với nhà tôi, đục tường thông với nhà tôi, ghép thành một hộ. Như vậy, ba có phòng sách rộng để viết “Trung Hoa thông sử”. Mẹ cũng có bàn làm việc riêng để tiếp tục theo đuổi ngành hội họa mà mẹ hằng yêu thích. Tôi thấy cái gì cũng tốt đẹp, ba mẹ tôi, em gái út và Tiểu Khánh hợp thành một gia đình tam đại đồng đường. Kỳ Lân đi nước ngoài, Tiểu Hà, vợ em sinh một con, đặt tên là Tiểu Lân, cũng thường đến ở chung với chúng tôi. Gia đình nhỏ của tôi bỗng chốc thành lớn. Nhà này còn một tác dụng nữa, có thể ngăn cách được Hàm Đào thật xa! Bởi vì ba mẹ tôi là điển hình mẫu mực cho đạo đức truyền thống, trong bầu không khí như vậy, tình cảm của tôi và Hàm Đào vẫn bị trượt đường rầy, sẽ được điều chỉnh đi đúng quỹ đạo của nó. Tôi không thể để cho ba mẹ coi thường tôi lần nữa!

Tất cả đều rất tốt, ba mẹ trở thành cái dây ràng buộc vô hình, và người giám sát hữu hình đối với tôi. Tôi thề là sẽ làm người con ngoan và mẹ hiền, mọi tình cảm liên hệ với Hàm Đào chỉ hiểu nhau bằng ý, không nói bằng lời. Như vậy cũng

hay, phải không? Nếu như tất cả cứ duy trì vậy, thì tình cảm giữa tôi và Hàm Đào có thể chấm dứt. Nhưng, số mệnh tôi hầu như không có ngày yên ổn, và cứ như hễ ở chung là tôi lại có tội với ba mẹ, làm cho hai bên cùng đau khổ. Trong khi tôi tưởng chừng mọi cái đều đã sắp xếp đầu vào đó, thì đùng một cái, lại có chuyện xảy ra, thật kinh thiên động địa.

Như đã viết ở trên, truyện tôi viết ra đã trở thành đối tượng khai thác của giới điện ảnh, hầu như truyện nào cũng đều đưa lên màn bạc. Trong số những truyện được đưa lên màn bạc, có cả “Ngoài cửa sổ”.

Tôi không thể nào quên thái độ giận dữ của ba mẹ khi “Ngoài cửa sổ” được xuất bản. Nhưng tôi tưởng chuyện cách đã ba năm, ba mẹ và tôi đã thông nhau rồi, coi “Ngoài cửa sổ” như một trước tác của tôi, cũng như sẽ phán khởi khi thấy “Ngoài cửa sổ” được đưa lên màn bạc. Sai lầm! Suy nghĩ của tôi quá ư sai lầm! Tôi hiểu ba mẹ tôi chưa thấu đáo! Khi chiếu “Ngoài cửa sổ”, ba mẹ tôi lặng lẽ đi xem, rồi đến khi trở về, mẹ liền trợn mắt nhìn tôi, ánh mắt sắc lạnh như mũi dao, cắm thẳng vào trái tim tôi. Tôi tưởng trên đời này không còn ánh mắt nào sắc, lạnh hơn thế! Mẹ trừng trừng nhìn tôi không biết bao lâu mới hét lên như điên loạn:

- Làm sao tao lại có một đứa con như mày? Mày viết sách chữ ba mẹ chưa đủ sao, lại còn dựng thành phim để tiếp tục chữ ba mẹ mày! Mày làm được việc như vậy sao mày không giết quách tao đi cho rảnh!

Tôi quỳ xuống đất, nắm chặt gấu váy mẹ, vừa van xin giải bày vừa khóc như mưa: Mẹ ơi, mẹ ơi, cả đời con luôn muốn mẹ vui! Sợ hãi quá, tôi cầu cứu ba tôi. Nào ngờ, cặp mắt ba tôi cũng sắc lạnh không kém, ba nhìn tôi trân trân, rồi đột ngột thốt lên một câu:

- Mày sẽ mãi mãi hối hận về việc làm này!

Tôi càng run rẩy, càng cảm thấy đau khổ và xót xa vô tận. Tôi tự vấn lương tâm, viết “Ngoài cửa sổ” tôi không hề ân hận, ba mẹ đau khổ như vậy, tôi không hiểu nổi? Tôi không thể nào lại “hối tiếc” việc tôi không hiểu rõ được. Tôi không hối tiếc, tôi tự nói với tôi, nhất định không hối hận gì cả. Nhưng nhìn mẹ đang khóc, tim tôi cũng tan nát! Tan nát đến mức không còn ý thức được gì cả. Tôi quì lạy mẹ, lạy đi lạy lại từng tiếng một:

- Con sai! Con sai! Con sai rồi!

Tôi không biết mình đã nói mấy trăm lần “con sai”, nhưng mẹ tôi đều bỏ ngoài tai, gạt phăng tôi ra, rồi vào nhà đóng sầm cửa lại, còn ba thì quệt tay lên cổ áo tôi mấy cái rồi lặng lẽ theo chân mẹ đi vào phòng.

Cái màn ấy được Hàm Đào chứng kiến tại chỗ từ đầu đến cuối, cứng cỏi như anh cũng phải ngỡ cả người. Đang lúc tôi nửa tỉnh nửa mê úp mặt khóc trong tư thế quỳ như vậy, anh đến nâng tôi dậy. Tôi nhìn anh, anh chẳng nói chẳng rằng, nhìn tôi với ánh mắt thông cảm và bi thương da diết. Tôi ngã gục vào lòng anh. Mẹ vẫn tiếp tục giận dữ, ngày hôm sau thì bắt đầu tuyệt thực. Sao lại đến nông nỗi này? Sao mà nghiêm trọng đến như vậy? Cho đến tận bây giờ tôi vẫn hiểu chưa ra. Mẹ vừa tuyệt thực, ba cũng hoảng lên, em gái út cũng hoảng lên, mọi người thay nhau đến bên giường mẹ, bưng cơm nước đến năn nỉ mẹ ăn, mẹ vẫn không chịu ăn. Ba ngày liền trôi qua, một giọt nước mẹ cũng không chịu uống, tôi luống cuống không biết làm thế nào cho phải. Ngày thứ tư tôi quỳ suốt ngày trước giường mẹ, hai tay bưng chén, năn nỉ mẹ ăn một chút, mẹ chẳng hề để ý đến tôi, nhắm nghiền mắt lại, không nói chuyện, cũng chẳng buồn mở mắt ra. Ngày thứ năm, cả nhà luýnh quýnh cả lên. Hàm Đào ngày nào cũng đến giúp tôi nghĩ ra cách này cách nọ, ổn định tinh thần cho tôi. Qua năm ngày đêm dầy vò ghê gớm, tôi đã tiêu tụy xanh xao, người chẳng ra người. Anh nhìn tôi mà lòng như thiêu như đốt, anh không ngừng khuyên tôi:

- Chị phải cứng cỏi lên, không thể quỳ được! Nếu như bác gái không chịu ăn, thì đành phải đưa bác đi bệnh viện, bác sĩ sẽ làm cho bác ấy ăn thôi! Việc chủ yếu là... - Anh kéo tay tôi, nói tha thiết - Đừng buồn trách nữa! Viết sách rồi quay phim là xu thế tự nhiên thôi, hậu quả này chị không thể lường trước được! Và lại, việc quay phim là do tôi bàn giúp chị quyết định, nếu sai, là tôi sai! Điều tôi ân hận nhất là không thể giúp gì được chị, trong khi chị bất lực mà tôi thì chỉ trở mắt nhìn!

Anh ấy đã tận tình giúp đỡ tôi, lần ra đầu dây mối nhợ trong lúc đầu óc tôi rối như tơ vò. Hôm ấy, tôi gọi Tiểu Khánh đến bên cạnh, bảo nó rót sữa vào ly rồi bưng cho bà uống. Tiểu Khánh sáu tuổi, mấy hôm nay đã biết hết những việc tôi làm. Nó chẳng nói chẳng rằng, bưng ly sữa đi một mạch đến giường bà, hai gối quỳ xuống, đưa ly sữa đến bên miệng bà, nói với giọng trẻ con đơn đót:

- Bà ơi, bà đừng giận mẹ con! Con bưng sữa cho bà uống!

Mẹ tôi đảo đảo mắt, nằm yên, Tiểu Khánh lại nói:

- Bà ơi! Bà uống sữa! Bà không ăn, mẹ cũng không ăn, cả nhà đều không ăn, Tiểu Khánh cũng không dám ăn... bà ơi, bà ơi, bà ơi...

Khi Tiểu Khánh năn nỉ bà như vậy, tôi không nén lòng được, bước tới cùng quỳ xuống với Tiểu Khánh, tôi vừa quỳ, em gái út cũng bước tới quỳ theo, mọi

người đều quỳ, người gọi mẹ, kẻ gọi bà, van nài nghe thảm thiết. Đến lúc đó, mẹ tôi không cảm lòng được, vừa khóc, vừa uống ly sữa do Tiểu Khánh bưng lại. Thấy mẹ chịu uống sữa rồi, tôi mới thở phào nhẹ nhõm, lúc bấy giờ mới thấy chân tay rã rời, khắp người mỗi mệt tưởng không còn sức gượng dậy được.

Mẹ chịu uống sữa tức là không tuyệt thực nữa. Tôi thấy mẹ chịu ăn, tuy đã trút được gánh nặng nhưng vẫn còn khổ tâm. Hôm ấy, tôi mệt mỏi đi ra khỏi giường mẹ nằm thì thấy Hàm Đào cầm chìa khóa xe tới, nói với tôi:

- Tôi đưa chị đi Đài Trung!

- Đi Đài Trung để làm gì? - Tôi hỏi.

- Chẳng làm gì cả. Để chị đổi không khí!

- Được! - Tôi gật đầu - Thực sự tôi cũng cần thay đổi không khí. Mấy ngày vừa qua, tôi đau đớn thiếu điều sắp chết! Tôi cầm chìa khóa xe, lúc đó tôi vừa mới học lái xe, chưa thi lấy bằng - Để tôi lái xe cho!

Hàm Đào không nói gì. Chúng tôi chui vào xe hơi, vừa mới ngồi vào chỗ tay lái, ngoái đầu lại, thấy em gái út và bạn trai của nó là A Phi đã nhảy lên xe ngồi sẵn ở phía sau rồi. Em gái út đấm tay lên lưng tôi, cười nói:

- Làm bộ chỉ có mình chị muốn thay đổi không khí, tụi em cũng muốn thay đổi không khí chứ bộ!

- Đúng rồi! - A Phi xen vào - Tính cách mạnh mẽ của mẹ chị làm em sợ hết hồn! Thấy “cô út này” mặt mày tái mét, em cũng lo muốn hết hồn luôn!

A Phi rất yêu em gái út. Lúc mẹ ở Sin-ga-po về, thấy A Phi lui tới, mẹ không thích lắm, đúng như tôi dự đoán, theo mẹ là A Phi không hợp với em gái út. Lần này, mẹ tuyệt thực, A Phi ở kề bên quan sát, thấy sợ hết vía. Trạng thái tâm lý này của nó, tôi thông cảm được. Tôi gật gù đầu:

- Chúng ta đều cần không khí trong lành, đi thôi! Chúng ta đi thay đổi không khí!

Tôi khởi động máy, lái xe ra ngoại thành. Lúc đó, chưa có đường cao tốc, từ Đài Bắc lái xe đi Đài Trung phải mất sáu tiếng đồng hồ. Vừa lái ra khỏi ngoại thành sau mấy ngày liền mệt mỏi, tôi muốn xả hơi ngay. Để hờ chân lên bàn thắng, tôi cho xe chạy nhanh, trời ập mưa lớn, tôi vẫn cho xe lao tới trong mưa, xe chạy vun vút, làm cho em gái út và A Phi ngồi đằng sau phải lo lắng dán mắt nhìn. Thế là không đầy hai tiếng đồng hồ đã đến trạm trung gian Tân Trúc.

Xe đến Tân Trúc, trời mưa như trút nước. Tôi dừng xe, lúc này mới thấy gân cốt rã rời, người tôi mềm như bún. Nhờ tay lái cho Hàm Đào, tôi nói:

- Đoạn sau do anh lái! Hai giờ qua em lái đến Tân Trúc, để xem anh có thua em không? Em chấp anh hai tiếng lái đến Đài Trung!

Tại sao tôi lại thốt ra những câu ấy? Tôi cũng chẳng rõ. Sau đó, tôi thường nghĩ, người không qua khỏi số mạng! Đã là số, đâu là phước hay họa đều không tránh khỏi!

Hàm Đào cầm tay lái hướng xe về Đài Trung. Mưa càng lúc càng lớn, ngoài cửa xe, trời đất mịt mù. Hàm Đào cũng làm như tôi, lái xe chạy như bay. Nhìn ra cửa xe, ngoài mưa, tôi hầu như chẳng thấy gì cả, tôi nói lớn:

- Tôi ngủ đây!

Nói xong, tôi khoanh hai chân lên đệm ghế, ngã lưng, rồi mơ mơ màng màng ngủ thiếp đi. Hôm ấy, tôi ngủ thật ngon lành. Trong giấc mơ, bỗng thấy xe rung lên rất mạnh, tôi giật mình tỉnh giấc, chỉ thấy trước mặt là một chiếc xe ca mười bánh đang thẳng gấp, xe chúng tôi cũng thẳng gấp, tiếng xe rít nghe ghê người. Vì tốc độ quá nhanh, thẳng lại không ăn, xe chúng tôi như chui xuống bụng chiếc xe tải. Hàm Đào bẻ nhanh tay lái, xe vọt lên rồi như hỏa tiễn đang bay, xe húc vào một gốc cây to tướng bên đường.

Trước và sau lúc xe tông chỉ diễn ra trong vài giây. Mắt tôi nhìn chăm chăm vào gốc cây to trước mặt, sau đó là xe tông mạnh, miếng kiếng rơi khắp mình tôi... Theo bản năng, tôi đưa tay ôm đầu, mặt úp lên đầu gối. Xe rung lên, chồm tới, thối lùi rồi dừng lại. Tôi giật mình chụp mạnh tay Hàm Đào, hỏi lớn:

- Anh có làm sao không? Anh có làm sao không?

Hàm Đào quay đầu nhìn tôi, mặt trắng nhợt, dồn dập hỏi lại:

- Em có làm sao không? Em có làm sao không?

- Út ơi! có làm sao không? - tôi gọi lớn, rồi nhìn lại mình thấy khắp người chỗ nào cũng có máu rỉ, miếng kiếng găm vào tay vào chân tôi.

- Em không sao! - Em gái út rên rỉ đáp - A Phi...

- Em chỉ bị rách miệng thôi! - A Phi trả lời.

Thế là tốt! Cảm ơn trời đất! Tôi nghĩ bụng, ít ra thì bốn người đều sống, tiếp sau đó, tiếng người lơ nhố chung quanh, đó là người từ trên xe ca tràn xuống, đến cứu chúng tôi. Họ đưa chúng tôi từng người từng người một ra khỏi chiếc xe đã bẹp dúm, ôm vào xe ca, chạy vội đến một bệnh viện ngoại khoa nhỏ ở Thông Tiêu - một thị trấn nhỏ.

Bốn chúng tôi đều vào viện, lúc bấy giờ mới kiểm tra vết thương của nhau, nhìn bên ngoài trông tôi thê thảm nhất, vết thương to nhỏ đầy người do miếng

kiếng chặt vào, trên đùi có một miếng thịt bị toạc ra. Chân phải của Hàm Đào không nhúc nhích được, chỉ nhìn thấy bắp thịt đang sưng đỏ lên. A Phi bị rách môi, máu đang rỉ xuống nhòe nhoẹt cả cằm. Em gái út khắp người không việc gì, trừ mặt mày tái mét. Bệnh viện quyết định chữa cho tôi trước, đem kim chỉ ra, bắt đầu khâu vết thương cho tôi. Trời đất ơi! họ không tiêm thuốc mê, nên khi kim chỉ kéo xuyên qua da, tôi đau quá la hét lên, đến nỗi em gái út phải vội can thiệp:

- Sao các ông lại khâu chị tôi như vậy? Dừng lại thôi! Dừng tay lại! Không thể khâu như thế được!

- Không khâu thì sẽ có sẹo! - Bác sĩ bảo.

- Dừng khâu nữa! Dừng khâu nữa! - Tôi khẩn cầu - Thì tôi đã bị thương khắp người rồi, còn gì nữa mà sẹo với không sẹo!

Hàm Đào ngồi trên ghế đằng xa tít, không đi lại được, chẳng biết chúng tôi có làm sao không, chỉ nói với qua:

- Các em có làm sao không?

- Em không sao! - Em gái út nói, nước mắt lại trào ra - A Phi, đừng cho họ động đến chị của em!

Tôi ngược nhìn em gái út, thấy nó càng lúc càng mệt, mặt xanh mét như tàu lá.

- Bác sĩ! - Tôi gọi lớn: - Bác sĩ khám em tôi xem! Mặt nó sao tái nhợt thế kia?

Bác sĩ buông tôi ra, đi kiểm tra em gái út, tức thì, bác sĩ bảo khẩn cấp:

- Có thể cô ấy bị xuất huyết nội, bệnh viện nhỏ chúng tôi không cứu được cô ấy đâu! Chúng ta phải chuyển gấp cô ấy đến bệnh viện Sa Lư!

- Thế thì chuyển nhanh lên! Chuyển nhanh lên! - A Phi đá chân nói lớn: - Nếu cô ấy có làm sao thì các bác sĩ ở đây còn làm gì? Tôi sẽ bắt đền mấy ông!

Tim tôi đau nhói. Tôi tự an ủi, em gái út của tôi phước lớn, tốt số, không việc gì đâu! Nó sẽ sống lâu trăm tuổi. Tôi nhịn đau, không cho bác sĩ khâu nữa, chúng tôi nhanh chóng chuyển sang bệnh viện Sa Lư. Em gái út lập tức được đưa vào phòng mổ, sau khi mổ hai giờ, bác sĩ mới bước ra nói với chúng tôi:

- Tì tạng cô ấy bị rách, xuất huyết nội rất nhiều, đã cắt bỏ tì tạng, hút máu ra, Nếu đến chậm năm phút là không cứu được nữa!

- Bây giờ thì sao? Cô ấy đỡ chưa? Có di chứng gì không? - Tôi vội vàng hỏi.

- Cô ấy sẽ khỏe, cũng không có di chứng gì đâu. Bác sĩ nói tiếp: - Nhưng cô ấy phải nằm lại bệnh viện một tháng, không thể di động được!

- Em trông cô ấy! - A Phi nói, nhìn tôi và Hàm Đào - Tốt nhất là anh chị nên

bao một chiếc xe, trở về Đài Bắc điều trị!

Tôi nhìn A Phi, A Phi gật đầu với tôi. Sự giao phó của tôi, sự hứa hẹn của A Phi đều không nói bằng lời. Em gái út của tôi nằm lại bệnh viện. A Phi cũng ở lại đó. Đến lúc đó tôi mới hoàn hồn, mình mang đầy thương tích, miễn cưỡng chống đỡ với bản thân, đi gần bên Hàm Đào. Từ sau khi bị tông xe, anh ấy mặt mày nhợt nhạt, ánh mắt lộ vẻ hối hận, ít khi nói chuyện. Tôi đi gần anh, an ủi:

- Nghe nào, đây là một chuyện bất ngờ! Đừng vì chuyện này mà anh tự dày vò mình! Ở đời, chuyện bất ngờ bao giờ cũng có! Anh đừng đau buồn, lo lắng làm gì! Không ai trách anh đâu, xin anh nhất thiết đừng dẫn vạt mình nữa!

Nghe tôi nói mấy câu ấy, anh liền bắt chặt tay tôi, mắt ngấn lệ. Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy Hàm Đào khóc. Sau này, chuyện đã qua đi, anh nói với tôi:

- Mấy câu nói của em đã thật sự ngấm sâu vào lòng anh, chỉ có em, trong tình huống thê thảm như vậy, mới hiểu được tâm trạng của anh, em đúng là một người đàn bà thật kỳ lạ!

Hôm ấy, chúng tôi bao xe về Đài Bắc, tôi vào bệnh viện khâu lại các vết thương rồi về nhà nghỉ. Hàm Đào chân phải bị gãy, phải bó bột, phải chống nạng khá lâu. Em gái nằm viện ở Sa Lư một tháng, có A Phi túc trực ngày đêm trông nom em. Sau khi nghe tin em gái bị thương, mẹ cũng hết tuyệt thực, hết giận dỗi, liền đi Sa Lư thăm em gái út. Sau khi trở về, mẹ buồn buồn nói với ba:

- Chắc con út nhà mình phải gả cho A Phi thôi, vì thằng con trai đó đã bưng cả chậu nước tiểu của nó đi đổ.

Thế là A Phi đã vượt qua cửa ải khó nhất là mẹ, thuận lý thuận tình cho kết bạn với em gái út. Rõ ràng đây là bước phát triển nhảy vọt mà không ai ngờ đến.

Tôi và Hàm Đào, sau trận tông xe, tình cảm của hai người như ngựa buông cương, không làm sao kìm chế được nữa. Khoảng khắc sống chết có nhau ấy, đã làm cho chúng tôi không ai trốn thoát được ai. Biết rõ ràng đây là vực thẳm của đau khổ, chúng tôi vẫn cứ nhảy vào.

Tôi thường nghĩ, chuyện đời tôi do nhiều yếu tố ngẫu nhiên tạo thành. Nếu như hồi mười chín tuổi tôi không yêu thầy giáo của tôi, thì không có cuốn sách “Ngoài cửa sổ”, cũng không có phim “Ngoài cửa sổ”, không có phim thì mẹ không tuyệt thực, tôi cũng không lái xe đi thay đổi không khí, không đi thay đổi không khí thì không xảy ra tai nạn ô tô... Câu chuyện tôi và Hàm Đào liệu có viết lại chẳng? Em gái út và A Phi có thành không? Đời người thật lạ lùng quá đỗi.

Ở BÊN NHAU ĐÃ KHÓ, CHIA TAY NHAU CŨNG CHẴNG DỄ

Mai năm sau ngày tông xe, tôi tìm mua cho ba mẹ một ngôi nhà kiểu tây nhỏ nhỏ, có vườn hoa, ba mẹ thích nơi ấy yên tĩnh, dời về đó ở. Tiếp đó, Kỳ Lân đưa Tiểu Hà và Tiểu Lân sang Mỹ. Lại một năm nữa, em gái út tốt nghiệp đại học, được phần thưởng cao nhất, đi học nước ngoài. Gia đình lớn của tôi lại trở thành một gia đình nhỏ, nhỏ đến mức chỉ còn có tôi, Tiểu Khánh và A Khả là người giúp việc. Ngoài ba người chúng tôi ra, khách thường xuyên của gia đình là Hàm Đào.

Lúc đó, tình cảm của tôi và Hàm Đào như đang trong cơn bão, khi giải quyết theo lý trí thì giữa tôi và Hàm Đào công tư rạch ròi, gác tình cảm sang một bên. Còn khi nặng về tình cảm, thì chẳng cần gì cả, truyền thống ư, đạo đức ư, lễ giáo ư, chẳng quan tâm đến! Nhưng tôi là người lớn lên trong gia đình nề nếp, tôi không thể nhắm mắt đưa chân để rồi làm “người thứ ba”.

Hàm Đào hầu như dốc hết tâm trí dành cho tôi. Giá như tôi không nghĩ đến thân phận của mình, và cũng không tính đến hoàn cảnh gia đình của anh, chỉ đơn thuần tiếp nhận tình cảm của anh thôi, thì cuộc sống sẽ rất dễ chịu. Anh có nhiều tài vật, luôn luôn đem lại cho tôi những ngạc nhiên và niềm vui lớn lao. Có lần anh viết cho tôi một bức thư, anh lấy một tờ giấy thật dài cuộn lại làm cuộn thư, đầu trên của cuộn giấy viết:

“Quỳnh Dao, đây là một bức thư dài.”

Nhưng anh không viết gì cả, tôi mở cuộn giấy cho đến cuối, dài tới mấy mét, mới thấy anh ký một chữ nhỏ ở cuối trang. Anh thích tặng quà cho tôi, quà nào cũng có nét đặc biệt của nó, thì ra, anh luôn đọc tìm cái nhạy cảm trong truyện của tôi. Vai nữ chính trong truyện thích mặc áo vải In-đô-nê-xi-a, thì anh ấy sắm cho tôi một chiếc. Vai nữ chính trong truyện thích chó, anh đem lại một con chó con Bắc Kinh màu trắng, tôi đặt tên cho nó là “Quả cầu tuyết”, thích cực kỳ. Vai nữ

chính trong truyện hát một bài ca tựa đề “Thuyền”, anh bảo tôi mở ti-vi lúc mấy giờ, ngày mấy, tháng mấy sẽ có ngôi sao ca nhạc hát bài “Thuyền”:

*“Có một chiếc thuyền con
Phiêu bạt khắp tây đông
Chở đầy bao kỷ niệm
Đi về trong mộng mơ!
Xuân qua thu lại đến
Thời gian thấm thoát trôi
Hoài niệm về giây lát
Mộng mơ cũng hoài thôi.
Ôi thân phận thuyền con
Đi qua bao bão tố
Dồn dập bước nguy nan
Khảm đầy bao gian khó.
Hỏi đâu vịnh chắn gió
Cho thuyền em ẩn thân?
Hỏi đâu là bờ bến
Cho thuyền em dừng chân?”*

Trong bài ca này có tiếng lòng của tôi, nghe không cầm được nước mắt. Anh ấy biết trong bài ca này có nỗi niềm của tôi, tức khắc muốn trở thành “vịnh chắn gió”. Nhưng, vịnh của anh đã có thuyền dừng chân tự bao giờ, tôi đành phiêu bạt, không chịu cập bến.

Một hôm, không nén được, tôi nói với Hàm Đào:

- Từ nay về sau, ngoài việc công ra, xin anh đừng tới nhà em nữa!

Anh trầm ngâm một lát, ngẩng đầu nhìn tôi:

- Những năm qua, giữa chúng ta, làm sao phân biệt được việc gì là công? Việc gì là riêng?

- Phân biệt được chứ! - Tôi xúc động nói - Nhất định phân biệt được! Còn như không phân biệt được, anh cũng phải phân nó ra! Tôi nhìn anh, nói rõ hơn cảm nghĩ của mình: - Em kể anh nghe này, trong đầu em luôn có một bức tranh, toát lên không khí gia đình êm ấm, hạnh phúc mà em được chứng kiến từ hôm anh mời em về nhà ăn cơm! Đừng để em phá hoại hạnh phúc của cái gia đình ấy, được không nào? Cứ tiếp tục thế này, thật không công bằng với em, đối với một người đàn bà khác, cũng không công bằng chút nào! Anh, trong trái tim em, anh

là hình ảnh của phái mạnh, khó khăn gì anh cũng có sức mạnh để vượt qua! Thế thì anh hãy ức chế mình đi, đừng đến tìm em nữa, đừng tặng quà cho em, đừng gọi điện thoại cho em, đừng viết thư cho em... đừng, đừng gì cả! Xin anh hãy cách xa em thật xa! Bằng không, em sẽ coi thường anh đấy! Anh là con người kiên cường, đừng để em coi thường anh! Xin hãy dừng!

Anh ấy thần thờ nhìn tôi, con người cứng cỏi như anh, vậy mà nghe tôi nói mấy câu ấy, nét mặt liền biến sắc. Anh nhìn tôi hồi lâu, ấp úng nói:

- Không lại thăm em, anh không chịu được, em đã là trọng tâm của cuộc đời anh rồi!

- Không! - Tôi gào lớn, giận hết chỗ nói. - Em không thể trở thành trọng tâm của anh được! Anh đã có trọng tâm từ lâu rồi, sao lại đi tìm trọng tâm mới? Anh ích kỷ quá! Anh có bao giờ nghĩ rằng anh đang lãng phí tuổi xuân của em, tiền đồ của em? Nếu không có anh quán quít mãi bên em, biết đâu chừng em đã tìm được mái nhà và hạnh phúc mới!

- Ở bên anh, em không cảm thấy hạnh phúc sao?

- Phá hoại sự yêu thương như thế sao gọi là hạnh phúc? - Tôi càng nói càng giận, giận đến cùng cực. - Lẽ nào anh không rõ là anh không đủ tư cách để thương tôi?

Anh nhìn tôi hồi lâu mới nói:

- Ý của em là, muốn anh sau khi đủ tư cách rồi, mới được thương em phải không?

- Không phải - Tôi càng giận - Ý của em là muốn anh rút ra khỏi cuộc sống của em, vợ anh, con anh, tại sao anh không giữ! Tại sao anh cứ phải làm em đau khổ?

- Anh không muốn làm em đau khổ - Anh đau buồn nói - Từ khi quen biết em, anh một lòng một dạ muốn làm cho em vui sướng, anh đã làm bao nhiêu việc, đều là muốn em được vui sướng. Nếu thật sự anh đã làm em đau khổ, thế thì anh sẽ rút thôi!

Anh ấy đã nói là làm. Mấy ngày liền, anh không lại tìm tôi, đến ngày thứ ba, anh xông thẳng vào nhà:

- Anh không làm được! - Anh gào lên - Em bảo đi, làm thế nào thì em mới hài lòng? Chỉ cần không chia tay, làm gì anh cũng làm! Anh nhìn tôi, nói khẩn thiết - Bây giờ, ba đứa con đều còn quá nhỏ, em cố chờ anh hai năm nữa được không?

Tôi khóc, không làm sao nín được. Tại sao tôi lại để mình đi đến nông nỗi này? Tôi không thể nào làm tan nát gia đình của anh, tôi cũng không thể khuất phục chính bản thân tôi. Thật tình là tôi không biết làm sao bây giờ! Tôi cảm thấy, tình cảm này không công bằng đối với tôi, bởi vì tôi hoàn toàn ở vào vị trí bị động. Bị động chờ anh đến thăm, bị động chờ anh gọi điện thoại, bị động nhận lấy sự ân cần của anh, bị động gặp mặt anh... Tôi là một nhân vật “bị động” như vậy đó, không có “chủ quyền” để làm bất cứ điều gì, bằng không sẽ làm thương tổn đến một người đàn bà khác. Việc duy nhất mà tôi “chủ động” được là chia tay với anh ấy. Nhưng, cả đến điểm này, anh ấy cũng không chịu phối hợp với tôi? Tôi càng nghĩ, càng ức, càng nghĩ càng giận. Đợi anh ấy hai năm, tại sao tôi lại phải đợi anh hai năm? Lẽ nào hai năm sau sẽ không tồn tại vấn đề gì nữa? Không, tôi phải chia tay, chỉ có chia tay, mới để anh ấy như chim về tổ, cũng để tôi được tự do bay nhảy.

Thế là, suốt thời gian ấy, chúng tôi bàn nhau chuyện “chia tay”, gặp nhau không còn là đường mật ngọt ngào, mà là vô số dằn vặt, mâu thuẫn, đau khổ và nước mắt. Thế rồi, có một hôm, anh nói:

- Chúng mình lái xe đi Điều Lai, Điều Lai có núi cao, có thác đẹp, chúng ta hãy đứng trên chỗ cao nhất mà suy nghĩ, hoặc đứng trước đất trời bao la, chúng ta sẽ không còn thấy chuyện giữa chúng mình nghiêm trọng đến thế.

Tôi không cho rằng đến Điều Lai là có thể giải quyết được mọi việc giữa chúng tôi, nhưng tôi vẫn đi Điều Lai cùng anh ấy.

Xe lái gấp trên đoạn đường đèo lượn vòng trên núi Điều Lai, một bên là vách núi dựng đứng, một bên là vực sâu thăm thẳm. Chúng tôi tiếp tục tranh luận nhau trong xe, anh ấy đưa ra hàng trăm lý do “không thể chia tay”, tôi đưa ra hàng trăm lý do “cần phải chia tay”, hai người càng nói, càng gắng. Sau cùng, anh đột ngột hỏi:

- Em nhất định chia tay?

- Vâng!

Mặt anh tối sầm lại, anh đột ngột thắng xe đứng khựng lại ngay chỗ đường đèo chật hẹp, anh mở cửa xe ra rồi nói với tôi như ra lệnh:

- Thế thì mời em xuống xe!

Tôi chưa kịp phản ứng gì, anh đã đẩy tôi ra khỏi xe, tôi nhìn chung quanh, vắng tanh vắng ngắt, không một bóng người. Tôi nghĩ bụng anh này nhẫn tâm thật, nói chia tay là đem bỏ tôi ngoài đèo hoang thế này, anh ấy tưởng ở đoạn đèo

hoang này tôi không cách gì sao? Xuống xe thì xuống xe! Tôi hàm lăm, chẳng nói câu nào, ai ngờ, anh thấy tôi xuống xe xong, anh liền đóng cửa xe lại. Tôi chỉ nghe tiếng xe rồ mạnh, định thần lại nhìn, trời ơi! Anh dặn ga cho xe lao xuống vực. Tôi kinh hoàng, không thể thế được, nếu xe lao xuống vực sâu thăm thẳm như vậy, người sẽ nát như cám! Tôi quýnh quá, không một giây chần chừ, vụt nhảy xổ tới, rồi chẳng biết sức mạnh từ đâu tới, tôi phục cả người trên nắp xe. Anh thấy tôi đột nhiên phục lên nắp xe, cũng thất kinh hồn vía, liền đạp mạnh bàn thắng, xe dừng ngay ở mé vực. Tôi bấu lấy xe, nhìn trừng trừng vào anh ở trong xe qua lớp kính. Anh chết lặng, mặt trắng bệch, nhìn tôi chằm chằm.

Tôi không biết hai người nhìn nhau bao lâu qua lớp kính chắn gió, trong ý thức của tôi, có lẽ dài đến hàng trăm thế kỷ. Trong giây phút đó, không có trời, không có đất, không có thế giới, không có vũ trụ, càng không có nhân loại nào khác, mà trên đời này chỉ còn lại hai người, một người ở trong xe, một người ở ngoài xe, lại nữa, không biết sống hay chết?

Sau đó, anh xông ra khỏi xe, vì tôi đã hết sức, nên tuột người xuống xe, chỉ cần tuột thêm vài gang tay là rơi xuống vực. Khi ấy, tôi bắt chấp tất cả. Anh có thể lao xe xuống vực, tôi rơi xuống cũng chẳng sao, nhưng tôi lại không rơi xuống vực, anh ra sức kéo tôi, tôi rơi gọn vào lòng anh.

Hôm ấy, trên núi gió lớn, chúng tôi lại đứng nhằm cửa gió, hai người đều run, và cả hai đều không rõ mình mới trải qua những gì, chờ khi định thần trở lại, tôi dần dần nhận ra mọi việc, nhìn bánh xe anh dừng mấp mé bờ vực, tôi thảng thốt, ôm đầu khóc nức nở.

Tôi khóc, anh cũng khóc. Anh lúng ba lúng búng xin lỗi tôi, anh phân trần rằng đã không có cách nào gặp lại tôi chỉ bằng cắt đứt mọi đau khổ cho rảnh. Anh càng nói, tôi càng khóc, khóc rồi, tôi hỏi:

- Tại sao anh đẩy em ra xe?

- Vì em còn có Tiểu Khánh! - Anh đáp.

Anh nói xong, tôi càng khóc to hơn. Chiều hôm đó, chúng tôi cùng đứng bên nhau ở bờ vực, ôm nhau khóc. Cho mãi đến trời tối mịt, chúng tôi mới trở lại xe. Lần này, anh lái rất cẩn thận, chúng tôi về đến Đài Bắc khi nhà nhà đã lên đèn.

Trải qua một pha kinh hoàng như vậy, nhiều ngày liền, chúng tôi đều bàng hoàng trong tình cảm của nhau, không một chút nghi ngờ, không dám nói lời ly biệt khi số mệnh đã an bài.

Mãi đến giờ, thường có độc giả viết thư hỏi tôi:

- Tình yêu dưới ngòi bút của chị có tồn tại trong cuộc sống đời thường không? Những mối tình chấn động thiên hạ như vậy phải chăng là sự nguy tạo của chị?

Tôi đã gộp lại trả lời chung những vấn đề ấy, mỗi người có quan niệm của mình, chỉ có điều lạ là tình yêu trong cuộc đời của tôi sao mà mãnh liệt đến thế? Chấn động đến thế? Lại đầy kịch tính đến thế?

LÃNG MẠN VÀ TÀN KHỐC

Sau sự kiện Điều Lai, tôi thực sự bị số mệnh khuất phục. Tôi không nghĩ tới những vấn đề truyền thống, lễ giáo, tôi chỉ thăm lặng tiếp nhận những gì Hàm Đào tặng. Tôi vẫn kiên trì không làm tổn hại đến người vợ của anh. Một thời gian dài như vậy, ngày nào anh cũng lại thăm tôi, rồi quay về nhà của anh. Tim tôi vẫn không thăng bằng, thường đốn đau, khổ sở. Có khi cũng nghĩ tới vợ của anh mà đau khổ thay cho chị, bất bình thay cho chị. Nhưng đây là một kết cục khó giải. Con người như Hàm Đào, đã yêu là dám đổi sinh mạng của mình. Nhưng anh có trách nhiệm rất lớn đối với vợ con, gia đình, đảng nào cũng có người chịu khổ vì anh!

Tôi quyết định thuận theo số mệnh, và quyết định để cho tình yêu đau khổ đó trở thành tươi đẹp. Con người, đã yêu vẫn hay hơn là chưa yêu. Hưởng thụ tình yêu mà không cần khát khe đối với số mệnh! Thế rồi tôi buông thả mình. Không nhắc đến chuyện chia tay, chúng tôi quý từng giây phút gần gũi bên nhau. Như trên tôi đã nói, chỉ cần tôi không khát khe quá, đòi hỏi không nhiều quá, thì cuộc sống sẽ rất dễ chịu.

Quả thực chúng tôi đã sống những chuỗi ngày thật mãn nguyện. Hàm Đào yêu hoa, yêu tranh, chúng tôi thường nói với nhau: trong cuộc sống có ba nhiều: nhiều hoa, nhiều tranh, nhiều lời. Anh thích tặng hoa cho tôi, tôi thích mặt đất và nắng chiều. Có khi chúng tôi đi du lịch, thấy ven đường có hoa dại, thấy trên cây có chồi non, thấy dòng suối róc rách chảy, tôi đều ngây ngất. Anh thường đưa tôi đi du lịch, vì tôi rất thích cảnh vật thiên nhiên. Cuộc sống của tôi không còn cái vĩa nữa mà ngày càng trở nên lãng mạn. Tính tôi thích khoa trương những điều tốt đẹp, chỉ đáng năm tôi thêu dệt thành mười. Chúng tôi thường đi Mỹ để thăm các em, khi ngắm người ta bơi thuyền câu cá ở khu Thiên Đảo, ngắm mặt trời từ từ ngả về tây, tôi cảm thấy thế giới này đẹp đẽ vô cùng. Chúng tôi cũng từng đi Châu

Âu, đứng trong những khu rừng ngô đồng bạt ngàn, nhìn lá rơi lả tả trên mặt đất trải thành một lớp thảm, tôi hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Rồi những lời thơ về cây ngô đồng cứ bám lấy tôi, như chẳng thể nào dứt ra được:

*Ngô đồng trong mưa ngâu
Hoàng hôn, trong mưa ngâu
Từng giọt rơi tí tách
Gió xuân về bát ngát
Đào, lê vui nở hoa
Mùa thu đến mưa sa
Cây ngô đồng rũ lá!
Cây ngô đồng đứng đó,
Dẫu mưa trúa dầm dề,
Bao u uất nắng nê,
Vẫn không sao gọi sạch!
Tiếng lá rơi xào xạc
Hòa tan trong không gian
Những giọt sương lưu lạc
Ngày mai rồi sẽ tan.*

.....

Từ Châu Âu trở về, Hàm Đào viết một cuốn sách tựa đề “Dưới bầu trời”, hình ảnh của hai người được lồng vào từng chương từng tiết.

Cuộc sống khá lãng mạn. Tôi mãn nguyện lắm, thế nhưng, tự đáy lòng mình vẫn thấy xót xa, thường rơi vào trạng huống vui buồn đột ngột. Tôi còn phải viết văn, thời kỳ đó tác phẩm của tôi bao giờ cũng có hình bóng của tôi, mà Tần Vũ Thu trong “Hoa sóng” là một dẫn chứng rõ nhất. Rồi đến một hôm, thứ tình cảm lãng mạn ấy bị xé nát.

Hôm ấy, chuông điện thoại reo, tôi nhắc ống nghe, bên kia đầu dây là tiếng của một người đàn bà xa lạ:

- Chị là Quỳnh Dao phải không?

- Vâng. Xin hỏi...

Tôi chưa nói hết câu, tức thì bị đối phương nổ một tràng dài như súng liên thanh:

- Mi là đồ đàn bà thói tha, trác nết. Đàn ông thiên hạ chết tiệt rồi hay sao mà đi chà chông của người khác! Không biết xấu mặt à, đồ đĩ!...

Chị nói hàng lô hàng lốc, còn những chữ mà tôi không thể viết ra đây, cần dùng dấu * * * để thay thế. Cú điện thoại ấy làm tiêu tan bao ý thơ, vào bao mơ tưởng lãng mạn của tôi. Tôi nghe mà thờ thần cả người, người bên kia đầu dây vẫn tiếp tục chửi như tát nước, tôi cúp điện thoại, người phát run lên. Nào ngờ, điện thoại vừa cúp, chuông lại đổ hồi, tôi cầm ống nghe, lại tiếng người phụ nữ nọ, chị ấy lại tiếp tục tru tréo lên, tôi cúp máy điện thoại, chuông lại đổ hồi... Cứ thế, trong một ngày trời mà người đàn bà điên kia gọi lúc cho tôi tới hàng trăm lần. Lúc có điện thoại cũng là lúc có hai vợ chồng người bạn Mỹ mới quen biết, đang học tiếng Trung Quốc ở đây, đến chơi nhà tôi. Thấy tôi suốt ngày nhận điện thoại, anh chồng tức lắm, hét tướng lên, bảo tôi:

- Quỳnh Dao! Chửi cho hần một trận! Hần chửi chị những gì, chị chửi hần lại y như vậy! Tại sao chị lại cầm ống nghe để người ta hành hạ như vậy! Chị chửi hần đi! Chửi hần đi.

Tôi cầm ống nghe, muốn chửi, nhưng lại ấp a ấp úng chẳng nói được tiếng nào. Nguyên là từ nhỏ đến lớn tôi có biết chửi đâu, tôi gác ống nghe, nước mắt ràn rụa.

Khi Hàm Đào đến thăm tôi, thấy người bạn Mỹ đang dùng điện thoại, chửi lại người đàn bà xa lạ kia bằng thứ tiếng Trung Quốc lơ lớ. Thật là một trường hợp kỳ quặc, người bạn Mỹ cố gắng vận dụng tất cả từ ngữ Trung Quốc đã học được ở trường, đem ra chửi câu nọ xọ câu kia, chẳng ăn khớp gì cả. Hàm Đào giật ống nghe, chỉ nghe mấy câu, anh liền cắt dây điện thoại.

Ngày hôm sau, Hàm Đào gọi Công ty Điện thoại bắt cho tôi máy mới, đổi luôn số cũ. Người kia không gọi được nữa, nhưng rồi tôi cũng cụt hứng, cả cảm giác “được yêu” cũng đều tê dại, chỉ cảm thấy mình lại giống như thời thiếu nữ, rơi vào một giếng sâu băng giá, bất lực, không gì chống đỡ.

Hàm Đào tức giận đi sục tìm người gọi điện thoại, quay lại nói với tôi đó là một kẻ vô công rồi nghề, ngồi lê đôi mách. Tôi lắc đầu buồn rười rượi, đó là ai không quan trọng, nhưng ít ra, chị ta cũng có tiếng nói đáng nghe chứ. Tôi đau xót nói với Hàm Đào:

- Bảo vệ tôi, để tôi khỏi tổn thương, chi bằng buông tôi ra, sống chết mặc tôi!

- Không bảo vệ em được tốt là sai lầm của anh! - Tiếng nói Hàm Đào như tắc nghẹn - Để em bị làm nhục như vậy là sai lầm của anh! Bảo anh bỏ em ư, điều ấy không thể được! Hai lần suýt chết đã gắn bó chúng ta đến mức không thể tách rời nhau được nữa! Anh không bỏ em, nếu anh bỏ em thật, thì đó là một sai lầm cực

kỳ to lớn! Bây giờ sự việc đã đẩy đến đường cùng thế này, anh phải có cách lựa chọn! Em đừng đau khổ nữa, để cho anh quyết định làm một việc cần làm. Một việc lẽ ra phải làm từ lâu rồi!

Anh đi về, bàn bạc với vợ anh về chuyện ly hôn, bàn như vậy đằng đằng tám năm. Người vợ trước của Hàm Đào là Ôn Uyển Nhân Thục, một phụ nữ quý phái xinh đẹp có truyền thống đạo đức đáng kính: thương chồng, thương con, dịu dàng, hiền thực. Ngay cả sự có mặt của tôi, chị ấy cũng tảng lờ. Chị trầm lặng như nước hồ lặng sóng, còn Hàm Đào thì ngược lại, chẳng khác nào một ngọn đuốc cháy bùng. Có lẽ sự không đồng điệu giữa họ là ở chỗ đó.

Bàn bạc chuyện ly hôn mà bàn hơn tám năm ròng, thật là một kỷ lục! Trong cuộc bàn bạc kéo dài triền miên đó, tôi được bạn bè tốt bụng bố trí để nói những lời khẩn thiết với vợ trước của Hàm Đào. Đó cũng coi như một sáng kiến.

Hôm ấy, hai người đàn bà chúng tôi nói chuyện bí mật với nhau trong nhà một người bạn. Các bạn đều cố ý lánh mặt. Tôi nhìn chị ấy sao mà đoan trang, đứng trước người như tôi, chị chẳng hờn chẳng giận, chẳng lạnh, chẳng nóng, chỉ yên lặng nhìn tôi. Đột nhiên, tôi đồng tình với chị một cách sâu sắc. Một người đàn bà bất hạnh như vậy, đã hiến dâng tuổi thanh xuân của mình cho Hàm Đào, đã cho Hàm Đào ba mặt con, cuối cùng ngỡ ngác ra tòa phán xử! Thật quá ư tàn nhẫn! Trong giây phút đó, tôi tự thấy mình sai ngàn vạn lần, và lẽ ra, không nên tiếp nhận cảm tình của Hàm Đào, không nên vùi đầu vào chuyện hôn nhân của người khác!

Chúng tôi ngồi đối diện nhau hồi lâu mới bắt đầu nói chuyện. Chúng tôi nói với nhau rất lâu, nói rất nhiều và cũng nói rất là sâu sắc. Bây giờ thì không làm sao nhớ hết câu chuyện giữa chúng tôi để mà ghi lại từng chi tiết một. Chỉ còn nhớ là, sau cùng, tôi rất xúc động, rất khẩn thiết, rất trân trọng nói với chị ấy:

- Nếu như chị hãy còn yêu thương anh ấy, không chuẩn bị bỏ anh ấy, thì hãy quản chặt anh ta! Anh ấy đi đâu, thì chị cũng đi đến đó, anh ấy có thể đến nhà em, thì chị cũng có thể đến nhà em. Chỉ cần chị không tạo cơ hội cho anh ấy! Dầu thế nào chẳng nữa, chị vẫn là vợ của anh ấy.

Chị nhìn tôi hồi lâu, mới thốt lên một câu:

- Chị cảm ơn thành tâm của em.

Lòng tôi thất lại, gượng cười.

- Câu ấy đáng lẽ tôi nói ra mới phải!

Cuộc nói chuyện giữa chúng tôi đến đây kết thúc. Hôm ấy, Hàm Đào biết

chúng tôi nói chuyện với nhau suốt một buổi chiều, anh tái mặt, đá chân, nói:

- Các bà không “liên hợp lại” để cho tôi một trận nên thân chứ!

- Không, - Tôi cười cười nói: - Rồi cũng phải có một người cần đến anh. Tôi nhìn anh, lòng buồn rười rượi, anh chẳng phải là một người đàn ông hoàn hảo mà tôi đã từng mơ tưởng, những sự chăm chút tỉ mỉ, săn sóc ân cần của anh đối với tôi, cả đời tôi chưa hề gặp bao giờ.

Dù sao, tôi phải bỏ anh ấy! Dứt khoát phải bỏ anh ấy!

MÂY KHÔNG BĂM CHẶT, TỔ CHĂNG XÂY NÊN

Gó một hôm, tôi bảo Hàm Đào với vẻ trịnh trọng:

- Em sắp lấy chồng rồi!

Anh nhìn tôi không tin, hỏi:

- Em nói sao?

- Em sắp lấy chồng! - Tôi nhắc lại lần nữa.

Anh nhìn tôi đăm đăm, làm như tôi đang nói tiếng Mông Cổ.

- Em lấy ai? - Một lát sau, anh mới hỏi.

- Thang! - Tôi đáp.

Thang và tôi quen nhau nhiều năm, anh ta ở Mỹ, rất mê sách vở. Nhiều năm trước, anh ấy đeo đuổi tôi, nhưng vì tôi mới ly hôn, đầu óc còn rối bời, nên chưa chú ý đến. Năm ấy, Thang ở Mỹ về, vẫn chưa cưới vợ. Bạn gái của tôi là Ấu Thanh rất hâm mộ Thang, muốn lo làm mai cho anh ấy, và được cái là anh vui vẻ nhận lời ngay. Ba lần bốn lượt tôi và Ấu Thanh đưa anh ấy đi coi mắt bạn gái, anh ấy cứ nằng nặc yêu cầu nói chuyện riêng với tôi, giới thiệu cho rõ ràng thân thế và đường đi nước bước của người bạn gái kia, nói lâu quá, Ấu Thanh phát sốt ruột, hỏi:

- Thang! Bây giờ thì anh muốn gì nào?

- Ồ! Thang thưa đáp: - Người các chị giới thiệu rất tuyệt, nhưng mà tôi yêu Hồng Nương cơ!

- Thang! - Ấu Thanh nói lớn: - Tôi có chồng rồi nghen, không đùa với anh đâu đó!

- Còn một Hồng Nương nữa! - Thang mỉm cười nói, mắt nhìn tôi đăm đăm.

Tôi giật mình. Tôi vẫn coi người đàn ông ngồi cạnh tôi kia là khách, tôi chưa động lòng trước bất kỳ ai. Từ lâu rồi, Hàm Đào đã buộc chặt tôi. Lần này, tôi muốn nắm lấy cơ hội mới, tôi có ý định muốn cắt đứt mọi quan hệ với Hàm Đào,

tôi muốn tìm cho mình một mái ấm thật sự... Với sự xuất hiện đột ngột của Thang, tôi như bắt được một tia nắng sớm.

Thế rồi có đến hai tuần lễ, tôi lánh mặt Hàm Đào, giao thiệp nhiều hơn với Thang, trước khi Thang rời Đài Loan, anh ấy cầu hôn, tôi suy đi tính lại năm lần bảy lượt, rồi nhận lời. Chỉ vậy thôi, tôi mới trả Hàm Đào về cho vợ anh ấy, chấm dứt trò chơi tàn nhẫn này.

Hàm Đào rất quen biết Thang, nên khi tôi nhắc đến tên Thang, mặt anh biến sắc ngay tức khắc. Anh nhìn tôi chăm chăm, nói rõ từng tiếng:

- Em không yêu anh ấy.

- Có thể vun đắp. Anh ấy đàng hoàng, tử tế, có học vấn, đúng là loại người tôi thích.

- Em không xa Đài Loan được.

- Xa được, ở đâu em cũng viết. Anh vẫn là nhà xuất bản của em.

- Tiểu Khánh sẽ không chịu anh ấy!

- Chịu! Anh ấy đã đưa Tiểu Khánh đi chơi, Tiểu Khánh hiền lành, ai nó cũng thân được hết.

Anh đứng lặng, đặt hai tay lên vai tôi.

- Em không thể đối xử với anh như vậy! - Anh nói lớn.

- Sao lại không thể? - Tôi trấn tĩnh nói - Em đã dành cho anh bao năm tháng, xa anh, em không hổ thẹn với lòng mình!

Anh lặng người, thần thờ nhìn tôi, càng nhìn anh càng rối trí, càng nhìn anh càng mất đi niềm tin, đột nhiên anh nắm chặt tay tôi, xúc động nói:

- Không được! Em không thể lấy ai khác!

- Tại sao lại không thể? - Tôi hỏi.

- Không được! Em là người đàn bà không thực tế. Ai có thể hiểu em như anh đã hiểu em? Ai có thể săn sóc em bằng anh săn sóc em? Ai có thể chiêm ngưỡng em bằng anh chiêm ngưỡng em? Không được, em lấy bất kỳ ai, rồi em cũng sẽ khô héo, tàn lụi! Đời em còn dài, anh quyết không để em bị khô héo, tàn lụi!

- Khô héo hay không khô héo là chuyện của tôi, anh không phải lo! - Tôi đáp lại anh rất cục.

- Thế còn anh? - Anh hỏi gượng gạo.

- Anh vẫn sống rất kiên cường! - Tôi tiếp, nhớ lại cái màn ở Điều Lai, bất chợt không rét mà run, tôi nói nhỏ nhẹ - Nghe em đi, anh vẫn sống thật tốt mà!

- Anh không nghe em, vì anh không chịu được! - Mặt anh ứa lệ. - Chúng ta

cùng nhau đi khắp thế giới, chạm trán với cái chết và sự sống đều có bên nhau, chúng ta cùng nhau xây nên sự nghiệp... Giờ đây, em muốn bỏ anh mà đi, em tưởng có thể bằng lòng sống như vậy được sao? Cho dù anh có đồng ý với em đi nữa, cũng chỉ là một câu nói dối! Bây giờ anh cần suy nghĩ thêm, việc em lấy chồng làm cho tâm trí anh rối bời. Nếu em đi lấy chồng thật sự, anh không tự sát đâu, vì điều ấy chẳng hay ho gì! Trên ngọn Điếu Lai anh đã thỏa thuận với em là không tái phạm nữa. Anh biết giữ lời hứa của anh... Nhưng nếu em thực sự rút anh mà đi, anh sẽ chết dần chết mòn trong đau khổ, sầu muộn.

- Nói nhảm! - Tôi bắt đầu khóc. - Anh dọa em đấy à? không ăn thua gì đâu!

- Anh nào có dọa em, anh chỉ nói lên một sự thực! Dù em có tin hay không, thì em cứ đi đi! Mọi hậu quả rồi sẽ thấy rất nhanh thôi mà!

Tôi nhìn anh không chớp mắt. Tôi tin mỗi lời anh nói. Tôi thấy rõ hình ảnh một tôi khô héo và cũng thấy rõ anh khô héo, tôi còn hình dung rõ cái bi kịch trong hai bi kịch ấy: vợ con của anh và Tiểu Khánh của tôi đều sẽ không nơi nương tựa, không nơi nuôi dưỡng và mất hết tình thương.

- Đừng lấy ai cả em nhé - Anh khẩn thiết nói với tôi - Em đã chờ đợi anh bao năm nay, ráng chờ anh vài ngày, chúng ta không nên tự hủy hoại mình! Anh biết rõ những gì em đã chịu đựng mấy năm qua, em tin là anh sẽ bù đắp lại! Anh van em đừng có nhẹ dạ mà quyết định tất cả. Thang là người tốt, nhưng anh ấy không thể đem hạnh phúc cho em, chỉ có anh mới đem lại cho em hạnh phúc thật sự.

Tôi ngược mắt ngẩn lệ nhìn anh. Tôi biết đời tôi, thế là tiêu tan hết rồi! Tôi giống như con chim tôi đã viết trong truyện của mình. Tôi viết cho con chim nhận ấy một bài ca có đoạn như sau:

*Chim nhận giữa rừng dày
Nhìn mây trắng bay bay
Mây bay không dừng lại
Biết xây tổ đâu đây
Chim nhận không muốn bay
Theo tận cùng mây trắng
Chim nhận không muốn bay
Đến muôn trùng xa vắng!
Chim nhận chỉ say ngắm
Ánh trăng sáng mơ màng
Bao mộng mơ thấp thoáng*

Tắt chìm trong bể bàng!

Bài ca ấy chính là viết cho tôi hồi đó. Kỳ thực, lần trong các truyện của tôi, trong thơ ca của tôi, người ta có thể tìm ra dấu vết của tôi trong đó. Tôi ở lại đây, tôi có bay đâu, ôm ấp cánh rừng của tôi, ôm ấp giấc mộng không tròn của tôi.

Năm 1976, tôi muốn đi du lịch sang Châu Âu, tôi đi có một mình, muốn thử xem mình có thể “bay một mình” được không. Đến Hồng Kông, ở khách sạn, làm một số việc. Ở đến ngày thứ ba, Hàm Đào gọi điện thoại đường dài cho tôi:

- Anh ly hôn rồi. - Anh nói lạnh lùng, tôi cũng đáp lại một cách lạnh lùng.

- Em đi du lịch một mình, phải cẩn thận nhé - Anh dặn - Phải biết chăm sóc bản thân mình!

- Em biết - Tôi đáp lại.

- Việc này làm anh bận rộn quá.

- Em biết! - Tôi cắt lời anh - yên tâm nhé! Chim nhạn là loài chim biết chủ động với thời tiết, bay đi rồi nhất định bay về!

Sang ngày thứ hai, tôi bay đi Nhật Bản, dừng lại Nhật Bản mấy ngày, rồi bay đi châu Âu. Khi máy bay đến sân bay Tô-ki-ô, tôi xuống máy bay, đột ngột thấy Hàm Đào đứng ở sân bay Tô-ki-ô đợi tôi từ bao giờ.

- Để em “bay một mình” anh thật không yên lòng! Anh mỉm cười nói: Nhớ bị con chim nhạn châu Âu nào dụ mất, thì anh thành con dĩa tràng sao?

Chúng tôi đứng lặng, chăm chú nhìn nhau, thoáng một cái, hai người đã đầm đìa nước mắt.

“ÂM THANH” CỦA HẠNH PHÚC

Ngày 9 tháng 5 năm 1979 tôi và Hàm Đào cưới nhau. Người chúc phúc chúng tôi đầu tiên là Tiểu Khánh, con tôi, nó đã mười tám tuổi, một thanh niên cao lớn, mạnh khỏe.

Tôi không mặc lễ phục, không khoác voan, chỉ cài đóa hoa lan lên trước ngực. Chúng tôi chẳng làm nghi thức gì, chỉ mời hai vợ chồng bác Cao Văn đóng mộc lên tờ đăng ký kết hôn của chúng tôi, rồi mời hai mươi người bạn thân nhất đi ăn cơm ở nhà hàng - những người bạn ấy cũng là những người thường xuyên trò chuyện thâu đêm tại nhà chúng tôi. Mọi người mãi đến lúc ăn cơm đều không biết chiều hôm ấy chúng tôi mới làm xong thủ tục kết hôn. Giữa bữa cơm, bỗng một anh bạn đứng vụt dậy nói:

- Cái gì! Đây là tiệc đám cưới phỏng? Bất ngờ thật! Các bạn cưới nhau!

Anh đi ra ngoài, mua một chậu hoa tươi thật lớn làm quà chúc phúc.

Đêm ấy mọi người lại chuyện trò thâu đêm tại nhà tôi, có một nữ sĩ lâu nay rất mến tôi, lúc đó lắc đầu nói lớn với tôi:

- Tôi cứ tưởng đàn bà như chị không chịu lấy chồng chứ! Đến chị mà cũng lấy chồng thì tôi hoàn toàn thất vọng về giới nữ hiện đại!

- Đúng vậy! - Một bạn khác tiếp lời: - Từ hồi chị ly hôn đến giờ, vèo cái đã mười lăm năm, cuộc sống của chị chẳng phải thoải mái là gì? Tại sao lại phải dùng một tờ hôn thú để ràng buộc mình nhỉ?

- Đúng, đúng! - Lại một bạn nữa nói: - Vị quý tộc độc thân tại sao không tận hưởng cho hết tự do và lạc thú độc thân? Sao lại nghĩ tới chuyện kết hôn nhỉ?

- Nói đi, nói đi! Rốt cuộc tại sao hai bạn lại cưới nhau? - Mọi người vây quanh tôi “thăm vấn”.

- Các bạn cứ hưởng thụ cái tình yêu lãng mạn, không phải gánh trách nhiệm hôn nhân, có phải hay hơn không? Nhiều năm qua, các bạn chẳng đã sống như

vậy là gì? Đùng một cái cười nhau!

Những người bạn của tôi tếu đáo để, mỗi kẻ một ý, mỗi người một câu, cứ để vào. Tôi nghĩ một hồi, rồi mới cười nói:

- Tôi không được ung dung bình thản như các bạn tưởng tượng, mấy năm qua, tôi như một chiếc thuyền bồng bênh, luôn muốn tìm bến an toàn đậu lại. Trên cơ bản, không bao giờ tôi phản đối chuyện hôn nhân, vì tôi cho rằng giữa người và người, chẳng những biết yêu nhau mà còn phải nhận lấy trách nhiệm nữa. Không chịu trách nhiệm trong tình yêu thì chẳng khác nào một trò hề. Khi hai người đã yêu đến độ muốn chịu trách nhiệm với nhau, thì phải cưới nhau. Dẫu cho hôn nhân dễ bị xơ cứng, cuộc sống dễ bị đơn điệu đi nữa... nhưng người đời nếu đã không đủ dũng cảm để kết hôn thì khó tránh khỏi bị kịch. Nói đến đây, tôi nhìn khắp lượt bạn bè, muốn bổ sung thêm cho đủ ý, tôi thận trọng nói tiếp mấy câu:

- Tôi nghĩ, thể xác và tâm hồn tôi luôn có hai cái tôi khác nhau. Một cái tôi muốn luôn luôn đổi mới và một cái tôi muốn giữ gìn truyền thống. Cái tôi đổi mới thì nhiệt tình, sôi động, lãng mạn, hoang tưởng. Cái tôi truyền thống thì bảo thủ, trì kéo, tuân theo lễ giáo. Còn cái tôi hôm nay đại để là cái tôi truyền thống vậy!

- Ồ, không đúng! - Các bạn tôi cười rần, nói: - Lễ cưới kiểu này coi bộ “phản truyền thống”! Nghĩa là rất “lãng mạn”!

- Thật vậy sao? - Tôi và Hàm Đào cùng cười lớn, tôi nói - Cũng có thể chúng tôi đi tìm cái lãng mạn, cái “phản truyền thống” trong truyền thống, để cho cuộc sống không xơ cứng, không đơn điệu, tẻ nhạt. Với lại đời người không có cái gì toàn bích cả, mỗi người sống như thế nào, chỉ có tự mình đi tìm và tự mình quyết định lấy!

Vâng, tôi và Hàm Đào đã đi tìm hơn nửa cuộc đời và đã quyết định cho mình như vậy!

Cưới nhau hai năm, tôi và Hàm Đào dùng tất cả tiền tích lũy được mua một nhà tây bốn tầng lầu, có vườn hoa, ngôi nhà này chiếm diện tích một trăm năm mươi mét vuông, có mười mấy buồng và phòng khách lớn, có cả tầng ngầm. Chúng tôi đặt tên cho nó là “Khả viên”. Hai chúng tôi đều từ hai bàn tay trắng làm nên, vật lộn với biết bao hoàn cảnh nghèo khó. Chúng tôi đều trải qua cuộc đời sóng gió, thử thách nghề nghiệp và những dằn vò ray rứt về tình cảm... Chúng tôi không còn trẻ nữa, khi dời về Khả viên, chúng tôi mới thật sự có cái nhà riêng

của hai người.

Hàm Đào hoàn toàn làm theo “mộng tưởng” của tôi, sửa chữa lại Khả viên. Sau khi dời về ở được một tháng, tôi bắt đầu ghi nhật ký, trong đó một đoạn về “Khả viên” như sau:

Từ nhỏ, tôi đã thích xem phim, mỗi lần thấy trong phim hiện lên một ngôi nhà lớn, tôi thường kinh ngạc! Có lúc nằm mơ có một ngôi nhà lớn thuộc về mình, có vườn hoa thuộc về mình. Cũng có thể, từ thời thơ ấu đến tuổi trưởng thành đã đi qua cuộc sống quá ư cực khổ, nhọc nhằn nên luôn luôn cảm thấy giấc mơ ấy đầy chất hoang tưởng, xa vời, không bao giờ đạt được... Nhưng hôm nay, Hàm Đào và tôi đã thực hiện được giấc mơ ấy - Chúng tôi đã có “Khả viên” của chúng tôi.

Khả viên, đầu chỉ là một ngôi nhà, một vườn hoa. Hơn thế nữa, nó còn là nơi đảm bảo cho tâm hồn tôi ngơi nghỉ, không lang thang đây đó. Dời về được một tháng, dù trong cái cảnh công trình đang sửa chữa bẽ bộn, tiếng ồn ào của kẻ lại người qua và ngày thi đại học của Tiểu Khánh đã đến gần... lòng tôi vẫn tràn đầy vui sướng. Tối tối, nằm trong buồng ngủ do chính Hàm Đào thiết kế công phu cho tôi, xem băng ghi hình trên máy thật là tuyệt (phát minh ra băng ghi hình quả là vĩ đại, vì nằm trong buồng ngủ cũng có thể xem được phim, Hàm Đào thích phim như điên, xem bao nhiêu cũng chẳng vừa. Có điều, hễ xem đến nửa chừng, là anh ấy ngủ mất!) Hàm Đào đã ngủ, tôi nằm yên nghe anh thở đều đều, nghe lời thoại trong máy ghi hình, nghe tiếng xe lửa vút qua ngoài cửa sổ... Tất cả dồn lại thành một thứ âm thanh có sức vang xa, và tôi tự nhủ với mình:

“Tất cả những tiếng động ấy là âm thanh của hạnh phúc!”

Vâng, nhận được âm thanh này thật không dễ dàng chút nào.

Viết xong ngày 14-12-1989 tại Khả Viên - Đài Bắc

Ghi ở cuối sách

Tôi trong đời thực là như vậy đó.

Hồi tưởng cả đời người, những việc tôi làm và những điều tôi viết đều có đúng có sai. Cảnh ngộ và sự từng trải, có cái theo ý trời, có cái do người làm nên, dẫu sao thì cũng đầy kịch tính, khiến tôi đến giờ vẫn còn tin “cuộc đời như kịch”, mỗi con người, đi qua trong cuộc đời tôi đều có cá tính khác nhau, bối cảnh khác nhau, và tôi cũng đóng những vai trò khác nhau. Để viết quyển sách này, tôi không thể không viết về những con người ấy, điều đáng nói là phải cố viết chân thật. Tất nhiên vì sự việc quá nhiều nên để tránh lan man, tôi phải loại bớt và

chọn lọc. Điều tôi muốn thuyết minh thêm là khi viết sách này, ngòi bút và tấm lòng tôi đều chan chứa yêu thương. Tôi mong sao mỗi con người đã đi qua đời tôi luôn giữ trái tim khoan dung, độ lượng cho dù người ấy có thời yêu tôi, rồi không yêu tôi nữa, có thời quan tâm đến tôi, rồi không quan tâm đến tôi nữa, có thời ở bên cạnh tôi, rồi bỏ tôi mà đi mãi mãi... hãy tha thứ cho mọi sai lầm, vấp vấp của tôi.

Về những con người được nhắc tới trong sách này, tôi tin là bạn đọc muốn có được thông tin mới nhất về họ nhiều hơn, nên xin lần lượt giới thiệu thật tóm tắt từng người một:

Một là ba của tôi, đã về hưu, tuy tuổi đã tám mươi, nhưng còn rất khỏe. Mẹ tôi không được khỏe lắm, thường xuyên lui tới bệnh viện, vẫn giữ cá tính mạnh mẽ, và hiếu thắng. Năm ngoái, ba mẹ rời Bắc Đẩu về ở trong ngôi nhà tôi mới mua cho ba mẹ tôi. Ngôi nhà mới tọa lạc ở khu đông Đài Bắc, trong một dãy nhà lớn có mười bốn tầng lầu. Nhờ vậy, tôi và hai em trai đều thường xuyên đến chăm nom. Vì mẹ tôi nhiều bệnh, đi lại khó khăn, chúng tôi mời hộ lý và một người giúp việc, trông nom mẹ suốt ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Hai là Kỳ Lâm, đạt học vị thạc sĩ ở Mỹ. Sau khi về Đài Loan làm thương nghiệp, mở một Công ty mậu dịch, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng kim khí điện máy. Kỳ Lâm và Tiểu Hà có hai con, một trai một gái.

Ba là em trai út, học một năm ở Mỹ thì về nước. Tính tình thoải mái, không chịu gò bó, sống y như nghệ sĩ. Sau khi về nước, theo đuổi sự nghiệp nghệ thuật. Em đã lấy vợ, cũng sinh được một trai và một gái.

Bốn là em gái út và A Phi cưới nhau ở Mỹ, cả hai đều đạt học vị bác sĩ, tiếp tục phát triển sự nghiệp ở Mỹ, cuộc sống thuận buồm xuôi gió. Tự tổ chức một công ty cố vấn, hiện có mấy trăm người làm việc. Đứa em gái út ưu tú của gia đình đúng là ưu tú thật.

Năm là thầy giáo của tôi đã mất mười năm trước. Trước khi thầy mất, qua đường vòng, chúng tôi gửi thư cho nhau. Cả hai đều không đủ can đảm gặp mặt. Được tin thầy mất, tôi đã khóc mấy ngày liền.

Sáu là Khánh Quân, sau khi ly hôn với tôi được vài năm, anh lại lấy vợ và có hạnh phúc thật sự. Chúng tôi không gặp nhau từ đó. Anh sanh được hai cháu trai, vợ hiền thực, con hiếu thảo, cuộc sống rất tốt đẹp. Có điều là anh bỏ hẳn nghề viết văn, không mơ mộng và cũng không chán đời. Anh đã thoát được cái cùm viết văn ràng buộc bao lâu nay.

Bảy là vợ trước của Hàm Đào cũng đã tái giá với một họa sĩ, bản thân chị ấy cũng học họa, vợ chồng hòa thuận, bình an tốt đẹp.

Tám là ba đứa con của Hàm Đào đều đã trưởng thành nên người. Nhờ sự nghiệp của Hàm Đào phát triển rất nhanh, ban đầu là tạp chí Hoàng Quán, sau mở rộng một nhà lớn bảy tầng lầu, bao gồm tạp chí, nhà xuất bản, phòng vũ đạo, hành lang mỹ thuật lấy tên chính thức là “Trung tâm văn hóa nghệ thuật Hoàng Quán”. Ba đứa con mỗi người làm một việc tại Trung tâm, nối tiếp sự nghiệp của ba, hiền hòa, mẫn cán, xông xáo trong công việc.

Chín là Tiểu Khánh, thi đậu đại học một cách thuận lợi, tốt nghiệp hệ truyền thông đại chúng tại Đại học Phụ Nhân, sau khi làm nghĩa vụ quân sự xong, làm việc tại “Công ty truyền thông Di nhân” do chúng tôi đứng ra thành lập, làm thường trực chế tác, quay phim kịch vô tuyến truyền hình, bận đến nỗi không còn giờ nghỉ ngơi, giải trí. Tiểu Khánh bản tính rất lạc quan, lúc nào cũng tươi cười, không có di chứng gì của một “gia đình đơn thân” chỉ sống với mẹ. Nó và Hàm Đào sống với nhau thân thiết như ba con ruột, chỉ riêng điểm này thôi đã là niềm an ủi lớn nhất đối với tôi. Cuối năm ngoái, nó đính hôn với bạn gái cùng học, dự định sang năm sẽ cưới nhau.

Mười là Tiểu Tuyết Cầu thân yêu của tôi, khi lên mười một tuổi, bị bệnh chết, tôi khóc hết nước mắt. Hàm Đào thấy tôi thương nhớ khôn nguôi, nên mua cho tôi hai con chó, tôi đặt tên chúng, một con là “Hoan hoan”, một con là “Lạc lạc”, suốt ngày quanh quẩn bên bàn viết của tôi.

Tình hình những người quanh tôi đại để là như vậy. Thế hệ trẻ đang xốc tới, thế hệ già đã nghỉ hưu, tôi vẫn ở trong “truyền thống”, tìm nguồn vui trong “phản truyền thống”. Làn theo năm tháng, tôi cởi mở, vui vẻ, lạc quan, yêu đời hơn trước, không bao giờ ngớt tiếng cười. Tôi vẫn còn ưa khóc, hễ gặp cái gì hơi xúc động, liền rơi nước mắt. Tôi đã gạt qua một bên bao nỗi đau thương, coi những thảm kịch trước kia là chuyện thường tình trong cuộc đời, nhìn quá khứ bằng con mắt khoan dung, độ lượng để đón nhận lấy tương lai. Những gì tôi lựa chọn, dù đúng hay sai, tôi đều không ân hận! Hình như tôi đã “quen” rồi, thế nhưng cũng có lúc còn làm những điều dại dột. Tôi thiết nghĩ, người ta đến với thế gian này là để chấp nhận cuộc hành trình gian khổ, vì vậy, tìm kiếm được nguồn an ủi, là điều cực kỳ quý báu. Suốt cuộc đời tôi, những năm tháng hụt hẫng quá nhiều, thử thách đau thương thật dữ dội, nghiệt ngã nhưng tôi có thể biến cái “họa” thành điều “may”, chính là nhờ tôi có niềm tin mãnh liệt mà cái lỗi

của niềm tin này là tình yêu thương con người không bờ bến. Giả dụ có một ngày, tôi phát hiện con người trên thế gian đều mất đi cái bản năng yêu thương, thì tôi tin là cái trụ cột tinh thần của tôi cũng sẽ sụp đổ theo. Tôi cầu nguyện cái ngày ấy sẽ không bao giờ đến.

Con người là loài động vật sống quần tụ, không ai lại từ trong đá chui ra. Tôi, không phải từ một cái “tôi” đơn thuần mà có! Tôi, là do những người đã đi qua đời tôi tạo ra. Do vậy, cuốn sách “Chuyện đời tôi” có liên quan đến bao nhiêu người, và đối với từng người trong đó, tôi đều hết lòng kính trọng và chan chứa yêu thương!

Hết